

Prajna-paramita Heart Sutra



Bát-nhã ba-la-mật-đa
Tâm-kinh



[illegible]

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

Prajna paramita hridaya sutra

aryavalokitesvaro bodhisattvo
gambhīram prajnaparamita caryam caramano vyavalokayati
sma panca skandhas tams ca sva bhava sunyam
pasyati sma iha sariputra
rupam sunyata (...) va rupam rupan na prithak
sunyata sunyataya na prithag rupam
yad rupam sa sunyata ya sunyata sa rupam
evam eva vedana samjna samskara vijñanam
iha sariputra sarva dharma sunyata
laksana anutpanna anruddha avmala anuna aparipurna
ta (...) sariputra sunyatayam
na rupam na vedana na samjna na samskara na vijñana
na caksuh srotam na ghrana jihva kaya manah
na rupa sabda gandha rasa spīṣṭavya dharmah
na caksur dhatur ya van na mano vijñanam dhatur
na vidya na vidya na vidya kṣayo na(*) vidya kṣayo
ya van jaramaranam na jaramarana kṣayo
na duḥkha samudaya nirodha margajna
na jñanam na prapti na bhismaya tasmai na prapti
tvad bodhisattva prajnaparamita asritya
viha ratya citta varano vidya kṣayo na vidya kṣayo
ya van jaramaranam na jaramarana kṣayo
na duḥkha samudaya nirodha margajna
na jñanam na prapti na bhismaya tasmai na prapti
tvad bodhisattvanam prajnaparamita asritya
viha ratya citta varano citta varano
na siddhitvad atrasto vipa ryaśa ti kranto
ni stha nirvana tya dha vyava sthitah
sarva buddhah prajnaparamitam asritya
(a?)nuttaram samyaksambodhim abdhisambuddhah
ta smai jñata vyam
prajna paramita maha mantram maha vidyamantram
anuttara mantram asamasama mantram
sarva duḥkha prasa manam sa tyam ami thyatvat
prajna paramita yam ukto mantrah tadyatha
GATE GATE PARAGATE PARASAMGATE BODHI SVAHA

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

When Avalokiteshvara Bodhisattva was practicing the profound prajna paramita, he illuminated the five skandhas and saw that they are all empty, and he crossed beyond all suffering and difficulty.

Shariputra, form does not differ from emptiness; emptiness does not differ from form. Form itself is emptiness; emptiness itself is form. So, too, are feeling, cognition, formation, and consciousness.

Shariputra, all dharmas are empty of characteristics. They are not produced. Not destroyed, not defiled, not pure, and they neither increase nor diminish. Therefore, in emptiness there is no form, feeling, cognition, formation, or consciousness; no eyes, ears, nose, tongue, body, or mind; no sights, sounds, smells, tastes, objects of touch, or dharmas; no field of the eyes, up to and including no field of mind-consciousness; and no ignorance or ending of ignorance, up to and including no old age and death or ending of old age and death. There is no suffering, no accumulating, no extinction, no way, and no understanding and no attaining.

Because nothing is attained, the Bodhisattva, through reliance on prajna paramita, is unimpeded in his mind. Because there is no impediment, he is not afraid, and he leaves distorted dream-thinking far behind. Ultimately Nirvana!

All Buddhas of the three periods of time attain Anuttarasamyaksambodhi through reliance on prajna paramita. Therefore, know that prajna paramita is a great spiritual mantra, a great bright mantra, a supreme mantra, an unequalled mantra. It can remove all suffering; it is genuine and not false. That is why the mantra of prajna paramita was spoken. Recite it like this:

Gate gate paragate parasamgate bodhi svaha!

Bát nhã ba la mật đa tâm kinh.

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách. Xá Lợi Tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ tưởng hành thức diệc phục như thị. Xá Lợi Tử, thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm, thị cố không trung vô sắc, vô thọ tưởng hành thức, vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý. Vô sắc thanh hương vị xúc pháp, vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới, vô vô minh diệc, vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận, vô khổ tập diệc đạo, vô trí diệc vô đắc, dĩ vô sở đắc cố. Bồ đề tát đỏa y bát nhã ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh niết bàn. Tam thế chư Phật y bát nhã ba la mật đa cố đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề cố tri bát nhã ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư. Cố thuyết bát nhã ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha.

Diệu trí phương hà đạt bỉ ngạn,
Chân tâm tự năng khế giác nguyên
pháp dụ lập danh siêu đối đãi
Không chư pháp tướng thể tuyệt ngôn
Tông thú nguyên lai vô sở đắc
Lực dụng khu trừ tam trược
Thục tô phán tác kỳ giáo nghĩa
Ma ha phản chuyển bát nhã thuyền

Dịch:
Dùng diệu trí mới đạt bờ giác
Chân tâm tự năng hợp nguồn giác
Lập danh pháp dụ vượt đối đãi
Pháp tướng vốn không, thể không lời
Tông thú xưa nay không chỗ đắc
Dụng lực dẹp trừ ba chướng trược
Thục tô xác định giáo nghĩa này
Ma ha phản chuyển thuyền bát nhã".

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

A GENERAL EXPLANATION OF THE TITLE

Commentary:

The explanation of the Heart Sutra will be divided into two sections: a general explanation of the title, and an explanation of the meaning of the text. The general explanation of the title will be further divided into a discussion of the sutra title and a discussion of the translator.

Seven categories of titles have been divided for the three treasures (tripitaka) and the twelve divisions of the sutras spoken by the Buddha:

1) The first kind of title refers exclusively to persons. The Buddha Speaks of Amitabha Sutra is an example, since both Shakyamuni Buddha and Amitabha Buddha are personages.

2) The Nirvana Sutra is an example of a title which is determined exclusively by reference to dharma. Nirvana, which signifies a dharma (dharmalaksana), is used for its title.

3) In the third category are titles comprised of analogies. The Brahma Net Sutra is an example of this kind of title. The text of the sutra employs in its discussion of the precepts (the rules of moral conduct taught by the Buddha) the analogy of the cylindrical net-curtain belonging to the king of the Great Brahma Heaven; the curtain is a manifestation of his adornments. All through the netcurtain are holes, and in the empty space of each hole there is a precious pearl, each the brightest and most valuable of all pearls. All the way around, the precious pearls illuminate each other with light, and the emptiness interpenetrates. This precious pearl illuminates that precious pearl – back and forth. That is what is meant by their “illuminating each other.”

Your light illuminates my light and my light illuminates yours. However, the lights do not oppose one another. One of them is incapable of saying, “Keep your light out of my light,” or, “I don’t want my light to shine on you.” There is none of that; they illuminate each other and the emptiness interpenetrates.

By Tripitaka master Hsuan-Hua 2

Kinh này được phân ra thành hai phần :

- 1/ Giải thích tổng quát về danh đề .
- 2/ Giải thích riêng về văn nghĩa.

Phần giải thích về danh đề được phân làm hai : Kinh đề và nhân đề.

Bàn về đề mục của kinh, trong ba tạng kinh điển, mười hai phần giáo có bảy loại lập đề.

1/ Đơn nhân lập đề (lập đề mục riêng một người). Sao gọi là đơn nhân lập đề ? Như Phật thuyết kinh A Di Đà. Phật là người. Phật A Di Đà cũng là người, nên gọi là đơn nhân lập đề.

2/ Đơn pháp lập đề (lập đề mục cho một pháp đơn độc). Sao gọi là đơn pháp lập đề ? Như Phật thuyết kinh Niết Bàn, Ngài dùng tướng pháp làm đề mục, đó là đơn pháp lập đề.

3/ Đơn dụ lập đề (dùng một ví dụ đơn độc mà lập ra đề mục). Phật thuyết kinh Phạm Võng, là ví dụ đơn độc. Vì sao ? Kinh Phạm Võng thuyết về giới luật. Giới luật giống như tràng la võng (tràng lưới) ở cõi trời Đại Phạm. Tràng lưới này hình vòng tròn, được treo trước cung điện vua trời Đại Phạm; biểu hiện sự trang nghiêm. Mỗi tràng lưới có rất nhiều lỗ. Nơi mỗi lỗ có treo một hạt bảo châu. Những hạt châu này rất quý giá. Chúng hổ tương chiếu sáng. Mỗi lỗ lưới đều tương thông lẫn nhau. Hạt châu này chiếu soi những hạt châu kia. Hạt châu kia chiếu soi những hạt châu nọ. Chúng hổ tương soi sáng. Ánh sáng của chư vị chiếu soi ánh sáng của tôi. Ánh sáng của tôi chiếu soi ánh sáng của chư vị. Tuy nhiên, những ánh sáng này không lẫn áp xung đột lẫn nhau. Không thể cho rằng ánh sáng của tôi không được chiếu đến ánh sáng của chư vị và ánh sáng của chư vị không được chiếu đến ánh sáng của tôi. Ánh quang tương chiếu, lỗ lỗ tương thông.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

In other words, then, the precepts are like the light of the precious pearls; they illuminate each other. If you keep a precept, that is, if you obey a rule of moral conduct without fail, it emits light. Each precept you keep has light. Each of the ten major and forty-eight minor Bodhisattva precepts, which are explained in the Brahma Net Sutra emits rays of light, just like the pearls in the Brahma net-curtain.

Why are the precious pearls embroidered in the holes? It indicates to us that originally, before we keep the Bodhisattva precepts, there are holes. How do we know there are holes? Because there are leaks, also called outflows (asrava). Yet the leaks can be transformed into precious pearls. If you keep a precept, a precious pearl shines. If you break a precept, there is a leak. “The lights illuminate each other and the emptiness interpenetrates” represents the Buddhadharma, the minds of the Buddhas, the minds of the Bodhisattvas, and the minds of all living beings – every mind responding to every other, mind with mind.

How did the Buddhas realize Buddhahood? It was through the cultivation of the precepts. And Bodhisattvas as well must cultivate the precepts to become Buddhas. Living beings must also keep the precepts; then they can cultivate and become Buddhas. All this represents transformation, endless transformation. Thus the title of the Brahma Net Sutra is comprised exclusively of analogy. The first three of the seven kinds of sutra titles are called the unitary three, while the next three kinds are called the dual three:

4) The first of the three kinds of dual title makes reference to both persons and dharmas. The Manjushri Asks about Prajna Sutra is an example, since Manjushri is a person and prajna is a particular dharma.

5) The next kind of title refers to both persons and analogies; the Lion’s Roar of the Thus Come One Sutra is an example. The Thus Come One (tathagata) is a person, and the lion’s roar is an analogy. The Buddha’s exclamation of the Dharma is likened to a lion’s roar: “When the lion roars, the hundred beasts are terrified.”

Giới luật cũng giống như những hạt bảo châu, ánh quang hõ tương soi chiếu. Chư vị giữ một giới thì có một ánh quang. Chư vị giữ nhiều giới thì có nhiều ánh hào quang. Mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh, mỗi mỗi giới đều phóng ra giới quang, cũng giống như tràng lưới trời Đại Phạm vậy. Vì sao bảo châu chiếu rọi trong những lỗ lưới ? Ví như, trước khi thọ giới Bồ Tát, tâm chúng ta có những chỗ lậu hoặc. Tuy thế, những lậu hoặc này có thể chuyển đổi thành bảo châu. Chư vị giữ một giới thì có một hạt bảo châu chiếu sáng. Nếu phạm giới thì tạo lậu hoặc (lỗ hổng).

Ánh sáng tương chiếu; lỗ lỗ tương thông cũng biểu thị cho Phật pháp. Tâm Phật, tâm Bồ Tát, tâm chúng sanh, tâm tâm tương ấn. Vì sao chư Phật chứng quả vị Phật ? Vì do tu hành giới luật mà thành tựu. Bồ Tát cũng nương nhờ giới luật mà thành Phật. Chúng sanh cũng phải tôn thủ giới luật thì mới mong thành Phật được, biến hóa vô cùng, thật không cùng tận.

Đây là do ví dụ mà lập đề như kinh Phạm Võng này.

Ba loại lập đề bên trên được gọi là đơn tam (ba lập đề đơn độc).

4/ Nhân pháp lập đề. Như kinh Văn Thù Sư Lợi vấn Bát Nhã, Văn Thù là người. Bát Nhã là pháp, cũng là pháp tướng. Thế nên gọi là nhân pháp (người và pháp) lập đề.

5/ Nhân dụ lập đề (người và ví dụ). Như kinh Như Lai Sư Tử Hống, Như Lai là người, sư tử hống là dụ. Đức Như Lai thuyết pháp cũng giống như tiếng rống của sư tử, khiến muôn thú đều run sợ.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

6) The sixth kind of title is established by reference to dharma and analogy. In the Heart of Prajna Paramita Sutra, prajna paramita is the dharma and heart is the analogy.

7) The one remaining variation combines all three unitary elements: person, dharma, and analogy. The Sutra of the Flowering Adornment of the Buddha of Great Expanse, commonly known as the Avatamsaka Sutra, is the example here. This kind of title is said to be “complete in one.” Great Expanse symbolizes the substance of the dharma, and Flowering Adornment represents its function. The dharma of great expanse was cultivated by the Buddha in order to realize Buddhahood. He cultivated the six paramitas and the ten thousand practices and used the flowering of those causes to adorn the attainment of the supreme fruit, which is Buddhahood.

The Five Categories of Recondite Meaning

Now I will explain the text of the sutra by means of eight-line verses, which I wrote some time ago. I used them once before to lecture on this sutra. This is the first verse

Verse:

Wonderful wisdom can reach the other shore right now;
The true mind itself can merge with enlightenment's source.
Dharma and analogy comprise its title, which transcends the relative.
Empty of the characteristics of all dharmas is this substance beyond words.
Fundamental non-attainment is its purpose and intent,
And by using its power of eradication, the three obstacles are cleansed away.
The “butter division” is determined to be the meaning of this teaching,
A maha turning around: this is the prajna boat.

Commentary:

Each of the eight lines of the first verse speaks about the Heart of Prajna Paramita Sutra according to the five categories of recondite meaning.

6/ Pháp dụ lập đề. Như kinh này, Bát Nhã Ba La Mật Đa là pháp, tâm là ví dụ, nên kinh này lấy pháp và dụ lập đề.

Ba loại trên thuộc về lập đề kép. Sao gọi là kép ? Kép tức là trùng phức, hợp hai loại đề thành một.

7/ Nhân pháp dụ lập đề. Có người, có pháp, có dụ, đầy đủ cả. Như kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, Đại Phương Quảng là pháp, Phật là người. Hoa Nghiêm là dụ. Đây biểu thị dùng nhân vạn hạnh mà làm hoa trang nghiêm cho quả đức vô thượng. Đại Phương Quảng là thuyết về thể của pháp. Hoa Nghiêm biểu thị dụng của pháp. Đại Phương Quảng tức nói về Phật đã tu các pháp đại phương quảng, rộng lớn mới thành Phật được. Nhân hoa vạn hạnh là tu chứng được lục độ cũng như hoa nở. Quả đức vô thượng chính là hạnh đức Phật quả. Thế nên bảo rằng dùng vạn hạnh như hoa làm chủng nhân để trang nghiêm hạnh đức Phật quả vô thượng. Ở trên là nói về bảy loại lập đề.

Nay tôi sẽ dùng kệ mà giải thích đề kinh. Mỗi phần đoạn dùng tám câu kệ để giải thích. Tám câu kệ này giảng rõ về kinh bát nhã ba la mật đa. Giảng về đề mục của kinh này, y chiếu theo năm loại huyền nghĩa.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

1) Explanation of the Title. The first three lines of the verse explain the meaning of the title of the sutra in accordance with the first category of recondite meaning, the explanation of the title.

Wonderful wisdom can reach the other shore right now. Prajna is wonderful wisdom, and paramita means to reach the other shore. When you use the wonderful wisdom of prajna, you reach the other shore.

The true mind itself can merge with enlightenment's source. To say "true mind" is to speak both of the mind and of prajna. When you have the wonderful wisdom of prajna, you have the true mind, and so you naturally merge with the source of enlightenment. You are united with the original enlightenment of the Buddha; you join with it; you flow into and become the substance of the original enlightenment. "Merge" implies uniting into a single substance.

Dharma and analogy comprise its title, which transcends the relative. The title, the Heart of Prajna Paramita Sutra, is made up of references to both dharma and analogy. The phrase "which transcends the relative" indicates a dharma which reaches a state of non-relativity. Prajna paramita is that dharma, and heart is the analogy. There are three types of prajna: the prajna of language, the prajna of contemplative illumination, and the prajna of the characteristic of actuality. The prajna of the characteristic of actuality is the ultimate wisdom, wonderful wisdom, and the wisdom which penetrates to the foundation. It can also be said to be the wisdom which arrives home and the wisdom of the Buddha.

What else can it be called? It is called the true heart (In Chinese, the character xin means both heart and mind. The word "heart" in the Sanskrit title of the sutra is translated as hrdaya. The usual Sanskrit word for mind or heart in the non-physical sense is citta. The Chinese character xin is used as a translation for both hrdaya and citta.). The true heart is wisdom; wisdom is the true heart. Because prajna can be translated "true heart," the two hundred fifty or so words of this sutra are the heart within the heart – the heart within the six hundred chapters of the prajna text of the Great Prajna Sutra. Yet in still another way it is the heart within the heart. The sutra is the heart of prajna,

Thứ nhất là giải thích danh nghĩa.

"Diệu trí phương hà đạt bỉ ngạn, (dùng diệu trí mới đạt bờ giác)".

Sao gọi là diệu trí ? Bát Nhã là diệu trí. Đạt đến bờ bỉ ngạn (bờ giác) tức là bát nhã ba la mật đa. Vì thế, chư vị dùng trí bát nhã thì mới đạt đến bờ giác.

"Chân tâm tự năng khế giác nguyên, (chân tâm tự khế hợp nguồn giác)".

Chân tâm này là chữ tâm, cũng là bát nhã. Chư vị có trí huệ vi diệu bát nhã. Khi có chân tâm này, thì tự nhiên năng khế hợp với nguồn giác, cũng là tương hợp với bản giác của chư Phật, đắc được thể của bản giác. Khế hợp được tức là tương hợp được, cùng hiệp thành một khối.

" Pháp dụ lập danh vượt đối đãi, (lập danh pháp dụ vượt đối đãi)".

Tâm kinh bát nhã ba la mật đa lấy pháp và dụ mà lập danh đề. Bát nhã ba la mật đa là pháp. Tâm là dụ. Bát nhã là gì ? Bát nhã có ba loại là văn tự bát nhã, quán chiếu bát nhã, thật tướng bát nhã. Dùng văn tự bát nhã mà xuất sanh quán chiếu bát nhã. Dùng quán chiếu bát nhã mà khế hợp với thật tướng bản giác bát nhã. Cùng tột thật tướng bát nhã chính là trí huệ, tức là trí huệ vi diệu, cũng gọi là trí huệ triệt đế. Trí huệ này thật triệt liễu, là trí huệ để mình trở về quê nhà, tức là trí huệ của chư Phật.

Sao nói như thế ? Vì trí huệ bát nhã chính là chân tâm. Chân tâm cũng là trí huệ. Chữ 'bát nhã' được dịch là 'chân tâm'. Kinh này nói về tâm trong tâm. Đây là tâm mà sáu trăm quyển bát nhã luôn đề cập tới. Bộ kinh này nói về tâm trong tâm. Bát nhã là tâm, cũng là tâm trong tâm. Tâm trong tâm nghĩa là tâm, nên gọi là tâm kinh. Vì chữ 'bát nhã' được dịch là 'nhất chân tâm', nên kinh đại bát nhã cũng gọi là kinh 'đại chân tâm'. Tâm này không phải là tâm giả dối, mà là diệu lý thật dụng.

Bộ tâm kinh là tâm trong tâm bát nhã, tuy chỉ có hai trăm sáu mươi chữ mà lấy chữ tâm trong kinh bát nhã làm chủ thể, nên gọi tâm trong tâm. Nay lại nói chữ tâm này, chính là tâm trong tâm, nên gọi là tâm kinh. Chân tâm biểu hiện chân tâm, nên dùng một chữ tâm. Pháp này là bát nhã ba la mật đa, cũng là pháp đạt đến bờ giác. Tâm là dụ. Kinh này lấy tâm trong một đời người làm chủ thể, nên tuyệt không và vượt ngoài đối đãi. Pháp tuyệt không đối đãi này cũng không có pháp nào đối đãi được, siêu việt, vượt ngoài cảnh giới đối đãi.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

and since prajna is the heart, it is the heart of that heart. And therefore the text is called the Heart Sutra. Since prajna can be translated as heart or mind, the Great Prajna Sutra can be called the Great True Heart Sutra. It's not a false heart – not a false mind. The present sutra explains fully the wonderful principle of its actual use. The dharma in the title is prajna paramita, the dharma of reaching the other shore. “Heart” is the analogy, and it is used in the sutra to indicate that the heart (which is to say the mind) is the theme of one's entire life and that it transcends all opposites.

2) Discernment of the Substance. Empty of the characteristics of all dharmas is this substance beyond words. What is the sutra's substance? It is “empty of the characteristics of all dharmas,” a phrase which is different in wording but identical in meaning to the line in the sutra text, “All dharmas are empty of characteristics.” “Empty of characteristics” simply means that the substance of the sutra is without any characteristics, and “substance beyond words” means that nothing can be said about it. Since its substance is “empty of the characteristics of all dharmas,” there isn't anything at all. You ask, “Then what is there that is worth saying?” This “substance beyond words” has already passed beyond the characteristics of speech, the characteristics grasped by the mind, the characteristics of written language; it has passed beyond all characteristics. It is all dharmas.

3) Elucidation of its basic purpose. Fundamental non attainment is its purpose and intent. The fifth line of verse explains the third recondite meaning, elucidation of the sutra's 1. In Chinese, the character xin means both heart and mind. The word “heart” in the Sanskrit title of the sutra is translated as hrdaya. The usual Sanskrit word for mind or heart in the non-physical sense is citta. The Chinese character xin is used as a translation for both hrdaya and citta. The Five Categories of Recondite Meaning 9 basic purpose: fundamental non-attainment. In one passage the sutra says, “There is... no understanding and no attaining.” Non-attainment is the sutra's purpose and intent. Now I will make use of worldly dharmas to explain the Buddhadharma. The word “person” is an ordinary noun, the designation by which human beings are distinguished from other categories. Just as a person is simply called a person, analogously every sutra is called a sutra. Now what is a certain person's specific name? The name by which he is identified is

Thứ hai là hiển thể.

"Không chư pháp tướng thể tuyệt ngôn, (pháp tướng vốn không, thể không lời)".

Thể của kinh này là gì ? Tức là không có tướng của các pháp, cũng là các pháp không tướng. Không tướng tức không có tướng thật. Không chư pháp tướng được dùng làm thể của kinh. Tuyệt ngôn ngữ tức là không chỉ nói được. Thể đó là không chư pháp tướng; việc chỉ cũng không có, cho đến lời nói hay ho của chư vị cũng thế. Thể đã tuyệt ngôn ngữ tức là kinh xa lìa tướng của ngôn ngữ lời nói. Xa rời tâm thường duyên theo hình tướng, xa lìa tướng văn tự, xa rời tất cả tướng, tức xa rời tất cả pháp.

Thứ ba là chỉ rõ tông thú (đường hướng của tông giáo).

"Tông thú nguyên lai vô sở đắc, (tông thú vốn không chỗ đắc)".

Câu thứ năm chỉ rõ đường hướng của tông giáo. Bộ kinh này theo tông chỉ gì ? Lấy vô sở đắc (không có chứng đắc) làm tông chỉ. Bên trên, kinh nói rằng vô trí diệt vô sở đắc (không trí cũng không có chỗ đắc). Tông thú (đường hướng của tông giáo) là gì ? Tức là không có chỗ đắc.

Nay dùng pháp thể gian mà giảng Phật pháp. Như con người, là danh xưng thông thường. Con người thì gọi là người. Kinh này gọi là kinh. Gọi tên người như thế nào ? Hoặc gọi Trương Tam, Lý Tứ, đó là giải thích về danh tự. Người đó tên là Trương Tam, mà cao, thấp, trắng, mập, ốm như thế nào ? Thể tánh của người đó ra sao ? Thân thể có hoàn toàn hay không ? Có mắt, mũi, tai không ? Nói rõ ràng thể tánh của người đó tức là hiển thể.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

perhaps Smith or Brown. To discuss the specific name is what is meant by explanation of the title. What does Smith look like? Is he tall or short, black or white, fat or thin? What about his body? (In Chinese the single character ti means both body and substance) Is it fully formed or not? Does he have eyes? Ears? A nose? That is what is meant by investigating the characteristics of his substance. After the substance has been revealed, then the basic purpose should be elucidated. What is meant by elucidation of the basic purpose? Smith is very learned he could be a secretary or a Ph.D. That is what is meant.

4) Discussion of the Function. Continuing the analogy, what does Smith do all day? What can he do? Observations of that sort reveal the person's usefulness and capabilities.

And by using its power of eradication, the three obstacles are cleansed away. "Eradication" is what the sutra is capable of doing. What can the Heart of Prajna Paramita Sutra do? Its function is to cleanse away the three obstacles: the retribution-obstacle, the activity-obstacle, and the affliction-obstacle.

Of retribution-obstacles, the first of the three obstacles, there are two kinds: dependent retribution and primary retribution (In Chinese, the character bao means both reward and retribution). Primary retribution is the body, while dependent retribution refers to food, clothing, dwelling, and so forth – the material environment on which the body is dependent. Therefore, primary retribution is the retribution you are undergoing right now, the dependent retribution is your environment.

There are all sorts of primary retribution. Some bodies are good ones and some are not. Some are especially full and handsome in their appearance, so that everyone who sees them likes them. Merely by looking upon a particular body, everyone loves and respects the person as someone who is outstanding. Perhaps a particular person really has wisdom, or another really has good roots. With respect to good roots and wisdom there are two types of people.

Kể tiếp, chỉ rõ tông giáo. Chỉ rõ tông giáo như thế nào ? "Ông ấy là người rất cao, nên làm được nhiều việc khó nhọc. Ông ấy là người có học vấn, nên có thể làm bí thư. Đó là tông chỉ của ông ta ! Ông ta trước kia là người như thế nào thì nay có thể làm những việc như thế ấy".

Đó là nói rõ tông chỉ.

Thứ tư là luận bàn về dụng.

"Lực dụng khu trừ tam trược, (dùng lực dẹp trừ ba chương trược".

Dùng lực gì ? Để làm gì ? Dùng tâm kinh bát nhã ba la mật đa để làm chi ?

Tức là dùng lực dụng của kinh này để phá trừ ba chương. Ba chương là gì ?

Một là báo chương. Hai là nghiệp chương. Ba là phiền não chương.

Báo chương có hai loại là chánh báo và y báo. Sao gọi là chánh báo, y báo ?

Chánh báo tức là chúng ta đang thọ báo trong hiện tại, cũng là thân thể chính mình. Y báo tức là y cứ theo cuộc sống mà thọ báo, như y phục, thức ăn, chỗ ở, v.v... Chánh báo của con người là thân thể đẹp xấu, khỏe mạnh hay bệnh tật, tướng mạo anh tuấn hay xấu xí, người người trông thấy đều hoan hỷ, ái kính hay ghét bỏ. Hoặc giả người có trí huệ, hay có thiện căn. Tuy nhiên trong mỗi hạng, cũng phân làm hai.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

First are those who have wisdom and no good roots. What are those people like? Most of them are weird ghosts and monstrous demons who have come into the world as people. They were mountain essences who after a long time as old spirits and ghosts became capable of eating people, and when they died, they were able to be reborn as people possessed of a little bit of intelligence. Compared to most people they are intelligent, but they muddle up everything they do – their activities are not at all intelligent. They do whatever is harmful, and, without exception, they lack propriety. Everything that is most harmful to people and disruptive to the order of society is what they want to do. Such people, the ones who have some wisdom but no good roots, seem only to be afraid that the world won't be in disorder.

The second kind, those who have good roots but no wisdom, are those who in their lives exclusively performed good deeds but did not study the sutras. As a consequence they don't have much wisdom; in fact, they are very stupid.

Some people undergo the primary retribution of being especially ugly. Others have both a beautiful and full appearance and a long life full of wealth, honor, and respect. Still others have a very short life besides being ugly. There are all kinds of primary retributions, which are the fruitions of causes planted in the past.

Dependent retribution consists of one's living conditions, clothes, food, and so forth. It too comes from causes in your previous lives. If in previous lives you planted seeds of good, the fruition in this life will be a good reward. If in former lives you planted the seeds of evil, they will reveal themselves in this life by their fruition in your retribution. Therefore, you should certainly be very cautious in everything you do! If you do not plant the causes of evil, then in the future you won't undergo their fruition in evil retribution.

Thứ nhất, người có trí huệ mà không có thiện căn. Vì sao thế ? Những hạng người này đa số đều từ quỷ quái yêu ma mà sanh ra trên thế gian. Như sơn tinh ở núi lâu năm thành yêu quái, là loài si mị vớng lượm (quỷ xuất sanh từ gỗ đá). Những loại quỷ thần đầu trâu mặt ngựa này là những yêu tinh lâu năm thường ăn thịt người, hay những yêu quái đã chết lâu rồi, nay trở lại làm người. Chúng rất thông minh như những người khác. Tuy nhiên, chúng làm việc gì cũng đều không thông minh, luôn làm những việc sai lầm, chuyên môn không giữ luật lệ. Những việc có hại đến người khác thì chúng đều làm. Chúng thường nói những điều làm loạn trật tự xã hội, vì sợ thiên hạ không bị loạn. Loại người này có trí huệ mà không có thiện căn.

Lại nữa, người có thiện căn mà không có trí huệ. Có thiện căn là vì đời trước có làm những việc lành, nhưng không nghiên cứu kinh điển, nên không có trí huệ, rất ngu si. Bàn về chánh báo, có người tướng mạo đầy đủ, thọ mạng lâu dài, được phú quý.

Lại có người tướng mạo xấu xí, thọ mạng ngắn ngủi, chết lúc tuổi còn nhỏ. Tất cả đều do tiền nhân hậu quả, (nhân trước quả sau).

Y báo là y phục, thức ăn, nhà cửa v.v...Y báo cũng là quả báo của đời quá khứ. Đời trước trồng nhân lành thì đời này được quả báo tốt. Đời trước trồng quả ác thì đời này chịu quả báo xấu. Tương lai có thể còn chịu quả báo xấu nữa. Đó là báo chướng.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The second of the three obstacles is the activity-obstacle. Not only those who have left the home-life to become members of the Sangha (The Sangha is the community of Buddhist bhikshus (monks) and bhikshunis (nuns)), but also those at home should certainly have an occupational activity. While involved in a particular activity, many problems will arise, many difficult situations which will make you afflicted and unhappy. That is what is meant by the activity obstacle.

The third obstacle is the affliction-obstacle. Everybody has afflictions, yet where do they come from? Most are generated from thoughts of greed, of anger, and of stupidity. How can you acquire afflictions? Have greed in your mind, insatiable greed, and afflictions will arise. How else can you acquire afflictions? Have a temper. A situation isn't right for you, and so you become afflicted with anger. Again, how do you give rise to afflictions? By being stupid. You misunderstand situations and so are afflicted.

Why do you become afflicted? Thoughts of contempt, of arrogance, and of condescension generate afflictions. Furthermore, you doubt everything, and because of your doubting you become afflicted.

Why are you still afflicted right now? Because you have deviant views and see situations incorrectly. If no matter what is happening, you have proper knowledge, proper views, and genuine wisdom, you will see very, very clearly and will understand completely. When clarity and understanding appear in the midst of circumstances, then there is no affliction. It is the deviant views of greed, hatred, stupidity, arrogance, and doubt that produce the affliction-obstacle.

The Heart Sutra can remove the three obstacles: the retribution-obstacle, the activity-obstacle, and the affliction-obstacle. How? It contains the genuine, wonderful wisdom which is the unmoving mind of true suchness, and so it removes and destroys the three obstacles. Wonderful wisdom: if we understand the Heart of Prajna Paramita Sutra, then we can have that genuine wisdom; and with genuine wisdom, we can remove and destroy the three obstacles.

Bàn về nghiệp chướng thì nghiệp tức là sự nghiệp, công nghiệp. Không luận người xuất gia hay tại gia, nhất định đều có sự nghiệp. Tạo ra sự nghiệp rồi thì nhiều vấn đề khó khăn phát sanh. Khi có khó khăn thì liền sanh phiền não, rồi gặp bao việc không vui. Đó gọi là nghiệp chướng.

Nói về phiền não chướng thì chúng ta ai ai cũng có ít nhất một loại phiền não. Phiền não này phát sanh từ đâu ? Nó do tâm tham, tâm sân, tâm si phát khởi ra. Sao chư vị phát sanh phiền não ? Vì có tâm tham, nên tham không được liền sanh phiền não. Vì có tâm sân hận nóng giận, mọi sự tình đều không hợp với tâm ý chư vị, liền phát sanh phiền não. Vì tâm ngu si, không sáng suốt, nên phát sanh phiền não. Vì còn tâm ngã mạn, kiêu căng, nên xem thường người khác, nên phát sanh phiền não. Vì tâm nghi, đối với tất cả sự tình đều phát sanh hoài nghi. Do có hoài nghi nên tạo ra phiền não. Lại vì còn tà kiến, nên kiến giải của chư vị không chánh đáng, nên phát sanh phiền não. Nếu có chánh tri chánh kiến, tức có trí huệ chân chánh thì đối với mọi việc, chư vị đều hiểu rõ ràng. Vì thông suốt từ đầu đến cuối nên không sanh phiền não. Vì vậy, phiền não do tâm tham lam, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến phát khởi lên. Bộ tâm kinh này năng phá trừ được ba chướng là báo chướng, nghiệp chướng và phiền não chướng. Làm sao phá trừ được ? Do có trí huệ chân chánh, trí huệ vi diệu, tâm như như bất động, và chân tâm nên phá trừ được ba chướng. Chúng ta hiểu rõ giáo nghĩa tâm kinh bát nhã ba la mật đa thì mới có trí huệ chân chánh, dẹp trừ được ba chướng.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

5) Determination of the Characteristics of the Teaching. The fifth recondite meaning is described by the seventh line of the verse. The “butter division”[1] is determined to be the meaning of this teaching. The prajna paramita sutras belong to the “butter division.” “Butter” represents the fourth or prajna period of the five periods of the Buddha’s teaching.

A Maha turning around: this is the prajna-boat. Maha is the Sanskrit word for “great.” To turn the prajna-boat around doesn’t mean to turn it over. If you turn it over, there isn’t any prajna. You should turn your stupidity around, and that will be the prajna-boat; that is prajna. It can be compared to moving a boat upstream. It is necessary to use a little effort, and it is not something that can be done easily. Although you don’t need to take three great asamkhyeya kalpas – three incalculably long ages – you must pass through at least one or two or perhaps three lifetimes before you can attain genuine wisdom.

“Oh,” you say, “even though it doesn’t require kalpas, it’s still a really long time, so I’m not going to cultivate.”

If you don’t want to cultivate, it’s not necessary; certainly no one will force you. Forcing is not the Way. Where my own disciples are concerned, I allow anyone who wants to fall to fall according to his own inclinations. If you don’t want to turn the prajna boat around, then you can follow the great flow, flow along with the current, and go downstream, go farther and farther down. If you turn around, you move upstream, and if you don’t turn around, you flow downstream. Take a look. Are you going upstream or downstream?

[1] The “butter-division” refers to the milk-products analogy for the periods of the Buddha’s teaching. The analogy is found in the Mahaparinirvana Sutra and was used by the Tian Tai School in conjunction with the five periods of the Buddha’s teaching. In the analogy, the original Dharma-nourishment is taken to be fresh milk. In each successive period it becomes richer and more purified. Yet it is all the same basic substance, the source-nourishment. Butter represents the prajna teachings of the fourth period, to which the Heart Sutra belongs.

Thứ năm là nói rõ giáo tướng.

"Thực tô phán tác kỳ giáo nghĩa, (thực tô xác định giáo nghĩa này).
Dùng thực tô mà xác định nghĩa lý tâm kinh bát nhã ba la mật đa. Thực tô là thời đức Phật thuyết pháp Bát Nhã lần thứ tư. Đức Phật thuyết pháp có năm thời tám giáo. Năm thời tám giáo này do Trí Giả đại sư tông Thiên Thai phân lập ra.

Nay tôi y chiếu hai nghĩa trí huệ quyền thật mà thuyết về năm thừa.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The five periods of the Buddha's teaching and the milk-products analogy are these:

1. Avatamsaka (21 days) whole milk (ksira)
2. Agama or Mrgadava (12 years) coagulated milk (dadhi)
3. Vaipulya (8 years) curds (nevanita)
4. Prajna-paramita (22 years) butter (ghrta)
5. Saddharmapundarika-Mahaparinirvana (8 years) clarified butter (ghee).

The Five Periods of the Buddha's Teaching

The Dharma spoken by the Buddhas was divided into five periods and eight teachings by the Great Master Zhi Yi, "The Wise One" (538-597 A.D.). The five periods will be categorized by means of the two kinds of wisdom, expedient and actual.

1) The Avatamsaka period represented in the world by the Avatamsaka Sutra, consists in the Dharma spoken by the Buddha during the first twenty-one days of his teaching. The period includes one kind of expedient Dharma and one kind of actual Dharma: the gradual and the sudden. That is, the Avatamsaka Sutra teaches one kind of expedient wisdom and one kind of actual wisdom. The Avatamsaka Sutra explains the doctrine of the dharma realms: the dharma realm of phenomena; the noumenal dharma realm; the dharma realm in which phenomena are unobstructed; the dharma realm in which noumenon is unobstructed; and the dharma realm in which both phenomena and noumenon are unobstructed. Although this teaching was spoken for the sake of Bodhisattvas, the Avatamsaka Sutra nonetheless contains one kind of expedient dharma, along with the actual wisdom, that is, along with the real Buddhadharma.

2) In the second or Agama period, the Buddha spoke no actual Dharma, or actual wisdom, but instead spoke an expedient Dharma. At that time all sentient beings were like children, and since they did not understand the Buddhadharma, the Buddha used various expedient dharma-doors to induce and guide them, to transform them, and to take them across.

Thời Hoa Nghiêm : Lần đầu tiên đức Phật thuyết pháp, vừa quyền vừa thật, cộng thảy hai mươi một ngày. Ngài thuyết ra thật pháp, thật trí, và quyền trí. Sao gọi là thật trí và quyền trí ? Kinh Hoa nghiêm giảng về đạo lý của pháp giới, mà trong đó có sự pháp giới và lý pháp giới. Sự lý vô ngại pháp giới, sự sự vô ngại pháp giới. Giáo nghĩa này tuy Phật vì Bồ Tát mà thuyết, nhưng cũng là pháp phương tiện quyền xảo cùng trí huệ chân thật của Phật pháp. Thời kinh Hoa Nghiêm là nhất quyền và nhất thật, (một quyền, một thật).

Thời A Hàm : Lần thứ hai, duy chỉ có quyền giáo pháp mà không thật pháp. Giảng về quyền giáo, dùng pháp môn phương tiện quyền xảo để dạy dỗ, giáo hóa chúng sanh. Trong thời thứ hai, chỉ có quyền pháp chứ không có thật pháp, không có thật trí.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

3) During the third period, the Vaipulya, the Buddha spoke three kinds of expedient Dharma and one kind of actual Dharma. At that time the four teachings were explained together: the treasury (tripitaka) teaching of the Hinayana; the connecting teaching; and the special teaching, which are the three expedient dharmas; and the perfect teaching, which is actual Dharma. “Revile the one-sided and upbraid the small” indicates that the one-sidedness of the small vehicle, the Hinayana, is wrong. “Praise the great and extol the perfect” commends the perfect teaching of the great vehicle, the Mahayana. In the Vaipulya period, the four teachings were explained together.

4) The fourth period is the Prajna period. In it there were two kinds of expedient Dharma – the connecting and special teachings – and one kind of actual Dharma, the perfect teaching.

5) In the Lotus-Nirvana period, which includes the Wonderful Dharma Lotus Flower Sutra and the Mahaparinirvana Sutra, there was no expedient Dharma; there was only actual Dharma and actual wisdom. To summarize the five periods, in the Lotus-Nirvana period, only actual Dharma appears; there is no expedient Dharma. In the Prajna period, two expedient dharmas and one actual Dharma appear. In the Vaipulya period, three expedients and one actual Dharma appear. In the Agama period there is only expedient and no actual Dharma, and in the Avatamsaka period there is one expedient and one actual – the gradual and the sudden. The above explanation employs the two types of wisdom, expedient and actual, to categorize the five periods. If the periods were explained in detail, there would be much, much more to say. So in lecturing on the sutras I explain a little more each time, I tell you a little more of what you haven’t heard. Listen a lot and you will understand a lot.

Thời phương đẳng : Là thời thứ ba, có ba loại quyền, một loại thật. Tại sao? Vì thời này là bốn giáo đồng luận đàm. Bốn giáo là tạng, thông, biệt, viên. Dẹp phá thiên chấp tiểu giáo, tán thán đại giáo. Thiên chấp tức kiến chấp thiên lệch của chư vị không đúng. Phá tiểu, tức nói giáo lý tiểu thừa không đúng. Tán đại tức là tán thán đại thừa, phô trương viên giáo. Sao gọi là phương đẳng ? Vì đồng đàm luận bốn giáo. Đồng thời khi giảng về đạo lý bốn giáo cũng nói về ba loại quyền pháp, tức tạng, thông, biệt. Loại quyền pháp này cũng là viên giáo.

Thời Bát Nhã : Là thời thứ tư, có hai loại quyền và một loại thật. Hai loại quyền là thông giáo và biệt giáo. Một loại thật là viên giáo.

Thời Pháp Hoa, Niết Bàn : Chỉ có thật pháp mà không có quyền pháp, có thật trí, không có quyền trí, lại không có pháp phương tiện quyền xảo. Năm thời bên trên luận bàn y cứ theo pháp quyền thật. Năm thời này thường được giảng tới giảng lui. Mỗi lần giảng kinh đều nhắc đến. Chư vị nếu thông được điểm nào thì hiểu được điểm đó.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The Meaning of “Sutra”

Sutras have both a generic and a specific title. The generic title is simply “Sutra,” while the specific title distinguishes one sutra from another. The Heart of Prajna Paramita Sutra is the specific title of this sutra. “Prajna Paramita” is the dharma, “Heart” is the analogy, “Sutra” is the sutra. The Heart of Prajna Paramita is the heart within the heart. No other sutra in the Prajna Division has this name. I have already explained the specific title, the Heart of Prajna Paramita, by an eight-line verse. Now the word “Sutra” will be fully explained.

What is a sutra? A sutra is defined as “path”, the path necessarily passed through in cultivation of the Way. If you wish to cultivate, you must move along that path; if you don’t want to cultivate, following it is unnecessary. But, if you do want to cultivate, “Sutra” is the path you must take. Now, if people don’t walk on a path, it becomes wild and overgrown with vegetation. For example, you may have been able to recite the Heart of Prajna Paramita Sutra without referring to a text, but then four or five months pass without your reciting it, and you forget it. That forgetting is the path becoming overgrown. However, if you walk the path, if you cultivate the Way, then it won’t become overgrown, but every day will become smoother and brighter.

What is the benefit of reciting sutras? Reciting sutras doesn’t yield any benefits. You waste a lot of time and use a lot of energy to recite a sutra. For instance, what is gained by reciting the Heart Sutra in front of the Buddha? You read it from beginning to end, waste energy, spirit, and time, but don’t see any return from it. Ah, cultivators, don’t be so stupid! The benefits which you can see are not real; all appearances are empty and false. To grasp at a form, at what you can see, is not a benefit. That is why reciting sutras isn’t beneficial.

Don’t search for benefits. Recite the sutra once and your own nature is cleaned once. When you recite the Heart Sutra once, you have the feeling that you understand a little of its meaning; recite it twice or three times, and each time you understand a little more. Reciting sutras helps the wisdom of your own nature to grow. How much? You can’t see it; nevertheless, you can have a kind of feeling about it.

"Ma ha phản chuyển bát nhã thuyền, (ma ha chuyển ngược thuyền bát nhã".

Ma ha nghĩa là lớn. Chuyển ngược tức là đảo chuyển trở lại. Đảo chuyển như thế nào ? Tức đảo chuyển thuyền bát nhã. Tại sao chư vị muốn đảo chuyển thuyền bát nhã mà không đảo chuyển bát nhã ? Đảo chuyển gì ? Đó là đảo chuyển ngu si của mình. Chuyển được tức là niết bàn. Chuyển ngược dòng nước, phải dùng hết sức lực chứ không thể dễ dãi mà đi được. Tuy nhiên, không cần phải đợi ba a tăng kỳ mà trong một đời, hai đời, ba đời v.v..., có thể đắc được trí huệ chân chánh. Nói thời gian dài quá thì chúng ta đâm ra chán ngán, không muốn tu. Không muốn tu cũng không thể miễn cưỡng. Miễn cưỡng không phải là đạo. Thế nên đệ tử của tôi muốn đọa lạc thì cứ đọa lạc. Chư vị không muốn chuyển ngược thuyền bát nhã, thì thuận theo dòng nước lớn mà trôi xuống, càng trôi xuống thì càng xa. Nếu chư vị chuyển ngược, tức là đi trở lên dòng nước. Nếu không muốn phản chuyển, thì sẽ đi xuống theo dòng hạ lưu. Xem thấy chư vị đang đi lên thượng lưu, rồi lại chạy xuống theo dòng hạ lưu.

Bát nhã ba la mật đa là pháp. Tâm là ví dụ. Kinh là bộ kinh này. Kinh có thông danh và biệt danh. Thông danh là thống nhiếp hết mọi bộ kinh. Biệt danh là mỗi bộ kinh có danh tự riêng biệt, những bộ kinh khác không có tên giống nhau. Tâm kinh bát nhã ba la mật đa là biệt danh của bộ kinh này. Bộ tâm kinh bát nhã ba la mật đa này thuộc trong bộ Bát Nhã, biểu thị tâm trong tâm.

Sao gọi là kinh ? Kinh tức là kinh pháp thường bất chuyển, không thể thay đổi. Một chữ cũng không thể bỏ được, hay cũng không một chữ được. Đó là kinh pháp thường bất biến.

Lại "kinh" là một con đường, nghĩa là tu hành phải đi qua một con đường nhất định. Chư vị có muốn tu hành à ? Nhất định chư vị phải đi trên đường đạo này. Nếu chư vị không đi trên đường đạo này thì sẽ bị lạc vào rừng rậm hoang vu. Chư vị phải nên đi trên đường tu hành thì không bị lạc đường. Ngày nay qua ngày nọ đều được bình an, sáng suốt. Sao gọi là đi lạc ? Vì chư vị xưa nay quên mất, không biết tụng niệm kinh này. Qua ba bốn tháng, không tụng niệm nên quên mất, mới đi lạc. Tụng kinh được lợi ích gì ? "Tụng kinh không được lợi ích gì cả, chỉ mất thời gian, tốn sức thôi. Tụng bộ kinh này từ đầu cho đến cuối tốn khí lực, thời gian, tinh thần. Sao lại cho là có ích lợi ?"

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Therefore, it is not possible to talk about the benefits of reciting sutras. Moreover, each time you recite the sutra your afflictions decrease. You shouldn't get upset during recitation by thinking, "You over there, you recited it wrong. You recited it too fast; I can't keep up with you. The sounds that you make when you recite are really unpleasant, so I don't like to listen to it." No, don't waste your effort in those directions. When reciting sutras or mantras, everyone should chant together. It isn't necessary for everyone to know the language the sutra is being recited in; but able to read the sutra or not, everyone should recite along together. For everyone to practice together, though, doesn't mean your looking for my faults, and my looking for your faults. If there are really faults, everyone should find them. And if you yourself don't find your own faults because they are too big, then your cultivation will not be attuned to receive a response.

Reciting sutras is a great help to one's own nature in developing wisdom. Reciting the Diamond Sutra develops wisdom; reciting the Heart Sutra develops even more wisdom. You say that there aren't any benefits gained from reciting sutras, yet the benefits are very great. It's just that you don't see them. You don't see them? Then they are real benefits. Anything that you can see is just the skin.

The word "sutra" has four other meanings: that which strings together; that which attracts; that which is permanent; and a method. "Stringing together" refers to the connecting of all the meanings which were spoken to make a sutra, as if a piece of thread were used to string them together.

A sutra "attracts" in that it can make use of opportunities for the transformation of sentient beings. This particular sutra is capable of responding to the causal opportunities of all sentient beings and of giving each a medicine to cure that being's own particular disease. Just as a strong magnet can attract iron from a great distance, a sutra, like a magnet, draws in all sentient beings. We sentient beings are like iron, hard and stubborn, with large tempers and many faults. But as soon as we are pulled into the magnet, we begin to be slowly softened so that our faults fall away. That is the meaning of "that which attracts".

Này chư vị cư sĩ ! Đừng để tâm vô minh che lấp. Chư vị đừng tìm cầu lợi ích. Càng tìm cầu thì càng không chân thật. Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng (nếu còn có tướng thì đều là hư giả cả). Nếu có hình có tướng mà chư vị có thể thấy được thì không phải là lợi ích chân thật. Tại sao lại không thấy được lợi ích ? Chư vị tụng kinh một lần thì tự tánh được rửa sạch một lần. Như khi chư vị tụng kinh Kim Cang, tụng qua một lần thì hiểu rõ ý nghĩa của kinh đôi chút. Tụng hai lần thì hiểu thêm nữa. Tụng ba lần thì lại càng hiểu rõ thêm. Tụng kinh khiến trí huệ tự tánh càng gia tăng. Nhưng khi trí huệ gia tăng thì chư vị không thể thấy, chỉ tự cảm giác thôi. Thế nên, lợi ích của sự tụng kinh không thể nói hết được.

Nhưng, không nên vì tụng kinh mà sanh ra phiền não. Chớ nói ": Này đạo hữu ! Đạo hữu tụng kinh quá nhanh, khiến tôi theo không kịp. Hoặc đạo hữu tụng kinh quá chậm, khiến tôi phải đợi. Hoặc tiếng tụng kinh của đạo hữu không hay lắm, khiến tôi không thích nghe."

Không nên dùng công phu tu học như thế. Chúng ta biết rằng mọi người đều là những kẻ mới bắt đầu học Phật pháp. Không phải ai cũng biết tụng kinh hết, hay có người biết tụng mà không muốn tụng. Nhưng, tất cả mọi người đều phải đồng tụng kinh. Được như thế thì ai ai cũng đều đồng huân tu tập. Lại nữa, không nên mình tìm lỗi xấu người; người khác tìm lỗi xấu mình. Nếu thật có lỗi xấu thì mọi người nhất định phải tự mình nhìn thấy. Nếu không tự mình nhìn thấy thì lỗi xấu càng ngày càng nhiều; tu hành không thể tương ưng với đạo được. Thế nên, tụng kinh tức là hộ giúp cho tự tánh mình. Hộ giúp việc gì ? Tức là hộ giúp khai mở trí huệ. Tụng kinh Kim Cang thì trí huệ được khai mở. Tụng tâm kinh cũng khai được trí huệ. Thế nên, chư vị bảo tụng kinh không có lợi ích nhưng kỳ thật sự lợi ích này rất lớn. Chư vị không thể thấy được lợi ích thì mới chân thật là lợi ích. Nếu chư vị thấy được lợi ích thì đó chỉ thấy ngoài da thôi. Đó là ý nghĩa của sự tụng kinh.

Kinh cũng có bốn loại ý nghĩa, tức là quán, nhiếp, thường, pháp. Chữ quán, nghĩa là quán xuyên, tức là tất cả nghĩa lý đều nối thông với nhau như nối lại tất cả đường chỉ với nhau.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

A sutra is “permanent” because it is eternally unchanging dharma, and has neither beginning nor end. Not one word can be omitted from or added to a sutra; thus it is eternal. In ancient times and in the present, living beings have cultivated and will continue to cultivate according to this sutra.

A sutra is a “method” followed in cultivation of the Way. In the three periods of time, past, present, and future, one cultivates according to this Dharma. What is honored in the three periods of time alike is called the method. What is unchanging in the past and present is called the permanent.

Sutra also has the meaning of a marking-line. In ancient China carpenters used a tool called the ink-cup and line. It consisted of a string which was inked black. When the carpenters wanted to be sure that their construction was straight and true, they would stretch the string out, pull it back, and snap it to, in order to make a straight black guideline.

To sum up, a sutra is a set of rules. To recite sutras is to follow the rules. If you don’t recite sutras, then you don’t follow the rules. Since you are now studying prajna, you certainly should respect the rules of prajna. If you do, you will certainly develop your wisdom.

I have spoken in general about the title of the sutra, and now I will talk about the translator. For everything we understand of this sutra, we should give great thanks to the translator. If he had never existed, we should be unable to see the sutra or even to hear its name. If that were the case, how would we be able to cultivate according to the methods prescribed in it? It would be impossible to find its path of cultivation. Therefore, we should thank the person who translated the sutra, since from that time up to the present moment, every generation has benefited from his compassionate teaching and transforming. It follows that the merit derived from translating sutras is inconceivably great.

Nhiếp tức là nhiếp trì hóa độ những chúng sanh có duyên lành. Kinh năng nhiếp thủ những chúng sanh có cơ duyên, tùy theo bệnh mà cho thuốc. Sao gọi là nhiếp ? Chư vị có thấy nam châm hút sắt không ? Tuy sắt ở xa, nhưng nam châm vẫn hút được. Kinh cũng giống như nam châm hút sắt. Tất cả chúng sanh như sắt cứng, ương ngạnh cứng cỏi, tánh nóng giận hỷ hưng, lỗi lầm đầy dẫy. Nhưng nhờ sức hút của kinh, tâm tánh chúng sanh từ từ nhũn nặn, tập khí cũng dần dần tiêu hết.

Chữ thường nghĩa là vĩnh viễn thường hằng bất biến. Mãi không biến đổi là từ đầu đến cuối, từ xưa đến nay, đều y chiếu theo kinh mà tu hành.

Pháp là phương pháp. Dùng phương pháp này để tu hành. Đời quá khứ, hiện tại và vị lai đều dùng phương pháp này mà tu hành. Vì vậy ba đời đồng tôn kính gọi là pháp. Xưa và nay không đổi nên gọi là thường.

Lại nữa, kinh nghĩa là mực thước. Thợ mộc xưa kia dùng dây nhuộm phần đen. Khi muốn gạch lằn ngang liền căng dây ra, rồi ấn xuống. Khi lấy dây lên tạo ra một lằn phần đen để làm mực thước, không như hiện nay có phần có thước kẻ đường ngay ngắn.

Tóm lại, kinh là quy củ, tiêu chuẩn, mực thước. Nay chúng ta nghiên cứu kinh Bát nhã, cũng là y theo quy tắc Bát Nhã. Chư vị nếu y theo quy tắc Bát Nhã thì nhất định sẽ khai mở trí huệ.

Giải thích danh đề tổng quát.

Giảng về đề kinh, đại khái cũng giống như những lời giảng ở phần trên. Nay giảng trách về người phiên dịch. Hiện tại, chúng ta hiểu rõ bộ kinh này phải nhờ ơn người phiên dịch. Nếu không có người phiên dịch, sợ rằng ngày nay chúng ta không thể đọc, nghe được tên kinh này. Nếu không được nghe, không được đọc đến tên kinh này thì chúng ta y chiếu theo kinh nào, phương pháp nào để tu hành ? Không có phương pháp thì làm sao chúng ta tìm được con đường tu hành. Thế nên, chúng ta phải tri ân người phiên dịch kinh. Trải qua bao thời đại, người dịch giả, vì lòng từ bi giáo hóa chúng sanh nên phát tâm phiên dịch kinh điển và lưu truyền lại cho đến hôm nay. Thế nên, công đức của người phiên dịch kinh điển không thể nghĩ bàn, thật to lớn.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The Translator

The text says that the Heart of Prajna Paramita Sutra was translated by Tang Dharma Master of the Tripitaka Hsüan- Tsang on imperial command.

Tang refers to the Tang Dynasty of China (618-907 A.D.). Tripitaka is Sanskrit for “three storehouses” – the three storehouses of the Buddhist Canon. They are the sutras, which teach Samadhi (Single-minded concentration), the vinaya, which contains the precepts, or rules of moral conduct, and the shastras, which contain discussions of doctrine. A Dharma Master is one who takes the Buddhadharma as his master and also one who uses the Buddhadharma to teach and transform living beings. This Dharma Master, Hsüan-Tsang, took the Dharma as his master, and he also used it to transform sentient beings. He was perfect on both counts, so either way you use the title Dharma Master, it applies to him.

Dharma Master Hsüan Tsang’s roots were especially deep, thick, and wonderful. The state of his existence was inconceivable. From his own time up to the present he is Buddhism’s greatest Dharma Master. One might ask, “How can you say that he is the greatest?” When he went to India during the Tang Dynasty to bring back the texts of sutras to China, the great modern transportation network of buses, planes, boats, and trains did not exist. What did Dharma Master Hsüan Tsang use for transportation? He went from China through Siberia across the Himalayas to India on horseback. Such a journey is extremely long and involves much suffering, for no others had made the trip before him. Even though there were no mountains where he lived, Tang Master Hsüan Tsang, before he left to bring back the sutras, practiced running and mountain-climbing every day. How did he do it? He piled up a lot of chairs and tables and jumped from one to the next, from table to chair back and forth. By practicing at home before undertaking the extremely long journey, he was able to attain his aim and reach India. He lived there for fourteen years and collected many sutras which he brought back to China.

Người phiên dịch kinh này là ai ? Chính là do tam tạng pháp sư Đường Huyền Trang vâng chiếu dịch kinh. Đường tức là Đường triều. Tam tạng là kinh tạng, luật tạng, và luận tạng. Tạng kinh có rất nhiều bộ kinh. Tạng luật giảng về giới luật. Tạng luận giảng về đạo lý kinh điển.

Pháp Sư là lấy pháp làm thầy, đem pháp bố thí cho người. Dùng tam tạng kinh điển của Phật pháp làm thầy mình, và đem pháp giáo hóa chúng sanh, nên gọi là tam tạng Pháp Sư. Mỗi vị pháp sư hiện nay tôn tam tạng kinh điển làm thầy và đem pháp ra giáo hóa chúng sanh. Đây đủ hai nghĩa này thì chư vị mới có thể gọi họ là vị pháp sư tôn kính pháp làm thầy và dùng pháp để giáo hóa chúng sanh.

Huyền Trang là tên của một vị pháp sư. Căn cơ của Ngài rất thâm hậu, áo diệu. Cảnh giới của Ngài thật không thể nghĩ bàn. Bàn về Phật giáo đời cận đại, Ngài là một vị pháp sư rất cao thâm, vĩ đại. Vì sao ? Ngài qua Ấn Độ thỉnh kinh. Khi ấy, chưa có phương tiện giao thông như máy bay, xe lửa, tàu bè, chỉ dùng ngựa thôi. Thế nên, Ngài cỡi ngựa từ Tân Cương qua trung tâm Á Tế Á, vượt dãy Hy Mã Lạp Sơn đến Ấn Độ. Cuộc hành trình của Ngài xa viễn, gian khổ. Chưa ai làm được như Ngài. Trước khi qua Ấn Độ thỉnh kinh, mỗi ngày Ngài thực tập đi bộ từ sáng đến tối. Vùng gần nhà không có núi, Ngài sắp ghế bàn lại với nhau, rồi nhảy qua bàn qua ghế, thực tập cách leo núi, trèo non. Vì vậy trên đường từ trung tâm Á Tế Á đến Ấn Độ, tuy có rất nhiều núi non hiểm trở cheo leo, nhưng nhờ khi ở nhà Ngài đã từng thực tập chuẩn bị rồi nên Ngài đi như bay, bao nguy hiểm đều vượt khỏi. Cuối cùng, Ngài đạt mục đích là đến được Ấn Độ. Ngài lưu lại Ấn Độ mười bốn năm ròng rã, rồi sau đó thỉnh kinh trở về nước để phiên dịch.

Phụng chiếu dịch; phụng là thừa phụng; chiếu là chiếu thư; dịch tức là phiên dịch. Từ tiếng Phạm của Ấn Độ, phiên dịch thành tiếng Hoa. Nay có nhiều vị cư sĩ thông đạt Anh văn, Phạm văn, Đức văn v.v... Nếu có thể phiên dịch ra nhiều ngôn ngữ ở tây phương thì công đức thật vô lượng. Ảnh hưởng này không phải một đời mà kéo dài đời này qua đời nọ. Người tây phương sẽ rất tri ân. Vì vậy, tôi hy vọng mỗi vị Phật đừng để người sau thất vọng, mà hãy mau học tiếng Tàu, rồi phiên dịch kinh điển ra tiếng Anh, ngõ hầu công hiến phục vụ cho người tây phương. Hãy tranh thủ mà làm. Ngày nay thế giới thật là hư hoại. Chỉ có Phật pháp mới năng văn hồi cứu độ kiếp ác này. Nếu mọi người đều không hiểu Phật pháp thì e sợ rằng thế giới sẽ đến thời kỳ diệt

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

When he returned from India, he received an imperial command to translate the sutras into Chinese from their original language of India. Now it is up to you Westerners to translate the sutras into the languages of the West. The merit derived by the people who take part in this work will be without limit, for it will benefit not only their own lives, but will be cause for the gratitude of generations of people in the West. Everyone can be included in the work of translation; no one should fall behind in learning Chinese. You Westerners should make an offering to the people of the West.

Now it can be said that the world has gone bad. Only if people understand the Buddhadharma can the evil age be turned back. If people don't understand the Buddhadharma, then I am afraid this world will arrive at the time when it will be destroyed. The Christians talk about Judgment Day – the Last Day. If the Buddhadharma is translated into English, if everyone understands the Buddhadharma, if everyone knows better than to be lazy, and if people come forward to cultivate the Way with open hearts and minds, then the Last Day will be very far away in the future; it will be hard to say how many great ages away.

Basically there isn't any "Last Day". Why? Because the turning of the great Dharma wheel of the Buddhadharma will even pull in the sun, which then will be unable to set on a Last Day. There won't be any final day. All such matters are living; they're not fixed, certain, and dead. Don't think that what is called the Last Day is the Last Day, for then there will in fact be a final day. Now, which is more probable: that there will be a final day or won't be one? If everyone studies the Buddhadharma, then the day of destruction won't come. It's all very alive, so don't see it as fixed and dead.

For instance, from time to time people have spread the rumor that there is going to be an earthquake in San Francisco that will cause it to fall into the sea. For several years now people have been talking about this, and a lot of wealthy people who are afraid of dying have moved away.

I spoke about this last year, too, and at that time one of my disciples in San Francisco sent another disciple in Seattle a letter saying that I couldn't go to Seattle, because if I did, San Francisco would fall into the sea. I was unable to buy a plane ticket, and even though they were going to give me a plane ticket,

vong. Đạo Gia Tô nói về ngày tận thế. Ngày tận thế cũng không xa lắm đâu ! Nếu kinh điển Phật giáo được phiên dịch qua tiếng Anh, khiến người người đều thông hiểu Phật pháp, biết rõ rằng không nên lười biếng, cố gắng tiến bước phát tâm tu đạo. Nếu được như thế thì ngày tận thế càng lúc càng xa vời, và không biết con người sẽ sống đến bao nhiêu đại kiếp nữa, hoặc giả không có luôn ngày tận thế. Tại sao ? Vì Phật pháp thường chuyển đại pháp luân, nên khiến mặt trời luôn trụ mãi, không tan mất đi. Vì vậy, không có ngày tận thế. Mọi việc trên thế gian đều sống động cả. Chúng không chết cứng, ù lì. Ngày tận thế thật chẳng phải là ngày tận thế. Nếu đến ngày tận thế, cũng không chính là ngày tận thế. Việc quan trọng là nếu mọi người đều học Phật pháp thì chắc sẽ không có ngày tận thế. Nếu không ai chịu học Phật pháp thì ngày tận thế đã đến. Lý này rất sống động chứ không cứng nhắc. Giống như lúc trước có tin rằng trong tháng tư năm nay thành phố Cựu Kim Sơn sẽ có động đất, cả thành phố đều sẽ bị chìm xuống biển. Tin đồn này không phải mới phát sanh trong năm nay mà năm trước cũng đã có rồi. Nhiều kẻ giàu có, sợ chết chìm nên đã bỏ đi đến sống nơi khác.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

I couldn't go. At that time I told everyone, "If you really study the Buddhadharma, San Francisco won't be allowed to move, because I haven't lived here long enough." Why did I say that? Well, this year I said to everyone, "Relax, all you have to do is recite the Shurangama Mantra and study the Buddhadharma with a sincere mind, and I will guarantee that San Francisco won't budge." I said that.

Why hasn't San Francisco moved up till now? Because there are some people who have changed a little. Everybody recites the Shurangama Mantra and studies the Buddhadharma with a very sincere mind, so the gods, dragons, and the rest of the eightfold division of gods and ghosts are here to protect our Bodhimanda Way place, platform or seat of enlightenment. Chinese dao chang), our place of cultivation, to see that there are no disruptions. The meaning is the same as for the Last Day. If it is possible for the Last Day not to be the Last Day, it is even more possible that San Francisco won't move, even if it wants to. It can't find some other suitable place to rent, and it already has such a good place that it isn't moving.

Năm rồi tôi có nói rằng chư vị chỉ nên cố gắng học Phật pháp thì thành phố Cựu Kim Sơn sẽ không bị động đất. Năm nay tôi lại nói rằng chư vị nên thành tâm tụng chú đại bi, học Phật pháp. Tôi bảo đảm với chư vị là thành phố Cựu Kim Sơn sẽ không bị động đất. Những lời này tôi cũng đã từng nói với chư vị rồi. Tại sao cho đến nay Cựu Kim Sơn cũng chưa có động đất ? Có phải là do sự cảm ứng không ? Chư vị thành tâm tụng chú Lăng Nghiêm, học Phật pháp nên thiên long bát bộ đều ủng hộ đạo tràng. Vì vậy, không phát sanh động đất. Việc này cũng giống như ngày tận thế. Ngày tận thế chuyển thành ngày không tận thế. Hà huống có sự động đất ở vùng Cựu Kim Sơn ? Muốn động đất cũng không có động đất, như chúng ta muốn dời nhà nhưng không tìm được nơi thích hợp nên không thể dời đi được. Không thể tìm được nơi tương xứng nên vùng Cựu Kim Sơn sẽ không bị động đất.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

EXPLANATION OF THE MEANING OF THE TEXT

Sutra:

When Avalokiteshvara Bodhisattva

Verse:

Reversing the light to shine within,
Avalokiteshvara enlightens all the sentient beings; thus he is a Bodhisattva.
His mind is thus, thus, unmoving, a superior one at peace;
With total understanding of the ever-shining, he is host and master.
Six types of psychic powers are an ordinary matter,
And even less can the winds and rains of the eight directions cause alarm.
He rolls it up and secretly hides it away;
And lets it go to fill the entire world.

Commentary:

The name Avalokiteshvara is Sanskrit; in Chinese it is rendered guan zi zai , “Contemplating Ease”. To be at ease is to be happy about everything and to be without worries or obstacles. To be unimpeded is to contemplate ease. If you are impeded, then you are not contemplating ease. Reversing the light to shine within is contemplating ease. If you don’t reverse the light to shine within, you’re not contemplating ease.

What is meant by “reversing the light to shine within”? Regardless of what the situation is, examine yourself. If someone has wronged you, you should think to yourself, “Basically, I was wrong.”

Quán Tự Tại Bồ Tát.

"Hồi quang phản chiếu quán tự tại
Giác chư hữu tình tức tát đỏa
Như như bất động tâm quân thái
Liễu liễu thường minh chủ nhân ông
Lục chủng thần thông hồn gian sự
Bát phương phong vũ cảnh vô hống
Quyện chi tắc thối tạng ư mật
Phóng chi tắc di lục giáp trung

Dịch:

Hồi quang phản chiếu Quán Tự Tại
Giác chư hữu tình tức Tát Đỏa
Như như bất động tâm quân thái
Rõ rõ thường biết, chủ nhân ông
Sáu loại thần thông hồn gian sự
Mưa gió tám phương không sợ hãi
Quyện cuộn tròn giữ nơi bí mật
Phóng xả liền đầy khắp thế gian".

Quán Tự Tại Bồ Tát. Quán tức là quán tưởng. Tự Tại là trong mọi thời đều an lạc, không buồn, không bị trở ngại. Không trở ngại tức là Quán Tự Tại. Chư vị nếu bị trở ngại thì không tự tại.

"Hồi quang phản chiếu Quán Tự Tại".

Chư vị hồi quang phản chiếu thì quán tự tại. Bằng ngược lại thì không thể quán tự tại. Sao gọi là hồi quang phản chiếu ? Hồi quang phản chiếu tức là trong mọi việc đều phải tự hỏi chính mình. Ví như người khác đối xử không tốt, thì mình phải tự hỏi lấy rằng tại sao như thế. Mình phải tự suy nghĩ. A ! Nguyên nhân vì mình không tốt. Đó gọi là hồi quang phản chiếu.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

If you say, “When people don’t act properly toward me, I don’t look to see whether I’m right myself; I just smash them right away, smash their heads in so that blood flows” – then you haven’t won a victory, but have only shown your complete lack of principles and wisdom. To reverse the light to shine within is to have principles and wisdom. Reverse the light and contemplate whether or not you are at ease.

I will explain the two characters *zi zai* , which together mean “ease”. The *zi* is oneself, and the *zai* is where one is. I’ll say it word for word. Are you right here (*zai*), or aren’t you? In other words, do you have false thoughts, or not? If one has false thoughts, then one (*zi*) is not right here. It’s very simple. To reverse the light to shine within is simply to see whether you have false thoughts. If you have false thoughts, then you aren’t at ease. If you don’t have false thoughts, then you are at ease. That’s how wonderful it is.

Avalokiteshvara enlightens all the sentient beings; thus he is a Bodhisattva. What is a Bodhisattva? A Bodhisattva is somebody who wants to enlighten sentient beings. The Chinese word for “enlighten” is *jiao* , to make people understand. It isn’t the *jiao* , which means to stir up trouble. Add the element “hand” to the character *jiao* , meaning to enlighten, and it becomes another *jiao* : it turns into a lot of trouble. The stirring-uptrouble *jiao* is not to enlighten sentient beings, but to make them stupid and to try to turn what is good in their lives into what is evil. But here in the verse, *jiao* means to bring understanding to all sentient beings.

What is meant by “sentient?” Be careful not to misunderstand the text here by hastily assuming that the word “sentient” (*you qing*) means emotional love (*qing ai*) as the Chinese characters can be interpreted in another context. No, to enlighten sentient beings is to empty yourself of love. You must see love as empty. That is to be a Bodhisattva.

Therefore, the verse says, His mind is thus, thus unmoving, a superior one at peace. “Thus, thus, unmoving” means there is no dharma that is not thus. All dharmas are thusness-Dharma and all afflictions and troubles have disappeared. To be unmoved is to have the power of samadhi.

Nếu có người đối xử không tốt mà không kể mình đúng hay sai, liền dùng đũa đánh đối phương lỗ đầu chảy máu. Thật là tự mình không có lý trí. Chữ vị hồi quang phản chiếu thì có lý trí. Vì thế, hồi quang phản chiếu là quán tự tại. Hãy tự hồi quang phản chiếu xem coi mình có được tự tại hay không ? Tự tại tức là tự chính mình. Tại tức là hiện tại ngay nơi đây. Tôi sẽ giải thích cho chữ vị từng chữ một. Sao gọi là ngay tại đây ? Nói cách khác, chữ vị có khởi vọng tưởng hay không ? Nếu khởi vọng tưởng thì không được tự tại. Không có vọng tưởng thì được tự tại. Ngay tại nơi đây, chữ vị hãy nhìn xem, thật rất đơn giản ! Chữ vị hồi quang phản chiếu tức là tự xem coi mình có vọng tưởng hay không. Có vọng tưởng tức không tự tại. Không vọng tưởng tức được tự tại. Chữ vị thấy có vi diệu lắm không !

"Giác chữ hữu tình tức Tát Đỏa".

Sao gọi là Bồ Tát ? Bồ Tát nghĩa là giác ngộ cho loài hữu tình. Giác nghĩa là người tâm trí được thông suốt minh mẫn; tâm không rối loạn. Thêm chữ 'thủ (tay)' bên cạnh chữ 'giác' thì thành chữ 'giảo (rối)'. Như thế không giác ngộ cho loài hữu tình được, chỉ khiến cho họ càng thêm ngu si. Giác ngộ cho loài hữu tình nghĩa là khiến cho tất cả loài hữu tình đều được trí huệ minh mẫn thông suốt. Loài hữu tình là ai ? Hữu tình tức là chúng sanh. Chữ vị chớ hiểu lầm chữ nghĩa. Giảng về loài hữu tình đây đại khái nói đến loài có tình ái ! Giác ngộ loài hữu tình nghĩa là khiến cho tình ái của chúng đều dứt sạch. Luyến ái hết tận thì là Tát Đỏa. Đó là Bồ Tát. Do đó tâm được an nhiên, như như bất động.

"Như như bất động tâm quân thái, (như như bất động tâm thư thái)".

Như như bất động tức là không pháp nào mà không như như. Tất cả pháp đều là như pháp. Mọi phiền não, chương ngại đều không có. Như như bất động cũng là định lực. Tâm quân thái nghĩa là tâm luôn luôn thư thái an nhiên.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Doesn't the Lotus Sutra say, "His mind is at peace?" To be "at peace" this way is to be very happy and to possess great tranquility.

With total understanding of the ever-shining, he is host and master. You should have the total understanding of the ever-shining prajna wisdom. If you don't understand, then you do not shine; if you are not shining, then you don't understand. Therefore, you should understand and then understand even more, shine and shine even more. You should shine brightly in your total comprehension and totally comprehend in your shining brightness – that is understanding. You should be very clear.

What is being very clear? Being very clear is not being muddled and stupid. If you understand that to do a certain thing is wrong and you still go ahead and do it, that is piling stupidity on top of stupidity. You are doubly stupid. That is because you are not equal to being host. Being "host and master" is being able to be in control.

"I am master and I am host," someone says. "I tell everyone else to do anything I think they should be doing. I am not controlled by other people, but I myself control others. I won't do anything, so I just tell people to help me do my work, but I won't help them do theirs." No, being host and master is not like that. To be host and master is to be free of confusion and never to do anything confused. To be in control at all times is to have genuine wisdom. You are without prejudice, and you don't act on the basis of deviant knowledge and views. You don't take drugs or do anything improper or disruptive. If you act improperly, then you get a chance to take a look at stupidity.

Kinh Pháp Hoa nói : "Kỳ tâm thái nhiên (tâm thư thái an nhiên này)".

Thái nhiên tức là tâm an lạc bình thản.

"Liễu liễu thường minh chủ nhân ông, (rõ rõ thường biết, chủ nhân ông)". Chư vị phải có trí huệ bát nhã liễu liễu thường minh (rõ rõ thường biết), chớ nên để tâm bất liễu (không rõ), bất minh (không biết), hay bất minh (không biết) bất liễu (không rõ). Do đó, phải liễu (rõ) lại thêm liễu (rõ), minh lại thêm minh (biết). Liễu liễu minh minh (rõ rõ, biết biết). Minh minh liễu liễu (biết biết rõ rõ). Phải thông suốt tất cả. Không hồ đồ (mê mờ), không ngu si. Rõ biết việc không đúng mà cứ làm. Có phải đã ngu si lại tăng thêm một lớp ngu si nữa không ? Đây chỉ vì không biết rõ ông chủ của mình. Có người nói: "Ông chủ tức là mình làm chủ được. Mình chính là ông chủ. Mình có thể bảo người khác, mà không thể bị người khác sai bảo. Bất cứ công việc gì mình cũng không làm, chỉ cần bảo người khác làm cho mình".

Có phải như thế không ? Xin đáp rằng không phải như thế.

Tâm quân thái (an nhiên thư thái). Ông chủ tức không nói lời nhằm nhí, không làm việc xằng bậy. Đó là chư vị tự làm chủ được. Làm chủ được tức tự mình có trí huệ chân chánh. Ông chủ có trí huệ chân chánh không còn có những suy nghĩ tà tri tà kiến. Nếu còn làm những việc tà quái thì vẫn còn ngu si.

"Lục chủng thần thông hồn an sự, (sáu thần thông chỉ thông thường)".

Nếu chư vị thường tự làm chủ thì sẽ đắc được sáu thần thông. Sáu thần thông là thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm tâm, thần túc thông, túc mệnh thông, lậu tận thông. Sao chư vị không có sáu thần thông ? Vì chư vị không tự làm chủ được. Gặp cảnh giới liền chấp trước, nên bị cảnh chuyển. Thấy việc lạ kỳ, tâm tư thay đổi, tức chư vị bị cảnh chuyển mà chưa chuyển được cảnh. Nếu chư vị có thể chuyển được cảnh thì bất cứ cảnh giới nào đến, không thể bị giao động. Đừng nói lúc tỉnh giác mà khi mộng寐 cũng không bị cảnh giới chuyển. Đó mới thực là chủ nhân ông.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Six types of psychic powers are an ordinary matter. If you can be in control, you will naturally have the six psychic powers. They are:

- 1) the psychic power of the heavenly eye;
- 2) the psychic power of the heavenly ear;
- 3) psychic power with regard to past lives;
- 4) psychic power with regard to the minds of others;
- 5) the spiritually based psychic powers; and 6) the psychic power of the extinction of outflows.

If you do not have the six types of psychic power, it is because you are not in control, because you are influenced by all the external circumstances you find yourself in. You are influenced by people and have no influence yourself to affect the situations that confront you. When you are able to turn situations around, then no matter what comes you will be unmoved. Don't be bold and say that you already know how, because to be unmoved means that even in a dream you are not affected by states of consciousness. That is to be host and master. If you are not affected by internal or external states, and if you have real wisdom and the six psychic powers, then you have a very ordinary talent working for you – nothing spectacular, just something very ordinary.

And even less can the winds and rains of the eight directions cause alarm. "The winds and rains of the eight directions" refers to the last two lines of a famous poem by Su Dong Po (1037-1101):

I bow to the god among gods;
His hair-light illuminates the world.
Unmoved when the eight winds blow,
Upright I sit in a purple-gold lotus.

Su Dong Po sent the poem to the Great Master Fo-yin (1011- 1086), and the master's reply was two words: "Fart, fart." As soon as Su Dong Po saw Great Master Fo-yin's criticism, he couldn't get it out of his mind, and he rushed across the Yangtze – he lived on the south side of the river and Great Master Fo-yin lived on the north side – to find the master and scold him. He wanted to tell the master that he had written an enlightened poem, so how could the master possibly have replied, "Fart, fart?"

Nếu làm chủ được thì có trí huệ chân chánh. Khi ấy sáu thần thông là chuyện bình thường. Không phải là việc khó có mà rất phổ thông, bình thường.

"Bát phương phong vũ cảnh vô hồng, (gió mưa tám hướng không khinh sợ)".
Gió mưa tám hướng tức là "tám gió thổi không động, ngồi vững trên hoa sen vàng tím".

Tô Đông Pha làm kệ :
" Ngưỡng thủ thiên trung thiên.
Mao quang chiếu đại thiên.
Bát phong xuy bất động.
Đoan tọa tử kim liên"

Dịch :
"Kính đấng trời giữa trời.
Lông mao chiếu đại thiên
Tám gió thổi không động
Ngồi vững sen vàng tím".

Thiền sư Phật Ấn liền đề bốn chữ : " Phóng thí ! Phóng thí ! (đánh rắm, đánh rắm)".

Tô Đông Pha vừa thấy bốn chữ này liền giận dữ, không nhịn được. Khi ấy ông ta không những đánh rắm mà còn phóng hỏa nữa (lửa nổi lên trong lòng), thậm chí muốn thiêu đốt luôn ngài Phật Ấn. Thế nên, từ Giang Nam, ông lập tức đến Giang Bắc để tìm ngài Phật Ấn. Vừa gặp, ông liền hỏi : "Ông Thầy kia ! Sao dám mắng chửi người ? Tôi nói những lời ngộ đạo mà sao Thầy lại nói rằng tôi 'đánh rắm' ?"

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

In fact, when Great Master Fo-yin criticized him, not only did Su Dong Po fart, he blazed forth and wanted to scorch Fo-yin to death. So he rushed across the river and burst into the master's quarters without ceremony and shouted, "How could you possibly scold someone and slander him that way by writing 'fart, fart'?"

Fo-yin replied, "Who was I slandering? You said that you were unmoved by the winds of the eight directions, but just by letting two small farts I've blown you all the way across the Yangtze. And you still say that the winds of the eight directions don't move you? You don't have to talk about eight winds; just my two farts bounced you all the way up here."

Then Su Dong Po thought, "That's right, I said that I'm unmoved by the eight winds, but two words have been enough to make me burn with anger." Realizing that he still didn't have what it takes, he bowed to the master and sought repentance. What are the winds of the eight directions?

1) Praise. For example: "Upasaka (Sanskrit term for a Buddhist layman), you are really a good person, you really understand the Buddhadharma, and your wisdom really shines. Furthermore, your genius is unlimited and your eloquence unobstructed."

2) Ridicule. For instance: "It's the scientific age now, and you are studying Buddhism. Why do you study that old superstitious rubbish?" Really ridiculous ridicule, and yet you think, "They're right. How can I study Buddhism now in the scientific age? Cause and effect, no me and no you – how can such metaphysical theories be worth anything in the age of science? I am I, and people are people." You become confused and are moved by the blowing of the wind.

3) Suffering. The wind of suffering makes you suffer. To be unmoved while ceaselessly performing ascetic practices is an example of being unmoved by the wind of suffering.

Ngài Phật Ấn bảo : " Tôi có chửi mắng ai đâu ? Ông nói rằng tám gió thổi cũng không động mà tôi chỉ viết hai câu 'đánh rắm' thì ông lại từ Giang Nam chạy đến Giang Bắc. Sao ông nói tám gió thổi không động ? Chỉ cần có hai câu của tôi thôi mà khiến ông phải đến nơi này".

Tô Đông Pha suy nghĩ một hồi. "Đúng rồi ! Tám gió gì cũng không động mình. Chỉ có bốn chữ mà khiến phải nổi nóng mà đến đây. Thật không đúng".
Do đó ông đành lễ sám hối.

Sao gọi là tám gió. Tức là xưng, ky, khổ, lạc, lợi, suy, đắc, thất. Xưng nghĩa là xưng tán. "A ! Đạo hữu thật là Phật tử chân chính, lại hiểu rõ Phật pháp, có trí huệ, cũng rất thông minh, biện tài vô ngại !"

Đó là xưng tán chư vị

Ky nghĩa là ky phúng. "Sao đạo hữu lại học Phật pháp. Hiện tại là thời đại khoa học. Học những lời cổ xưa cả mười tám đời, thật không có ý nghĩa gì hết. Hãy suy nghĩ kỹ. Thời đại khoa học sao lại học Phật pháp, nhân nhân quả quả, vô nhân vô ngã. Trong thời đại khoa học, mình là mình và người lại là người."

Đó là lời ky phúng (chê bai).
Khổ đau cũng là một loại gió.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

4) Happiness. To eat well, to wear good clothes, to have a good place to live, and to be especially happy all day long, thinking, “This certainly is good,” is to be moved by this wind.

5) Benefit. You think, “All I do is go to a lot of trouble cultivating. I don’t even have any false thoughts. Consequently, people come to me and make an offering of a million dollars to build a temple, and they are very, very happy.” That is to be moved by the wind of benefit.

6) Destruction. Perhaps the wind of benefit blew yesterday, but tomorrow people may come and ruin everything. They’ll tell people, “That monk is no good. Don’t believe in him; he will do anything. Believe in me instead.”

7) Gain.

8) Loss.

Those are the eight winds. The verse says, “And even less can the winds and rains of the eight directions cause alarm.” It means that the eight winds blow, but I don’t move.

He rolls it up and secretly hides it away. When you close this sutra, you should store it in a good place, not a place that indicates your lack of respect. You should respect it.

And lets it go to fill the entire world. When you open it, the wisdom of prajna fills the sixfold union – that is, north, south, east, west, above, and below, which together represent the world. This prajna dharma-door is very wonderful.

Lạc tức là an lạc, sung sướng. Ăn ngon, mặc đẹp, ở sang trọng, ngày ngày đều sung sướng an lạc. Việc gì cũng mong tốt đẹp hết. Đó là một loại gió.

Lợi tức là lợi ích. "Tôi tu hành rất khổ cực. Tôi cũng không khởi vọng tưởng, lại có người cúng dường cả chục ngàn đồng để giúp tôi xây chùa, nên tâm tôi rất vui vẻ".

Suy là suy bại. Có người muốn phá hoại, nói : " Hòa Thượng kia không tốt. Việc gì thầy cũng làm. Chớ nên tin tưởng thầy đó. Tốt nhất là hãy tin tôi."

Đắc nghĩa là được. Thất tức là mất. Chúng đều là gió cả. Gió mưa tám hướng mà không khinh sợ thì tám gió thổi đến cũng không động.

"Quyện chi tắc thổi tạng ư mật, (cuộn lại giữ gìn trong bí mật)".

Bộ kinh này phải nên để nơi thanh tịnh, không nên để nơi bất kính. Chư vị phải tôn kính bộ kinh này.

"Phóng chi tắc di lục giáp trung, (mở ra chấn động khắp thế gian)".

Một khi mở kinh ra thì trí huệ Bát Nhã phóng quang đầy khắp sáu phương (tức đông tây nam bắc và trên dưới). Chư vị có thấy pháp môn Bát Nhã vi diệu lắm không ?

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Prajna and Emptiness

Sutra:

When Avalokiteshvara Bodhisattva was practicing the profound prajna paramita.

Verse:

Practice the Way, cultivate yourself,
and do not search outside.
The prajna of your own nature is the deep and secret cause.
White billows soar to the heavens,
the black waves cease;
Nirvana, the other shore,
effortlessly is climbed.
Time and again, time and again,
don't miss the chance;
Care for it, be diligent,
take hold of the divine innocence.
Unclear mirage: thus the news arrives;
Now it's there, now it's not – see what is originally esteemed.

Commentary:

The word practicing in the sutra is simply what we understand as cultivation. As to profound it is the opposite of superficial. Prajna means wisdom, and paramita means to reach the other shore. The text says that Bodhisattva Avalokiteshvara cultivates profound, not superficial, prajna.

What is profound and what is superficial? Profound prajna is wonderful wisdom. Superficial prajna is limited to an understanding of the Four Truths and the Twelve Links of Conditioned Causation (pratityasamutpada) as studied in the Hinayana, the Small Vehicle. But only the wonderful wisdom of profound prajna can cause you to actually reach the other shore. Who is it who can arrive at the other shore? Avalokiteshvara Bodhisattva.

By Tripitaka master Hsuan-Hua 25

"Hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, (lúc hành thâm bát nhã ba la mật đa).

Hành đạo tu thân mạc ngoại tầm
Tự tánh Bát Nhã thâm mật nhân
Bạch lãng xung tiêu hắc ba chỉ
Niết bàn bỉ ngạn nhậm vận đăng
Thời hề thời hề vật thác quá
Thận chi thận thủ thiên chân
Yếu yếu minh minh thông hựu tức
Hoảng hoảng hốt hốt kiến bốn tôn

Dịch:

Hành đạo tu thân chớ tìm ngoài
Tự tánh Bát nhã nhân thâm mật
Bọt trắng tiêu, sóng đen dừng
An nhiên bước lên bờ Niết Bàn
Thời qua thời chớ đánh mất dịp
Thận trọng thận trọng giữ thiên chân
Mờ mờ ảo ảo thông tin tức
Vội vội vàng vàng thấy bốn tôn."

Hành tức là tu hành. Thâm là đối ngược với thô thiển mà gọi là thâm. Bát nhã là trí huệ. Ba la mật đa là đạt đến bờ giác. Thời là thời gian.

Đoạn này nói về Bồ Tát Quán Tự Tại tu hành thâm nhập bát nhã, chớ không phải tu bát nhã thô thiển. Sao gọi là thâm bát nhã ? Đó là diệu trí huệ. Sao gọi là bát nhã thô thiển ? Đó là giáo pháp tiểu thừa, bốn diệu đế, mười hai nhân duyên. Nhờ diệu trí huệ chân chánh mới đạt đến bờ giải thoát. Nếu chư vị không có trí huệ chân chánh thì không thể đạt đến bờ giác được. Ai năng đạt đến bờ giác ? Là Bồ Tát Quán Tự Tại.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

When Shakyamuni Buddha spoke this sutra, he took special note of the great Bodhisattva Avalokiteshvara, who practices profound prajna and who has already reached the other shore. Thus the sutra says, when Avalokiteshvara Bodhisattva was practicing the profound prajna paramita. Those of the two vehicles, Arhats and Condition-Enlightened Ones, are unaware of profound prajna and cultivate only a superficial prajna, which is concerned with the analysis of emptiness. In their contemplations they make a very fine analysis of all form-dharmas and mind-dharmas.

What are form-dharmas and mind-dharmas? Form-dharmas are perceptible, while mind-dharmas are not. To make the distinction even clearer, everything that has perceptible characteristics and is conditioned is said to possess form. Since mind-dharmas are not perceptible objects, they can only be recognized as kinds of awareness. The fact that an awareness lacks any perceptible characteristics indicates that it is a mind-dharma, while what has perceptible characteristics but lacks awareness is called a form-dharma. Form-dharmas make up the first of the five skandhas, while feeling, cognition, formation, and consciousness, the remaining four skandhas, are all mind-dharmas, since they lack perceptible characteristics.

Therefore, when Avalokiteshvara Bodhisattva was practicing the profound prajna paramita, he illuminated the five skandhas and saw that they are all empty.

To talk about prajna is to talk about emptiness. Fundamentally there are many kinds of emptiness, but now for simplicity's sake, I will explain five basic kinds:

1) Insensate emptiness. This kind of emptiness lacks any knowing consciousness; it has no awareness. This emptiness, the ordinary emptiness known to most people, is called insensate emptiness because it consists merely of the emptiness we can see with our eyes, and it lacks its own awareness. It is the false, insensate emptiness people see in places where there is nothing at all. That lack of anything in a place is not the true emptiness.

Nơi đây Phật Thích Ca Mâu Ni đề cử ra Bồ Tát Quán Tự Tại, là vị Bồ Tát tu hành pháp Bát Nhã thậm thâm và đã đạt đến bờ giải thoát. Thế nên nói rằng hành thâm bát nhã ba la mật đa thời.

Người nhị thừa chỉ tu bát nhã thô thiện mà không tu pháp bát nhã thậm thâm. Sao gọi là bát nhã thô thiện ? Tức là năng phân tích, gỡ tháo pháp không. Tích tức là phân tích. Phân tích vi tế. Phân tích những gì ? Phân tích sắc pháp, tâm pháp. Sao gọi là sắc pháp ? Sắc pháp là có hình có tướng, có thể nhìn thấy được. Sao gọi là tâm pháp ? Tâm pháp là không thể nhìn thấy được. Hữu hình tức là có sắc pháp. Vô hình tức là tâm pháp. Hữu hình là gì ? Tất cả vật có tướng trạng đều gọi là hữu hình. Tâm pháp thì vô hình vô tướng, chỉ có trí giác. Có trí giác và vô hình vô tướng gọi là tâm pháp. Có hình tướng nhưng lại vô tri giác là sắc pháp. Sắc trong năm uẩn tức là sắc pháp, thọ, tưởng, hành, thức cũng gọi là tâm pháp. Thọ tưởng hành thức thì vô hình tướng. Lúc Bồ Tát Quán Tự Tại hành thâm bát nhã ba la mật đa, thì thấy rõ năm uẩn đều không. Ngài nhận thấy chúng đều không. Ngài bảo : "Sắc không khác không, không không khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ tưởng hành thức cũng đều như thế. Thọ tưởng hành thức giống như sắc pháp, cũng là không".

Nay giảng về không vì Bát Nhã đàm luận về không. Tánh không có rất nhiều loại. Nay chỉ giản lược nói về năm loại.

Thứ nhất là ngoan hư không. Ngoan tức là ngoan bì (ngu hèn). Gọi là hư không vì nó vô tri vô thức, không có sự tồn tại của tánh tri giác. Tất cả mọi người đều biết là hư không (trống rỗng). Mọi người đều chấp trước hư không. Mắt thấy hư không nhưng không có tánh tri giác, nên gọi là ngoan hư không. Phàm phu chấp trước cũng là ngoan hư không. Sao gọi là hư không ? Tức là không có chi hết, nhưng có thật là chân không, không ? Không phải, đó là ngoan (ngu ngơ) hư không. Đây là hư không mà phàm phu thường chấp trước.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

2) The emptiness of annihilation. This is emptiness as it has been understood by those of certain external paths, none of whom understand the principle of true emptiness. They say that when people die they cease to exist, that is, they are annihilated. And so their version of emptiness is called the emptiness of annihilation.

3) The emptiness of analyzed dharmas. This emptiness is a contemplation cultivated by those of the Small Vehicle. They analyze form as form, mind as mind, and sort them into their constituent dharmas without realizing that they are all empty. They only go so far as to say that because a perceptible characteristic can be analyzed as one of various form-dharmas, that because feeling, cognition, formation, and consciousness can be analyzed in terms of various mind-dharmas, they are empty. As a consequence, those of the two vehicles are not certified as ones who have accomplished the wonderful meaning of true emptiness. They stop at the transformation city (The enlightenment of those of the two vehicles (Arhats and Pratyekabuddhas) is compared to a city conjured up by magic that has no real existence. The source of the well-known image is the Dharma Flower Sutra (Suddharmapundarikasutra). A reference to the same analogy is found further on in the verse commentary: Partial truth with residue is just a conjured city.) They stand there, at that empty and false place, cultivating the contemplation of the emptiness of analyzed dharmas. That is what is called superficial prajna, not profound prajna.

Cultivators of superficial prajna can end the birth and death of their delimited segment (Sanskrit pariccheda; Chinese fen duan literally “share-section”), but they are unable to transcend the birth and death of the fluctuations (Sanskrit parinama; Chinese bian yi). What is meant by these two kinds of birth and death? The first refers to the body, and the second to thoughts. Everyone has a body; you have yours, I have mine, everyone has his own “share”. The body is a share and one lifetime from birth to death is called a section. It could also be said that everyone has his own form-section: you are five feet tall, he is five foot six inches, and that person is six feet tall. Each person has his own section, so this is the birth and death of one’s “share-section” or delimited segment.

Thứ hai là đoạn diệt không. Đó là gì ? Là không mà ngoại đạo chấp trước vào. Ngoại đạo không biết ý nghĩa của không. Họ cho rằng người chết rồi là hết, đoạn diệt luôn, cũng là không. Thế nên, họ chấp vào đoạn diệt không.

Thứ ba là pháp không quán. Người nhị thừa tu tích pháp không quán. Tích cũng là phân tích sắc tức là sắc, tâm tức là tâm. Họ không biết tất cả đều là không. Thế nên không thể đắc và chứng được diệu lý chân không, chỉ tạm trú tại hóa thành thôi, không đồng với địa vị của Bồ Tát. Hóa thành là nơi không vọng, chỉ là trạm dừng chân. Họ tu loại tích pháp không quán, nên gọi là bát nhã thô thiển. Bát nhã thô thiển tức là bát nhã không thâm sâu. Họ tu hành pháp bát nhã này thì chấm dứt phần đoạn sanh tử, nhưng biến dịch sanh tử vẫn còn. Sao gọi là phần đoạn sanh tử ? Ai ai cũng có thân thể. Chư vị có một phần. Tôi có một phần. Từ sanh đến chết có một đoạn. Một phần một đoạn gọi là phần đoạn sanh tử. Phần đoạn cũng gọi là hình đoạn của mỗi người. Chư vị cao năm thước. Họ cao sáu thước. Lại có người cao bảy thước. Mỗi người đều có một phần đoạn. Thánh nhân chứng sơ quả, nhị quả, tam quả, và tứ quả A La Hán chặt đứt được phần đoạn sanh tử mà vẫn còn biến dịch sanh tử.

Sao gọi là biến dịch sanh tử ? Biến tức là biến hóa. Dịch tức là dung dịch, cũng là biến hóa, giao dịch, mậu dịch. Biến dịch sanh tử là gốc của phần đoạn sanh tử. Vì sao gọi là thế ? Biến dịch sanh tử cũng là bao loại vọng tưởng. Những vọng tưởng này luôn lưu xuất, vọng niệm trước diệt, vọng niệm sau sanh, vọng niệm sau diệt, vọng niệm kế lại sanh. Sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, nên gọi là biến dịch sanh tử. một niệm diệt tức là mất. Một niệm sanh tức là đã sanh, cũng là vọng niệm của chúng ta.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The Holy Ones of the fourth stage of Arhatship have ended the birth and death of their delimited segments, but they have not yet ended the birth and death of fluctuations. "Fluctuations" refers to the transformations which are the source of the birth and death of the delimited segment, because the birth and death of fluctuations refers to nothing more than all the various false thoughts. The false thoughts flow along: one thought ceases to exist and the next thought is born; then that thought ceases to exist and a third is born, and so forth. That kind of successive production and extinction is also a kind of birth and death. At the fourth stage of Arhatship, false thinking has not been extinguished entirely. The stage of the Bodhisattva of the Mahayana, the Great Vehicle, must be reached in order to put an end to the birth and death of fluctuations. Then there are no more false thoughts.

The birth and death of fluctuations is at the root of our birth and death. Why is it that we are born and then die? Only because we have false thoughts. And where do the false thoughts come from? From ignorance. It is because there is ignorance that all false thoughts are produced.

4) Bodily dharma emptiness. The fourth kind of emptiness is cultivated by the Condition-Enlightened Ones, the Pratyekabuddhas, who have the bodily experience of the emptiness of dharmas.

5) True emptiness. Bodhisattvas cultivate the contemplation of the emptiness of wonderful existence. When Avalokiteshvara Bodhisattva was practicing the profound prajna paramita, he was cultivating the contemplation of the emptiness of wonderful existence. When he illuminated the five skandhas and saw that they are all empty, he was cultivating at the level reached by profound prajna with the ability obtained from profound prajna.

Practice the Way, cultivate yourself, and do not search outside. If you wish to cultivate the Way, don't look outside yourself, for outside there is nothing to be sought. You should search within your own nature.

Tứ quả A La Hán chưa đoạn diệt hẳn hết, nên chỉ có Bồ Tát đại thừa mới năng đoạn tận hết. Biến dịch sanh tử cũng là cội gốc sanh tử của chúng ta. Sao chúng ta có sanh tử ? Vì chúng ta có vọng tưởng. Những vọng tưởng này phát sanh từ đâu ? Vọng tưởng vốn do vô minh phát sanh. Vì có vô minh nên mới phát sanh bao loại vọng tưởng.

Thứ tư là thể pháp không quán

Duyên Giác tu thể pháp không quán

Thứ năm là diệu hữu không quán

Bồ Tát tu diệu hữu không quán

Chân không diệu hữu.

Lúc Bồ Tát Quán Thế Âm hành thâm bát nhã ba la, Ngài soi thấy năm uẩn đều không. Đó là đắc được công năng tu hành bát nhã ba la mật đa. Nay y chiếu theo kệ của tôi mà giảng giải.

"Hành đạo tu thân mặc ngoại tâm, (hành đạo tu thân chớ tìm ngoài)".

Chư vị muốn tu đạo, tu thân, thì chớ tìm bên ngoài. Không nên hướng ngoại tìm cầu, mà hãy tìm lại tự tánh của mình.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The prajna of your own nature is the deep and secret cause means that deep within your own nature lies the secret seed.

White billows soar to the heavens, the black waves cease. When one cultivates the Way, the white billows, which are like waves of rolling water, are wisdom, and the black waves are affliction. When affliction has ceased, your wisdom soars on high. Thus the profound prajna paramita which the Bodhisattva practices is both high and deep. It is deep because when you are in that high place you look down and don't see anything at all.

Nirvana, the other shore, effortlessly is climbed. With wisdom you can very naturally reach the other shore of Nirvana; very, very easily, very, very naturally you get to the other shore, without any need to expend any effort at all.

Time and again, time and again, don't miss the chance. The time when we cultivate the Way is the most precious, so don't let it go by empty. "Time and again, time and again." Don't let the time in which we should cultivate prajna paramita go by empty; don't let it go by!

Care for it, be diligent, take hold of the divine innocence. When you are filled with energy and alive with spirit, you should not forget to pay attention. You should not let that time go by, because that is the time to cultivate and to attain true prajna – the doctrine of the divine innocence (tian zhen, the natural spontaneity that sage and child alike possess).

Unclear mirage; thus the news arrives. The events are likened to an unclear mirage. You wish to see them, yet you look at them and don't see them. You listen, yet you don't hear anything. At the time when your seeing is like an unclear mirage, you get a little news.

Now it's there, now it's not – see what is originally esteemed. You look and say what you see is real, but it doesn't seem to have any perceptible characteristic. Then you say it doesn't have any perceptible characteristic, yet it seems like you are seeing something. What you see is what is originally esteemed – your own nature.

"Tự tánh bát nhã thâm mật nhân, (tự tánh bát nhã nhân thâm mật)".

Trong tự tánh bát nhã có hạt giống thâm mật.

"Bạch lăng xung tiêu hắc ba chỉ, (sóng bạc tiêu lặn biển đen dừng)".

Lúc tu đạo, sóng bạc tức là trí huệ, như nước chảy tạo thành sóng màu sắc trắng. Sóng biển đen tức là phiền não. Khi sóng đen ngừng thì trí huệ tăng, pháp thậm thâm cũng cao siêu. Hành bát nhã ba la mật đa, lưu xuất pháp thậm thâm không ? Vì pháp này rất cao siêu, nhìn xem không thể thấy, nên gọi là bát nhã thậm thâm. Sóng đen dừng tức là phiền não dừng.

"Niết bàn bỉ ngạn nhậm vận đăng, (bờ Niết Bàn, từ từ leo lên)".

Một khi đã có trí huệ thì tự nhiên biết cách để đạt đến bờ niết Bàn, không bỏ phí sức lực nào.

"Thời hề thời vật thác quá, (thời qua thời chớ để trôi qua)".

Chúng ta tu đạo, thời gian rất quý báu, đừng để chúng trôi qua vô ích. Thế nên, thời qua thời chớ để trôi đi. Thời gian nào ? Tức là lúc hành thâm bát nhã ba la mật. Chư vị chớ nên để thời gian trôi qua vô ích.

"Thận chi thận thủ thiên chân, (thận trọng, thận trọng giữ thân chân)".

Chư vị phải cẩn thận, đừng để thời gian trôi mất, ngày đêm luống qua vô ích. Hiện tại phải tu hành đắc được pháp bát nhã thậm thâm, chân lý cao thượng.

"Yểu yểu minh minh thông hựu tức, (mờ mờ ảo ảo thông tin tức)".

Mờ mờ ảo ảo, nói nghe nhưng thực không nghe, nói thấy nhưng thực không thấy.

"Hoảng hoảng hốt hốt kiến bản tôn, (vội vội vàng vàng thấy bản tôn)".

Hiện nay, chư vị phải được tin tức mờ mờ ảo ảo, vội vội vàng vàng thấy bản chân. Lại như không có hình tướng mà nói thấy hình tướng. Thấy bản tôn tức là thấy rõ tự tánh của chính mình.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The Conditioned Body

Sutra:

He illuminated the five skandhas and saw that they are all empty.

Verse:

The three lights shine everywhere,
permeating the three forces.
The one returns to the place of union,
yet the one comes forth again.
See that form is emptiness
and that feeling is the same way;
False thoughts are the shifting currents,
while formation is the arranger of karma;
With consciousness, which understands differences,
the five shadows are completed.
Mirror-flowers and water-moon,
beyond defiling dust:
Emptiness not empty – the great function of clarity;
Vision is yet not a view – happiness indeed!

Commentary:

The three lights shine everywhere, permeating the three forces. “The three lights” are the sun, the moon, and the stars, which illuminate everything in the universe and thoroughly penetrate “the three forces” of heaven, earth, and humanity. The three lights are also the lights of wisdom: the light of the prajna of language, the light of the prajna of contemplative illumination, and the light of the prajna of the characteristic of actuality (The three are also said to be the symbolic red, white, and purple lights). The light of true prajna of the characteristic of actuality is the very deep prajna-light by which

Soi thấy năm uẩn đều không.

"Tam quang phổ chiếu thấu tam tài
Nhất quy hợp xứ phục nhất lai
Kiến sắc tức không thọ nạp thị
Vọng tưởng quyền lưu hành nghiệp bài
Thức nãi liễu biệt ngũ âm cụ
Cảnh hoa thủy nguyệt tuyệt trần ai
Không nhi bất không minh đại dụng
Kiến do vị kiến lạc khoái tai."

Dịch :

"Ba quang phổ chiếu thấu ba tài
Nhất quy hợp xứ lại nhất lai
Thấy sắc tức không thọ nạp thể
Vọng tưởng chuyển lưu, tan hạnh nghiệp
Thức vẫn phân biệt đủ năm âm
Gương hoa trăng nước tuyệt trần ai
Không mà chẳng không rõ đại dụng
Thấy như chưa thấy vui vô vàn".

"Tam quang phổ chiếu thấu tam tài, (ba quang phổ chiếu thấu ba tài)".
Ba quang là mặt trời, mặt trăng, và các ngôi sao. Phổ chiếu tức là phổ biến chiếu sáng. Ba tài là trời, đất, người. Ba quang là văn tự bát nhã quang, quán chiếu bát nhã quang, thật tướng bát nhã quang. Thật tướng bát nhã quang tức là thậm thâm bát nhã quang.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Avalokiteshvara Bodhisattva illuminated the five skandhas and saw that they are all empty. With the three kinds of light he illuminates every place in the heavens and on earth, and the lights permeate the three motive forces.

The one returns to the place of union, yet the one comes forth again. “The one” refers to one’s own nature. The “place of union” is where one’s own nature dwells. Basically it is this: “Ten thousand dharmas return to one; one returns to unity.” So says the verse about Shen Guang (Also known as Hui Guo, was the second Patriarch of the Chan School of Buddhism in China):

Ten thousand dharmas return to one, The one returns to unity[1]. Shen-kuang didn’t understand, And ran after Bodhidharma; before Him by Bear Ear Mountain knelt Nine years seeking Dharma To escape King Yama.

The “one” that the ten thousand dharmas return to is the mind or nature of each individual. The “one returning to unity” is the uniting with the Buddhanature. After uniting with the Buddhanature, “the one comes forth again”; this is the giving birth to the wonderful functioning of the one, which is the Buddhahood you realize. The one that comes forth again is just you, this Buddha.

See that form is emptiness and feeling is the same way. You can see form, yet it is fundamentally empty. The sutra says that form itself is emptiness; what does this mean? We common people are attached to form, to a general form-body in which the many kinds of form-dharmas are united. This is what we call our physical body. “How can we say that the form-body is empty?” someone says. “It’s really here! It wears clothes, eats, sleeps, so how can it be empty?” When you understand how form can exist, you can be empty.

I spoke earlier about the emptiness of analyzed dharmas. The body is analyzed as the summation of the characteristics of form which are united together. This is the way it is. Earth, water, fire, and wind, the four great elements (mahabhuta), are the differentiated characteristics of form. The form-body comes into being when earth, water, fire, and wind unite.

Soi thấy năm uẩn đều không. Dùng ba quang chiếu thấu ba tài, tức chiếu khắp trời, đất, người.

"Nhất quy hợp xứ lại nhất lai".

Nhất quy hợp xứ tức tự tánh của mình. 'Nhất' là nói tự tánh. 'Hợp xứ' cũng là chỗ của tự tánh. Xưa nay muôn pháp đều quy về một. Một quy về hợp xứ.

Ngài Thần Quang có nói bài kệ :

"Muôn pháp quy về một
Một quy về hợp nhất
Thần Quang vốn chẳng sớm biết Đạt Ma
Véch tai núi quỳ nghe Ngài dạy chín năm
Chỉ cầu thoát khỏi Diêm La".

Vì sao thế ? Tâm chúng ta cũng chính là tánh. Một khi quay về liền hợp xứ. Hợp tức là tương hợp. Tương hợp với gì ? Cùng tương hợp với Phật tánh. Chư vị cùng Phật tánh tương hợp, rồi trở về cội gốc, lại xuất sanh diệu dụng. Diệu dụng này chính giúp thành tựu Phật quả, gọi là trở về nhất lai, cũng là ông Phật của chư vị.

"Thấy sắc tức không thọ nạp thế".

Thấy sắc tức không, nghĩa là thấy được sắc mà sắc vốn là không. Sao nói sắc vốn không ? Phạm phu chúng ta đều chấp trước sắc này. Chấp vào sắc gì ? Tổng thể của sắc. Sắc pháp tuy có nhiều loại, mà tổng thể của sắc chính là thân thể chúng ta, gọi là sắc thân. Sao sắc thân lại là không? "Thật sự thân này có mà !"

Chư vị biết mặc đồ, ăn uống, ngủ nghỉ, sao chẳng biết không ? Nếu chư vị hiểu rõ sắc thân này được hình thành như thế nào thì chư vị sẽ hiểu rõ tánh không của nó. Vì vậy nên giảng về chân không tích pháp, cũng là pháp phân tích. Thân này là tổng tướng của sắc. Đất nước gió lửa là biệt tướng (tướng riêng) của sắc.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The skin, flesh, muscles, and bones of our bodies are the great element earth. The saliva, urine, excrement, water, and sweat are the great element water. The heat of our bodies is the great element fire; and the circulation of the breath is the great element wind. The four great elements unite to become a body, and when they separate, the body is destroyed. Each of the four elements returns to its original position, which is emptiness.

Most people are attached to the body as “me”. That’s wrong; the body is not “me”. “Then what is ‘me’?” you ask. You can control your body and have the perceptions of seeing, hearing, smelling, tasting, touching, and knowing. It is the perception-nature which is me. “So then what is the body?” One can only say, “This body is mine,” not “This body is me.” The body is like a house; you live in a house, but you do not say, “This house is me.” If you were to say that, everyone would laugh their teeth right out of their mouths. But when you refer to your body as “me”, most people don’t laugh, because they also live with the same supposition. But it is just the same as supposing that your house is you. Because you live in a body-house, you say it is you. In the body there are seeing, smelling, hearing, tasting, feeling, and knowing. But are those the Buddhanature? It is the Buddhanature which is you.

The body comes into being merely through the gathering together of conditioned causes. If the conditioned causes set themselves up in a different manner, then the form-body disperses. That is the reason one cannot say, “My body is me.” One can only say, “It is mine. This is my body, and I can disown it or exchange it for another.” You have that kind of authority, but you yourself don’t know it yet. Because you live in the house, you don’t know about the events which go on outside. You still suppose, “This house is me.” Don’t perceive the house as being you. If we take a look into form and analyze it, form itself is empty – it doesn’t exist. Therefore, it follows that emptiness can be changed into form-dharma. How does the change take place? Earth, water, fire, and wind merge to become a body. It has been said that God created people. His work of creation was just a matter of putting earth, fire, water, and wind together. If we use earth, fire, water, and wind, we can also create a person, or a lot of people. Anybody could do it. A few materials are used, and a person is created.

Thân thể của chúng ta do đất nước gió lửa hợp thành. Xương cốt thịt thà chính là đất. Nước mắt, nước mũi, máu, tiểu tiện, mồ hôi, là nước. Thân thể được ấm áp là nhờ có lửa. Vận động hô hấp nhờ thân thể có gió. Bốn đại hòa hợp thì thân thể còn. Chúng phân tán thì thân thể mất. Đất trở về đất đá. Nước trở về nước. Gió trở về gió. Lửa trở về lửa. Mỗi đại đều trở về cội gốc, nên không thật có. Vì thế, mọi người chấp trước vào thân thể, tự cho là có, thật là sai lầm. Sao thân thể không phải là mình ? Thân thể không phải là mình. Mình là gì ? Có thể giữ gìn thân thể, có thể thấy, nghe, ngửi, biết, nhận thức bằng tri giác. Tri giác này cũng là mình. Thân thể là gì ? "Thân thể chính là mình, mình là thân thể".

Không thể cho rằng thân thể chính là mình được, vì thân thể chỉ giống như nhà ở. Chư vị không thể cho rằng nhà mình ở chính là mình. Chư vị gọi nhà ở chính là mình thì sợ rằng người ngoài cười cho. Nhưng nói thân thể chính là mình thì không ai cười cả. Sao không ai cười chư vị ? Vì ai cũng cho rằng thân thể chính là mình, tức là chấp nhà ở chính là mình. Thấy, nghe, ngửi, nếm, giác, biết đều là Phật tánh. Phật tánh cũng chính là tự tánh của chư vị.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

When the conditioned causes come together, a person comes into being; when the conditioned causes disperse, the person ceases to exist.

If you understand that form itself is emptiness, then you shouldn't perceive the body as "me". It is only a possession; it just belongs to "me". But here especially you should not be attached. If you take the attitude that "the body is what I have," then you will want to help it a lot, and you will "make your mind your body's slave." [2] Here "mind" means your awakened mind, which can understand that your body is a form-dharma and thereby unreal. Therefore, don't be attached to it. Destroy the form skandha, and the form skandha will be empty.

"See that form is emptiness and feeling is the same way." Feeling, the second of the five skandhas is like form; it's empty.

False thoughts are the shifting currents; this refers to the cognition-skandha. While formation is the arranger of karma; this is the formation-skandha. The karma created from formation is arranged together in an orderly fashion.

With consciousness which understands differences: the consciousness-skandha is fine discrimination and understanding of differences. The five shadows are completed. Form, feeling, cognition, formation, and consciousness are the five skandhas, which are often represented in Chinese by the character yin , which literally means shadow.

Mirror-flowers and water-moon, beyond defiling dust. The five skandhas – form, feeling, thought, formation, and consciousness – are like flowers reflected in a mirror, or like the image of the moon on the surface of the water. No dust at all defiles them, for the five skandhas are all empty.

Thân thể bất quá chỉ do nhân duyên hòa hợp. Nhân duyên ly biệt thì thân thể phân tán. Thế nên, chư vị đừng cho rằng thân thể chính là mình. Mình ở trong nhà, những việc bên ngoài không thể biết. Thế nên đừng chấp trước nhà ở chính là mình.

Bàn về sắc, chư vị hãy phân tích rõ, nó cũng là không. Do từ không mà biến thành sắc pháp. Đất nước gió lửa hợp thành thân thể mà có người lại nói rằng thượng đế tạo ra người. Dùng gì để tạo ra ? Cũng dùng đất nước gió lửa mà tạo thành. Chúng ta cũng có thể dùng một chút đất, nước, gió, lửa để tạo ra thân người. Ai ai cũng đều tạo ra người khác được. Con người do nhân duyên hòa hợp tạo thành. Nhân duyên ly biệt thì thân thể phân tán. Thế nên đừng gọi thân thể là mình. Sắc tức là không. Chư vị nếu hiểu rõ sắc tức là không thì không chấp trước thân thể là mình. Tất cả vật dụng thuộc về mình, mình đều bảo tồn, phụ trợ. Đó là làm nô lệ cho thân mình. Tâm của chư vị chính là tánh tri giác. Chư vị phải hiểu rõ thân thể là sắc pháp, là giả hợp, đừng nên chấp trước. Nếu không chấp trước thân thể tức là phá được sắc uẩn. Khi phá được sắc uẩn rồi thì nó biến thành không.

Thọ nạp như thế. Thọ uẩn cũng giống như sắc uẩn, là không thật có. "Vọng tưởng quyện lưu hạnh nghiệp an bài, (vọng tưởng chuyển lưu, nghiệp an bài)".

Vọng tưởng là tưởng uẩn. Quyện lưu tức là hành uẩn. Hành nghiệp an bài là hành uẩn được an bài cùng hành nghiệp.

"Thức nãi liễu biệt ngũ âm cụ, (thức cũng liễu biệt đủ năm âm)".
Liễu biệt là thức uẩn. Phân biệt đầy đủ năm âm. Năm âm là sắc thọ tưởng hành thức.

"Cảnh hoa thủy nguyệt liễu trần ai, (hoa gương trăng nước tuyệt bụi trần)".
Năm âm: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, giống như hoa hiện trong gương, như trăng hiện trên mặt nước. Tuyệt bụi trần tức là không còn một vết ô nhiễm bụi trần. Nói lên ý nghĩa là năm uẩn đều không.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Emptiness not empty – the great function of clarity. When you don't understand clearly that the five skandhas are all empty, there is affliction, false thinking, and trouble. It is just within clarity about the five skandhas that you turn your consciousness around to realize wisdom. Doing just that is the especially great and wonderful functioning which you then understand.

Vision is yet not a view – happiness indeed! True emptiness produces wonderful existence. The production of wonderful existence has a great use. “Vision is yet not a view” means that then your seeing is the same as not seeing. When you are unaffected by this kind of experience, you attain genuine happiness. Therefore, the verse says, “Happiness indeed!”

[1] According to a textual variant, the second line of the verse reads, “To what does the one return?”

[2] The quotation is from Tao Yuan Ming's celebrated poem “Returning Home”. In the poem the poet talks about returning from an official position which he felt compromised his principles.

"Không nhi bất không minh đại dụng, (không mà chẳng không rõ đại dụng)".
Chư vị phải hiểu rõ năm uẩn đều không. Lúc không hiểu rõ năm uẩn là không thì có nhiều phiền não, vọng tưởng. Hiểu rõ được thì chuyển thức thành trí. Khi ấy đắc đại diệu dụng phi thường. Hiểu rõ diệu dụng này tức thấy mà như chưa thấy thì an lạc sung sướng.

"Kiến do vị kiến lạc khoái tai, (thấy như chưa thấy, vui vô vàn)".
Nơi chân không xuất sanh ra diệu hữu, cùng đại dụng. Khi ấy chư vị thấy rõ mà cũng đồng như chưa thấy. Không bị cảnh giới chuyển. Có thể, chư vị mới đắc được an lạc chân chánh. Vì vậy nói rằng vui vẻ vô vàn.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The Kinds of Suffering

Sutra:

And he crossed beyond all suffering and difficulty.

Commentary:

All refers to everything which is suffering and difficulty. Suffering by itself is already unpleasant to endure; add difficulty to suffering and the suffering is even greater.

Crossed beyond indicates deliverance from suffering and the attainment of happiness; it means liberation. “Why then doesn’t the sutra simply say ‘liberated’, instead of crossed beyond all suffering and difficulty?” you ask. Even if you illuminate the five skandhas and see that they are all empty as Bodhisattva Avalokiteshvara did, you still must cultivate. Only then can you cross beyond all suffering and difficulty. To illuminate emptiness and see it is merely to know emptiness; you must still practice. Although you have quickly awakened to the principle, there is still the gradual work of cultivation.

If you know about emptiness but don’t cultivate, then emptiness is of no use. If you understand that the principle itself is empty, you should cultivate and cross beyond suffering and difficulty. If you want to cultivate, you yourself must actually do it. It’s not just talk- Zen: “Hey! I’ve become enlightened. I’ve attained anuttarasamyaksambodhi, the Utmost Right and Perfect Enlightenment.” Enlightened? How did you become enlightened? How did you do it? How was your anuttarasamyaksambodhi certified? It’s easy to say, but hard to do! Just saying it is a dharma, but by doing it you arrive. If you say it, you must be able to do it. If you know about emptiness, then you should cultivate. Understand true emptiness, then cultivate wonderful existence.

Độ nhất thiết khổ ách, (vượt tất cả khổ ách).

"Độ qua khổ ải xuất luân hồi
Vũ tế thanh tịnh nguyệt chánh huy
Khôn nguyên đạo thể nhân trung thánh
Bất hoại kim khu thể thượng hy
Thoát sanh hà thuận thiên niên lạc
Chứng diệt khởi thị vạn kiếp kỳ
Nhị tử vĩnh vong ngũ trụ tận
Tiêu diêu pháp giới nhậm đông tây

Dịch :

Vượt qua cửa khổ thoát luân hồi
Mưa tịnh trời trong trăng sáng hiện
Càn nguyên thể đạo thánh giữa người
Vàng chẳng hoại diệt thể gian hiếm
Thoát sanh tử càn chi thuốc tiên
Chứng diệt đọa chi muôn kỳ kiếp
Hai chết mất hẳn năm trụ tận
Dạo chơi pháp giới khắp đông tây".

Vượt qua tất cả khổ ách. Độ tức là độ thoát. Tất cả là bao quát hết mọi khổ ách. Khổ thật khó thọ nhận, mà lại gia tăng thêm cái ách nữa thì thật rất khó lãnh thọ.

Độ, sao gọi là độ ? Độ thoát, sao gọi là độ thoát ? Tức là xa khổ đau đắc được an lạc, nên gọi là độ thoát, cũng là giải thoát. Tại sao không gọi là giải thoát tất cả khổ ách, mà là độ thoát tất cả khổ ách ? Vì tiếp theo câu trên "Soi thấy năm uẩn đều không", mà nói. Ý nói là độ cho những người tu hành. Chư vị tuy thấy năm uẩn đều không nhưng phải tu hành. Tu hành mới độ thoát được tất cả khổ ách. Nếu chư vị không tu hành mà chỉ đơn giản thấy năm uẩn là không thì có dụng ích chi ? Soi thấy chúng đều không thì mới biết rõ tánh không, hay giác ngộ chúng là không, nhưng phải nên tu hành. Vì vậy, tuy đón ngộ lý mà sự thì phải tiệm tu (tu dần dần).

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The suffering and difficulty which is crossed beyond is not limited to just one kind of suffering. All kinds are included: the three kinds of suffering, the eight kinds, and all the infinite kinds. The three kinds of suffering are: the suffering of suffering itself; the suffering of decay; the suffering of the activity of the five skandhas. The three sufferings are also called the three kinds of feeling: the feeling of suffering, the feeling of happiness, and the feeling of neither happiness nor suffering. Therefore, the suffering of suffering itself is the feeling of suffering, and the suffering of decay is the feeling of happiness. You shouldn't try to refute this by thinking that happiness is not caught up in suffering, because happiness can go bad. Happiness going bad is the suffering of decay. The suffering of the activity of the five skandhas refers to feelings which are neither happy nor unhappy. That one doesn't hold any interest either.

The first four of the eight kinds of suffering are: the suffering of birth; the suffering of old age; the suffering of sickness; the suffering of death. Who isn't born? At the moment of birth, you suffer. And who can prevent old age? Yet one might say, "A child died before it had a chance to grow old; since it did not get old, it basically didn't have any awareness." However, even though it wasn't old, it still suffered sickness and death, and one could also say that it suffered growing old, for the day it died it was old. If it had not become old, how could it have died? Because it died, one can also say the child changed to become old and endured the suffering of old age, even though its life did not bear fruit.

Who dares to say that sickness is not suffering? Sickness is especially bitter suffering. Even when one who has become enlightened gets sick, he still suffers in the same way. For example, Shakyamuni Buddha suffered from the retribution of the metal spear and the retribution of the horse-feed. Why did he have to undergo those retributions? When Shakyamuni Buddha was a child on the causal ground of a former life, he lived in a place where the populace was starving. One day the starving people pulled a great fish up from the sea to the shore. Before they had a chance to eat it, the child who was to be Shakyamuni Buddha picked up a big stick, approached the fish, and hit it on the head several times.

Hiểu rõ lý rồi thì phải tu hành mới độ thoát được tất cả khổ ách. Nếu chỉ biết chúng là không mà chẳng chịu tu hành thì cái không đó chẳng có ích lợi gì. Vì thế, chư vị phải nên tu hành, thật tiền tu hành. Độ cũng là cung hành thật tiền, thật thật tại tại tu hành, thật thật tại tại mà làm. Không nên dùng khẩu đầu thiền, nói khai ngộ, đắc được A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Đã khai ngộ. Vậy khai ngộ gì, đắc được gì ? Chứng đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề như thế nào ? Nói thì rất dễ mà hành thì rất khó. Nói là pháp, mà hành là đạo. Thế nên, chư vị nói được thì phải hành được. Hiểu rõ chúng là không thì phải tu. Dùng cái không mà tu cái có. Dùng chân không mà tu diệu hữu.

Độ thoát tất cả khổ ách. Tất cả khổ ách là không phải một việc khổ mà nói bao quát hết mọi khổ ách. Khổ tựu chung có ba loại khổ, tám khổ, vô lượng khổ. Ba loại khổ là khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Lại gọi ba thọ tức thọ khổ, thọ lạc, thọ không khổ không lạc, cũng là khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Sao gọi là thọ ? Thọ nghĩa là tiếp thọ. Tiếp thọ khổ, lạc, và không khổ không lạc. Khổ khổ tức là khổ thọ. Hoại khổ tức là lạc thọ. Đừng cho rằng hưởng lạc mà không có khổ trong đó. Trong an lạc có hoại. Hoại rồi thì có hoại khổ. Không khổ không lạc gọi là hành khổ.

Tám khổ là gì ? Tức là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, thương mà xa lìa khổ, oán ghét mà gần nhau khổ, cầu mà không được khổ, năm ấm hầy hưng khổ. Ai mà không được cha mẹ sanh ra ? Có sanh tức có khổ vì sanh. Ai không già yếu. Có người nói rằng trẻ thơ chưa già mà chết. Tuy chưa già nhưng vốn chưa có tri giác. Trẻ em chưa già nhưng vẫn có khổ vì bệnh, khổ vì chết, cũng gọi là khổ vì già. Sao bảo trẻ em khổ vì già ? Ngày em bé chết chính là ngày em đã già. Nếu không già thì sao lại chết. Chư vị bảo trẻ em cũng biến thành già sao ? Vì em chết nên cũng gọi là già. Vì thọ mạng của em không được dài lâu. Thời gian từ sanh đến chết rất ngắn ngủi. Khi chết cũng là đã già rồi. Nếu không già thì sao lại chết ? Thế nên, không thể thoát khỏi khổ vì già.

Bệnh khổ. Có ai dám nói rằng bệnh không khổ không ? Bệnh thật rất thống khổ. Chư vị cũng hiểu rõ rồi. Sanh ra lại khổ vì bệnh. Phật Thích Ca Mâu Ni cũng bị quả báo gây đập, ăn lúa ngựa. Tại sao vậy? Vì trong một đời tiền kiếp, Ngài làm một đứa trẻ. Lúc ấy trong vùng Ngài ở, dân chúng bị đói khát, không có gì để ăn. Chợt có một con cá voi bị mắc cạn. Ngài dùng côn đánh vào đầu

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Even after he realized Buddhahood, Shakyamuni Buddha's head often hurt as if it were being pricked with a spear. That was the retribution of the metal spear.

On the causal ground of a former life, Shakyamuni Buddha spoke wrongly to a cultivator of the Way. He said to the cultivator, "Your cultivation is still lacking in sufficient ascetic practices. If you were really cultivating, you would be eating horse-feed." After Shakyamuni Buddha attained Buddhahood, he was invited to a certain country to dwell in peaceful retreat for the summer, but the king didn't make offerings to him and only gave him and his bhikshus, the Buddhist monks who were his disciples, horse-feed to eat. This was the horse-feed retribution. The karma which you create on the causal ground must be undergone as retribution on the ground which is its fruition.

After the suffering of birth, old age, and sickness comes the suffering of death. Death: nobody welcomes it. Why? Probably because it is suffering.

The second four of the eight kinds of suffering are: the suffering of being apart from those you love; the suffering of being together with those you despise; the suffering of not obtaining what you seek; the suffering of the flourishing of the five skandhas.

Because there are all those kinds, the sutra says all suffering. By cultivating, it is possible to avoid the three kinds of suffering, the eight kinds of suffering, and all the infinite kinds of suffering. That is what the sutra means by crossed beyond all suffering and difficulty.

khiến cá chết. Sau đó dân làng áp ra róc thịt cá voi mà ăn. Do đó, sau khi thành Phật rồi, Ngài thường thường cảm giác nhưc đầu tựa như bị cây đập lên đầu, nên gọi là quả báo gặp đập. Lại nữa, trong một đời tiền kiếp, Ngài có nói một câu sai lầm rằng đối với người tu đạo, phải tu hành khổ hạnh chân chánh bằng cách ăn lúa ngựa. Sau khi Ngài thành Phật, trong một kỳ an cư kiết hạ, quốc vương không cúng dường gì hết, chỉ cho Ngài và tăng chúng tỳ kheo lúa ngựa thường ăn. Đó là do Ngài tạo nghiệp lúc còn tu hành ở nhân địa, nên hiện đời phải cảm thọ quả báo.

Chết, ai ai cũng đều không thích chết. Vì sao ? Vì quan hệ đến khổ đau. Lại có khổ vì thương nhau mà xa lìa, ghét nhau mà thường gặp, cầu mà không được như ý, nắm ấm luôn thay đổi hỷ hờng. Những loại khổ này đều gọi là khổ. Nay chúng ta tu hành nên phải dẹp trừ ba khổ, tám khổ, vô lượng khổ, nên gọi là độ thoát tất cả khổ ách.

"Độ qua khổ ải xuất luân hồi, (vượt qua biển khổ xuất luân hồi)".

Mọi khổ đều nằm trong biển khổ. Nếu chư vị vượt qua hết tất cả khổ ách thì chắc chắn sẽ thoát khỏi sáu nẻo luân hồi: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la, người, trời.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

I have written a verse about it:

Verse:

Across the sea of suffering,
one leaves the revolving wheel.
The rains disperse, the heavens clears;
just then the moon is fully bright.
The qian source is the Way-substance,
among people the sage.
His undecaying golden body is rare in the world.
Cast off life;
what need of thousand-year drugs?
Attain extinction;
why wait ten thousand kalpas?
Five dwellings ended,
the two deaths disappear forever.
Roam at will from East to West,
throughout the dharma realm.

Commentary:

Across the sea of suffering, one leaves the revolving wheel. “The sea of suffering” is just all suffering and difficulty. If you wish to cross beyond all suffering and difficulty, you must first be released from the revolving wheel of the six paths of rebirth: gods, asuras, people, animals, hungry ghosts, and hell-dwellers.

The rains disperse, the heavens clear; just then the moon is fully bright. The time of release from the paths of rebirth is likened to the time when the rain stops, the heavens clear, and the full moon is filling the sky with its radiance.

"Vũ tể thanh tịnh nguyệt chánh huy, (mưa tạnh trời trong trăng sáng hiện)".
Khi ấy mưa tạnh tức là không còn hạt mưa nào hết. Bầu trời trong sáng. Trăng sáng hiển hiện. Mặt trăng trong không trung chiếu sáng. Năm ấm đều không. Không còn năm ấm giống như không còn mây, mưa. Bầu trời trong sáng, thanh tịnh. Trăng treo lơ lửng, muôn dặm không áng mây. Cảnh giới này khiến chư vị phát sanh trí huệ chân chánh, chiếu sáng khắp cả, nhờ đó mà độ thoát qua hết tất cả khổ ách.

"Càn nguyên đạo thể nhân trung thánh, (Càn nguyên đạo thể thánh giữa người)".

Khi chứng sơ quả A La Hán, thân thể chư vị tràn ngập khí dương. Càn là số dương trong kinh dịch, nên gọi là càn nguyên. Đạo thể là thể chất của việc tu đạo. Trung nhân thánh là thánh nhân trong loài người.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The line represents the emptiness of all five skandhas:

The bright moon stands out upon the sky; There are no clouds for ten thousand miles.

That is what you experience as soon as you give birth to genuine wisdom and are enlightened to all. Then you have crossed beyond all suffering and difficulty.

The qian source is the Way-substance, among people the sage. When you have been certified as having reached the first stage of Arhatship, it can be said that your body is pure yang. In the I Ching (The Book of Changes), qian , the first hexagram, represents pure yang substance.

His undecaying golden body is rare in the world. When you have been certified as having reached the first stage, that is, when you have cut off the eighty-eight categories of deluded views, your body is flawless gold, very, very rare in the world.

Cast off life; what need of thousand-year drugs? Emperor Shi of the Qin Dynasty (221-207 B.C.) sought the Taoist elixir of immortality, and even sent an expedition to the Isles of the Peng Lai Immortals. Yet you do not need to search for elixirs of immortality. Just cross beyond all suffering and difficulty, and then if you wish to live, you can live, and if you wish to die, you can die. Just as with Bodhidharma, birth and death will be your own, and Yama, the lord of death, won't be able to have anything to do with you.

Attain extinction; why wait ten thousand kalpas? Extinction is the third of the Four Truths of suffering, accumulating, extinction, and the Way. If you can have your extinction certified, you can attain nirvana. Having realized the Way, you don't need ten thousand kalpas but can quickly attain the nirvana without residue (anupadisesanirvana).

Five dwellings ended, the two deaths disappear forever. When you have really crossed beyond all suffering and difficulty, have left the revolving wheel, and have obtained an indestructible vajra body, "the two deaths disappear forever." "Two deaths," you say. "Does that mean that you have to die twice?" No, it refers to the two kinds of birth and death: the birth and death of the delimited segment of the body, and the birth and death of the fluctuations of

"Bất hoại kim khu thể thượng hy, (vàng chẳng hoại diệt thể gian hiếm)".
Khi chứng sơ quả Tu Đà Hoàn, chư vị cắt đứt được tám mươi tám phần kiến hoặc. Thân thể chư vị bất hoại như vàng ròng, trên thế gian rất hiếm có.

"Thoát sanh hà thuận thiên niên dục, (thoát sanh tử cần chi thuốc tiên)".
Xưa, vua Thái Thủy (221-207 BC) đến đảo Bồng Lai tìm thuốc trẻ mãi không già, giải thoát sanh tử. Chư vị không cần thiết phải đi tìm thuốc trẻ mãi không già, chỉ nên độ thoát hết tất cả khổ ách. Khi đó muốn sống thì sống, muốn chết thì chết. Chết sống do tự chính mình. Vua Diêm La không thể cai quản được, giống như tổ Bồ Đề Đạt Ma.

"Chứng diệt khải thị vạn kiếp kỳ, (chứng diệt đọa chi muôn kỳ kiếp)".
Pháp bốn diệu đế : Khổ, tập, diệt đạo. Khi chứng đắc diệt đế thì thành đạo, đắc vô dư Niết Bàn, không đọa trải qua tám muôn bốn ngàn kiếp, mà mau chứng đắc vô dư Niết Bàn.

"Nhị tử vĩnh vong ngũ trụ tận, (hai chết mất hẳn năm trụ diệt)".
Chư vị chứng đến độ thoát tất cả khổ ách, vượt khỏi vòng luân hồi, đắc được thân kim cang bất hoại. Khi ấy nhị tử mãi không mất. Sao gọi là nhị tử ? Có phải là chết hai lần không ? Không phải là chết hai lần mà là hai lần chết. Một lần là phần đoạn sanh tử. Một lần là biến dịch sanh tử. Gọi là hai lần chết. Khi chứng quả A La Hán thì cắt đứt phần đoạn sanh tử. Khi chứng quả vị Bồ Tát mới cắt đứt biến dịch sanh tử. Nay, Bồ Tát Quán Thế Âm đã cắt đứt được biến dịch sanh tử. Chữ vong (mất), đây không phải là tử vong (chết mất). Trong sách đại học nói : " Nhị kim vong hỷ (như nay mất rồi)".

Chữ 'vong' đọc là không. Chúng ta có thể đọc là vong, hay không cũng được, không cần giảng giải. Hai loại chết này đều không.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

thoughts. The birth and death of the delimited segment is ended by those who have been certified as having attained Arhatship. To end the birth and death of the fluctuations, Bodhisattvahood must first be attained. Avalokiteshvara has attained Bodhisattvahood, and so the birth and death of the fluctuations is no more. Both deaths have disappeared.

The “five dwellings” refer to the five dwellings in affliction, which are, 1) dwelling in views, which originally was called dwelling in the love of views; 2) dwelling in the love of desire; 3) dwelling in the love of form; 4) dwelling in the love of the formless; 5) dwelling in the love of ignorance.

Those five ways of abiding in love cause attachments which change into five kinds of affliction. Avalokiteshvara makes the five afflictions cease, and from that follows the last line of the verse, to which you should pay a little attention:

Roam at will from East to West, throughout the dharma realm. “Roam” indicates ease, freedom, and being very, very happy. In what way? You can travel wherever you wish. “At will from East to West”: you can go to the Western Paradise any time you want, or you can travel to the East, to the crystal world of Akshobhya Buddha. There’s even less problem about going to this suffering Saha world right here. You have avoided the troublesome preparation of applying at a consulate for a visa. You just wish to go and then go.

Not just to the east and west, but to the north and south, up and down, to the ten directions all around; the whole dharma realm is included. Wherever you go you are welcome. It’s not that you want to travel to someplace, but find yourself unwelcome. Wherever you want to go you can go, and you are never unwelcome.

To roam at will from East to West throughout the dharma realm is to be genuinely happy, genuinely carefree, truly at ease, truly free and equal; it is the truly real and equal nature of the dharma realm. When the five dwellings have been ended and when the two deaths disappear forever, this kind of freedom is attained.

"Ngũ trụ tận (tận hết năm trụ)". Nghĩa là năm trụ phiền não. Chúng là gì ? Thứ nhất, kiến trụ phiền não, là trụ ái kiến. Thứ hai, trụ ái dục. Thứ ba, trụ sắc ái. Thứ tư, trụ vô sắc ái. Thứ năm, trụ vô minh ái. Vì năm trụ ái này mà chúng ta sanh chấp trước, biến thành năm loại phiền não. Bồ Tát Quán Thế Âm dẹp trừ hết năm loại phiền não này.

"Tiêu điều pháp giới nhậm đông tây, (dạo chơi pháp giới khắp đông tây)". Tiêu điều có nghĩa là tự tại. Tự tại cũng là tiêu điều. Tiêu điều cũng là tự do. Tự do, nghĩa là an lạc, sung sướng. Sao an lạc sung sướng ? Vì có thể tùy tiện đi nơi này nơi nọ. "Nhậm đông tây", nghĩa là nếu chư vị muốn qua cõi tây phương cực lạc thì tùy ý mà đi. Muốn qua cõi đông phương Tịnh Lưu Ly Phật thì cũng có thể đi. Muốn đến cõi Ta Bà thì không thành vấn đề, cũng không cần hộ chiếu do tòa lãnh sự sứ quán cấp. Không có những thủ tục rườm rà. Nếu muốn đi thì cứ đi, nên gọi là tiêu điều pháp giới. Pháp giới không phải chỉ trong vòng, đông tây, nam, bắc, mà cả trên dưới, mười phương. Chư vị muốn đi đến đâu thì đều được hoan nghinh khi đến những nơi đó. Không phải nói là muốn đi đến nơi kia, nơi kia không hoan nghinh tiếp đón chư vị, không cho nhập cảnh.

Muốn đến nơi nào cũng được hết. Tiêu điều pháp giới nhậm đông tây. Chư vị thấy cảnh giới này có an lạc lắm không, tự do lắm không ! Tiêu điều, tự do, đó là tánh pháp giới chân chánh bình đẳng. Khi hai lần chết và năm trụ đều tận diệt thì đắc được tự do. Đó là tự do chân thật, an lạc chân thật, bình đẳng chân thật, và tiêu điều chân thật.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Shariputra

Sutra:

Shariputra.

Verse:

Shariputra is the solid and durable proof;
The name means “pelican” –
the demeanor of his mother.
With precepts and samadhi complete and bright,
the pearl-light appears;
Practice and understanding interact,
and his body is transparent.
How does there come to be great wisdom?
Because the stupid make their mark.
Already in his mother’s womb
a fine eloquence had been born;
This real wisdom is complete within all people;
Grasp it at Jewelled Wood Peak at Cao Creek.

Commentary:

In speaking the Heart of Prajna Paramita Sutra, the Buddha addressed his disciple, Shariputra, foremost in wisdom among the Buddha’s disciples. Shariputra is the solid and durable proof. The name Shariputra means solid and durable; that is, the wisdom of Shariputra is solid and durable.

Xá Lợi Tử.

"Xá Lợi Tử thị kiên cố vi
Dịch tác Thu Lộ mẫu nghĩa hình
Giới định viên minh châu quang hiện
Hạnh giải tương ứng thể linh lung
Đại trí chi hà nhân ngu biểu
Thiện ban kỷ tại nương phúc sanh
Nhân giai cụ thử chân thật huệ
Thủ chư tào khô bảo lâm phong

Dịch :

Xá Lợi Tử nghĩa là kiên cố
Dịch là Thu Lộ hình giống mẹ
Giới định sáng tròn chân ảnh hiện
Hạnh giải tương ứng thể sáng trong
Bậc đại trí sao giống kẻ ngu
Biện tài giỏi nhờ thai sanh trợ
Người người đầy đủ chân trí huệ
Giữ phong cách Bảo Lâm Tào Khô".

"Xá Lợi Tử thị kiên cố vi"

Xá Lợi Tử cũng là Xá Lợi Phất. "Xá Lợi" là tiếng Phạm. "Tử" cũng là tiếng Phạm. "Xá Lợi Tử" nghĩa là "Kiên Cố". Vì sao ? Đó chỉ cho trí huệ kiên cố. Thế nên Xá Lợi Tử nghĩa là kiên cố.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The name means “pelican” – the demeanor of his mother. The shari is a large sea bird of the pelican genus. It flies high and has telescopic vision. When the fish swim near the surface of the sea, the bird shoots down from high in the sky as fast as a rocket, scoops up the fish, and eats them. It is able to do it because it can see very clearly.

In India children were named according to the father’s name, the mother’s name, or both the father’s and mother’s names. Shariputra received his name from his mother’s line. His mother was called Shari because of the nature of her demeanor. Putra means son, so the son of Shari was called Shariputra.

With precepts and samadhi complete and bright, the pearl light appears. In previous lives, life after life, Shariputra had cultivated precepts, samadhi, and wisdom to full brightness and perfection, and at that point the pearl-light appears.[1]

Practice and understanding interact, and his body is transparent. He both studied the teachings and cultivated them, so his wisdom was especially great, and his body was transparent like glass.

How does there come to be great wisdom? Because the stupid make their mark. What is great wisdom? Most stupid people have their own special style of behavior, but Shariputra was not like them. Stupid people do things in an upside-down way: they speak clearly about what they will do, but when they do it, they do it poorly. That’s stupidity. The great wisdom of Shariputra was beyond confusion. Because he knew clearly, he never purposely allowed wrong to be done, and he was never upside down.

Already in his mother’s womb a fine eloquence had been born. You all remember that Shariputra’s mother and her brother often debated and that his mother could never outwit her brother. But when she was pregnant with Shariputra, she was always able to defeat her brother in debate. Since he couldn’t out-talk his sister, he realized that she was about to give birth to an outstanding child, and he went off to study the doctrines of external paths so that he would not lose face before his nephew. But when he returned, Shariputra had already left home to follow Shakyamuni Buddha.[2]

"Dịch tác thu lộ mẫu nghĩa hình, (dịch là Thu Lộ hình giống mẹ)".

"Xá Lợi" phiên dịch ra tiếng Tàu gọi là "thu lộ". Thu lộ là một loài chim biển. Chim này bay rất cao và rất xa, đôi mắt lạnh lẽ trong sáng như hai ống dòm. Lúc cá bơi qua bơi lại trên biển, nó đang trên hư không liền bay xà xuống mau như hỏa tiễn, để bắt lấy cá mà ăn. "Xá Lợi" cũng là tên của loài chim thu lộ. Ở Ấn Độ, con cái thường lấy tên cha, mà cũng đôi khi lấy tên mẹ, hay dùng cả tên cha lẫn mẹ. Xá Lợi Tử là chỉ lấy tên mẹ thôi. Mẹ của ngài Xá Lợi Tử tên là Xá Lợi. "Tử" tức là con của bà Xá Lợi, cũng y chiếu theo hình thái của bà mà tạo ra tên đó.

"Giới định viên minh châu quang hiện, (giới định sáng tròn chân ảnh hiện) ".

Ngài Xá Lợi Tử trong tiền kiếp, sanh sanh thế thế đều tu giới, định, huệ. Giới, định, huệ của Ngài đều viên mãn tròn đầy, viên minh (tròn sáng) như hạt châu phóng ánh sáng, nên nói là hạt châu hiển hiện.

"Hạnh giải tương ưng thể linh lung".

Ngài vừa tu hành vừa học giáo điển, nên trí huệ rất quảng đại. Thể linh lung nghĩa là thân thể của Ngài trong sáng như pha lê.

"Đại trí chi hà nhân ngu biểu, (bậc đại trí sao giống kẻ ngu)".

Sao gọi là đại trí huệ ? Ngược với ngu si. Vì Ngài khác biệt hẳn với những người ngu. Người ngu si làm những việc điên điên đảo đảo. Dù nói lời tốt đến đâu nhưng khi hành lại làm những việc hư hoại. Tạo những việc hư hoại gọi là người ngu. Người có trí huệ không si mê, không phải biết mà vẫn cố phạm, không điên điên đảo đảo, nên gọi là đại trí huệ.

"Thiện biện kỹ tại nương phục sanh, (biện tài giỏi nhờ thai sanh trợ)".

Chắc chư vị nhớ rõ những lần tôi giảng kinh Lăng Nghiêm, có đề cập đến mẹ của ngài Xá Lợi Phất, không thể biện luận thắng cậu Ngài. Sau này, lúc mang thai ngài Xá Lợi Phất, mẹ lại cùng cậu Ngài biện luận. Khi ấy, cậu Ngài không thể thắng, bắt bẻ được mẹ Ngài. Do đó, cậu Ngài ra ngoài học luận nghị ngoại đạo. Khi trở về, ngài Xá Lợi Phất đã theo Phật xuất gia. Vì lúc còn ở trong bào thai, Ngài đã trợ giúp mẹ Ngài biện luận thắng cậu Ngài, nên gọi là thuyết thiện biện tài từ trong bào thai.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

This real wisdom is complete within all people. It is not only the venerable Shariputra who has great wisdom; everyone has this genuine wisdom. But not everyone uses it; most people forget about it. But everyone has it and has the capability of using it.

Grasp it at Jewelled Wood Peak at Cao Creek. Where is this real wisdom? It's at Cao Creek, and Cao Creek is at Nan-hua Monastery in Ma-pa Township in Kuangtung Province, China. The Nan-hua Monastery of Jewelled Wood Mountain is Cao Creek, the Bodhimanda of the Sixth Patriarch. "Oh," you think, "that's so far! How could I possibly go there to grasp it? Not only have the Communists sealed the borders, but even if they would let me in, it is too far and I do not have the means to get there."

That's good, for it isn't necessary to go. Each one of you has the Jewelled Wood Peak at Cao Creek, and it is unnecessary to travel far to seek it. The wisdom is within you. How do you meet it? Put down your upside-down mind; let go of your false-thinking mind. Earnestly work hard at your meditation. When you sit in meditation and look into Chan, just that is Jewelled Wood Peak at Cao Creek.

[1] The pearl refers to the sharira (or relic) said to be a physical manifestation of the above-mentioned perfections. The relics of enlightened beings resemble effulgent pearls.

[2] The uncle, realizing that the child would be of uncommon intelligence and not wanting to lose face, went away from home. He travelled all over India and diligently studied all the extant works on logic, philosophy, and religion. Seventeen years later he returned home, only to find that his nephew had left the home-life to follow the Buddha. Angered that he had lost the brilliant child, he went to retrieve him. When he arrived at the place where the Buddha was dwelling, he challenged the Buddha to a debate on the following terms: if he were to win, then the Buddha would allow Shariputra to leave and become the uncle's disciple. If he were to lose, the Buddha could have his head.

"Nhân giai cụ thử chân trí huệ, (người người đầy đủ chân trí huệ)".

Trí huệ này không phải chỉ ngài Xá Lợi Phất có thôi mà ai ai cũng đều có hết cả. Tuy có nhưng không biết dùng, nên quên mất. Nếu mọi người biết dùng trí huệ này thì đều đạt được lợi ích cả.

"Thủ chư Tào Khê Bảo Lâm phong, (giữ phong cách Bảo Lâm Tào Khê)".

Trí huệ chân thật này ở đâu ? Tại Tào Khê ? Tào Khê ở nơi nào ? Tại chùa Nam Hoa, Mã Bá, Quảng Đông, Trung Quốc. Xa không ? Mình có thể tới được không ? Chùa Nam Hoa tại núi Bảo Lâm là đạo tràng của ngài Lục Tổ, rất xa nơi này, tôi không thể đến. Được ! Nay không cần phải đi, chư vị mỗi người cũng đều có sẵn phong cách Tào Khê Bảo Lâm, không cần phải chạy đâu tìm cầu. Tự chính chư vị có sẵn trí huệ này. Chính bản thể của chư vị là phong cách Tào Khê Bảo Lâm, nên chẳng cần phải ra ngoài tìm cầu. Trí huệ này cũng chính là chư vị. Sao lại tìm cầu bên ngoài ? Chư vị phải xả bỏ tâm vọng tưởng điên đảo, tự mình dụng công tham thiền đả tọa thì sẽ đắc được trí huệ này. Đó cũng là Tào Khê Bảo Lâm phong. Lúc ngồi tham thiền đả tọa cũng là lúc ngồi tại núi Bảo Lâm.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The Buddha agreed and asked him to state his basic premise. The uncle replied that it was the non-acceptance of all dharmas, thinking that by the use of such a premise no matter what the Buddha said in debate he would not have to accept it. However, the Buddha then asked, “Do you accept that view or not?” The uncle then realized that if he did, it would be in violation of his own premise, and that if he didn’t, the premise would no longer hold either.

Then, fearing the loss of his head, the uncle impulsively ran away. Yet after running a considerable distance, he stopped to consider his action and returned to offer his head to the Buddha. The Buddha refused his head but accepted him as a disciple. He became one of the ten great disciples of the Buddha and was known by the name Mahakausthila.



THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Form Does Not Differ From Emptiness

Sutra:

Form does not differ from emptiness; emptiness does not differ from form. Form itself is emptiness; emptiness itself is form.

Verse:

“Form does not differ from emptiness”: “is” is like “is not”.

“Emptiness does not differ from form”:

the distinction is of substance and function. “

Form itself is emptiness”: its true source is fathomed.

“Emptiness itself is form”: the false flow has dried up.

Mountains, rivers, and the great earth are only manifestations of consciousness.

“Dream, illusion, bubble, shadow” – so it is!

Be careful not to seek outside; maintain the Middle Way.

To cast down stained threads of cause is to come toward the Thus.

Sắc bất dị không, không bất dị sắc. Sắc tức thị không, không tức thị sắc, (sắc không khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc).

"Sắc bất dị không hữu nhược vô
Không bất dị sắc thể dụng thù
Sắc tức thị không chân nguyên triệt
Không tức thị sắc vọng lưu khô
Sơn hà đại địa duy thức hiện
Mộng huyễn phao ảnh như thị hồ
Thận vật ngoại cầu trì trung đạo
Phóng hạ nhiệm duyên tức lai như

Dịch :

Sắc chẳng khác không có lại không
Không chẳng khác sắc cùng thể dụng
Sắc tức là không thấu nguồn chân
Không tức là sắc nguồn vọng cạn
Núi sông non nước hiện duy thức
Bọt ảnh huyễn mộng như thế đấy
Chớ cầu ngoài, nên giữ trung đạo
Xả bỏ nhiệm duyên tức Lai Như".

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Commentary:

What is form? That which has a perceptible characteristic is form. What is emptiness? That which is without characteristics is emptiness. Then why does the text say, form does not differ from emptiness; emptiness does not differ from form; form itself is emptiness and emptiness itself is form? The sutra declares the ultimate meaning which penetrates clearly to the most fundamental principle.

The mountains, the rivers, the great earth, and all the chambers, corridors, rooms, and dwellings are form. What is form? Form is within emptiness. Where then is emptiness? Emptiness is within form. Form and emptiness are therefore said to be non-dual. Form does not differ from emptiness means that they do not have differing characteristics.

Emptiness does not differ from form also indicates that emptiness and form do not have different characteristics. They are one. Emptiness contains form, and form contains emptiness. On the surface, two are seen, yet the actuality is one.

To discuss form, let us consider the example of a table. Put it in a certain empty place, and it occupies the emptiness of that place so that the emptiness no longer exists. Take the table away and the emptiness immediately reappears. The place is then empty. Before the table was taken away, did the emptiness exist? Yes, there was emptiness, but it was occupied by the form. The empty space certainly was not non-existent. Now, where there is emptiness, is there form? Just there lies the origin of form. That is the form which is emptiness. We have taken a look into form and analyzed it so that it has become empty.

What are they like? The body is characterized as a form dharma, while the mind is categorized as emptiness. Mind-dharma is emptiness-dharma; the attainment of the principle of true emptiness is mind. Since the body is a form-dharma, from what does it come into existence? It is composed of earth, water, fire, and wind, the four great elements, which come together and become a form-body.

"Sắc bất dị không hữu nhược vô, (sắc chẳng khác không có lại không)".
Sao gọi là sắc ? Tức là hình tướng. Sao gọi là không ? Tức là vô hình tướng.
Sao lại gọi sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc ? Đây nói về đạo lý cùng tột, liễu nghĩa triệt để. Tất cả núi non, sông biển, đất đá, nhà cửa, phòng xá, v.v... đều là sắc. Sắc trụ ở nơi đâu ? Sắc trụ tại hư không. Không trụ tại nơi đâu ? Không cũng trụ tại nơi sắc. Sắc và không có thể bảo là không hai. Sắc không khác không, lại không phải là hai. Không chẳng khác sắc. Hư không cùng sắc không có hai. Không bao gồm sắc. Sắc cũng bao gồm không. Bên ngoài thì thấy có hai, nhưng thật tế vốn là một. Ví dụ, nơi đây vốn trống rỗng, mà chư vị lại đem cái bàn để ra đây, tức là có. Trước khi đem bàn ra, nơi đây vốn là hư không. Khi đem bàn ra thì còn có hư không nữa không ? Cũng là có. Không gian cũng vẫn còn, bất quá bị cái bàn chiếm một khoảng thôi. Lại nói hư không này có sắc hay không ? Không này vốn cũng có sắc. Sắc tức là không. Chúng ta phân tích hình sắc mãi thì cuối cùng sẽ biến thành không. Tại sao thế ? Thân thể chúng ta dựa nơi sắc pháp. Do gì tạo thành ? Do bốn đại tạo thành. Sắc thân do bốn đại đất, nước, gió, lửa, hợp thành, cũng là sắc.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Further, there is a place to which each of the four great elements returns. When a person dies, the water returns to the great element water, the earth returns to the great element earth, the fire returns to the great element fire, and the wind returns to the great element wind. Each has a place it returns to, so that the form no longer exists. Thus the sutra says that form itself is emptiness and that form does not differ from emptiness. Although there is the characteristic of form now, in the future it will be emptied. Thus the verse says, “Form does not differ from emptiness;” “is” is like “is not”. Although something “is”, the “is” is the same as “is not”.

“Emptiness does not differ from form”: the distinction is of substance and function. Emptiness and form are not different, yet they may be considered in terms of substance and function. Emptiness refers to empty substance, while form is the function of emptiness. Although substance and function appear to be distinct, they are fundamentally one.

“Form itself is emptiness”: its true source is fathomed. When you actually know that form itself is emptiness, its true source is fathomed. Your true source is reached and you thoroughly understand.

“Emptiness itself is form”: the false flow has dried up. When you actually understand that emptiness itself is form, there is no false thinking: the “false flow” ceases.

Form does not differ from emptiness; emptiness does not differ from form. It can be said that this experience is a particular attainment in your cultivation of the Way. It might also be said that the form referred to is all the varieties of “beautiful form,” a Chinese figure of speech for sexual matters. Form does not differ from emptiness. The kind of pleasure obtained from real experiences of attainment from cultivating the Way may seem the same as the happiness derived from “form-dharmas.” Therefore, form does not differ from emptiness, and emptiness does not differ from form. Here you have obtained bliss from your cultivation which surpasses that of male-female relations more than a hundred trillion-fold.

Phân tích kỹ thì khi chúng ta chết đi, bốn đại này sẽ trở về cội gốc. Đất trở về với đất; nước trở về với nước; gió trở về với gió; lửa trở về với lửa. Sắc thân tan biến mất. Sắc tức là không. Tuy nay có sắc tướng mà tương lai thì không có, nên nói là sắc chẳng khác không, thực có thực không. Tuy có nhưng lại đồng với không.

"Không chẳng khác sắc thể dụng thù, (không chẳng khác sắc cùng thể dụng)". Không chẳng khác sắc, nhưng có thể có dụng. Không là thể không. Sắc là dụng của không. Thể và dụng tuy hai nhưng vốn là một.

"Sắc tức là không chân nguyên triệt, (sắc tức là không thấu nguồn chân)". Chư vị phải biết sắc thật chất vốn từ không. Cội gốc này nếu chư vị đạt đến được thì sẽ hiểu rõ triệt để.

"Không tức thị sắc vọng lưu khô, (Không tức là sắc nguồn vọng cạn)". Chư vị phải hiểu rõ không tức là sắc. Không có vọng tưởng thì nguồn vọng khô cạn. Lại sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc. Đây, có thể nói là chư vị tu đạo thì mới đắc được cảnh giới đó. Sắc này cũng là sắc đẹp. Sắc đẹp đại biểu cho sắc đẹp nam nữ. Chư vị chân chánh tu đạo đắc được cảnh giới an lạc thì cùng cảnh giới này như một, nên sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Khi tu đạo đắc được an lạc này thì so với vấn đề khoái lạc nam nữ gấp trăm ngàn lần, không thể so sánh được. Vì vậy, không chẳng khác sắc.

Sắc tức là không. Trên hình sắc, chư vị phải hiểu rõ lý không, đừng trụ vào, chẳng có gì để chấp trước, không nắm giữ, không xả bỏ, cũng không thọ, chính là không. Không chẳng khác sắc; không tức là sắc. Trên lý không đắc được an lạc chân chánh. Khi đó, những tư tưởng hay vọng tưởng của chư vị đều không còn. Vì sao ? Đạt đến cảnh giới an lạc này thì càng an lạc thêm, vì đã xả bỏ tâm vọng tưởng.

"Sơn hà đại địa duy thức hiện, (sông núi nước non hiện duy thức)". 'Sơn hà đại địa' tức đất đá núi sông, là sắc pháp. Sắc pháp này xuất hiện từ đâu ? Từ tâm thức phân biệt của chúng ta xuất hiện ra. Nếu chúng ta năng chuyển hóa tâm thức phân biệt thì núi sông đất đai cũng không còn.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Therefore, if in form you are able to understand the principle of emptiness and not get attached, neither grasping nor rejecting nor receiving, that is emptiness. Emptiness does not differ from form, for emptiness itself is form. In emptiness you experience genuine happiness, and “the false flow has dried up.” At that time your false thinking has ceased to exist as well. Why? You have obtained a happiness which is even greater than that derived from form. You have let go of the false-thinking mind.

Mountains, rivers, and the great earth are only manifestations of consciousness. Mountains, rivers, and the great earth are all form-dharmas which appear because of the consciousness in our minds which makes distinctions. If we can transform the consciousness which makes distinctions, then all the mountains and rivers and the great earth will not exist.

“Dream, illusion, bubble, shadow” – so it is! [1] All is like a dream. Everyone knows about dreams because everyone has them, but if I ask you why you had a particular dream, your reply may seem to be correct, but it will not necessarily be accurate. You might say, “What I do during the day I dream about at night.” Or perhaps you will say, “In the past I experienced something, and as a consequence I had a dream about it.” However, you sometimes dream about things that you have no previous experience of. How do you explain that? You can’t, and you can’t say how you awoke from the dream either. This is to be murky and mixed up. As soon as you awake from a dream, you forget it. Think about that. You have a dream, and after less than ten hours have passed you have forgotten it entirely.

Now let’s consider the contents of our past lives. You are thinking, “I don’t believe there are past lives. If I had past lives, why don’t I remember them?” Take the dream as a comparison. The day passes and the dream of the night before is forgotten. How much the less can we remember the events of our past lives!

"Mộng huyễn phao ảnh như thị hồ, (bọt ảnh huyễn mộng như thế đấy)".
Tất cả tướng đẹp đều là mộng cả. Ai ai cũng biết mộng mị, đều nằm mộng, nhưng hỏi nằm mộng như thế nào, thấy mộng ra sao ? Chỉ tự trả lời cho chính mình thôi. Có mà không phải thật, không chính xác nhất định. Hoặc nói : " Ban ngày nghĩ tưởng như thế nào thì đến tối mơ như thế ấy."

Hoặc nói : "Trước kia tôi đã thấy những cảnh giới này, nên gọi đó là mộng".
Lại có khi không nghĩ đến việc đó, nhưng đến tối thì mơ thấy, vậy giảng giải làm sao ? Có lúc không thấy qua cảnh giới mà lại nằm mơ thấy, thì giải thích thế nào ? Giải thích không được. Có phải tỉnh từ trong giấc mộng không ? Cũng rất mơ hồ. Thậm chí nằm mộng rồi mà quên, không nhớ gì cả. Chư vị hãy suy nghĩ xem, khoảng mười tiếng sau khi mơ mộng, chúng ta đều quên hết những gì xảy ra trong mộng, huống chi những sự việc trong đời quá khứ, lại nói không tin có đời trước. Tất cả việc đời quá khứ chúng ta đều quên cả. Chỉ sau mười giờ là chúng ta hoàn toàn quên hết những gì xảy ra trong mộng, nói chi tất cả sự việc trong đời quá khứ.

Một người đang lúc mộng mị, giả như có người bảo : " Đạo hữu nay phát tài, làm quan lớn, có nhiều vợ con, nhiều tài sản, nhưng chúng đều không thật, chỉ là mộng thôi."

Nhưng người đang mộng mị đó, không tin tưởng cho rằng lời kia là thật. "A ! Cái gì ! Hiện tại tôi đang phát tài, làm quan lớn, vợ con nhiều, tài sản to tát, sao lại nói là mộng ? "

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

If a person is dreaming about being rich and prominent and someone appears in the dream and says to the dreamer, “You are rich and a great official and you have many sons and daughters and a lot of property, but none of it is real; it is just a dream,” the dreamer can’t believe it is true, and he replies, “What? I have amassed great wealth, am a high official, have many sons and daughters and vast properties. How can I be dreaming?” Regardless of what happens, the dreamer doesn’t believe that he is in a dream.

Upon waking, he realizes without being told that he was dreaming. “When I made so much money and was an official and had many sons and daughters and vast properties, it all was only a dream. It wasn’t true.” Without being told, he knows. Why? Because he has awakened from his dream.

You should know that now we too are dreaming. I am telling you right now that you are dreaming, but you can’t believe it. Wait until you cultivate, cultivate to understanding, and, “Ah, everything I did before was all a dream.” You have done no more than dreamed. Upon waking you will know, know from the ground up, “I was dreaming before; all that came before was a dream.” This is what is meant by the word “dream” in the verse.

What is meant by “illusion?” For instance, a magician creates something from nothing; he can also make something turn into nothing. However, although such illusions of change are not fathomed by small children who see the magic as real, adults see through the deception of the magician’s transformations. They recognize the illusion for what it is.

“Bubble” refers to bubbles of water, which burst after not very long. They are impermanent.

“Shadow” refers specifically to a person’s shadow. Is a person’s shadow real? You may say the shadow is unreal, but look at it: there it is, existent. If you say that it is real, try to grab it; you cannot. You look and there’s a shadow; you try to gather it up with your hand but can’t catch hold. So is it real or isn’t it? Say it is unreal, yet it still exists; say it is real, yet it can’t be gathered up.

Họ không tin tưởng chính họ đang mơ mộng. Đợi khi thức giấc, không ai bảo cho mà chính tự họ biết rằng họ vừa trải qua cơn mộng mị, thấy mình phát tài làm quan lớn, vợ con nhiều, tài sản giàu có. Chúng vốn không thật; không nói cũng tự biết vì đã tỉnh giấc mộng.

Chư vị phải biết rằng chúng ta hiện đang mơ mộng ! Tôi bảo : "Chư vị đang nằm mộng, nếu không tin, đợi khi tu đạo đắc quả thì mới biết rõ. A ! Xưa kia, bất cứ những việc gì mà tôi làm đều là ảo mộng hết, vì mình vốn chưa tự làm chủ chính mình. Bây giờ mới biết là những việc xưa kia mình làm xác thật chỉ nằm mơ thôi.

'Huyễn', sao gọi là huyễn ? Huyền tức là xuất phát từ huyền hóa. Nhà ảo thuật từ không mà tự hóa thành có, tự có mà hóa thành không, biến hóa không lường, khiến trẻ con cho pháp huyền thuật là thật, mà người lớn khi nhìn xem thì biết đó là không vọng, giả tạo chế ra. Đó là huyễn.

'Phao' tức là bọt nước, không lâu bền, không thường hằng. Ảnh tức là bóng ảnh. Bóng ảnh là thật hay giả ? Chư vị nói nó giả, nhưng nó thật có tồn tại. Chư vị nhìn thấy, nói nó là thật, nhưng lại không thể nắm bắt lấy. Vậy, chư vị nói nó là thật hay giả ?

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Where does the shadow come from? It is found on the north side of your body. On the yang side, the sunny southern side, there is no shadow. On the yin side, the shadow follows you wherever you go. The shadow I am talking about in the verse is an analogy. Like a ghost, it follows you wherever you go. As soon as people who are afraid of ghosts see a dark shadow, their hearts respond with great fear. Their hearts go thump, thump, thump. “Ohh, a ghost has come!” It’s a ghost, although, originally it was just a shadow.

When you are alive, the shadow is just a shadow, but when you die and don’t have your body, the shadow becomes a ghost, and the side which does not have a shadow changes into a god. The god and the ghost, however, are not two; they are one. If you are full of yang energy, you move to the side where there is no shadow; if you are full of yin energy, you move to the shaded side. You move to the side where your strength is greater. If you have a lot of merit, you rise into the heavens. If the karma of your offenses is greater, you fall into the hells. Therefore, the verse says, “‘Dream, illusion, bubble, shadow’ – so it is!” That’s just the way it is.

Be careful not to seek outside; maintain the Middle Way. You shouldn’t seek outside yourself; it is all there within you. To cast down stained threads of cause is to come toward the Thus. What are stained threads of cause? Thoughts of desire. Greed in the mind is a stained thread of cause;

Hatred in the mind is a stained thread of cause;
Stupidity in the mind is a stained thread of cause;
The taking of life is a stained thread of cause;
Stealing is a stained thread of cause;
Deviant desires are stained threads of cause;
False speech is a stained thread of cause;
Alcohol, drugs, and the like are stained threads of cause.

Cast down all the stained threads of cause, and join the family of the Thus Come One, the Tathagata. To have cast down the stained threads of cause is to have come close to the realization of Buddhahood, to have “come toward the Thus.” One who has realized Buddhahood is called the Thus Come One.

Những bóng ảnh này phát sanh từ đâu ? Nghiêng về phía dương thì không có bóng. Ngã về phía âm thì có bóng. Chư vị đi nơi đâu thì nó đi theo đến đó. Bóng ví như ma. Nó luôn đi theo chư vị mãi. Thế nên, người nhút nhát sợ ma, thấy bóng ma liền sợ hãi, chạy lánh xa, nhưng ma đó chính là bóng dáng của người thật. Nhưng bóng ảnh này, khi sống thì hiện bóng, khi chết không còn thân thể thì bóng biến thành ma. nếu không có bóng thì biến thành thần, nhưng thần và ma không hai, mà là một. Nếu khí dương sung túc thì lúc đi không có bóng ngã theo. Khí âm nếu đầy đủ thì khi đi liền có bóng chạy theo. Thế nên, chúng ta thường nghiêng về bên có khí lực mạnh. Nếu chư vị tạo công đức nhiều thì được sanh lên trời. Nếu chư vị tạo tội ác nhiều thì phải bị đọa xuống địa ngục. Vì vậy bảo rằng bọt nước, bóng ảnh huyễn mộng như thế.

"Thận vật ngoại cầu trì trung đạo, (chớ tìm cầu ngoài, trì trung đạo)".

Chư vị chẳng nên hướng ngoại tìm cầu. Tự trong thân tâm đã có đầy đủ.

" Phóng hạ nhiễm duyên tức lai như, (xả bỏ duyên nhiễm tức Lai Như)".

Sao gọi là duyên nhiễm ? Nhiễm tức là nhiễm ô. Duyên tức là nhân duyên.

Chư vị phải nên phóng xả. Sao gọi là duyên nhiễm ? Duyên tức là tâm tham, sân, si, giết hại, uống rượu, dùng nha phiến. Chư vị phải xa rời duyên nhiễm thì đồng vào nhà Như Lai. Lai Như tức là từ nay cho đến ngày thành Phật không xa. Khi thành Phật thì gọi là Như Lai.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Not having realized Buddhahood, we are said to be “coming toward the Thus.”

Only when we have arrived can we become “thus.” If we have not arrived, we are not “thus.” Arrived where? Where the Buddha is. “Thus” is everything fully united with principle, with the noumenon. Not the smallest thing is wrong; everything is right. Just that is “to come toward the Thus.”

Emptiness is true emptiness, and form is wonderful existence. True emptiness is not empty, because it is wonderful existence. Wonderful existence is not existence, because it is also true emptiness. From what place does emptiness appear? It appears where there is existence, from form-dharmas. Because form-dharmas also appear within emptiness, the sutra says, form does not differ from emptiness; emptiness does not differ from form. Form itself is emptiness; emptiness itself is form. That is to say, true emptiness is not empty, and wonderful existence is not existence. To understand in the midst of unknowing: that is to fathom the fundamental source of the Dharma; that is your genuine understanding of the Buddhadharma.

Take, for example, the dream I just discussed. If you don't understand dreams and the source of their coming and the pulse of their going – if you don't understand how you had the dream and how you awakened from the dream – then you don't know how you came to be born, either, or how you will die. To understand while not knowing: that is enlightenment. Therefore, the verse reads, “Form itself is emptiness: its true source is fathomed.” In enlightenment you understand this truth.

“Emptiness itself is form: the false flow dries up.” False thinking is cut off, so that it no longer exists. If you want to comprehend the doctrine of emptiness and existence, you should take a look at that very place where there is neither emptiness nor form. The Great Master Hui Neng, the Sixth Patriarch, said, “With no thoughts of good and no thoughts of evil, at just this moment what is the Superior One Hui-ming's original face?” “With no thoughts of good” is not being empty, and “with no thoughts of evil” is not having form. The place where there are neither thoughts of good nor thoughts of evil is where there is neither emptiness nor existence. You should come and look into it, and become enlightened where there is both emptiness and existence.

Chúng ta chưa thành Phật nên gọi là Lai Như. Lai thì năng Như. Không lai thì không như. Lai đến nơi nào ? Lai đến nơi thành Phật. Những duyên nhiệm này phải nên xả bỏ hết thì mới là Lai Như. Như nghĩa là mọi việc đều hợp lý, không có việc gì chướng ngại. Nếu mọi việc còn chướng ngại thì không gọi là Lai Như.

Không này chính là chân không. Sắc cũng là diệu hữu. Diệu hữu phi hữu cũng là chân không. Chân không này xuất sanh từ đâu ? Xuất sanh từ nhất như, cũng từ sắc pháp phát khởi ra. Nơi nào cũng có sắc pháp. Từ hư không cũng hiện ra sắc pháp, nên nói sắc không khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc, cũng là thuyết chân không mà chẳng phải không, diệu hữu mà chẳng phải hữu. Tại nơi chẳng không chẳng có, chư vị nên hiểu kỹ. Đây là chân chánh hiểu rõ Phật pháp. Giống như bên trên bàn về mộng. Chư vị mộng đến mộng lui mà không biết. Mộng rồi tỉnh, tỉnh rồi mộng cũng thế. Vì vậy chúng ta sanh ra như thế nào, chết đi ra sao, vẫn không biết. Trong cái không biết mà hiểu rõ đó là giác ngộ. Do đó, bảo rằng sắc tức là cội nguồn của chân không. Hiểu rõ chân lý không tức là sắc thì dòng vọng tưởng khô cạn. Vọng tưởng đoạn hết, không còn nữa.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Then you will be capable of understanding that form does not differ from emptiness, and emptiness does not differ from form.

In true emptiness is true form; in true form is true emptiness. It follows that the form-dharma is the original substance of emptiness, and the emptiness-dharma is the face of form. Therefore, I have said that in the form-dharma there is emptiness, and in the emptiness-dharma there is form.

For instance, a mountain is a form-dharma; if you level the mountain, then emptiness appears. Before the mountain was leveled, did that emptiness exist or didn't it? Yes, it did. "When there is emptiness, does form exist as well?" Form is there, too. So you can see that where there is emptiness, form can also exist. Emptiness and form are one.

Form and emptiness are analogous to ice and water. Why is there form? In emptiness occurs the transformation into ice. In emptiness a fine dust collects, congeals together, and becomes a form. When it disperses, there is emptiness. Therefore, emptiness is form, and form is emptiness. How does the transformation into form occur? When the weather is cold, the cold in the air changes water into ice. That is the way the transformation from emptiness to form occurs. How does form change into emptiness? The weather gets hot and melts the ice. "But," you say, "dust cannot melt." Remember, this is just an analogy and does not imply that dust is ice.

Because I was afraid that you wouldn't understand the principle, I lent you the analogy of ice and water. Don't seize upon it and suppose that dust and emptiness can be transformed into water and ice. Thinking that way is just piling another head on top of your head. Such attachments are fundamentally non-existent; yet when I explained the principle to you, you added one more level of attachment. If you want so much attachment, I have no way to teach you to understand the doctrine of the non-duality of emptiness and form. So you must wait until you look into it yourself and wake up to the principle. Perhaps then you will understand.

Vì thế, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý không và sắc, và cũng phải lãnh hội đạo lý phi không, phi sắc. Ngài Lục Tổ nói : " Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính khi ấy, cái gì là bản lai diện mục của Thượng Tọa Minh ? "

Không nghĩ thiện là không phải không, không nghĩ ác, cũng là không phải sắc. Nơi chẳng phải sắc, chẳng phải không đó, chư vị hãy nghiên cứu kỹ, đó chính là giác ngộ được cảnh giới vừa là không mà vừa là sắc. Do đó, chư vị phải hiểu rõ sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Trong chân không có chân sắc; trong chân sắc có chân không, tức là tại sắc pháp cũng có bản thể của chân không, và tại pháp không cũng là sắc. Như núi là sắc pháp. Chư vị san bằng thì thành không. Trước lúc san bằng núi thì có không chăng ? Cũng tại chỗ đó. Khi có không rồi thì sắc còn hay mất ? Sắc cũng còn nơi đó. Hãy xem coi chỗ nào là không ? Sắc cũng tại nơi đó. Không cùng sắc là một như băng với nước. Sao không biến thành sắc ? Như trời lạnh thì nước biến thành đá. Sao sắc biến thành không ? Trời nóng khiến nước đá tan thành không.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Although there are all kinds of form-dharmas, in general the form-skandha can be described in three broad classifications:

- 1) Form which can be seen and complemented, called complementary (sapratiṅgha) and visible (sanidarsana).
- 2) Form which can be complemented but not seen, called complementary and invisible (anidarsana);
- 3) Form which can neither be seen nor complemented, called non-complementary (apratigha) and invisible. The three kinds of form-dharmas are discriminated within the fields of the six objects of perception: sights, sounds, smells, tastes, objects of touch, and dharmas.

What are complementary, visible forms? They are dharmas which you can see and with which you can form a dharma-pair. People, self, other, and living beings; mountains, rivers, the great earth; and the ten thousand phenomena all have visible form, so they are all called complementary, visible dharmas, and are classified among the form-dharmas.

As to complementary, invisible forms, you can pair yourself with them, but you cannot see them. They include sounds, smells, tastes, and objects of touch, all of which can be complemented but not seen. For instance, to pair yourself with a sound which is an object of perception is to enter into a complementary relationship with what you hear: “Oh, this sounds good”; or, “That doesn’t sound so good.” You pair yourself with it and discriminations arise in the conscious mind, yet you are unable to see the sound. Tell me, what color is sound? Green, yellow, red, or white? It doesn’t have a color. Well, then, is it square or round? Again you can’t answer. No substantial visual appearance comes into being from the sound. Thus, the form-dharmas of this category are called complementary and invisible.

Sound is a kind of form that is an object of perception, that is, it belongs to the form-skandha of the five skandhas – form, feeling, cognition, formation, and consciousness. And so it is with smells. You can pair yourself with smells which are objects of perception and know that there is a certain fragrance, yet what does it look like? You cannot see it. Nevertheless, it still exists; but since it has no visible appearance, you are merely conscious of it; you recognize it without seeing it.

Lại có thể nói rằng trong không trung, nhiều hạt bụi hợp lại thành một sắc tướng, nhân duyên tán thì biến thành không. Thế nên, không cũng là sắc, sắc cũng là không. Bảo rằng hạt bụi đó không thể chuyển hóa, cũng là một ví dụ, lại không bảo hạt bụi là nước đá được. Sợ chư vị chưa hiểu rõ nên lấy ví dụ nước đá và nước lỏng. Chư vị đừng hiểu lầm là hạt bụi và không biến thành nước và nước đá.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

You use your tongue to taste; only the tongue can tell the palatable from the unpalatable. But do the five flavors – sour, sweet, bitter, hot, and salty – have a visible appearance? What do they look like? You cannot see them.

You cover your body with fine silks which are warm and comfortable. Their smooth touch on your skin gives you a very natural, happy feeling. What is the feeling like, the object of touch which is the object of perception? What visible appearance does it have? You can't see it. An object of touch which is the object of perception is also a complementary, invisible form which you can pair yourself with but cannot see.

Perhaps sights, sounds, smells, tastes, and objects of touch, the first five of the six objects of perception, have passed by, or perhaps they persist in your mind-consciousness, where they all leave a shadow. What is the shadow? Your eyes, for example, see a color, and your mind-consciousness knows, "What I just saw was red. I also saw yellow and green." Although the color has gone by, its trace remains in the mind-consciousness. Only its shadow is left. The same is true of sounds, smells, tastes, and objects of touch. Maintain that a certain phenomenon exists, and it has already gone past; maintain that it does not exist, yet you remember it. Although the objects of perception are no longer present, although the events are past and the feelings gone by, shadows are stored in the mind consciousness, and these are called dharmas, the sixth of the six objects of perception. It belongs to the form skandha, but is classified as non-complementary and invisible, because as soon as you try to pair yourself with a dharma which is an object of perception, you find that it has already disappeared and no longer exists. You say that it doesn't exist, yet there in your mind consciousness it still persists, as if it were carved on a wooden board. The shadow exists, but there is no way to see it, hear it, or seek out its genuine character. Thus the shadows of the first five objects of perception fall into the mind-consciousness and become non-complementary, invisible forms.

[1] The quotation is from the final verse of the Diamond Sutra:

All conditioned dharmas

Are like dreams, illusions, bubbles, shadows,

Like dew drops and a lightning flash:

Contemplate them thus.

By Tripitaka master Hsuan-Hua 54

Chư vị hãy suy nghĩ, giống như đầu đặt lên đầu, lại biến thành chấp trước. Gốc vốn không chấp trước. Tôi không có phương cách khiến chư vị hiểu rõ đạo lý sắc không chẳng khác. Từ từ thì chư vị sẽ tham ngộ đạo lý này hoặc sẽ minh bạch rõ ràng.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Feeling, Cognition, Formation & Consciousness

Sutra:

So too are feeling, cognition, formation, and consciousness. Shariputra, all dharmas are empty of characteristics. They are not produced, not destroyed, not defiled, not pure, and they neither increase nor diminish.

Commentary:

The form-skandha is this way and so too are the other four skandhas: feeling, cognition, formation, and consciousness. They are of the same nature as form. Just as form does not differ from emptiness, so too:

Feeling does not differ from emptiness;
Emptiness does not differ from feeling.
Feeling itself is emptiness;
Emptiness itself is feeling.
Cognition does not differ from emptiness;
Emptiness does not differ from cognition.
Cognition itself is emptiness;
Emptiness itself is cognition.
Formation does not differ from emptiness;
Emptiness does not differ from formation.
Formation itself is emptiness;
Emptiness itself is formation.
Consciousness does not differ from emptiness;
Emptiness does not differ from consciousness.
Consciousness itself is emptiness;
Emptiness itself is consciousness.

"Thọ tướng hành thức diệt phục như thị. Xá Lợi tử ! Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt bất cấu bất tịnh bất tăng bất giảm, (thọ tướng hành thức cũng là như thế. Xá Lợi Tử, các pháp đều không tướng, không sanh, không diệt, không cấu không tịnh, không tăng, không giảm).

"Thọ tướng hành thức như không sắc
Tái hồ Xá Lợi nhữ đế thính
Thị chư pháp không tướng vô tánh
Bất sanh bất diệt tịch nhiên thông
Bất cấu bất tịnh ly nhiễm ô
Bất tăng bất giảm ngộ huyễn trung
Thâm nhiên tịch cực siêu tạo hóa
Đốn giác ngã pháp bốn viên dung.

dịch:

Thọ tướng hành thức như không sắc
Lại nữa Xá Lợi nên lắng nghe kỹ
Các pháp đều không tướng vô tánh
Không sanh không diệt, thông tịch nhiên
Không nhớ không sạch xa nhiễm ô
Không tăng không giảm ngộ trong huyễn
Thâm sâu cực tĩnh vượt tạo hóa
Đốn giác ngã pháp vốn viên dung."

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Therefore, the sutra text says, so too are... feeling, cognition, formation, and consciousness are the same as emptiness and form. I have spoken about feeling, cognition, formation, and consciousness many times. From where do feeling, cognition, formation, and consciousness come, and to what place do feeling, cognition, formation, and consciousness go? Ultimately what are feeling, cognition, formation, and consciousness? We should understand what their substance is, for through understanding their substance, we will understand their function. When we understand their function, we will know how to defeat them. I will employ some rather superficial levels of reasoning to explain this.

What is form? The body is included among the form-dharmas; since it is form, it is called the “form-body”. Your form-body has an appearance, but when you seek for its origin you will find that it is empty. This, too, I have explained many times. When the four great elements, namely earth, water, fire, and wind, unite, the body comes into being. This is what is meant by having a form. Working together, the elements establish a corporation. The corporation comes into being from the four conditioned causes: earth, which is characterized by solidity and durability; water, which is characterized by moisture; fire, which is characterized by warmth; wind, which is characterized by movement.

When the four conditioned causes disperse, each has a place to which it returns; therefore, the body becomes empty. As the sutra says, form does not differ from emptiness; emptiness does not differ from form.

Form does not differ from emptiness: this is true emptiness. Emptiness does not differ from form: this is wonderful existence. True emptiness is wonderful existence, and wonderful existence is true emptiness. It is not the case that outside true emptiness there is a separate wonderful existence; it is also not the case that moving wonderful existence to one side reveals true emptiness. What is true emptiness is just wonderful existence! What is wonderful existence is just true emptiness! Before the creation of the universe, before one’s parents bore one, in the substance of the original face, the Buddha and living beings are not the slightest bit different.

Bên trên giảng sắc không khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc. Sắc này có nhiều loại sắc pháp, nhưng tổng quát không ngoài ba loại, tức là khả đối khả kiến sắc, khả đối bất khả kiến sắc, bất khả đối kiến sắc.

Sao gọi là khả đối khả kiến sắc ? Khả đối tức là có thể đối mặt. Khả kiến tức là có thể thấy. Khả đối bất khả kiến sắc là có thể đối đãi, nhưng không thể nhìn thấy. Lại bất khả đối bất khả kiến sắc là chư vị có đối đãi cũng không có đối đãi, thấy cũng không thể thấy sắc. Loại sắc này xuất phát từ đâu ? Do phân biệt từ cảnh giới sáu trần như hình sắc, âm thanh, hương vị, xúc chạm, pháp. Sao gọi là khả đối khả kiến sắc ? Thí như nhân, ngã, tha, chúng sanh, núi non, sông hồ, đất đai... vạn tượng bao la, đều có hình sắc, có sắc tướng, có hình chất nên có thể thấy. Do đó đều gọi là khả kiến khả đối sắc (có thể thấy, sắc có thể đối đãi), tức chung quy nơi sắc pháp.

Lại nữa, chung quy nơi sắc pháp mà khả đối bất khả kiến (sắc có thể đối đãi mà không thể thấy). Đối là có thể đối đãi, nhưng chư vị không thể nhìn thấy, chỉ có thể nghe thôi. Tại sao ? Nay nói về âm thanh, hương thơm, mùi vị, xúc chạm. Đối với thanh trần, tức âm thanh mà chư vị có thể nghe. A ! Âm thanh hoặc hay hoặc dở, chư vị có thể đối trước với nó mà sanh tâm thức phân biệt, nhưng không thể thấy được âm thanh. Hãy nói, âm thanh là sắc gì, là màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng ? Nó không có hình sắc. Âm thanh này hình dáng ra sao, hình tròn, hình tam giác, hình dài ? Chư vị không thể biết, không thể thấy. Không thể thấy được thể tướng của thanh trần, nên gọi là khả đối bất khả kiến sắc (có thể đối trước, nhưng không thể thấy). Âm thanh này chung quy nơi sắc trần. Nơi năm ấm, sắc thọ tưởng hành thức, chung quy về sắc.

Mũi ngửi mùi hương, đó là hương trần. Chư vị có thể bám chấp vào. Tuy ngửi biết là hương mà không thể thấy được tướng mạo. Hương là gì ? Tức là hương vị, hay hương trần. Ngửi thì cảm giác được, nhưng không thể thấy. Vậy nó có hay không ? Tuy không thấy, nhưng nó thực có vì dùng mũi ngửi thấy được.

Vị, tức là mùi vị ngon dở. Chúng là gì ? Chư vị có thấy được không ? Cũng không thể thấy được nhưng dùng lưỡi nếm thì cảm giác được. Đầu lưỡi biết

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Thus the sutra says, form does not differ from emptiness; emptiness does not differ from form. The four great elements transform themselves and unite into a form-body, a corporeal body which has a visible appearance.

Once the body manifests, it likes pleasurable feelings. There are three kinds of feelings, which correspond to the three kinds of suffering:

Feelings of suffering;

Feelings of happiness;

Feelings which are characterized by neither suffering nor happiness.

Are you afraid of suffering? The more you fear suffering, the more suffering there is. So you reply, "I'm not afraid of suffering." Is the suffering diminished? Because you don't fear suffering, although the suffering is no less, it can be said that it does not exist. For if you do not fear suffering, then at its origin there is no suffering. If you are afraid of suffering, the more suffering there is, the more you are aware of it. The more you are aware of suffering, the more and more and more suffering there is.

When you experience the feeling of suffering, you feel that of all the people in the world you are the one who suffers most. Everything is felt to be suffering. I have a disciple who feels this way. When he lectures, he lectures on suffering. When he eats, he likes to eat bitter things. (In Chinese, the character ku means both "bitter" and "suffering.") But when it comes to doing work, he doesn't like suffering, and he's annoyed by hard work; he likes happy work. In this world happy work is rarely encountered, and if it is, it is simply the result of having suffered.

"Feelings of happiness" refer to all the kinds of pleasure. You feel that owning a car will make you happy, but after you buy the car, you want an airplane. When you own an airplane, you want to buy a sailboat, you want to take a rocket to the moon. But you get sick, and there are no doctors on the moon, so you die on the moon and become a moon-ghost. Is that being happy or is it suffering? You have become the "ghost in the moon." Happy feelings are a cause of suffering. Some say they are pleasurable, but they fill up your mind with bigger and bigger pieces of dirt.

mùi vị ngon dở, đắng, cay, mặn, ngọt, chua. Năm mùi vị này có hình sắc không ? Chúng ra như thế nào ? Chư vị không thể thấy được.

Xúc, thân thể nhờ mặc y phục nên được ấm áp, trơn trụi. Khi sờ vào da thì tự nhiên cảm giác được an lạc thích thú. Xúc trần này như thế nào ? Không thể thấy được, nên gọi là có thể cảm nhận mà không thể thấy được sắc trần. Nơi năm trần sắc thanh hương vị xúc pháp, hoặc đã có trải qua hay chưa trải qua, nơi ý thức đã từng gieo ảnh tử. Ví như khi thấy hình sắc thì ý thức liền biết. A ! Tôi thấy màu đỏ, lại thấy màu vàng, màu xanh lá cây. Những màu sắc này, khi vừa thấy qua nhưng ảnh tử (hình ảnh) vẫn còn nằm trong ý thức. Ảnh tử này, chư vị nói có hay không ? Nhớ lại những cảnh trong thời quá khứ, vậy ảnh tử có thật không ? Những cảnh giới này gọi là ảnh tử (hình ảnh) của năm trần. Sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần cũng là như thế. Tuy đã xảy ra trong đời quá khứ nhưng trong ý thức vẫn còn lưu lại ảnh tử (hình ảnh). Đó là pháp trần, cũng là sắc không thể nhận diện, không thể thấy được. Không thể nhận diện, nghĩa là chư vị đã gặp trong thời quá khứ, nay không còn nữa, lại không thể thấy. Vậy chư vị nói nó không có à ? Giống như khi khắc xong bản gỗ thì nó còn tồn tại mãi mãi, nhưng chư vị không có cách gì để thấy, để nghe, để tìm kiếm tướng mạo chân chánh được cả. Vì vậy, gọi là ảnh tử (hình ảnh) của năm trần lạc vào ý thức thứ sáu, nên nói là sắc không thể đối nhận, không thể thấy. Sắc là như thế, còn thọ tướng hành thức cũng giống vậy.

Tưởng không khác không, không chẳng khác tưởng, tưởng tức là không, không tức là tưởng. Thọ không khác không, không chẳng khác thọ, thọ tức là không, không tức là thọ. Hành chẳng khác không, không chẳng khác hành, hành tức là không, không tức là hành. Thức chẳng khác không, không chẳng khác thức, thức tức là không, không tức là thức. Vì vậy bảo rằng 'diệc phục như thị (cũng đều như thế)', tức là cũng giống như sắc và không. Do đó, thọ tướng hành thức cũng đồng dạng.

"Thọ tướng hành thức như không sắc".

Thọ tướng hành thức đã được giảng qua nhiều lần rồi. Chúng là gì, từ đâu đến, rồi đi về đâu ? Chúng ta phải biết bản thể của thọ tướng hành thức, hiểu rõ tác dụng của chúng, rồi mới hàng phục chúng. Nay tôi sẽ dùng đạo lý thô thiển đơn sơ để giảng về chúng.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

You ask, “How can all those kinds of false thinking stop?” Should one have feelings which are characterized by neither happiness nor suffering? One could say, “I don’t wish to suffer and I also don’t wish to be happy; I just want to make it through one very ordinary life and forget it.” Not bad. In this one life you can say that you broke even. You did business and didn’t make a profit, but you didn’t take a loss, either. You didn’t make money, but you didn’t lose any. The initial assets were fifty million and you still have fifty million. No gain and no loss: that is what is meant by feelings which are characterized by neither happiness nor suffering. But you wasted effort and did business in vain. You came into this world all confused, and you leave it all confused. Your wealth has not been well established and your accounts have been mismanaged. Consequently, this is called “coming and going in confusion.” It earns more confusion, and there is no interest in it.

As for cognition, you certainly must have false thoughts if you want enjoyment. You can’t be without it. “How can I think of a way to buy a car? How I can buy a beautiful home? How can I think of a way to buy a steamship? An airplane?” Your false thoughts fly back and forth and your hair turns white. Why? It turns white from false thinking. As soon as you begin false thinking, your hair starts turning white.

When you lie in your bed at night you have a thousand plans, as I’ve said before. Sometimes you get up early to act on them. Sometimes sleeping seems nice, and you just sleep. Formation is basically to act out karma, that is, to really act upon your false thinking. Now I will tell you about the five skandhas as they are found in your body.

- 1) The body is the form-skandha.
- 2) Once you have the form-skandha, you then have feelings of enjoyment and pleasure.
- 3) You want pleasure, and so you give rise to false thinking, which is cognition. How can I get what I want? How can I actually indulge in pleasure?
- 4) You have to go and do it; this is formation.
- 5) Acting requires a certain amount of wisdom, a consciousness which is a kind of small intelligence, about a hair’s worth.

Sao gọi là sắc ? Đó là sắc thân của chúng ta. Chung quy là sắc pháp, nên gọi là sắc thân. Tuy sắc thân này có hình tướng, nhưng nếu nghiên cứu thấu đáo thì bản thể của nó vẫn là không. Tại sao nói như thế ? tôi đã giảng qua nhiều lần ở phần trước rồi. Thân thể này do bốn đại, đất nước gió lửa hợp thành một công ty hữu hạn. Đất là duyên cứng rắn. Nước là duyên ẩm ướt. Gió là duyên diêu động. Lửa là duyên nóng. Do bốn đại này hợp duyên lại thành thân thể, có hình sắc. Khi nhân duyên bốn đại này phân khai, ly tán thì đại nào trở về đại đó, nhưng chung cuộc đều là không. Do thế, bảo rằng sắc không khác không, không chẳng khác sắc. Sắc chẳng khác không, tức là chân không. Không chẳng khác sắc tức là diệu hữu. Chân không cũng là diệu hữu, diệu hữu cũng là chân không. Không thể bỏ chân không, hướng ngoại tìm cầu diệu hữu, cũng không thể bỏ diệu hữu mà xuất hiện chân không. Đó là từ khi trời đất chưa khai mở, trước khi được cha mẹ sanh ra, là bản lai diện mục mà mình đồng với chư Phật không khác.

Do bốn đại hòa hợp mà thành sắc thân, có hình sắc có thể thấy, hưởng thọ sung sướng. Có ba loại thọ cũng là ba loại khổ. Chúng là gì ? Tức là khổ thọ, lạc thọ, và không khổ, không lạc thọ. Chư vị có sợ khổ không ? Càng sợ khổ chừng nào thì càng có nhiều khổ chừng đó. Sao tôi bảo chớ nên sợ khổ. Khổ ít hay nhiều ? Chư vị đừng có sợ khổ. Tuy khổ không nhiều nhưng khổ vốn không có thật. Nếu sợ khổ bao nhiêu thì bị cảm khổ bấy nhiêu, khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Chúng ta phải cảm giác mình là người khổ nhất trần gian. Tất cả sự việc đều cảm thấy khổ.

Tôi có một đệ tử. Hắn cảm giác mọi việc đều khổ; nói năng cũng khổ; muốn ăn này nọ cũng khổ; nhưng làm việc sinh sống thì không khổ, vui vẻ làm việc. Tuy nhiên, trên gian rất ít công việc an nhàn. Công việc an nhàn cũng là quả khổ. Thọ lạc tức thọ vui thú, hưởng thọ. Thích có xe hơi, nhưng sau khi mua xe rồi thì lại muốn mua máy bay. Có máy bay rồi thì muốn mua thêm tàu để chạy ra biển du ngoạn. Có tàu rồi lại muốn ngồi trên phi thuyền hỏa tốc để du hành lên cung trăng. Chư vị nói thử coi, những vọng tưởng này có bao giờ ngừng đâu. Tuy hưởng thọ, hưởng thú vui, nhưng càng đầy đủ chừng nào thì tâm lại càng muốn nhiều thêm. Đến được cung trăng, nhưng kết quả không hợp thủy thổ, liền sanh bệnh. Trên cung trăng không có bác sĩ. Chết tại cung trăng rồi biến thành quỷ ở cung trăng. Chư vị hãy nói xem, đó là an vui hay khổ đau. Đây là hưởng lạc mà cũng là nhân của khổ.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

If you live in the “small-wisdom loft”[1], then you only take care of small-wisdom undertakings with your small wisdom, a small bit of wisdom in a small, small loft. Can there be any great development? No. No big business is done by the very small company in the very small loft.

You must have wisdom to help you actually carry out your plans. When you have a plan and actually put it into effect, then you can accomplish the aim of your false thinking and obtain the pleasure you sought. You then supply your body with what it needs and seeks. Your body achieves its aims. “Oh...enjoyment! Ahhh!” The enjoyment lasts about five minutes. Because of the excessive exertion, your blood vessels rupture and then death comes. You can say that the enjoyment didn’t last long. What was it all about? It was just the five skandhas.

The five skandhas are just five ways of uniting, of working together to open a company. The company, once opened, opens again and again. Again and again. In a lecture on the Sutra of the Past Vows of Earth Store Bodhisattva, I explained it this way: the skandha-company grows everywhere like a wild vine which is never cut. Once opened, the Five Skandhas Corporation, Inc. always stays open, always feeling that there is hope. What hope? “Ah! This life I didn’t make money, but wait until next life and I will be able to make some.” Who can know whether there will be even less capital in the next life?

It’s just like gambling. You expect to win money, but as soon as you pull the handle on the slot machine, the money falls down into the machine and the house wins. It didn’t last long. At first you expected to win, but you lost. It is the same with your body, yet you gamble with it. Why do you want to gamble with it as if it were money? Because you haven’t seen through it, you don’t know that there are so many subtle, wonderful, and inconceivable states between heaven and earth. There are all these states, and yet you cannot move forward even a single step.

But there is one step that is even more esoteric, even more profound. What should you do? Just make the greed in your mind disappear. That is to neither make money nor lose it. That way you can preserve a little of your original share[2], in order to cultivate. That is what is called “returning to the original

Không khổ không lạc. Chư vị nói : "Tôi không muốn khổ cũng không muốn quá an lạc, chỉ muốn sống một đời bình thường thôi."

Không sai ! Một đời làm ăn buôn bán, không có lời, không được lợi tức mà cũng không thua lỗ. Vốn có năm mươi ngàn, làm bao năm rồi vẫn còn năm mươi ngàn. Đó gọi là không khổ không an lạc, nhưng rất mát mát. Chư vị đến thế gian này, mê mờ mà đến, lại mê mờ mà đi. Tài sản sở hữu không biết xử lý cho đúng. Chư vị cũng không biết an bài tương mục của mình, mê mờ đến, mê mờ đi, không có ý nghĩa gì cả. Muốn hưởng thọ thì không thể không khởi vọng tưởng. "Tôi phải kiếm cách gì để mua xe hơi, mua nhà sang trọng, mua tàu thủy, mua máy bay ?"

Nghĩ đến nghĩ lui, khởi những vọng tưởng này, khiến tóc đều bạc hết. Khi leo lên giường thì suy nghĩ trăm ngàn kể. Sáng sớm thức dậy, chưa kịp trở mình mà đã tính toán bao việc. Đây là những giấc mộng thực đẹp !

Hành tức là thực hành. Thực hành gì ? Thực hành theo những vọng tưởng của chư vị. Thân thể của chư vị tức là sắc uẩn. Có sắc uẩn này nên có tư tưởng hưởng thọ. Muốn hưởng thọ cũng là khởi vọng tưởng. Muốn hưởng thọ thì phải làm để đạt đến mục đích; làm rồi mới sinh ra ít nhiều trí huệ. Thức là một loại thông minh nhỏ, chỉ bằng một cọng tóc trên đầu thôi. Trí huệ nhỏ trụ nơi lâu trí huệ nhỏ, làm những việc tiểu trí huệ. Trí huệ nhỏ này tại lâu nhỏ nhỏ có thể phát triển được không ? Không thể được. Tại lâu nhỏ, công ty nhỏ, không thể làm sự nghiệp lớn được. Thế nên, chư vị phải có trí huệ thì mới giúp đỡ chính mình thực hành những kế hoạch đã vạch sẵn. Thực hành được thì sẽ đạt được như ý, rồi sau đó hưởng thọ, khiến thân thể sung sướng đầy đủ. Sau khi thân thể hưởng thọ như ý muốn, chỉ trong năm phút thì huyết quản liền đứt mà chết vì hưởng thọ quá độ. Hưởng thọ này không bền lâu. Đây thuộc về năm uẩn. Năm uẩn này hòa hợp thành một công ty. Công ty này mở rồi đóng, đóng rồi mở, không ngừng nghỉ. Chư vị cảm giác ước muốn một điều, là gì ? Tức là vì đời nay không kiếm ra nhiều tiền, chỉ mong đời sau kiếm được chút ít. Ví như đánh cờ bạc, bỏ tiền vào ngăn, nghĩ rằng kéo ra sẽ được nhiều tiền, nhưng khi bỏ vào thì tiền lọt vào lỗ khác, thuộc về người. Vốn tính đánh bạc cầu thắng mà ngược lại mất tiền, bị thua lỗ. Thân thể chúng ta cũng như thế, nay lại muốn đánh bạc. Tại sao vậy ? Vì chư vị không chịu nhìn thấu suốt, không biết rằng trời đất thế gian có nhiều sự vi diệu, cảnh giới không thể nghĩ bàn. Chư vị không nên bước bên phải bên trái giống như khi xưa nữa,

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

source”. Then you can return home.

[1] This lecture series was given at the Buddhist Lecture Hall at 125 Waverly Place, San Francisco. This reference is to a portion of the BLH where students studied.

[2] shou yi dian ben fen. The phrase is also sometimes used to imply “mind your own business” or “be content with your own lot.”

Feeling, Cognition, Formation & Consciousness (continuation)

Verse:

Feeling, cognition, formation, and consciousness are like emptiness and form. Again he calls, “Shariputra, pay attention, listen!”

“All dharmas are empty of characteristics,” lacking a nature of their own.

“Not produced, not destroyed,” they silently pervade;

“Not defiled, not pure,” they are separate from corrupting filth;

“They neither increase nor diminish” – enlighten the dark and mysterious middle.

In the pure and deep ultimate silence, all creation is transcended:

A sudden awakening to the original perfect fusion of self and dharmas.

Commentary:

The three kinds of form – complementary, visible form; complementary, invisible form; and non-complementary, invisible form – were explained above. Encompassed by those three general classifications is the further distinction of eleven kinds of form dharma.

càng sa xuống thì càng lún sâu. Vậy, chư vị phải làm gì ? Chư vị phải dẹp trừ tâm tham thì sẽ không còn thua lỗ nữa. Lại nữa, chư vị nên giữ bổn phận của mình và tu hành, đó gọi là phản bổn hoàn nguyên (xoay về cội gốc), thì mới có thể trở về nhà được.

Bên trên, giảng về ba loại sắc, tức là sắc có thể đối có thể thấy, sắc có thể đối không thể thấy, sắc không thể đối không thể thấy. Đó là mười một loại sắc pháp. Tại sao thế ? năm căn, mắt tai mũi lưỡi thân ý, lại thêm sáu trần sắc, thanh hương vị xúc pháp. Năm căn đối với sáu trần sanh ra mười một loại sắc pháp. Mười một loại này cũng được phân tách từ ba loại sắc ở bên trên, tức là sắc có thể đối có thể thấy, sắc có thể đối không thể thấy, sắc không thể đối không thể thấy.

Có thể đối có thể thấy, tôi đã giảng ở phần trên rồi, tức là tất cả vật có hình tướng, hiển lộ hình sắc trước mắt chư vị. Có thể đối không thể thấy tức là bốn loại âm thanh, mùi hương, mùi vị, xúc chạm. Âm thanh có thể nghe nhưng không thể thấy. Hương vị xúc cũng như thế, chỉ có cảm giác mà không thể thấy. Không thể đối không thể thấy tức là pháp trần, cũng chung quy nơi sắc pháp. Sắc pháp này không thể thấy được, cũng không thể cảm giác được, nhưng trong ý niệm lại biết đến. Sao gọi là sắc pháp ? Vì nó là ảnh tử của năm trần lưu lại trong tâm thức. Loại ảnh trần này cũng thuộc về sắc pháp. Đó là một loại sắc trong ý thức. Bên trên đã nói sắc tức là không. Thọ tưởng hành thức cũng đều không, cũng lại đồng dạng với sắc trần. Sắc trần từ đâu đến ? Sắc trần đối với sáu căn sanh ra sáu thức, nên biến thành sắc trần.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

They are the five perceptual faculties[3] – the eyes, ears, nose, tongue, and body – and in addition, the six objects of perception – sights, sounds, smells, tastes, objects of touch, and dharmas. The five perceptual faculties pair themselves with the six perceptual objects. Taken together they comprise the eleven kinds of form-dharma, which are found within the three more general classifications of form.

To review, all the defiling phenomena in front of your eyes, all that has visible appearance, is complementary, visible form. The four kinds of form-dharma which are complementary and invisible are sounds, smells, tastes, and objects of touch. The “perceptual objects of the mind” – that is, dharmas – are also part of the form-dharma and are classified as non-complementary, invisible form. When you try to look at this kind of form, you see nothing and have no awareness of its presence, yet you know about it in your thoughts. In what sense can a perceptual object of the mind be called a form-dharma? The five perceptual objects which appear before you leave behind shadows in your mind. The shadow, or perceptual objects of the mind – the mind-defilers – are also form, a kind of form which is inside mind-consciousness.

Form itself is emptiness, and feeling, thinking, action, and consciousness are also empty. They are the same as form, which is an object of perception. Where does the form which is an object of perception come from? The pairing of the six forms which are objects of perception with the six perceptual faculties produces the six consciousnesses, in which there arises discrimination of the form. The specific nature of each of the six perceptual faculties (i.e. the consciousness associated with each) – seeing, hearing, smelling, tasting, feeling, and knowing – is empty. Since the nature is empty and the form is manifest from the nature, form is also empty. In other words, in form there is emptiness. You do not have to leave form to find emptiness.

"Tái hồ Xá Lợi nhữ đế thính, (lại này Xá Lợi, nên nghe kỹ)".

Đức Phật lại bảo ngài Xá Lợi Phất rằng hãy nên chú ý lắng nghe cho kỹ.

"Thị chư pháp không tướng vô tánh, (các pháp vốn không tướng vô tánh)".

Tánh của sáu căn, thấy, nghe, ngửi, nếm, giác, tri vốn là không. Sắc do tánh mà hiển. Sắc cũng là không. Chẳng thể bỏ rời sắc mà giữ được không. Bàn về sắc và kiến tánh, chư vị bảo rằng sắc có trước hay kiến tánh có trước ? Nếu nói sắc có trước thì chưa thấy gì mà sao lại hiển xuất ra sắc? Nếu nói đầu tiên có kiến tánh, thì khi không có sắc có thể đối thì kiến tánh (thấy tánh) chỗ nào ? Không có sắc mà chư vị kiến tánh (thấy tánh) thì không ích lợi gì. Thế nên phải thấy tánh vốn là không. Sắc cũng là không. Chư vị chớ khởi ra loại biến kế chấp tánh. Chấp trước có tức là có, không tức là không.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Now I shall talk about form and the seeing-nature. Which of the two would you say exists first? If form exists first, then how can it manifest when there is no seeing? If you say that seeing exists first, then where does the seeing-nature go when there is no form? So, if there is no form, the seeing-nature has no function. Therefore, both the seeing-nature and form are fundamentally empty. You should not give rise to a one-sided nature given to attachment and become attached to the idea that existence itself is existence and emptiness itself is emptiness. The original non-duality of emptiness and existence is true emptiness and wonderful existence giving birth to wonderful functioning. Some people who do not understand the Buddhadharma see emptiness and think that it is certainly empty; they see existence and think that it is certainly existent. Not understanding the principle of the non-duality of emptiness and existence, they seek outside themselves, they look for another head to put on top of the head they already have, and they get caught up in false thinking. When the Buddha spoke the Heart Sutra, he proclaimed the wonderful Dharma, the principle of the non-duality of emptiness and existence.

Feeling, cognition, formation, and consciousness are like emptiness and form. Again he calls, “Shariputra, pay attention, Explanation of the Meaning of 70 the Text listen!” “All dharmas are empty of characteristics,” lacking a nature of their own. The five skandhas – form, feeling, cognition, formation, and consciousness – are a general categorization of all dharmas, which can be further divided into the 100 dharmas: eleven form-dharmas (rupa), eight mind-dharmas (citta), fifty-one dharmas belonging to the mind (caitasika), twenty-four noninteracting dharmas (citta viprayukta), and six unconditioned dharmas (asamskrta).

The eleven form-dharmas, which were discussed above, refer to the pairing of the five perceptual faculties with the six perceptual objects. The eight mind-dharmas are these:

- 1) the eye-consciousness;
- 2) the ear-consciousness;
- 3) the nose-consciousness;
- 4) the tongue-consciousness;
- 5) the body-consciousness;

Không và có vốn không hai. Cháp thấy có tức nhất định là có, thì không thể liễu giải (hiểu rõ) đạo lý không hai của có và không. Vì vậy, nếu hướng ngoại truy cầu, thì đem đầu đặt lên đầu, chap trước khởi vọng. Vì thế, Phật thuyết "Tâm Kinh" tức là thuyết về đạo lý không hai của có và không. Diệu pháp không hai của có và không. Thọ tướng hành thức cũng đồng với không và sắc. Chư pháp vốn không tướng vô tánh.

Tất cả năm uẩn pháp, sắc, thọ tướng hành thức đều là tổng hợp các pháp, tức là mười một loại sắc pháp, tám tâm pháp, năm mươi một tâm sở pháp, hai mươi bốn bất tương ưng pháp, sáu vô vi pháp, thành một trăm pháp. Mười một sắc pháp tức là mười một loại sắc trần vừa giảng ở trên, cũng là năm căn đối với sáu trần. Năm căn là năm loại sắc pháp. Sáu trần là sáu loại sắc pháp. Cộng thành mười một loại sắc pháp. Tám tâm pháp tức là nhãn thức, nhĩ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạt na hức, cùng a lại da thức, cộng thành tám tâm pháp. Năm mươi một tâm sở pháp nghĩa là thọ và tưởng phân tích tường tận ra thành năm mươi một loại tâm sở pháp. Hành thức là hai mươi bốn bất tương ưng pháp. Thức cũng là tám thức đã nói ở trên. Lại thêm sáu vô vi pháp, tổng cộng thành một trăm pháp.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

- 6) the mind-consciousness;
- 7) the defiling mind-consciousness (manas);and
- 8) the storehouse-consciousness (alaya).

[3] Chinese gen, literally “roots.

Feeling, Cognition, Formation & Consciousness (continuation)

There are fifty-one dharmas belonging to the mind. They comprise the two skandhas of feeling and cognition. The skandha of formation consists of the twenty-four non-interacting dharmas. In addition there are the six unconditioned dharmas. Together they make 100 dharmas.

Maitreya Bodhisattva transformed all the teachings of Shakyamuni Buddha’s lifetime into 660 categories of dharma. Since 660 categories were still too many, later on the Bodhisattvas Vasubandhu and Asanga summarized them into 100 dharmas.[1]

The verse says, “‘All dharmas are empty of characteristics,’ lacking a nature of their own.” In other words, the five skandha- dharmas – form, feeling, cognition, formation, and consciousness – are all empty. They have no nature of their own; their substance is empty.

“Not produced, not destroyed,” they silently pervade. Nagarjuna Bodhisattva recited a verse of several lines which explains in detail the dharmas of production and extinction. How did he put it?

Birth in the past is not birth. Birth in the future is not birth either. Besides birth in the past and birth in future There is birth in the present, and that is no-birth.

“Birth in the past is not birth.” When birth has already taken place, how can there still be birth? Take, for example, a tree. Once a tree has sprouted, you cannot say it will sprout again.

Một trăm pháp này do hai vị bồ tát Thiên Thân, Vô Trước tóm gọn sáu trăm sáu mươi pháp của bồ tát Di Lặc phân thành một trăm pháp. Bồ tát Di Lặc lấy thời số một đời thuyết pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni mà biên thành sáu trăm sáu mươi loại pháp. Vì sáu trăm sáu mươi pháp quá nhiều, nên sau này, bồ tát Thiên Thân và Vô Trước nghiên cứu tóm thâu lại thành một trăm pháp. Do đó nói rằng các pháp vốn không tướng, vô tánh, tức bảo rằng năm uẩn sắc thọ tưởng hành thức đều là không, chẳng có tự tánh.

"Bất sanh bất diệt tịch nhiên thông, (không sanh không diệt thông tịch nhiên)". Bồ tát Long Thọ có thuyết những bài kệ tụng nói về pháp sanh diệt thật rất tường tận. Ngài nói :

"Kỷ sanh vô hữu tánh
Vi sanh kỷ vô sanh
Ly kỷ sanh vi sanh
Sanh thời tức vô sanh."

Dịch :

"Đã sanh mà không sanh
Chưa sanh đã không sanh
Rồi đã sanh chưa sanh
Lúc sanh tức vô sanh".

"Đã sanh mà chưa sanh", tức là đã sanh rồi mà vẫn như chưa sanh. Sao nói thế ? Đã sanh rồi sau lại có sanh ? Ví như cây đã mọc mầm rồi thì không còn mọc thêm nữa.

"Chưa sanh đã vô sanh". Sao là chưa sanh ? Chưa sanh là chưa có sanh. Chưa có sanh lại có sanh không ?

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

“Birth in the future is not birth either.” If there is no birth for the already-born, the not-yet-born has not been born either, has it? How can it have a birth if it still has not been born?

“Besides birth in the past and birth in the future / There is birth in the present, and that is no-birth.” “There is birth in the present, and that is no-birth” is the same principle as “The past mind cannot be obtained, the present mind cannot be obtained, and the future mind cannot be obtained.”[2] Thus Nagarjuna Bodhisattva made clear the doctrine of no production and no extinction. This expression of the theory is quite complete.

The Dharma spoken by the Buddha has eight characteristics:

No production and no extinction; No permanence and no annihilation; No unity and no differentiation; No coming and no going.

With his four-line verse, Nagarjuna Bodhisattva described birth; extinction can be described in the same way:

Extinction in the past is not extinction;

Extinction in the future is not extinction either.

Besides extinction in the past and extinction in the future,

There is extinction in the present, and that is no-extinction.

When such a doctrine is proclaimed, most people are not very clear about it. That is the reason I never talk about this kind of doctrine. Nevertheless, now I will talk about no production and no extinction. “Not produced, not destroyed,” they silently pervade. / “Not defiled, not pure,” they are separate from corrupting filth. Our fundamental nature is without defilement or purity. But as soon as we are born and become people, there is defilement and purity. Yet the defilement and purity are not defiled and not pure.

Nonetheless, as people, we have the kind of nature which is attached to accounting for things in a one-sided manner, and so we say, “This is defiled and that is pure.” It is our attachment-nature which causes the change to defilement and purity.

"Ly đã sanh chưa sanh" tức là xa rời đã sanh và chưa sanh.

"Lúc sanh tức vô sanh", nghĩa là ngay khi sanh tức là không có sanh. Giống như đạo lý tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai cũng không thể được.

Đây là bồ tát Long Thọ phát minh ra lý không sanh không diệt. Lý luận này thật rất thâm sâu triệt để. Do vì Phật thuyết tám loại tướng, tức không sanh cũng không diệt, không thường cũng không đoạn, không một cũng không khác, không đến cũng không đi. Bồ tát Long Thọ dùng bốn câu kệ tụng để hình dung vô sanh và sanh giống như nhau. Sao lại giảng về diệt ? Cũng có thể nói :

"Đã diệt, không có diệt
Chưa diệt đã không diệt
Rời đã diệt chưa diệt
Lúc diệt tức vô diệt".

Những loại lý luận này tôi tin chắc rằng mọi người đều chẳng hiểu gì cả. Do đó tôi không giảng thẳng về chúng. Hiện tại, bắt quá chỉ giảng về lý không sanh không diệt. Lý không sanh không diệt thông tịch nhiên, tịch nhiên thông đạt vô ngại.

"Bất cấu bất tịnh ly ô nhiễm, (không dơ không sạch xa ô nhiễm)".

Tự tánh vốn không dơ không sạch, nhưng khi sanh ra, con người lại có dơ có sạch. Dơ sạch này cũng là không dơ không sạch. Chỉ vì chúng ta có tánh chấp biến kế, chấp trước đây là dơ, đây là không dơ, đây là sạch, đây là không sạch. Vì có tâm chấp trước như thế nên biến thành có dơ và có sạch.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

How can we say that it is the way that our minds become attached? Take, for example, our hands. Sometimes, in particular circumstances, hands become smeared with various kinds of excrement: for instance, human excrement or pig's excrement. While your hands are smeared with it, you think they are very filthy. But once you have washed them off with water, you consider them clean. However, if you use a washcloth with excrement or some other impure substance on it, you still feel that it is unclean even after you have finished washing it with soap. You feel that if the washcloth has touched excrement or become smeared with it, you cannot get it clean, so you throw it out. Even though the washcloth has been washed, you always feel in your mind that it is not clean. But after people wash their hands with water, their minds are not attached in the same way. They don't talk about taking a knife and cutting off a hand to get rid of it, not wanting it because it is not clean. But why is the hand considered clean when the washcloth isn't? It's that you can't get rid of your hand, so your mind considers it clean. If it were not clean, you still could not give it up and throw it out. But even when the wash-cloth is washed clean, you don't want it. Nor do you wish to rub your face with it. As soon as you rubbed it on your face, you would feel that the stench had been rubbed into your face. Originally there was excrement wrapped in the washcloth, so in your mind you do not want it; it is too unclean. Yet it is all in your mind. If there is not that kind of attachment in your mind, then there is no defilement and no purity. When the attachment is made to disappear, the state is reached when "Not defiled, not pure,' they are separate from corrupting filth."

If your mind does not have that kind of attachment, there is no problem. For even when there is filth, filth is just the same as purity. The original substance of one's own nature is neither defiled nor pure. Therefore, all is without characteristics and originally has no defilement or purity.

If you are capable of attaining the principle of the Way of neither defilement nor purity, so that your mind is not affected by defilement and purity, you will unite with your own nature; your virtue will equal that of heaven and earth, and your light, that of the sun and moon. How can the Buddha be like infinite suns?

Sao nói đó là một loại tâm chấp trước ? Ví như tay của chúng ta, đôi khi bị ô nhiễm bởi phân người hay phân heo. Lúc ấy, cảm giác rất dơ bẩn, nhưng dùng nước tẩy rửa thì tay trở lại sạch sẽ. Nhưng khi quần áo bị dính phân thì tuy tẩy rửa nhưng vẫn còn cảm giác như bẩn. Do đó, chúng ta muốn liệng nó đi. Đối với bàn tay, sau khi rửa sạch thì không còn chấp trước nữa, vì không thể dùng dao cắt đứt bỏ đi, nên tâm nghĩ rằng tay đã được rửa sạch. Đối với quần áo, dầu được giặt rửa rồi nhưng vẫn không thích, không muốn dùng lại nữa, vì do tâm không thích. Tâm không chấp trước vào quần áo. Đó là không như không sạch. Nếu chư vị không có tâm chấp trước thì cho dầu bọt như nhuộm nhưng không hề hấn gì cả. Như nhuộm và sạch sẽ đều cùng một dạng. Không dơ không sạch là cội gốc của tự tánh. Đối với mọi sự việc dơ hay sạch, đều phải lãnh hội lý không dơ không sạch. Không vì dơ sạch mà làm chuyển động tâm mình. Đó mới hợp với tự tánh của chúng ta. Chư vị phải có trình độ nhận thức như thế, thì đức hạnh của mình mới hợp với đạo lý trời đất, hợp với ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Tại sao kim quang của đức Phật như ngàn muôn ức mặt trời ? Vì ngài hội được lý không dơ không sạch. Ngài đạt được đạo lý của trời và người. Ngài hòa hợp thành một thể với bốn mùa, xuân hạ thu đông. Ngài lại hòa hợp với những việc điềm xấu của quỷ thần. Tại sao chư vị không thể được như thế ? Vì chư vị còn có tâm chấp trước, tánh chấp biến kế. Chư vị phải phản bản hoàn nguyên, xa rời ô nhiễm.

"Bất tăng bất giảm ngộ huyền trung. (Không tăng không giảm, ngộ trong huyền)". Chư vị phải giác ngộ được tự tánh vốn không tăng không diệt, thì mới liễu ngộ được lý trung đạo tối vi diệu. Tôi vừa giảng về bồ tát Long Thọ thuyết về lý không sanh, lại thêm Phật thuyết thời pháp môn phương đẳng có tám loại tướng, tức là không sanh không diệt, không đoạn không thường, không một không khác, không đến không đi. Có người không chấp đoạn nhưng lại chấp thường. Đoạn tức là đoạn diệt. Thường tức là tồn tại. Đoạn kiến, thường kiến là lý luận của ngoại đạo. Pháp Phật thuyết là không đoạn không thường. Vậy, đối với chúng ta, khi chết rồi còn hay là mất ? Nếu nói thường còn thì sao chúng ta lại không gặp lại được những người xưa ? Vì đời người vô thường không mãi tồn tại. Chư vị cũng không nên bảo không thường hằng. Hiện tại chúng ta ăn cơm cũng giống như người xưa vậy. Đó là không đoạn.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Because the Buddha was able to attain the principle of the Way of neither defilement nor purity. If you are capable of attaining this kind of natural principle of the Way, which is neither defiled nor pure, you and the four seasons – spring, summer, fall, and winter – have all been united and transformed into one. You can be united with the auspiciousness and misfortune of gods and ghosts. Why are you unable to accomplish this? Because you have the kind of nature which is attached to accounting for things in a one-sided manner. If you didn't, you could return to the original source and so leave defilement.

[1] The 660 dharmas are explained in the Yogacarabhumi-Sastra (T. 1579). For the Hundred Dharmas, see the bai fa ming men lun.

[2] Vajra (Diamond) Sutra

Thế nên Phật thuyết pháp không thường không đoạn. Không nên chấp trước đoạn kiến, hay thường kiến, mà phải hòa nơi trung đạo, nên gọi là ngộ trung huyền.

Không đến không đi tức là đức Như Lai không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Chớ bảo rằng chúng ta cũng như đức Như Lai 'bất lai bất khứ' (không đến không đi)'.

Bảo rằng đến tức là chúng ta từ đâu đến ? Chư vị không hề biết. Bảo rằng đi tức là chúng ta sẽ đi về đâu ? Chư vị cũng không biết. Không đến không đi tức là không từ đâu đến và không đi về đâu.

Lại bàn về không một không khác. Không một tức là không đồng một dạng. Không khác tức là không có hai, chẳng có tướng sai biệt. Không một tức là không có tướng đồng với tướng. Luận về thân thể chúng ta, nó không chỉ do một vật hợp thành, mà do nhiều bộ phận khác biệt hợp thành, nên gọi là chẳng phải một. Bàn đến lý không khác, lại luận về thân thể, chỉ có một thân, không có thêm thân khác. Những loại lý luận này thật rất khó hiểu. Mỗi lần giảng chút ít, rồi từ từ mới có thể liễu giải.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Feeling, Cognition, Formation & Consciousness (continuation)

“They neither increase nor diminish” – enlighten the dark and mysterious middle. When you have attained enlightenment, there is neither increase nor decrease in your own nature. You have become enlightened to the most subtle and wonderful noumenal substance of the Middle Way. I spoke earlier about Nagarjuna Bodhisattva and the doctrine of non-production which he proclaimed. I also mentioned the dharma of the eight characteristics explained by the Buddha during the Vaipulya period.

No production and no extinction; No permanence and no annihilation; No unity and no differentiation; No coming and no going.

Most people are attached either to annihilation or to permanence. Annihilation and permanence are the views of external paths, but the Dharma which was spoken by the Buddha is neither annihilationism nor eternalism; it is a dharma of neither unity nor differentiation. Let’s talk about us. Would you say that people are annihilated?

Không tăng không giảm, nghĩa là tự tánh chúng ta không tăng không giảm.

Như câu :

"Vô tình tạng nguyệt tăng trung giảm, (ánh trăng vô tình tăng trong giảm)".

Hữu vị Phật pháp khổ hậu điền, (nắm vị Phật pháp sau khổ nhọc)".

Tạng nguyệt (ánh trăng) tức vô tình, không có tình thức. Tuy nói nó có tăng mà cũng có diệt. Ánh trăng vô tình. Chư vị bảo mặt trăng đừng lặn mất, lưu lại nơi đây một thời gian. Không thể được ! Dầu chư vị có làm gì đi nữa cũng không thể giữ mặt trăng đứng lại một chỗ. Trừ phi chư vị giữ được mặt trời cố định một chỗ, tức bảo rằng mặt trời không động. Điều này thật không thể được !

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

When people die, do they then not exist? Or would you say that people live eternally? If so, then why don't we see any people from ancient times right now? We don't see them because people don't live forever. Would you say then that people do not live eternally? The rice which we now eat is the same rice which the ancients ate. The rice has not been annihilated. If you say that it has not been annihilated, you must say that it is eternal. The ancients are not eternal, but we are eternally eating the rice the ancients ate! Since we eat it, how is it still eternal? We eat it all the time! Therefore, the Dharma spoken by the Buddha is neither annihilationism nor eternalism. So you should not be attached either to a view of annihilationism or to a view of eternalism; you should unite instead with the Middle Way. And so the verse says, "enlighten the dark and mysterious middle."

"No coming and no going." The Buddha, the Thus Come One, does not come from anywhere or go anywhere. We should not only mention the Thus Come One, since we people also neither come nor go. You may say that there is a coming, but where do people come from? You don't know. You may say that there is a going; but when we die, where do we go? You don't know that either. "No coming and no going:" there is nowhere that we come from and nowhere that we go. In other words, there is neither unity nor differentiation. The lack of unity means there is no sameness, and the lack of differentiation means there are no two different characteristics. That is, there is no characteristic of commonality and no characteristic of distinction.

Would you say that there is a characteristic of commonality? Let's talk about the body. The body is not just composed of one kind of thing that is organized to become a body. There are many different divisions. That is what is meant by "no unity." And "no differentiation?" Generally speaking, the body is just a body. When there isn't any other distinction made, that is what is meant by "no differentiation". To explain this kind of principle is very complicated. One time a little is said and the next time a little is said. When it has been talked about several more times, you will be able to understand.

Ngày nay khoa học có tiến bộ bao nhiêu đi nữa vẫn không có cách khiến mặt trời bất động. Ánh mặt trời cũng thuộc về loài vô tình. Tăng trong giảm, như năm nay tôi sáu mươi tuổi. Năm kế sẽ sáu mươi một tuổi. Thọ mạng tăng thêm một tuổi, nhưng lại thêm một năm gần cái chết. Ví như bảo rằng tôi sống đến một trăm tuổi mới chết, mà nay đang sống đến sáu mươi một tuổi, tức là phải giảm đến ba mươi chín năm nữa. Nhưng đó cũng chính là tăng tuổi thọ. Vì vậy bảo rằng trong tăng lại có giảm. Ngược lại, trong giảm lại có tăng. Chư vị phải hiểu rõ lý này chân thật, nó vốn không tăng cũng không giảm.

"Hữu vị Phật pháp khổ hậu điền, (nếm vị Phật pháp sau khổ nhọc)."

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

They neither increase nor diminish. One's own nature neither increases nor decreases.

In the pure and deep ultimate silence, all creation is transcended. Being very, very pure one transcends the creative and transformative processes of heaven and earth.

A sudden awakening to the original perfect fusion of self and dharmas. If you are able to understand simultaneously all the various principles which have been expounded, you will suddenly awaken to the fact that self and dharmas are originally perfectly fused, unobstructed, non-dual, and undifferentiated. Self and dharmas are one. There is a Chinese saying which is very helpful in understanding that they neither increase nor diminish:

The years and months are unfeeling,
In increase is decrease.

One cannot say that the years and months have any human feelings at all. All that is mentioned is that their increasing is a decreasing. If it is said that there is neither increase nor decrease, how then is there increase and decrease nonetheless? What increases and decreases also neither increases nor decreases.

"The years and months are unfeeling." You say, "I don't want to go." You stand here today, wanting to stop the flow, saying, "Time, don't accompany me any further." You wish to tell it not to go past, but unless you make the sun stand still, no matter what you do, you will not stop it from flowing. Now, although science has made progress, it still has found no method capable of making the sun stand still. Therefore, time is unfeeling.

"In increase is decrease." This year we are sixty years old, and next year sixty-one years old. Although it may seem that our lifespan has increased by one year, if you calculate toward the year of death... For instance, if I were to die at the age of 100 and had now lived to be sixty-one, there would still remain thirty-nine years. My life would have already decreased to thirty-nine years. Therefore, when one side increases, the other side decreases. "In increase is decrease." So also in decrease is increase. If you really



THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

understand this principle, you know that there is basically neither increase nor decrease. When I was teaching you Chinese, I said, “If you do not have an old heart, you have eternal youth.” Therefore, “in increase is decrease.”

What should be done?

Tasty Buddhadharma!
After the bitter, the sweet.

The Buddhadharma is really most flavorful. When you study the Buddhadharma, you study a little bit, and then you understand a little bit. Recently I said, “Regarding becoming enlightened, there are small enlightenments, there are middle-sized enlightenments, and there great enlightenments.” How big is a small enlightenment? Perhaps it is as small as a speck of dust bordering on emptiness. In the field of your eighth consciousness, you have already had a small enlightenment and you still do not know it. When you have a middle-sized enlightenment, you feel, “Ah, I understand a little more of the doctrine. That is what neither increase nor diminish is basically about! Fundamentally, not produced, not destroyed, not defiled, not pure has so many meanings!” You understand the meaning of those doctrines: that is middle-sized enlightenment.

Great enlightenment ends birth and death. You know how you come and how you go. You know what is meant by increase, by decrease, and by not produced and not destroyed. That’s great enlightenment.

Hương vị Phật pháp rất ngọt ngào. Đối với Phật pháp, chư vị học được một chút thì hiểu rõ một chút. Hôm qua tôi đã giảng về lý khai ngộ. Khai ngộ có tiểu ngộ, trung ngộ và đại ngộ. Tiểu ngộ là ít hay nhiều mà sao lại gọi là tiểu ? Giống như hư không rất rộng lớn, khi đã khai ngộ từ trong ruộng tám thức, chư vị cũng vẫn không hay biết.

Trung ngộ nghĩa là chư vị cảm giác là mình hiểu rõ được chút ít đạo lý, như lý không tăng không giảm, lý không sanh không diệt xưa nay. Hiểu rõ những đạo lý này được rồi thì gọi là trung ngộ. Đại ngộ tức là dứt tận sanh tử, việc gì đến hay đi cũng đều biết hết. Sau gọi là tăng ? Sau gọi là giảm ? Biết rõ lý không tăng không giảm, hoàn toàn liễu giải được lý không sanh không diệt gọi là đại ngộ.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Tasty Buddhadharma!
After the bitter, the sweet.

First, you certainly must endure a little bit of suffering. That does not mean to study for three and a half days or even five days, and then to say, “I have studied enough Buddhadharma.” No, you certainly should let go of that sort of patience; get rid of it, and say, “No matter what difficulty, I want to learn.” This is why we stick to an unvarying schedule of language and sutra study. Unless there are special situations, I absolutely won’t be lazy about teaching you. Why? It is just that you must reliably, truly cultivate, and then you can get to the flavor: “After the bitter, the sweet.” You must first take the bitter, and afterwards you can obtain what is sweet. So in studying the Buddhadharma, no one should be afraid of suffering. Don’t be afraid. The more suffering, the better. You should get up your energy, firm your stance, direct your will, and go forward with vigor and valor. You shouldn’t be afraid of suffering; you shouldn’t be afraid of difficulty! Then you can study the Buddhadharma.

"Ném vị Phật pháp sau khổ nhọc". Chư vị nhất định phải nhẫn chịu một chút khổ. Không phải học liên tiếp bốn năm ngày rồi cho đó là học Phật pháp đầy đủ rồi. Chư vị nhất định phải có tâm nhẫn nhục, không luận khôn khổ, gian nan gì cũng đều phải học. Ngày ngày tôi phải đến trường dạy tiếng Tàu cho học sinh. Đến lúc giảng kinh, tôi cũng phải giảng, trừ phi có những trường hợp đặc biệt. Tuyệt đối tôi không bao giờ làm biếng. Cần phải tu hành chân thật thì mới ném được mùi vị Phật pháp, nên đầu tiên phải chịu khổ đau nhọc nhằn. Do đó, chớ có sợ khổ. Càng khổ nhiều chừng nào càng tốt chừng ấy. Phải phấn chấn tinh thần, lập định chí hướng, dũng mãnh tinh tấn tiến bước. Đừng sợ khổ nhọc, gian nan.

"Đạm nhiên tịnh cực siêu tạo hóa." Đạm nhiên tức là thanh tịnh. Cực tịnh nghĩa là tịch tĩnh đến cùng tột. Siêu tạo hóa, nghĩa là siêu xuất công năng tạo hóa của trời đất.

"Đốn giác ngộ pháp bốn viên dung, (liền giác ngộ pháp vốn viên dung)". Chư vị nếu hiểu rõ đạo lý này thì tức khắc biết được mình và pháp vốn là một, không có phân biệt, không hai không khác, gốc vốn là viên dung không ngại.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The Emptiness of the Eighteen Fields

Sutra:

Therefore, in emptiness there is no form, feeling, cognition, formation, or consciousness; no eyes, ears, nose, tongue, body, or mind; no sights, sounds, smells, tastes, objects of touch, or dharmas; no field of the eyes, up to and including no field of mind-consciousness.

Verse:

Therefore in emptiness there are no characteristics of form.
Feeling, cognition, formation, and consciousness disappear also,
As well as the six faculties and six objects, together with six consciousnesses.
With three minds in three ceasings, three closures are passed through.
The great cart of the white ox turns with the sound lin-lin.
A little yellow-faced child jumps and thumps in agitation.
What instructive meaning is there in this?
The front double-three and the back double-three meet.

Commentary:

Therefore, in emptiness there is no form. This sentence refers back to an earlier passage in the sutra: Not produced, not destroyed, not defiled, not pure, and they neither increase nor diminish. Since that is the case, in emptiness – true emptiness – there is no form.

No... feeling, cognition, formation, or consciousness. Their basic substance is also empty.

No eyes, ears, nose, tongue, body, or mind. None of the six perceptual faculties exist.

No sights, sounds, smells, tastes, objects of touch, or dharmas. The six objects of perception do not exist either. No field of the eyes, up to and including no field of mind-consciousness. All the six consciousnesses are also

"Thị cố không trung vô sắc, vô thọ tướng hành thức, vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân thanh hương vị xúc pháp, vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới, (cho đến trong không chẳng có sắc, chẳng có thọ tướng hành thức, chẳng có mắt tay mũi lưỡi thân ý, chẳng có sắc thanh hương vị xúc pháp, chẳng có nhãn giới, cho đến chẳng có ý thức giới)".

Thị cố không trung vô sắc tướng
Thọ tướng hành thức diệt vong trước
Lục căn trần tịnh lục thức
Tam tâm chỉ thấu tam quan
Bạch ngưu đại xa lân lân chuyển
Hoàng kiếm tiểu nhi khiêu khiêu toản
Nhược vấn cá trung hà chỉ thú
Tiền tam tam tiếp hậu tam tam

Dịch :

Do đó trong không chẳng có sắc
Thọ tướng hành thức cũng không trước
Sáu căn sáu trần cùng sáu thức
Ba tâm ba chỉ thấu ba cửa
Trâu trắng xe lớn, chuyển từ từ
Bé mặt vàng đập đến đập lui
Nếu hỏi đường hướng như thế nào
Trước ba ba tiếp, sau ba ba".

Trong không chẳng có sắc. Đó là bàn tiếp về đoạn văn ở trên. Bên trên, không sanh không diệt, không dư không sạch, không tăng không giảm. Vì chân không chẳng có sắc thọ tướng hành thức. Bản thể của thọ tướng hành thức vốn là không.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

empty.

The Heart Sutra speaks about the true emptiness of prajna. The true emptiness of prajna is wonderful existence. Wonderful existence is no existence; it is true emptiness. Therefore, it is said, “True emptiness does not obstruct wonderful existence, and wonderful existence does not obstruct true emptiness. True emptiness is wonderful existence, and wonderful existence is true emptiness.”

Earlier the sutra says, form does not differ from emptiness; emptiness does not differ from form. The form-dharma of the five skandhas is empty. The five skandha-dharmas are a summation of dharmas in general, and the others – the six perceptual faculties, the six objects of perception, and the six consciousnesses – are special characteristics of dharmas. Since the characteristics of their summation are empty, their special characteristics must be nonexistent also. Therefore the sutra says there are no eyes, ears, nose, tongue, body, or mind; no sights, sounds, smells, tastes, objects of touch, or dharmas; no field of the eyes, up to and including no field of mind-consciousness.

The six objects of perception, the six perceptual faculties, and the six consciousnesses are together called the eighteen fields. The six perceptual faculties together with the six objects of perception are called the twelve dwellings. The six perceptual faculties are also called the six entrances. There are five skandhas, six perceptual faculties, twelve dwellings, and eighteen fields. The six faculties, six objects, and six consciousnesses, which together comprise the eighteen fields, are all empty also. They do not exist either.

Sáu căn, mắt tai mũi lưỡi thân ý cũng không có. Sáu trần, sắc thanh hương vị xúc pháp chẳng có luôn. Sáu thức, thức của mắt tai mũi lưỡi thân ý đều là không. Tâm kinh này đàm luận về lý không tức chân không bát nhã. Chân không bát nhã chính là diệu hữu. Diệu hữu phi hữu tức là chân không. Do đó bảo rằng chân không không ngăn ngại diệu hữu, diệu hữu không ngăn ngại chân không, chân không là diệu hữu, diệu hữu cũng là chân không. Vì thế, bên trên kinh cũng nói rằng sắc không khác không, không chẳng khác sắc.

Pháp năm uẩn chính là pháp tổng quát. Sắc pháp của năm uẩn cũng là không. Sáu căn, sáu trần, sáu thức, còn lại chính là pháp biệt tướng. Tổng tướng đã là không, thì biệt tướng đương nhiên cũng không có. Vì vậy, Ngài thuyết rằng không mắt tai mũi lưỡi thân ý, không sắc thanh hương vị xúc pháp, không có giới hạn của mắt cho đến không có giới hạn của ý thức.

Sáu căn, sáu trần, sáu thức, hợp lại thành mười tám giới. Sáu căn cộng với sáu trần gọi là mười hai xứ. Sáu căn cũng là sáu nhập. Mười tám giới cũng là không. Sao thuyết ra pháp đó ? Đối với phàm phu thì có pháp này, còn đối với thánh nhân thì là không. Do đó, nói kệ :

"Thị cố không trung vô sắc tướng, (do đó trong không chẳng có sắc)".

Vì bên trên đã nói rõ lý này, tức trong không, không có sắc.

"Thọ tướng hành thức diệt vong trước. (Thọ tướng hành thức cũng không trước)".

Thọ tướng hành thức cũng không ô trước.

"Lục căn lục trần tịnh lục thức, (sáu căn sáu trần cùng sáu thức)".

Sáu căn là mắt tai mũi lưỡi thân ý. Sáu trần là đối xứng với sáu căn mà có như sắc, thanh hương, vị, xúc, pháp. Căn tăng trưởng xuất sanh. Trần y theo đó mà bị ô nhiễm. Do sáu căn đối với sáu trần khởi phân biệt nên sanh ra sáu thức; thức của mắt tai mũi lưỡi thân ý. Tất cả hợp thành mười tám giới.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

“Why talk about all these dharmas if they do not exist?” you ask. They exist among common people, but not where there are sages who have been certified as having attained enlightenment. The verse says, Therefore, in emptiness there are no characteristics of form. Because this principle was stated in the opening paragraph of the sutra, the sutra text now says, therefore, in emptiness there is no form.

The verse continues, Feeling, cognition, formation, and consciousness disappear also. They too are empty, non-existent. As well as the six faculties and six objects, together with six consciousnesses. The six perceptual faculties are the eyes, ears, nose, tongue, body, and mind. Sights, sounds, smells, tastes, objects of touch, and dharmas are the six objects of perception; they appear as the complement of the six faculties. In Chinese, the word gen , “root,” is used for the six perceptual faculties, conveying the idea of growth, while the word chen , “dust,” is used for the six objects of perception, conveying the idea of defiling or defilement.

Between the six faculties and the six objects are produced discriminations which are called the six consciousnesses: the eye-consciousness, ear-consciousness, nose-consciousness, tongue-consciousness, body-consciousness, and mind-consciousness. Those six consciousnesses, the six perceptual faculties, and the six objects of perception are together called the eighteen fields.

"Tam tâm tam chỉ thấu tam quan, (ba tâm ba chỉ thấu ba cửa)."

Ba tâm tức là tâm quá khứ, hiện tại, vị lai. Tâm quá khứ đã ngừng. Tâm hiện tại cũng dừng. Tâm vị lai lại dừng. Ba tâm không thể có. Tâm quá khứ không thể được. Tâm hiện tại không thể được. Tâm vị lai cũng không thể được. Ba tâm không thể được. Không thể khởi tâm quá khứ. Tâm hiện tại không thể sanh. Tâm vị lai cũng chưa có. Khi ấy, tâm không nghĩ thiện, không nghĩ ác. Ba tâm của chư vị cũng không có. Sao gọi nghĩ thiện, nghĩ ác ? Tức là khi chư vị dụng công tu hành, đạt đến cảnh giới dùng thiền duyệt làm món ăn, pháp hỷ đều đầy đủ. Khi ấy, đang ngồi tĩnh tọa, chư vị khai mở sơ quan (cửa đầu), trung quan (cửa giữa), thượng quan (cửa trên). Sơ quan cũng gọi là cửa Mao Cung. Trung quan gọi là cửa Lai Tích. Thượng quan gọi là cửa Ngọc Chẩm, hay là cửa sanh tử. Cửa đầu và giữa dễ dàng phá vỡ, vượt qua, nhưng đến cửa thứ ba thì rất khó khăn. Vượt qua được cửa thứ ba, chư vị lại phải hướng về phía trước mà tiếp tục tu hành. Khi đó, chư vị đạt đến cảnh giới gì ?

"Bạch ngưu đại xa lân lân chuyển, (trâu trắng, xe lớn, chuyển từ từ)".

Trong kinh Pháp Hoa có nói đến xe lớn, trâu trắng, tức là Phật thừa, chỉ có Phật thừa mà không có thừa nào khác. Lại nữa, muốn thành Phật thì phải đi trên con đường này, thì mới ngồi trên cổ xe lớn trâu trắng. Chưa thành Phật được thì không thể ngồi trên xe này. Tức bảo rằng chúng ta dụng công đặc lực để chuyển pháp luân, giáo hóa chúng sanh.

Sao gọi là cổ xe lớn trâu trắng, mà không nói xe lớn trâu đen, hay xe lớn trâu vàng, hoặc xe lớn trâu nhiều màu ? Con trâu này màu trắng, giống như tự tánh của chúng ta không ô nhiễm. Chư vị từ từ hành pháp đại thừa. Xe trâu trắng đi trên đường đại thừa, phát ra âm thanh lân lân.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

With three minds in three ceasings, three closures are passed through. The three minds are the minds of past, present, and future. The mind of the past must cease, and the minds of the present and future must cease as well. Because you don't want to have three minds and three ceasings, it is said, "The mind of the past cannot be obtained, the mind of the present cannot be obtained, and the mind of the future cannot be obtained." None of the three minds can be obtained.

Three closures are passed through. If one is capable of not having the mind of the past arise, of not having the mind of the present be produced, and of not having the mind of the future come into being, then one does not think of good or of evil. When the three minds do not exist, how can one think of good or evil? When through your vigorous cultivation you reach the state of taking dhyana-joy as food and you are filled with Dharma-bliss, then by sitting quietly and properly you can open your first, middle, and top closures[1]. The first closure is called the "closure of the tail," the middle one is called the "closure of the spine," and the top one is called either the "jade-pillow closure" or the "old door of birth and death." The first and second closures are easy to break through. When you reach the third closure, you encounter a bit of difficulty. What kind of situation do you encounter after you pass through the third closure and still continue to cultivate? Then what do you experience?

The great cart of the white ox turns with the sound lin-lin. The Wonderful Dharma Lotus Flower Sutra calls the Buddha-Vehicle the great cart of the white ox. "There is only the Buddha-Vehicle; there are no other vehicles." [2] After you have realized Buddhahood, but not before, you can go along the road in this great carriage. In other words, we work hard to be able to turn the Dharma wheel to teach and transform living beings.

Why does the Wonderful Dharma Lotus Flower Sutra call it the great cart of the white ox and not the great cart of the black or the yellow ox, or the great many-colored ox? The whiteness of the ox represents the non-defilement of our own nature. Thus, when you practice, the Great-Vehicle Dharma "turns with the sound of lin-lin." As it goes along on the road, this great vehicle, the carriage of the white ox, makes the sound lin-lin, the sound a cart makes going along a road.

Khi đó, người tu hành đạt được cảm giác. Cảm giác gì ?

"Hoàng kiểm tiểu nhi khiểu khiểu toản, (bé mặt vàng đập tới đập lui)".

Cảm giác như say sưa, ngủ mơ, mộng mị, tức là không biết gì là chân, gì là giả, là hư là thật, bốn chi (hay tay hai chân) rất mềm diu. Tay không có sức lực; chân cũng không có sức lực, giống như bùn non, không muốn làm gì hết. Khi ngồi thiền, hay không ngồi thiền, thân thể đột nhiên rung động nhanh chóng. Khi ấy tâm chúng ta đập. Kỳ thật không phải là tâm đập mà là lá lách đập. Sao lá lách đập ? Lá lách đập giúp chúng ta tiêu hóa dễ dàng. Chư vị chạy mau chút ít thì lá lách làm việc nhiều chút ít. Hoàng kiểm tiểu nhi là ai ? Tức là ý niệm của chư vị, nghĩa là mất tai mũi lưỡi thân ý. Ý tại lá lách. Lá lách màu vàng, nên gọi là đứa bé mặt vàng.

"Khiểu khiểu toản", tức là đập tới đập lui. Thế nên, người thường ngồi thiền, lắm khi ngồi đến lúc không biết gì hết. "Tim tôi đập như thế nào, có bị bệnh gì không ?"

Tâm khởi lo sợ như thế. Chớ lo sợ. Đó chỉ là quá trình tu hành mà chúng ta phải vượt qua. Khi xe lớn trâu trắng chuyển pháp luân thì ý niệm cũng khởi dậy, tim đập mạnh rất nguy hiểm. Lúc đó tâm phát sanh sợ hãi. Tim đập mạnh như thỏ nhảy tới nhảy lui.

"Nhược vấn cá trung hà chỉ thú, (nếu hỏi đường hướng nơi đó thế nào)".

Nếu chư vị hỏi lý lẽ, tông chỉ này như thế nào, thì có thể đáp rằng :

"Tiền tam tam tiếp hậu tam tam, (trước ba ba tiếp, sau ba ba)".

Trước và sau có ba chỗ. Khi ấy, gặp được đường sanh tử. Trước kia, đường sanh đường tử khác nhau. Đường sanh thì đi theo đường sanh. Đường tử thì đi theo đường tử. Hiện tại thì sau ? Đường sanh đường tử nhập làm một. Sanh cũng là tử. Tử cũng là sanh. Tựa như sắc không khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

At that point in the cultivation of the Way, everyone experiences a certain feeling; you feel like you're drunk, like you're asleep, and also like you're dreaming. In the last analysis you don't know whether it is true or false, empty or real. Your four limbs are especially soft; your hands and legs feel like soft mud. They have no strength and don't want to do anything at all. But when you sit, or perhaps when you are not meditating, your heart constantly thumps.

It's not your heart that's thumping, but your spleen. When you are walking along and feel "bung, bung, bung," you presume it's your heart thumping, but it's the spleen. When you run fast, the spleen has to work a little harder, so it thumps and hits your stomach to aid your stomach in digesting. Therefore, the verse speaks next of a little yellow-faced child who jumps and thumps in agitation.

Who is the yellow-faced child? He is simply the thoughts in your mind. The seat of the mind is the spleen, which is yellow[3], so it is called the "little yellow-faced child." It jumps back and forth, and when that happens to people when they meditate, they think to themselves, "Oh! My heart is really pounding a lot. Maybe I have heart trouble!" and they become afraid. But they haven't contracted heart trouble, so there's no need to be afraid. This condition is a result of cultivating the Way. Your heart also feels like it is pounding when you're afraid, like a rabbit jumping up and down or thumping. When the great cart of the white ox turns the Dharma wheel, the thoughts in the mind thump, thump, thump ferociously, just as when you are afraid. But it is only a little yellow-faced child jumping and thumping in agitation.

What instructive meaning is there in this? If you were to ask what this is about, what kind of principle of the Way it is, what its purpose and intent is...

The front double-three and the back double-three meet. In front and in back there are three places. At that time, the roads of birth and death meet. Before, each had taken its own road; birth went down the road of birth, and death went down the road of death. The road of birth and the road of death were not the same. Now birth and death are one. Birth is death and death is birth. It is

Sanh tử cũng thế, không phải là hai, cũng lại không sanh không tử.

Chư vị phải dụng công tu hành. Nếu không dụng công tu hành thì tiến một bước, nhưng lại lùi bốn bước. Nếu vậy thì không có công dụng gì hết. Thế nên, trừ phi không tu thì thôi, còn nếu đã tu thì ngày ngày phải tinh tấn tiến bước. Nếu thôi một bước thì công phu trước đã mất hết rồi. Nếu muốn tu đạo thì phải bắt đầu trở lại. Vì thế, tu đạo phải luôn tiến bước, chớ nên thối lui.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

the same as form does not differ from emptiness; emptiness does not differ from form. Form itself is emptiness; emptiness itself is form. That is to say, birth and death are non-dual. Or in other words, there is no birth and no death. But you must work hard. If you don't work hard, if you go forward one step and retreat four steps, it is still of no use. Unless you don't want to cultivate, you should go forward and make progress every day; you should be vigorous. As soon as you retreat, the work you have done before is wasted; it is lost. Then, if you still wish to return to the original source, you must start over from the beginning. So in cultivating, you can only go vigorously forward; you cannot retreat

[1] Chinese guan , “closure” or “gate.”

[2] The quotation is from the Analogies Chapter of the Wonderful Dharma Lotus Flower Sutra, in which the Buddha presents the parable of a man of great power whose huge mansion catches fire. His children, intent upon their games, will not leave the dwelling. The man lures them out of the burning house by telling them that outside are three kinds of carriage for them to play with: one goat-drawn, one deer-drawn, and one ox-drawn. But when the children escape to safety, each is given the same kind of carriage, magnificent beyond his wildest dreams and drawn by a great white ox. Thus the Buddha uses expedient vehicles to lure living beings to the real doctrine, that of the one Buddha-Vehicle Dharma.

[3] According to Chinese cosmology, the color yellow represents the earth (tu). The earth is controlled by the spleen (pi), which is the seat of the mind (yi). Chinese medicine teaches that the function of the spleen is to beat or thump on the stomach in order to aid digestion. Thus the analogy.



THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The Twelve Conditioned Causes

Sutra:

And no ignorance or ending of ignorance, up to and including no old age and death or ending of old age and death.

Commentary:

This passage mentions the twelve conditioned causes (pratityasamutpada), which those of the Condition-Enlightened Vehicle (pratyekabuddhas) cultivate. The twelve conditioned causes help people be born and die and be reborn again. The Condition-

Enlightened cultivate the twelve dharmas of conditioned cause, and, understanding the principles of human life, they become enlightened and are certified as having attained the fruition of Pratyekabuddhahood. They are called those of the middle vehicle. Hearers (shravakas) are the small vehicle, Pratyekabuddhas are the middle vehicle, and Bodhisattvas are the great vehicle.

What is ignorance?

- 1) Ignorance is the lack of understanding. In everyday language it is called being mixed-up. It means that you have not understood the principle.
- 2) Because you are so mixed up and you do not understand, your behavior is mixed up, your actions are false. By false activity is meant doing what you shouldn't do. The false activity leads to...
- 3) Empty and false recognition, that is, consciousness.
- 4) Mixed-up name and form follow.
- 5) Then there are mixed-up entrances; the six entrances come into being. From mixed-up entrances there arises,
- 6) Mixed-up contact. When there is mixed-up contact, one thinks of,
- 7) Mixed-up enjoyment. From such mixed-up feeling comes,
- 8) Mixed-up love, that is, craving. From mixed-up love there then arises,
- 9) Mixed-up seeking and grasping, which is followed by,

"Vô vô minh, diệt vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận, (không có vô minh, cũng không có tận hết vô minh, cho đến không có già chết, cũng không có tận hết già chết)".

"Vô vô minh tận bốn tánh không
Vọng hành liễu biệt danh sắc từng
Lục nhập trước thọ ái thủ hữu
Lai sanh lão tử tận tương đồng
Vạn lý tình không tuyệt vân ảnh
Mãn đầm trũng thủy hiển nguyệt minh
Như nhân kiết ẩm tri lãnh noãn
Thuyết thực trợ trường tổng pháp công.

Dịch :

Không vô minh tận không bốn tánh
Hành vọng hiểu rõ từ danh sắc
Sáu nhập trước thọ ái thủ hữu
Từ sanh già chết tận tương đồng
Muôn dặm tình không tuyệt ánh mây
Nước trong ao sạch trắng hiện rõ
Như khi ăn uống biết lạnh nóng
Nói ăn chẳng ăn thật phí công."

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

- 10) Mixed-up having – that is, existence. To have is to obtain. From mixed-up having, one can then obtain,
- 11) Future birth. And from rebirth comes,
- 12) Old age and death.

These are the twelve conditioned causes, and they all begin with being mixed up. Because they are mixed up in the beginning, they are mixed up at the conclusion. You pass through one mixed-up life to the next, and that next life is also mixed up. The twelve conditioned causes are all mixed up, and mixed-up conditioned causes are exactly what ordinary people are unable to understand. From the very beginning, the twelve conditioned causes are mixed up. The desires that people give rise to, whether for food or for sex, are all produced from ignorance, the first of the conditioned causes. Ignorance is just another name for being mixed up. When thoughts arise, there follows a desire to act, to go and do it – the second of the conditioned causes. In this way, the twelve conditioned causes explain the principles of how we are born and how we die. Because there is ignorance, there is sexual behavior. The mixed-up sexual behavior is produced from the state of being mixed up. When the mixed-up behavior exists, there arises a mixed-up recognition, a mixed-up discrimination, a consciousness, the third conditioned cause. This is the body of the intermediate skandha-consciousness (antarabhava). When a man and woman indulge in sexual behavior, if an intermediate skandha-consciousness has an appropriate interpersonal causal connection with that mother and father, then even if it is a thousand or ten thousand miles away, and even if only the tiniest thread of light is emitted, it sees the light and goes there to become a foetus.

When the foetus comes into being, there is name and form, the fourth conditioned cause. Name refers to the four skandhas of feeling, cognition, formation, and consciousness, while form refers to the form-skandha. Four kinds of awareness – feeling, cognition, formation, and consciousness – exist in the mother's belly in name only; they have not yet actually come into being.

Once name and form come to exist, there are then six entrances, the fifth conditioned cause. These are six perceptual faculties as they give rise to the seeing-nature, the hearing-nature, the smelling-nature, the tasting-nature, the

"Không có vô minh, cũng không tận hết vô minh, cho đến không có già chết, cũng không có hết già chết". Đây là thuyết về lý mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên này là tu theo thừa Duyên Giác. Có mười hai loại duyên làm trợ duyên, tức trợ giúp con người sanh rồi lại chết, chết rồi lại sanh. Các ngài Duyên Giác do tu pháp mười hai nhân duyên mà hiểu rõ bao đạo lý nhân sanh, khai ngộ, chứng được quả Bích Chi Phật. Đó gọi là trung thừa. Thanh Văn là tiểu thừa. Bích Chi Phật là trung thừa. Bồ Tát là đại thừa.

Sao gọi là vô minh ? Vô minh nghĩa là không minh bạch; thế gian gọi là mù mờ, tức là không hiểu rõ đạo lý, mù mù mờ mờ. Vì không minh bạch nên mới có hành vi mê mê mờ mờ, cũng chính là vọng hành (làm sai trái), nghĩa là việc không nên làm mà lại làm. Khi đã làm sai thì nhận thức hư vọng, dẫn đến mê mờ vì danh lợi sắc tướng, lại biến thành nhập mù mờ, xúc mù mờ, thọ xúc mù mờ, hưởng thọ mù mờ, ái mù mờ, mong cầu chấp giữ mù mờ, rồi muốn đạt được mù mờ, dẫn đến có sanh, lại có già, chết. Những nhân duyên này do vì mê mờ trong buổi ban đầu, nên kết quả mới bị mê mờ. Mê mờ mờ sống qua một đời. Đời sau lại mê mê mờ mờ. Thế nên mười hai nhân duyên cũng là mười hai nhân duyên mê mờ mà phàm phu không thể minh bạch hiểu rõ.

"Vô vô minh tận bốn tánh không, (không tận vô minh, không bốn tánh)". Mười hai nhân duyên này, lúc ban đầu là mê mờ. Bao loại tham dục của con người, hoặc tham ăn, hoặc tham sắc v.v... chúng phát sanh từ đâu? Đều phát sanh từ vô minh. Trong mười hai nhân duyên, bàn về thọ sanh như thế nào, chết như thế nào ?

Vì vô minh nên có bao loại hành vi chủng tánh nam nữ. Hành vi bản tánh này do tâm mê loạn phát khởi. Có hành vi bản tánh đó rồi thì sanh ra ý thức ngu mê. Thức này chính là thân trung ấm. Sau khi có hành vi bản tánh nam nữ rồi thì kết một lần ánh sáng. Thân trung ấm tuy xa muôn ngàn vạn dặm nhưng vì có nhân duyên làm quyến thuộc với cha mẹ nó, nên khi thấy lần ánh sáng đó liền nhập vào thai mẹ. Sau khi thần thức đầu thai thì lại có danh sắc. Danh tức là bốn uẩn, thọ tướng hành thức. Sắc uẩn cũng gọi là sắc. Thọ tướng hành thức khi còn trong thai mẹ chỉ có bốn loại danh thức, nhưng chưa thành thực. Đợi cho đến khi có danh sắc rồi thì mới có sáu nhập. Sáu nhập cũng do sáu căn sanh ra sáu tánh như thấy nghe, ngửi, nếm, giác, biết.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

touching-nature, and the knowing-nature. Those six natures are called the six entrances. Once the six entrances exist, the child becomes aware of contact, the sixth conditioned cause. Therefore, it is said, "The six entrances lead to contact." Having awareness of contact, the child becomes receptive to feelings, the seventh conditioned cause, and from that the eighth, love, is produced in the heart. Only after love is born does the child wish to seek and grasp; this is the ninth conditioned cause. Therefore, "love leads to grasping," seeking and grasping for what one loves. Thereupon one wants to have, to get for oneself; this is the tenth conditioned cause. Because of thinking and getting, there is rebirth in the next life; after rebirth comes old age and death, the twelfth and last conditioned cause.

If there were no ignorance, there would be no activity. This is the extinguishing cycle of the twelve conditioned causes.

When ignorance is ended, activity is ended.

When activity is ended, consciousness is ended.

When consciousness is ended, name and form are ended.

When name and form are ended, the six entrances are ended.

When the six entrances are ended, contact is ended.

When contact is ended, then enjoyment – that is, feeling – is ended.

When enjoyment is ended, love is ended.

When love is ended, grasping is ended.

When grasping is ended, having is also ended.

When having is ended, birth, old age, and death are ended.

Verse:

No ending of ignorance – its basic nature is empty.

False activity, discrimination, followed by name and form;

The six entrances, contact, feeling, love, grasping, having;

Rebirth, and old age and death are each that way too.

For ten thousand miles the sky is clear, without a cloud or a shadow;

Still water fills a deep pool and reveals the light of the moon.

Like people who drink when thirsty and know the hot from the cold,

Talking about food, and helping it grow: the work is always wanting.

By Tripitaka master Hsuan-Hua 80

Có sáu nhập rồi thì đưa bé liền có xúc giác, nên nói sáu nhập duyên xúc. Có xúc giác thì lại có lãnh thọ. Có lãnh thọ nên sanh ra tâm luyến ái. Có tâm luyến ái nên sau này muốn mong cầu, giữ gìn. Vì vậy cảm thọ duyên chấp thủ. Luyến ái, mong cầu chấp thủ rồi lại muốn có được. Vì muốn có được nên mới có sanh. Có sanh nên mới có mười hai nhân duyên. Nếu không có vô minh thì không có hành. Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt, sáu nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh già bệnh chết diệt. Đó là diệt được mười hai nhân duyên. Thế nên, bảo rằng vô minh mà tận hết thì bốn tánh không. Bốn tánh không rồi thì không còn vô minh nữa.

"Vọng hành liễu biệt danh sắc từng, (hiểu rõ hành vọng từ danh sắc)".

Hành tức là vọng hành. Thức là liễu biệt. Sau khi có thức rồi thì có danh sắc.

"Lục nhập xúc thọ ái thủ hữu, (sáu nhập xúc thọ ái thủ hữu)".

Kế tiếp danh sắc là sáu nhập. Sau sáu nhập là xúc, đến thọ, đến ái, đến thủ, đến hữu.

"Lai sanh lão tử tận tương đồng, (đến sanh già chết tận tương đồng)".

Có hữu thì có sanh. Có sanh thì có già chết. Do đó, bảo rằng sáu nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, cho đến sanh già chết đều tương đồng tận hết.

"Vạn lý tình không tuyệt vân ảnh, (trời trong muôn dặm tuyệt ánh mây)".

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Commentary:

No ending of ignorance – its basic nature is empty. That is, ignorance does not exist.

False activity, discrimination, followed by name and form. The verse says that after discrimination comes name and form; after name and form come the six entrances; after the six entrances, contact; after contact, enjoyment. Enjoyment, then love; love, then grasping; grasping, then having; from having come rebirth and old age and death. Therefore, the verse says, The six entrances, contact, feeling, love, grasping, having; Rebirth, and old age and death are each that way too. They are all connected together in the twelve conditioned causes. When the time comes that they all do not exist, it is like a cloudless sky. For ten thousand miles the sky is clear, without a cloud or a shadow.

Still water fills a deep pool and reveals the light of the moon. It is also like the bright moon appearing as a reflection in clear water.

Like people who drink when thirsty and know the hot from the cold. Having the spiritual skill, the gong fu, of knowing and being enlightened to the twelve dharmas of conditioned cause is compared to drinking water, because when you are thirsty and drink, you yourself know whether the water is cold or warm.

Talking about food and helping it grow: the work is always wanting. If you yourself don't actually cultivate, if you don't look into the twelve conditioned causes and become enlightened to them and say, "Oh, the twelve conditioned causes are empty, empty, empty!" – if you haven't done these things but you talk endlessly about emptiness without having genuinely obtained its real meaning and principle for yourself, then it is a case of merely "talking about food" but not eating it. As it says in the Shurangama Sutra, "In the end, talking about food cannot make you full." "Helping it grow" refers to the extremely stupid people of the country of Song in ancient China. In those days, when you wanted to refer to a country where the people were stupid, you said, "Like

Mười hai nhân duyên nối tiếp, liên hệ chằng chịt với nhau, nhưng tất cả vốn không, giống như trời trong muôn dặm, chẳng có một áng mây hồng.

"Mãn đàm trường thủy hiển nguyệt minh, (nước trong trăng hiện rõ khắp hồ)".
Ví như hồ nước trong thì ánh trăng rằm hiện rõ.

"Như nhân kiết ẩm tri lãnh noãn, (như lúc uống ăn biết lạnh nóng)".

Chư vị nếu liễu ngộ (hiểu rõ) pháp mười hai nhân duyên, tức là có công phu tu hành, thì khi ấy giống như lúc ăn cơm uống nước, tự biết là lạnh hay nóng.

"Thuyết thực trợ trường tổng pháp công, (nói ăn mà chẳng ăn, phí công)".

Nếu chư vị không thật sự tu hành, tham ngộ mười hai nhân duyên, mà chỉ nói mười hai nhân duyên này là không-không-không. Bảo rằng chúng là không, mà không thể hội được ý nghĩa không của chúng, không chân chánh chứng đắc được lý không này, cũng giống như người chỉ nói ăn mà thực sự không ăn. Kinh Lăng Nghiêm nói :

"Thí như thuyết thực chung bất năng bảo, (thí như nói ăn mà cuối cùng không no được)".

Dầu cho chư vị có nói bao ngày đi nữa, nhưng vẫn không no được.

Trợ trường là nói về chuyện những người ngu si đời Tống. Đương thời có nhiều người rất ngu si. Họ ngu đến nỗi nào ?

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

the people of Song,” since they were the stupidest. Just how stupid were they?

Among the men of Song there was someone who felt sorry for his plants and pulled them up.

He was worried that the grain he had planted wouldn't grow, so, saying, “Ah, my seedlings are growing so slowly,” he pulled them up to help them grow. He pulled them up so they were one or two inches taller and said, “You see, they grew two inches today.”

Having arrived in a dull hurry.

He was muddled and confused, and had the appearance of great weariness. He arrived home panting and exclaimed, “Too much bitter suffering, too much bitter suffering!” and he said to his family,

“Today I am very tired.”

“Today I feel so tired that I'm sick, because I did so much work. I helped the plants to grow.” His son went running to see them. His son said, “Ah, my father has such great ability, so much divine psychic power that he can help the plants grow. Heaven and earth help the plants grow, but the amount they help in any one day is infinitesimal. What mantra did he recite to help the plants grow?” And he ran off to the fields to look.

As to the plants, they had withered.
They'd all dried up; they were dead.

This is just to say that in cultivating the Way you should not think, “Ah, I have become enlightened! I have become enlightened! I have become enlightened!” Or, “Ah, how is it that I have still not become enlightened. How should I be so that I will get enlightened? This way I don't get enlightened, and that way I don't get enlightened. I go forward several steps and haven't been enlightened yet; I retreat several steps and have not been enlightened either. I jump several jumps and don't get enlightened. I sat for one whole hour and

"Tống nhân mẫn miêu chi bất trường, nhi yết chi giả. (Có người nước Tống gieo mạ mà không thấy mạ mọc, nên búng rễ mạ)".

Có người nước Tống, tự tay gieo mạ, nhưng chẳng thấy mạ mọc lên, suy nghĩ : "Mạ của mình sao mọc chậm quá !", nên "búng rễ mạ lên".

Ông ta giúp mạ mọc lên mau chóng bằng cách kéo rễ mạ lên cả hai tác. Ông ta nói : "Một ngày mà mạ mọc cả hai tác !"

Ông ta làm như thế thật ngu mê, ám muội, lại khổ nhọc vì lo lắng. Ông ta thở hổn hển trở về và bảo người nhà : " Hôm nay tôi bị cảm bệnh".

Vì sao ? Vì ông ta làm việc quá nhiều, tức là giúp mạ mọc dài ra. Người con tưởng cha mình có bản lãnh cao siêu, thần thông quảng đại, nên niệm chú, khiến cho mạ mọc cao lên. Do đó, người con chạy mau ra đồng xem coi sự tình. Lúc ấy, nhìn kỹ thì tất cả lúa mạ đã bị chết khô.

Đó là nói về người tu đạo, đừng nghĩ rằng tôi khai ngộ, tôi khai ngộ, tôi khai ngộ. Vì sao tôi chưa khai ngộ ? Làm thế nào tôi mới khai ngộ được ? Đi tới đi lui cũng chưa khai ngộ. Leo lên trèo xuống cũng chưa khai ngộ. Ngồi thiền cả một giờ vẫn chưa khai ngộ. Làm sao mới được khai ngộ ?

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

still have not become enlightened. After all, how do you get enlightened?”

If you have a mind like that, you will never be able to become enlightened. Why? Because in your mind your thoughts of wanting to become enlightened press down on your potential for enlightenment in much the same way as the man from Song who helped his Explanation of the Meaning of 90 the Text plants to grow. Therefore, the verse says, “Talking about food, and helping things grow: the work is always wanting.” In short, there is never any merit in it.

You yourself must cultivate with energy and with a level mind. You must put your feet down diligently on the actual ground. You should not say, “Will I be able to get enlightened tomorrow? Will I be able to get enlightened the day after? When will I be able to become enlightened?” Don’t cherish such thoughts, because the false-thinking mind is precisely what will cause your enlightenment to run away in fright. Your enlightenment is afraid of false thinking. So when you have false thinking, enlightenment just runs away. Why does your heart jump? Because it is afraid of your false thinking. It is also afraid of becoming enlightened. Since you want to become enlightened, your heart jumps and thumps, “Incredible! He wants to become enlightened!” So when your heart starts pounding, your karmic obstacles become afraid and imperceptibly think, “If he becomes enlightened, what will we do?” There won’t be anything they can do.

Nếu chư vị có tâm này thì vĩnh viễn không thể khai ngộ. Tại sao ? Chư vị muốn khai ngộ tức che lấp mất tâm khai ngộ đó, tựa như ông người nước Tống muốn giúp mạ lên cao. Vì vậy bảo rằng nói ăn mà không ăn, giúp mạ lên cao, rất phí công sức, không thể dụng được. Chư vị phải bình tâm tịnh khí tu hành, chân thật từng bước mà đi, đừng hỏi rằng ngày mai tôi có được khai ngộ hay không, khi nào tôi mới khai ngộ ?

Chư vị chớ giữ những tâm này, chúng chỉ là vọng tưởng. Chư vị nếu có vọng tưởng thì đã dẫm mất tâm khai ngộ rồi. Khai ngộ sợ vọng tưởng. Tại sao tâm chư vị lại run sợ ? Chính là sợ vọng tưởng, cũng là sợ khai ngộ. Chư vị muốn khai ngộ thì tim đánh bình bịch. Tim đập liên tục, tức là vô hình chung nghiệp chướng sợ hãi : "Nếu nó khai ngộ thì mình phải làm gì ?" Nghiệp chướng không thể làm gì được.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Emptying the Four Truths

Sutra:

There is no suffering, no accumulating, no extinction, no way.

Verse:

Each of the sufferings exerts pressure, and all attack together,
Accumulating is feelings which beckon, each unlike the other.
Only through extinction can the ultimate joy be attained.

Therefore, this is the Way that should be practiced to awaken to the emptiness of dharmas.

Through three turnings of the Four Truths the Dharma wheel revolves,
Seven shares in enlightenment, the Eightfold Upright Path, intention,
mindfulness, and diligence.

One day connect right through and ripen the fruit of sagehood;
Partial truth with residue is just a conjured city.

Commentary:

This passage of the sutra empties the Four Truths: suffering, accumulating, extinction, and the way. Those are the dharmas cultivated by the Hearers (shravakas). Why are they called Hearers? “Upon hearing the sound of the Buddha, they were enlightened to the Way.” At the very beginning, the Buddha taught living beings who had causal connections with the kind of opportunity for change which is offered by the small vehicle.

When Shakyamuni Buddha first realized Buddhahood, he spoke the Avatamsaka Sutra. Though they had eyes, those of the two vehicles did not see; though they had ears, they did not hear. Why didn't they see? Because that kind of Dharma was too wonderful, too high, and too great. Because it is so wonderful, those of the two vehicles basically don't understand it. They don't know what is called the inconceivable. They were all like little children, and the ten-thousand-foot high nisyanda[1] body which was manifested by Shakyamuni Buddha was too high for them to see. So it was said:

Vô khổ tập diệt đạo, (không có khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế)".

"Chư khổ bức bách các tướng công
Tự tập chiêu cảm tự bất đồng
Duy diệt khả chứng cứu cánh lạc
Thị đạo ưng tu ngộ pháp không
Tam chuyển tứ đế pháp luân vận
Thất giác bát chánh ý niệm cần
Nhất đản quán thông thành thánh quả
Thiên chân hữu dư nãi hóa thành

Dịch :

Bao khổ bức bách cùng công kích
Tự tập chiêu cảm tự không đồng
Tánh diệt khả chứng tột an lạc
Là đạo nên tu ngộ pháp không
Chuyển ba lần xe pháp tứ đế
Bảy giác tám chánh ý niệm cần
Một lần quán thông thành chánh quả
Lệch chân hữu dư vẫn hoá thành".

Câu : "Không khổ tập diệt đạo", là pháp tu hành của Thanh Văn, tức là pháp Tứ Đế. Sao gọi là Thanh Văn ? Thanh Văn tức nghe âm thanh của Phật mà ngộ đạo, nên gọi là Thanh Văn. Đây là những vị được Phật giáo hóa đầu tiên nhất, vì là những vị có cơ duyên tiểu thừa. Khi Phật vừa mới thành đạo, Ngài thuyết kinh Hoa Nghiêm, nhưng những người tiểu thừa tuy có mắt mà không thấy được, có tai mà không nghe được. Tại sao có mắt mà không thấy được ? Vì pháp này rất vi diệu, cao siêu, quảng đại. Vì quá vi diệu nên người nhị thừa không thể hiểu rõ diệu pháp này. Do đó, bảo rằng thật không thể nghĩ bàn. Khi ấy Phật Thích Ca Mâu Ni hiện thân Phật Tỳ Lô Giá Na cao ngàn thước. Người nhị thừa như những đứa bé nhỏ, vì thân Phật quá cao nên họ không thể thấy được.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The more I strain my gaze up towards it, the higher it soars.
The deeper I bore down into it, the harder it becomes.
I see it in front, but suddenly it is behind.

You see something in front of you, and suddenly it is behind you. For instance, one of my disciples is now about to obtain the psychic power of the heavenly eye. He sometimes sees things before him which suddenly run around behind him, and he thinks, “At first the light was coming from behind, but now it is coming from in front. There was a light coming from the left, but then it went to the right.” It is like when Shakyamuni Buddha emitted light to the left, and Ananda looked to the left; he emitted light to the right, and Ananda looked to the right, as the Shurangama Sutra relates. Because this Dharma is inconceivable, those of the two vehicles have no way to deal with it and no way to understand it fully. Although they have ears, they do not hear the perfect, sudden teaching. Because it is too profound, they do not understand it.

Thereupon, Shakyamuni Buddha, concealing the great and revealing the small, appeared in the body of a sixteen-foot-tall old bhikshu and spoke the dharma of the Four Truths (catur-aryasatyani): suffering (duhkha), accumulating (samudaga), extinction (nirodha), and the Way (marga).

There are three turnings of the Dharma wheel of the Four Truths, so called because they are like the revolving backwards and forwards of the wheel of the six paths. The first turning of the Dharma wheel of the Four Truths is the turning by manifestation; the second is the turning by exhortation, which urges you to study this dharma, and the third is the turning by verification.

The turning by manifestation runs this way: “This is suffering; its nature is oppression. This is accumulating; its nature is feeling which beckons. This is extinction; its nature is that it can be verified. This is the Way; its nature is that it can be cultivated.”

The turning by exhortation runs this way: “This is suffering; you should know about it. This is accumulating; you should cut it off. This is extinction; you

Do đó "Ngưỡng chi di cao, toản chi di kiên, chiêm chi tại tiền, hốt yên tại hậu", nghĩa là ngẩng đầu lên nhìn không thấy tới đâu, khoan xống nhưng quá cứng, nhìn thấy hiện đằng trước nhưng đột nhiên lại thấy chạy đằng sau. Ánh sáng từ đằng sau chiếu đến mà họ lại chạy đuổi theo đằng trước. Ánh sáng chiếu bên trái, lại chạy qua bên phải. Giống như hào quang của Phật Thích Ca Mâu Ni, phóng qua bên trái, ngài A Nan chạy qua bên phải xem. Phật phóng hào quang qua bên phải thì ngài A Nan lại chạy qua bên trái mà xem. Nhìn thấy ánh sáng đằng trước, nhưng đột nhiên lại hiện ra đằng sau. Vì pháp này thật không thể nghĩ bàn, người nhị thừa không có cách gì để chiếu cố (chấp nhận), hay hiểu rõ.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

should verify it. This is the Way; you should cultivate it.” The turning verification runs as follows: “This is suffering; you should know about it. I already know about suffering and have no need to know more about it. In other words, now it is you who should know about suffering. For me to know about it again would be to add a head on top of a head. Second, this is accumulating; you should cut it off. I have already cut it off and need not cut it off again. Now it is I who am telling you to cut it off, and I am just waiting for you to do so. Third, this is extinction; you should verify it. I have already verified extinction, that is, the happiness of nirvana. I am just waiting for you to verify it. Fourth, this is the Way; you should cultivate it. I have already cultivated it and need not cultivate it further.” The turning by verification attests that he himself has already reached attainment, and he tells you to cultivate. If he had no attainment, there would be no need for him to teach you to cultivate.

Do đó, có tai mà không nghe được pháp viên đốn, vì quá thâm sâu, nên không thể minh bạch. Đức Phật ẩn pháp đại thừa mà thị hiện pháp tiểu thừa, nên chỉ hiện thân lão tỳ kheo một thước sáu tấc để thuyết pháp Tứ Diệu Đế. Pháp Tứ Diệu Đế là khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế. Phật ba lần chuyển pháp luân Tứ Đế.

Lần thứ nhất là thị chuyển. Lần thứ hai là khuyến chuyển. Lần thứ ba là chứng chuyển. Chuyển tức là vận chuyển, như bánh xe luân hồi trong sáu đường, chuyển đến chuyển lui, nên gọi là ba lần chuyển pháp Tứ Diệu Đế. Ba chuyển, lần thứ nhất là thị chuyển, tức Phật nói đây là khổ, tánh bức bách, đây là tập, tánh chiêu cảm, đây là diệt, tánh có thể chứng, đây là đạo, tánh có thể tu.

Lần thứ hai là khuyến chuyển, đây là khổ, các con nên biết, đây là tập, các con nên đoạn, đây là diệt, các con nên chứng, đây là đạo, các con nên tu.

Lần thứ ba là chứng chuyển, đây là khổ, các con nên biết, ta đã biết, không cần phải biết thêm nữa. Các con phải biết, còn Ta đã từng biết qua rồi. Ta không cần đem đầu mà đặt lên đầu nữa. Đây là tập, các con nên đoạn; Ta đã đoạn rồi, không cần phải đoạn thêm nữa. Ta bảo các con nên đoạn, còn Ta đã đoạn hết rồi, không cần phải đoạn thêm nữa. Đây là diệt, các con nên tu chứng; Ta đã chứng rồi, không cần phải chứng nữa; Ta đã chứng được diệt, và pháp Niết Bàn an lạc rồi, không cần phải chứng thêm nữa, chỉ đợi các con chứng lấy. Đây là đạo, các con nên tu; Ta đã tu rồi, không cần tu nữa. Đây là chứng chuyển, chứng minh tự đức Phật đã chứng đạt, nên Ngài bảo chúng ta phải y theo đó mà tu hành. Nếu tự chính Ngài chưa chứng đắc thì không thể bảo chúng ta tu hành.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

You say, “What suffering should I know about?” Suffering is the first of the Four Truths. Would you say that it is real? Suffering is real, as one of my disciples told her “guest-defiler” – her boyfriend. “Hurry up and go away, guest-defiler! I am suffering too much! If you don’t go, I will suffer too much.” “Guest-defiler” is a way of referring to an object of perception, and so this is a case of appearing in a body to speak the Dharma. This kind of phenomenon really exists. If the guest-defiler doesn’t go you will suffer. Wouldn’t you say that’s strange? The guest-defiler goes, making it possible for the suffering to decrease.

There are three kinds of suffering: the suffering of suffering itself; the suffering of decay; and the suffering of the activity of the five skandhas. There are also the eight kinds of suffering, of which the first four are produced from your own body: the suffering of birth, the suffering of sickness, the suffering of old age, and the suffering of death. The second four kinds of suffering are caused by external situations: the suffering of being apart from those you love, the suffering of being together with those you detest, the suffering of not obtaining what you seek, and the suffering of the flourishing of the five skandhas. Then there are all the infinite kinds of suffering. The truth of suffering includes a lot of suffering.

Sufferings oppress people until they can’t breathe. The sufferings press down and cut off the breath[2] until it is unbearable. “Guest-defiler, go away fast, fast! I am suffering too much.” That is the truth of suffering. I have spoken about it a good deal before, so I need not speak about it in detail now.

Suffering is piled upon suffering: this is the truth of accumulating. Each of the sufferings exerts pressure, and all attack together. The three sufferings, the eight sufferings, and all the infinite sufferings press down on you so that you can’t breathe, all attacking you at once as if they were fighting with you. The guest defiler comes, everything comes, grabbing a little here, grabbing a little there. The six consciousnesses and the six objects of perception and every kind of situation come from outside to attack you. Therefore, the verse says, “Each of the sufferings exert pressure, and all attack together.” Each kind of suffering attacks you, and each is too much suffering. Suffering is added upon suffering.

Tứ Diệu Đế. Thứ nhất là khổ đế. Chư vị hãy nói xem khổ có thật hay là giả ? Đế nghĩa là chân thật; khổ là chân thật. Như một đệ tử của tôi nói :

"Này các khách trần ! Các người hãy mau đi khỏi ! Nếu các người không đi, Ta thật rất khổ."

Khách trần nếu không đi khỏi thì mình phải chịu khổ. Khách trần nếu đi khỏi thì khổ giảm thiểu dần dần.

Khổ có ba loại khổ, tức khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Lại có tám khổ, tức sanh già bệnh chết khổ (bốn loại khổ này từ thân phát xuất). Bên ngoài cũng có bốn loại khổ tức là khổ vì thương nhau mà xa lìa, khổ vì gần những người mình oán ghét, khổ vì cầu không được, khổ vì năm ấm tăng giảm hừng thạnh. Ảnh hưởng cảnh bên ngoài lại có vô số khổ đau.

"Chư khổ bức bách các tướng công".

Khổ đế thật rất nhiều, chúng luôn công kích, gây chiến tranh, nên khiến cho con người bị bức bách không thể nhẫn chịu được, cơ hồ khí lực đều bị khổ chặt đứt đoạn. Khách trần đến, cái gì cũng đến, bảy tầng tám lớp. Sáu trần bên ngoài cùng sáu thức bên trong đồng đến tấn công chư vị. Mỗi việc khổ đều khiến chư vị quá khổ rồi, mà khổ lại chồng chất lên khổ.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Accumulating is feelings which beckon, each unlike the other. What accumulates is affliction. Afflictions are even more terrible than guest-defilers. Guest-defilers can only give you a little external provocation, but they also make afflictions attack from the inside. When the attack of the guest-defilers is carried to the inside, afflictions are generated.

Why is there affliction? The host-defiler moves as well. At first you were the host, that is, the one in charge, but now you are shaken so badly by the guest-defilers that you no longer know that you are the host. Then you lose your temper, and there is affliction. You can tell a guest-defiler to go away and you can push it aside, but you can't push the host-defiler anywhere, because it is already in your home. It is extremely fierce, much fiercer than the guest-defilers. Affliction is the thing I want to talk about least, because I'm afraid that by talking about it, I will make you have even more afflictions. Before I say anything, you won't know how many afflictions there are and you can still not understand them. You can be afflicted without caring about it; unknowing and unaware, you let them go by. If I speak about them clearly, you will ask, "Which affliction is this, and which one is that?" Then you will add affliction to affliction. This is why I have lectured on sutras for such a long time without talking about how many afflictions there are.

You say, "Oh, I've heard you talk about them. Haven't you said that there are 84,000 kinds of affliction?" Not bad. Yes, there are 84,000 kinds of affliction; still, 84,000 kinds of affliction are too many to name one by one. I want to tell you the names of the afflictions now. The time has come.

The twenty subsidiary afflictions[3], derive their names from the fact that they follow you and me. If you have afflictions, they go along with you; if I have them, they go along with me; if others have them, they go along with others. Among the twenty subsidiary afflictions are ten small afflictions, two middle-sized afflictions, and eight large afflictions.

Ba loại khổ cũng đến bức bách, vô số khổ cũng đến bức bách. Tất cả khổ đều đến bức bách con người, nên gọi là "chư khổ bức bách các tương công, (bao khổ bức bách đồng công kích)".

Tập đế là tập hợp tất cả phiền não. Phiền não so với khách trần còn lợi hại hơn nhiều. Khách trần chỉ là hình thức khiến chúng ta thọ khổ bên ngoài thôi, nhưng chúng có thể khiến cho phiền não công kích chúng ta từ bên trong. Tại sao có phiền não ? Phiền não vốn là ông chủ của chúng ta, hiện nay đang diêu động. Bị gì mà diêu động ? Phiền não bị khách trần làm náo động. Lại vì không biết ông chủ của mình, nên phát khởi bực tức nóng giận, tức là phiền não. Chư vị hãy nói xem phiền não có lợi hại hơn khách trần không ? Chư vị có thể nói : "Này khách trần ! Các người hãy đi khỏi mau lên ! Nếu các người không đi, Ta thật quá khổ !"

Chư vị có thể đuổi chúng ra ngoài. Ông chủ phiền não này, chư vị muốn đuổi hẩn đi chỗ nào, đến chỗ nào ? Đuổi mãi mà hẩn không đi vì hẩn vẫn còn ở trong nhà của chư vị. Thế nên bảo rằng hẩn thật là lợi hại.

Tôi không muốn giảng về phiền não. Tại sao ? Vì nếu tôi giảng thì chư vị sẽ thấy phiền não sao quá nhiều. Lúc không giảng, chư vị không biết phiền não có ít hay nhiều, lại vì không biết nên phiền não tùy tiện phát khởi, không biết không rõ để cho chúng đi qua. Nếu tôi giảng rõ, thì chư vị nói : "Đây là phiền não à !"

Chính là chúng. Phiền não này chồng chất lên phiền não khác. Vì vậy, tuy giảng giải và thuyết pháp đã lâu mà tôi ít giảng về phiền não. Tôi đã từng nghe chư vị giảng về phiền não rồi. Có phải chư vị bảo là có tám muôn bốn ngàn phiền não không ? Không sai ! Tôi cũng đã giảng qua tám muôn bốn ngàn phiền não rồi. Tám muôn bốn ngàn phiền não thật quá nhiều, mà tôi chưa giảng từng danh tự của mỗi phiền não. Nay, tôi sẽ kể rõ danh tự của phiền não cho chư vị nghe. Chư vị nghe danh tự, tên của chúng rồi thì sẽ dễ dàng sanh phiền não. Sanh phiền não dễ dàng hơn trước khi nghe về phiền não, nên tôi không muốn giảng, sợ chư vị phát khởi phiền não dễ dàng.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

These are the ten small afflictions:

1) Upset. The mind loses its equanimity. Wouldn't you say that is an affliction? It is to be truly, totally, despicably messed up. Do you like the first one or not? If you like it, then take it.

2) Enmity. "I hate you; I hate you right through." Hate is the other side of love. Why do you hate people? It is because you love them and your love is unrequited. I have a disciple who had a girlfriend of a boyfriend. As soon as he heard that she wanted to leave the home-life, his hatred arose, and he said to her on the telephone, "I hate you!" He really surprised and frightened her, and she said, "Oh, that is really terrible!"

3) The third, annoyance, is even fiercer than enmity. When you are annoyed, you are not at all at ease (zi zai). The Chinese character for "annoyance" (nao) is related to the word for brain (nao), that is, your head. As soon as you become annoyed, your head hurts and your eyes burn. You can't tell how big your head is. The more you are disturbed, the bigger your head gets, and when you are extremely disturbed, you get water on the brain. That can be fatal. Your head swells up, bigger and bigger, until it is as big as it can get, and then the water pours out of your head and you die. The Chinese word nao , "annoyance," is used in the compound fan nao , which means affliction.

Nhưng nay đã đến lúc phải giảng, cơ duyên thành thực rồi. Hôm nay tôi sẽ giảng từng chi tiết về tên của phiền não. Phiền não có ít hay nhiều ? Có hai mươi loại phiền não. Hai mươi loại phiền não này gọi là tùy phiền não. Tùy tức là cân tùy (đi theo). Đi theo ai ? Chúng đi theo tôi và chư vị. Tôi và chư vị đi đâu thì chúng đi theo đó. Lại nữa, có sáu phiền não. Chúng là gì ? Tức là sáu phiền não căn bản. Hai mươi tùy phiền não cũng là tiểu phiền não, trung phiền não, và đại phiền não. Tiểu phiền não có nhiều hay ít ? Có mười loại. Trung phiền não có hai. Đại phiền não có tám. Đối với hai mươi loại phiền não này, chư vị hãy nói xem chúng là nhiều hay ít ? Chư vị muốn nhiều thì tôi cho nhiều. Chư vị muốn có một loại thì tôi cho một loại, muốn mười loại thì tôi cho mười loại, muốn mười lăm thì tôi cho mười lăm, muốn hai mươi thì tôi cho hai mươi.

Sao gọi là tiểu phiền não ? Tôi vốn muốn miêu tả hình dung phiền não cho chư vị xem, nhưng vì tốn rất nhiều thời gian nên tôi chỉ nói đơn giản thôi. Thứ nhất là phần. Phần tức là phần nộ bất bình. Chư vị hãy nói xem đó có phải là phiền não không ? Phần nộ bất bình tức là tâm chư vị hỗn loạn, tâm ác nổi lên cực điểm. Chư vị có thích hay không thích ? Nếu thích thì cứ giữ lấy, còn tôi thì không thích. Giả như tôi đem phiền não cấp cho người khác. Vậy, có ai dám nhận lấy không ? Không ai dám tiếp nhận. Từ từ rồi tôi sẽ cho người.

Thứ hai là hận. "Tôi hận chư vị. Hận đáo đễ, thấu trời". Nhưng sao lại gọi là hận ? Hận tức là ngược lại với duyên ái. Sao chư vị lại hận người khác ? Vì thương họ, nhưng không thành nên trở lại oán hận. Tôi có cô đệ tử. Trước khi xuất gia, cô ta có bạn trai. Nghe cô ta đi tu nên anh chàng trở nên oán hận cô này. Vì vậy, anh ta gọi điện thoại đến chùa nói với cô ấy: "Tôi rất oán hận cô."

Thứ ba là lợi hại, tức là không những oán hận mà còn náo hại nữa. Náo tức là khổ não, hay cũng là phiền não, hoặc náo oán. Tất cả đều không tự tại. Sao gọi là náo ? Náo tức là óc não, hay đầu não. Chư vị bị phiền não thì đầu cũng bị nhức, đôi mắt cũng nóng rực lên. Khi ấy có biết đầu lớn hay nhỏ ? Càng bị phiền toái chừng nào thì đầu to và nặng chừng ấy. Đau đến cực điểm thì bị đứt màng não, rồi sẽ chết. Có ai thích loại phiền não này không ? Nếu có ai muốn thì tôi nay sẽ bố thí cho.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

4) Repression. The literal meaning is “to cover”, as “Heaven covers over and Earth contains.” Repression is even more harmful than upset, enmity, and annoyance, which are all externalized. Repression, on the other hand, implies a wish that others will not know. To cover up and to hide something inside is very harmful to you. It gives you ulcers. Americans don’t get them as much as Chinese people, especially those who have left the home-life. Why? Because they repress their afflictions and do not let others know, and no one asks them about it. It isn’t important, but they hide it inside; they are very clearly afflicted, but they cover it up so it cannot flow out. So inside they get ulcers. When people have this type of illness, you know they are repressing afflictions.

5) Lying. The Chinese character *huang* , “lying”, is made up of two characters, *yan* , “speech”, and *huang* , “crazy”. False speech becomes an affliction. When you are upset, someone may ask you, “Why are you afflicted?” and you reply, “I’m not afflicted. Who’s afflicted?” You even ask, “Who’s afflicted?” The fire of ignorance inside you attacks and destroys even the heavens. Asked again, you still deny any affliction and say, “Who’s afflicted?” That is the fifth affliction, lying. I didn’t want to tell you about that affliction, because I was afraid that when the time came to speak falsely, you might be like a certain one of my disciples. Now if he were to get angry, I might ask if he is angry, and he might say, “No, no, I didn’t get angry.” Then he would be lying. First, he would repress his anger, and then he would speak falsely. Because he didn’t understand the method before, I would have kept him from lying by not explaining it. But now I have already talked about it.

6) Obsequious flattery. In your heart you simply don’t like someone, but when you see him, you still want to speak to him nicely. The colloquial Chinese expression “to pat the horse” refers to this sort of flattery. When someone who is poor sees someone who is rich, he is particularly likely to say, “Aaah, Mr. Chaang, where are you goooooing?” – all in that tone of voice. His manner is one of constant obsequious flattery. He pats you on the shoulder and laughs in an ugly way.

7) Arrogance is the seventh small affliction. “I won’t even pay any attention to you. If you are rich, that’s your affair. I’ll just attend to whatever I have to do. See how big I am; I am Number One in the whole world. My body is even

Thứ tư là phục, nghĩa là phục tàng (che giấu), cái tàng. "Thiên phục địa tàng (trời che đất chứa)". Phục tàng (che giấu) còn lợi hại hơn phiền não, phần hận nữa. Phần hận phát xuất ra ngoài, còn che giấu thì không nói không ai biết, chỉ tự giấu kín thôi, nên gọi là che giấu. Che giấu tổn hại chính mình rất nhiều, khiến sanh bệnh loét bao tử. Người Mỹ bị bệnh này rất ít, nhưng người Tàu thì rất nhiều, cho đến người xuất gia lại càng nhiều hơn nữa. Tại sao ? Vì họ thường che giấu, giữ kín trong bụng, không để cho người khác biết rằng họ có phiền não mà lại che giấu, không dám để lộ ra ngoài. Do đó bên trong sanh bệnh loét bao tử. Nếu ai bị bệnh này thì chớ vị biết chắc rằng người đó có che giấu phiền não chi trong bụng. Đây là cách giảng pháp rất chính xác. Tôi nói rõ, cặn kẽ cho chư vị nghe về loại phiền não này rồi đó !

Thứ năm là cuồng (nói dối). Kế bên chữ ngôn là chữ cuồng (vọng). Phục tàng (che dấu) khiến người khác không biết. Vả lại, không có người hỏi, và là việc không quan trọng, nên chỉ cố giữ kín. Cuồng tức là vọng ngữ (nói láo). Vốn có phiền não, nhưng khi người khác hỏi : "Vì sao anh sanh phiền não ?"

Đáp : "Không ! Tôi đâu có sanh phiền não ! Ai sanh phiền não vậy ?"

Họ hỏi lại người đó. Tự họ bị vô minh phiền não đốt cháy rục cả trời đất, mà khi chư vị hỏi thì họ nói láo và bảo rằng không có phiền não. Vì vậy tôi không muốn giảng cho chư vị nghe vì sợ đến lúc đó thì sẽ nói láo. Nếu tôi không giảng, lại không biết phương pháp, thì làm sao chư vị tránh khỏi lỗi nói láo ! Đầu tiên thì che giấu, đến cuối cùng thì lại nói láo.

Thứ sáu là siểm mị (nịnh bợ). Sao gọi là nịnh bợ ? Người thường hay nịnh bợ tức là trong tâm rõ ràng không thích người kia, nhưng khi gặp họ thì liền nói lời khen tán tụng, ngọt ngào. Hiện tại gọi là "vuốt đuôi ngựa". Giống như kẻ nghèo hèn, thấy người giàu có liền chào đón : "A ! Trương tiên sinh, xin hỏi thăm Ngài đi đâu vậy ?"

Đó là lời nịnh hót tổng quát.

Thứ bảy là kiêu ngạo. "Chư vị giàu sang thì mặc chư vị. Việc của tôi thì tôi lo. Việc của chư vị thì chư vị tự lo. Trên thế giới này, tôi là đệ nhất. Thân thể tôi lớn tựa như núi Tu Di. Tại sao tôi phải khách sáo với chư vị ? "

Ở trên là nịnh hót, còn ở đây thì không nịnh hót người khác. "Chư vị hãy lo vuốt đuôi kẻ khác đi, còn tôi thì xem thường họ." Do đó biến thành kiêu ngạo.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

bigger than Mount Sumeru, so why do I have to be polite to you?" That kind of arrogance makes you think that your body is bigger than Mount Sumeru. The previous affliction of obsequious flattery is changed into arrogance. "You pat the horse, so I don't pay any attention to anyone."

8) Next comes malevolence. "So you are rich and powerful? Ha! I'll knife you to death, and then we will see of what use it will be." Here someone wishes to harm people, but doesn't actually do the harmful deeds. Thinking in your mind about harming people is what is called malevolence, your very own eighth small affliction.

9) Jealousy. I haven't given you this ninth small affliction before, but you've all had it for a long time. I don't know where you stole it from. It's jealousy. You are jealous of him, and he is jealous of you. Since you don't understand where the jealousy came from, I said that you stole it. Not understanding how it came about is the same as its being stolen. Since you didn't know, I'm telling you that your jealousy came from the list of ten small subsidiary afflictions.

10) The tenth, stinginess, is just about the same. Some people have it, and some people don't. Stinginess means that you cannot bear to give things up. You cannot stand giving. Although you have a penny, you clutch it in your palm and squeeze and squeeze and squeeze until it turns to water. Then you cry, "Oh, my penny has disappeared! I didn't even spend it, so where did it go?" The fact is that it turned to water. Stinginess, is the tenth affliction.

The two middle-sized subsidiary afflictions are lack of shame and lack of humility. The Chinese character can , "shame" is composed of the element xin , meaning "mind" and the character zhan , which means "to behead" or, more generally, "to cut off" or "to kill," as in the expression to "cut off affliction." When you are afflicted in your mind by a lack of shame, then if you do something wrong you don't admit it is wrong, and you do not know how to change and repent.

The lack of shame also refers to the failure to cut off the afflictions in your mind which should be cut off. Having a murderous intent in your mind which is left unrectified is also known as shamelessness. Since you lack shame, you

Thứ tám là hại, nghĩa là tổn hại. "Chư vị có tiền có thể lực. Một nhát đao của tôi là chư vị lìa đời, xem coi chư vị dùng tiền và thể lực như thế nào?"

Đó là hãm hại người khác, mà không phải kiêu căng ngạo mạn, chỉ là nghĩ tưởng, tức là trong tâm muốn hãm hại người khác.

Thứ chín là đồ kỵ. "Vì đời trước tôi không bố thí nên không có. Chư vị ai ai cũng có hết, nhưng không biết ăn cấp từ chỗ nào?"

Như tôi đã giảng ở trên là rất nhiều người có tâm đồ kỵ. Chư vị đồ kỵ, ganh ghét họ. Họ đồ kỵ ganh ghét chư vị. Nhưng chư vị không biết rằng đồ kỵ phát sanh từ đâu. Vì không biết nó phát sanh từ đâu nên tôi nói là chư vị ăn cấp nó. Vì không biết nó từ đâu đến nên giống như là ăn cấp vậy. Chư vị không biết nó, nên nay tôi sẽ chỉ cho.

Thứ mười là san tham (keo kiệt). Gọi keo kiệt là vì xả bỏ không được, không dám bố thí. Có một đồng xu nào thì giữ gìn nắm chặt trong bàn tay. Bóp chặt mãi cho đến khi nó biến thành nước luôn. "A ! Tiền tôi mất rồi ! Tôi không thể dùng được nữa, vì nó biến thành nước rồi !"

Trên đây là mười tiểu phiền não.

Hai trung phiền não là gì ? Đó là vô tà và vô úy, nghĩa là không biết tà úy (hỗ thẹn). Chữ tà có chữ tâm một bên, và kế bên là chữ trảm tức trảm đầu (chém đầu). Chém đoạn phiền não, cũng là nói về chữ sát (giết). Đối với phiền não này, chính tâm mình sai quấy mà không nhận là mình sai. Như bảo rằng chư vị đã giết người thì chính là phạm pháp. Tự chư vị biết mình đang giết hại chúng sanh, mà lại không biết sám hối sửa đổi.

Chữ tà nghĩa là chư vị lý ra phải chém đứt phiền não, mà lại không làm, nên gọi là vô tà. Tâm giết hại còn nằm ẩn bên trong, không biết tự sửa đổi, nên gọi là vô tà (không hổ thẹn). Sao gọi là hổ thẹn ? Nghĩa là không thể đối mặt nhìn người khác. Chư vị làm việc không quang minh chính đại, nên không dám nhìn mặt người khác. Nhưng chư vị lại không nhận rõ việc đó là không đúng. "Có quan hệ gì đâu ?"

Tạo việc sai trái rồi tự mình làm luật sư biện hộ cho mình, bảo rằng tôi có lý do này lý do nọ, chân thật đúng đắn. Đó là vô tà (không hổ thẹn).

Quý. Sao gọi là quý ? Bên phải của chữ quý là chữ quĩ, tức quĩ thần; nghĩa là

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

know no embarrassment. Your actions are so lacking in light and uprightness that you ought to be unable to look at people; nevertheless, you do not even admit to being wrong. You still say, “What difference does it make? So-and-so acts wrongly in just the same way.” You try to convince yourself that you are being reasonable, so you act as your own defense attorney. You say, “Because of this and that circumstance, I had a good cause to do what I did, and so I am right. Yes, because my reasoning is especially precise, I am confident that I am in the right.”

[1] Probable reconstruction of lu she na . The term is roughly equivalent to sambhogakaya, the “reward” or “enjoyment” body of the Buddha.

[2] Qi

[3] sui fan nao, “afflictions that follow”.

tâm chư vị không quang minh chánh đại. Vì không quang minh mà chư vị cho là đúng, nên gọi là quý. Quý tức là quý cứu, tựa như tâm chư vị có thiếu sót chi, không thể đối mặt với người, nhưng khi ấy lại không dám nói là mình không thể đối mặt với người, nói : "Tôi có làm gì sai trái đâu !"

Vô tâm, vô quý (không hổ thẹn), là hai phiền não của trung phiền não.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Emptying the Four Truths (continuation)

What is meant by a lack of humility? The Chinese character kui , translated as “humility” or “remorse” is written with an element meaning heart on the left and the character for ghost on the right. In other words, there is no light in your heart, but you nevertheless consider it right to have no light. That is to lack humility. Although you have a bad conscience and feel that you should apologize to other people, you still don’t say “I’m sorry,” but think to yourself, “I’m not going to apologize to those people!”

Next are the eight large subsidiary afflictions.

1) The first is disbelief. You never would have thought that the lack of belief is an affliction, would you? Someone afflicted by disbelief doesn’t believe anything you say, no matter what it is, whether it is right or wrong. If you speak so that “heavenly flowers fall this way and that and golden lotuses spring forth from the earth,”[1] he still acts as if he didn’t hear. If you explain something that contains the principles of the Way, he doesn’t believe it. If you explain something that is unprincipled, he believes that even less. Explanation of the Meaning of 100 the Text You explain a little more, you explain a little less, in either case he doesn’t believe it. If you talk about existence, or nothingness, or emptiness, or non-emptiness, he won’t believe any of it. In short, the essential tenet of his principles is disbelief.

2) The second of the large subsidiary afflictions is torpor. None of you thought that torpor was one of the large subsidiary afflictions. To be torpid is not to study the dharma-doors diligently. A person afflicted by torpor is always torpid, whatever he does. He eats lazily, waiting five minutes between mouthfuls. When he sleeps, he is in a stupor. The only time he is energetic is when he plays mahjong. This affliction makes one lazy about the Dharma and lazy in cultivation. The laziness has the nature of an affliction. Not only is he lazy himself, but he also wishes to influence others to be lazy. He basically doesn’t want anybody to do anything at all. “However you people cultivate, I will not cultivate. I will influence you not to cultivate either. I am so lazy that if you are near me for two days, before the third day is up you will be lazy too.” He wants other people to follow him in his laziness, so it is called a “following” affliction.

Lại có tám loại tùy phiền não lớn. Thứ nhất là bất tín. Chư vị không nghĩ rằng bất tín không phải là phiền não à ! Chư vị có giảng gì đi nữa, họ cũng không tin là không đúng. Càng nói càng không tin. Tổng quát, dầu chư vị có nói gì đi nữa, họ cũng vẫn không tin. Chư vị bảo rằng trên trời mưa hoa rơi khắp đất, dưới đất hoa sen vàng phóng vút lên. Dầu đang nghe nhưng họ vẫn giả bộ như không nghe. Chư vị giảng giải có lý lẽ, họ không tin. Chư vị giảng giải không có lý lẽ, họ lại càng không nghe thêm. Chư vị giảng một việc nhiều lần, nhưng họ không tin. Chư vị giảng việc đó ít lần, họ cũng không tin. Giảng nhiều họ không tin. Không giảng họ cũng không tin. Giảng về lý không, họ không tin. Giảng về lý chẳng có không, họ cũng không tin. Nói chung, tông chỉ, đường hướng của họ là không tin gì hết.

Tùy phiền não lớn thứ hai là giải đãi, tức là làm biếng. Đâu có ai nghĩ rằng làm biếng là tùy phiền não lớn. Sao gọi là giải đãi ? Giải đãi, làm biếng nghĩa là không chuyên cần học Phật pháp. Cho dầu làm việc gì cũng giải đãi. Thậm chí ăn cơm cũng làm biếng nữa. Ăn một muỗng rồi đợi đến năm phút sau mới ăn muỗng thứ hai. Khi ngủ cũng làm biếng, mộng mị. Khi nào họ mới không làm biếng ? Chỉ khi đánh cờ bạc thì họ mới có tinh thần.

Có người, đối với Phật pháp rất giải đãi, tu hành cũng rất giải đãi. Không những tự làm biếng mà lại ảnh hưởng đến những người khác nữa. Không những ảnh hưởng xấu mà họ cũng lại không muốn người khác làm việc nữa. Như tôi có một đệ tử, ngủ mãi cho đến tám giờ sáng. Tại sao ? Vì người ngủ bên cạnh phòng thức dậy sớm, nên hấn chạy qua phòng đó ngủ tiếp. Đó là một loại làm biếng. Loại làm biếng này phát sanh ra một loại phiền não. Hấn biết chư vị đều tu hành, nên nói : "Tôi không muốn tu hành. Tôi muốn chư vị không tu hành như tôi. Chư vị nỗ lực hai ngày, nhưng đến ngày thứ ba nên làm biếng đi !"

Hấn đã làm biếng rồi mà lại gây ảnh hưởng đến những người khác nữa.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

3) The third large subsidiary affliction is laxity. People afflicted by laxity don't want to behave properly. Not only do people with this affliction not behave properly themselves, but they also hope that no one else will, either. For example, someone who likes to drink would like to cast everyone into a sea of liquor and pickle them in it. He pitches everyone else into whatever he likes himself. He wants to go dancing, so he drags everyone off to the dance-hall. When he goes to the movies, he takes everyone he knows to the movies. He likes going down to the hells, so he drags everyone down to the hells. He wants to be a hungry ghost, so he says, "There is no one better than a hungry ghost. Come on, come on, right away!" Then he takes all of his friends and relatives off to the path of the hungry ghosts. Or he wants to be an animal and says, Emptying the Four Truths 101 "I have certainly had enough of being a person. It is best to be a dog. Look at the dog. He doesn't have to work, and on top of that people give him food to eat and take care of him. That's very good. Let's be dogs." Not only does he wish to be a dog himself, but he drags his friends and relatives off on the path to the canine kingdom where they all become dogs together. That is what laxity is about.

4) Drowsiness, the fourth large subsidiary affliction, can get into anyone's body. For example, someone is listening to the sutra, or sitting in meditation, and he supposes that he has entered samadhi, but has merely dozed off. "I heard what was said very, very clearly," he insists. "My head just fell over; it wished to draw near to my feet and make friends." That is drowsiness. No matter what you are doing, you don't have any energy, and you just want to go to sleep. You go to sleep, yet still feel that you didn't sleep. Even if you didn't actually go to sleep, you are still none too clear. You listen to someone saying, "Thus I have heard," in an extremely loud voice, yet you do not hear.

5) The fifth large subsidiary affliction is restless inattention. What is the meaning of this one? You are sitting upright, listening to a sutra, and then all by itself your head starts to jerk. This is not to say that it is like Ananda's head moving to the left and right in order to look at the light emitted from the Buddha's hands. In this case, since there is no light, you don't know who told your head to move. In fact, you don't wish to move it. The head moving by itself is a case of restless inattention.

Tùy phiền não lớn thứ ba là phóng dật. Sao gọi là phóng dật ? Phóng tức là phóng khai (mở toang). Dật tức là tản mác. Phóng dật tản mác cũng là không thủ quy củ, luật lệ. Không những không giữ quy củ mà lại còn hy vọng người người đều không giữ quy luật. Chính họ thích uống rượu, cũng muốn mọi người đều đến biển rượu để uống. Họ thích việc gì liền rủ kéo người khác đi theo. Họ muốn nhảy đầm, liền kéo mọi người đi theo. Họ thích đi xem chiếu bóng, liền kéo mọi người mà họ quen biết đi xem. Họ thích xuống địa ngục, liền kéo mọi người xuống địa ngục. Họ thích làm ngạ quỷ, nói : "Làm ngạ quỷ hay lắm. Chư vị hãy mau đi theo tôi !", nên dẫn tất cả thân bằng quyến thuộc đi vào đường ngạ quỷ. Họ muốn loài loài vật, nói : "Tôi làm người hay làm chó cũng được, nhưng làm chó lại hay hơn. Chư vị thấy mấy con chó, chúng đâu cần phải làm việc, mà lại có người hằng ngày cấp cho đồ ăn, được người che chở bảo hộ. Vậy có vui lắm không !"

Không những muốn làm chó mà lại khiến thân bằng quyến thuộc nhập vào dòng chó nữa.

Thứ tư là hôn trầm. Mọi người phải nên tránh đi. Nghe giảng kinh, ngồi tọa thiền, họ đều nhập định cả, nhưng kỳ thực là hôn trầm, nói : "Tôi nghe giảng kinh rất rõ ràng. Đầu tôi chỉ nghiêng xuống, muốn làm bạn với đôi chân thôi". Đó là hôn trầm. Hôn trầm cũng là khi chư vị làm bất cứ việc gì mà tinh thần không thể khởi lên được, nên muốn ngủ. Nói rằng ngủ, nhưng không giống ngủ. Bảo rằng không ngủ, lại không tỉnh táo. Nghe giảng "Như thị ngã văn (tôi nghe như vậy)", nói : "Tôi đâu có nghe gì đâu !". Đó gọi là hôn trầm.

Thứ năm là trạo cử. Trạo nghĩa là nghiêng qua một bên. Cử là khởi cử dậy. Như đang nghe kinh, đầu chư vị lại động dậy. Đây không phải như ngài A Nan, vì muốn xem hào quang của Phật Thích Ca, nên nghiêng đầu qua phải trái để xem. Nếu tự mình động dậy cũng không biết ai bảo mình động dậy, thì đó gọi là trạo cử. Nếu tâm luôn bị phiền não thì phát sanh trạo cử. Một khi phiền não phát sanh, thì tâm không an, không biết chi là hay là dở, nghe giảng kinh mà không để ý đến, ngồi thiền mà cảm giác như thân đang ngồi trên bàn châm, thống khổ, đau nhức. Tâm bất an lạc cũng gọi là trạo cử. Chư vị hãy xem, nếu tôi không giảng thì chư vị không biết những tật xấu này, nhưng nó chính là phiền não lớn trong tám thứ tùy phiền não. Chư vị hãy nói xem trạo

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Another aspect of restless inattention is the constant affliction in your mind, which you are never quite able to get rid of completely. Since the affliction is constantly being generated, your mind is not at peace. “I don’t know what’s best. Since listening to this sutra is not at all interesting, maybe I will just sit here and meditate.” That is restless inattention; the mind is not tranquil. You always feel like you are sitting on pins and needles, yet it is even more painful than that. Unless I had told you, you wouldn’t have known that restless inattention is one of the eight large subsidiary afflictions. If you are afflicted with it often, your mind will find no peace.

Restless inattention could literally be translated as “putting down and picking up.” You put something down and then pick it up again; put it down and pick it up again. What should you do about this affliction? You should put it down; you should get rid of it.

6) The sixth of the large subsidiary afflictions is loss of mindfulness – literally, loss of thought. “Since it is best not to have false thoughts,” you say, “how can this be called an affliction?” What is meant is loss of proper thought. For example, you wish to recite the Buddha’s name, so you recite three times: “Namo Amita Buddha, Namo Amita Buddha, Namo Amita Buddha,” and then you forget; you no longer remember the thought of it. You wish to recite the Shurangama Mantra:

The wonderfully deep dharani, the unmoving Honored One. The Foremost Shurangama King is seldom found in the world. It melts away my deluded thoughts gathered in a million kalpas...

“Huh, what comes next?” It is like when you are all reciting a sutra or mantra and everyone stops in the middle, not knowing what point you have recited to. That is the loss of mindfulness; your thought which recites the mantra has been lost. It is certainly not the case that none of you are reciting or making any noise because you have all entered the no-sound samadhi. No. It is just that you have lost your mindfulness.

cử là gì ? Chữ vị bảo trợ không phải là trợ sao? Cử không phải là cử sao ? Nếu chữ vị trợ mà không trợ, đó là cử. Không cử, chính là trợ.

Thứ sáu là thất niệm. Thất nghĩa là mất. Thất niệm tức là quên mất chánh niệm. Hoặc giả chữ vị nói rằng thất niệm chính là không còn vọng tưởng, vậy rất tốt. Tại sao có phiền não ? Chỉ vì quên mất chánh niệm. Tựa như chữ vị muốn niệm Phật, nhưng khi niệm đến câu thứ ba "Nam mô A Di Đà Phật", thì tuy niệm mà quên mất chánh niệm. Chữ vị muốn tụng chú Lăng Nghiêm, niệm câu "Diệu trạch tổng trì bất động Tôn, thủ Lăng Nghiêm vương thế hy hữu ... A ! Lại đến câu gì ?"

Giống như tụng kinh, niệm chú, tụng niệm đến lúc mọi người đều dừng lại hết, không biết niệm đến chỗ nào. Đây không phải hiển thị là chữ vị nhập định, như vậy là gì ? Đó là quên mất chánh niệm. Niệm kinh, niệm chú, dần dần quên mất chánh niệm, lại không phải là chữ vị đều không niệm, mà niệm không ra tiếng, mọi người đều nhập vào tam muội (định), không âm thanh. Đây là chữ vị quên mất chánh niệm.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

7) The seventh large subsidiary affliction is improper knowledge, in other words, deviant knowledge and views instead of right knowledge and views. A person with improper knowledge says that right is wrong and wrong is right, white is black and black is white, good is bad and bad is good. For instance, I heard some people saying, “Eating a lot is an ascetic practice.” That is a case of deviant knowledge and views. Because they say that eating a lot is called a most difficult ascetic practice, they all eat as if their lives were at stake. To call that an ascetic practice is nothing but improper knowledge.

8) The eighth of the large subsidiary afflictions is distraction, lack of samadhi-power. This is the mirror illuminating outwardly. It is like a camera, which can only take photographs of people outside of the camera; it cannot photograph its own inside. Distraction comes from the lack of samadhi, and it is cured by the practice of dhyana samadhi.

There are still six basic afflictions, with which I believe you are all very familiar. You could say that they are old friends.

1) The first is greed. Your greed, my greed, and others’ greed are all alike – three in one and one in three. People are not the same, but their greed is all alike. Their greed differs, however, in amount. You have a little more greed and I have a little less, or you have a little less greed and I have a little more. Every person has his own amount.

Greed harms us, but you still are not aware of it. Why haven’t you realized Buddhahood yet? Why are you so stupid and lacking in wisdom? Do you understand now? It is just because of greed. Greed is insatiable; it has no fear of an excess of anything, whether it be money, or things, or garbage. Greed isn’t afraid of a lot of afflictions, either. The more the better. And so it was said of Han Hsin, the great general of the Han Dynasty, “When Han Hsin made use of troops, it was ‘the more the better.’” “The more the better” is a manifestation of greed, the first of the basic afflictions.

2) The second is anger. Anger is your ignorance; it is the very fiery energy of your firecracker-like temper. I say it is like a firecracker, but because atomic and hydrogen bombs have now been developed, the ignorance and anger in

Thứ bảy là không có chánh tri kiến (bất chánh tri). Không có chánh tri tức là tà tri tà kiến. Không có chánh tri chánh kiến, việc đúng bảo là sai, việc sai bảo là đúng, trắng bảo là đen, đen bảo là trắng, việc tốt bảo là hư hoại, việc hư hoại bảo là việc tốt. Như tôi có vài đệ tử thường nói : "Ăn nhiều là hành khổ hạnh". Thế nên, họ ăn nhiều thực mạng, mà lại bảo đó là hành khổ hạnh. Họ giống như những người mà tôi đã giảng ở bên trên. Họ bảo : " Tôi không màng, không quản chư vị. Khổ hạnh của chư vị là khổ hạnh. Muốn làm gì thì cứ làm". Hôm nay tôi nói cho chư vị biết đó đều là tà tri tà kiến.

Thứ tám là tán loạn. Tán loạn tức là không có định lực, cũng là lo ra, để tâm chạy ra ngoài, như dùng kiếng để rọi người. Chiếu kiếng bên phải bên trái, soi này soi nọ, chiếu người này người nọ, mà không tự chiếu chính mình. Đó là không có định lực, nên gọi là tán loạn. Thiền định trị tâm tán loạn. Bên trên đã giảng hai mươi loại tùy phiền não, lớn có tám loại, trung có hai loại, nhỏ có mười loại, cộng thành hai mươi.

Đối với sáu phiền não căn bản, tôi tin rằng chư vị rất quen thuộc, có thể nói chúng là những người bạn rất thân thiết với chư vị. Thứ nhất là tham. Tôi tham lam, chư vị tham lam. Tham tuy là giống nhau, nhưng cũng bảo là khác nhau. Tại sao khác nhau ? Chư vị tham nhiều, còn tôi tham ít. Chư vị tham ít, còn tôi thì tham nhiều. Mỗi người đều có cái tham của chính mình. Tham lam hại chúng ta rất nhiều. Tại sao ? Chư vị vẫn chưa biết rõ sự tổn hại của tham lam. Tại sao cho đến hôm nay, chư vị vẫn chưa thành Phật ? Có phải vì còn ngu si, không có đủ trí huệ phải không ? Tham lam không bao giờ biết đủ. Cái gì cũng không sợ nhiều như tiền bạc, vật chất, hình trạng, phiền não, càng có chừng nào thì càng tốt chừng đó. Như cách dụng binh của Hàn Tín đời Hán, ông bảo rằng càng dùng binh lính nhiều chừng nào thì tốt chừng đó. Đó là biểu hiện cho sự tham lam.

Thứ hai là sân hận, giận tức. Sân hận tức là vô minh, cũng là sự giận nổi lên như pháo bông. Pháo bông còn nhỏ lắm. Hiện tại có bom nguyên tử và bom khinh khí đều đã được phát minh ra, vì do oai lực của tâm vô minh, sân hận. Sân hận cũng là loại nóng giận, tức tối.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

the minds of people today are as tremendous and fierce as the awesome power of the atomic and hydrogen bombs.

3) The third basic affliction is stupidity. Why do we always do things wrong? It is our stupidity which causes us to do things which we shouldn't do. What we shouldn't learn we want to learn. For instance, now many young people take drugs which cloud the mind. These drugs certainly should not be taken, yet they take one pill and want to take another pill, and still want to take one pill more. They think about it, but they don't actually know why they want to take more. The reason is that they are stupid. They suppose that there will be another world inside the cave.[2] They suppose that in taking a certain pill, there will be a new discovery, one as momentous as Columbus' discovery of a new continent. They want to discover a new continent by taking drugs. Wouldn't you say that is stupid? Their stupidity turns them upside down.

4) The fourth basic affliction is pride, or arrogance.

5) The fifth is doubt. Doubt is a lack of faith, a lack of belief. When doubt arises, one doubts everything. One doubts the gods, doubts the ghosts, doubts right and doubts wrong, doubts oneself and doubts others, doubts right principles and doubts what is unprincipled also.

6) The sixth is deviant views. The knowledge and views held by someone with this affliction are most improper.

Now that I have finished explaining the afflictions, I hope that everyone's afflictions have been ended. You shouldn't think that the afflictions are your friends and relatives. You should abandon them and stop helping them create the karma of offenses. If you help the afflictions, they will help you create karmic offenses which will fall back on you. Afflictions are the mahasattvas, the great beings, who pay no attention to others[3]; they won't pay any attention to whether or not you are punished or to whether or not your retribution is summoning you. When you undergo punishment, then the afflictions flee far away and disappear. When you go to the hells, why are there no more afflictions to follow along with you to produce more affliction? That is the time the afflictions leave.

Thứ ba là si mê. Tại sao chúng ta thường làm việc sai lầm ? Chỉ vì ngu si mà khiến cho chúng ta làm những việc không đáng làm, học những gì không đáng học. Ví như ngày nay có một số thanh niên thường thích hút thuốc phiện, vốn không nên hút mà lại hút. Càng hút càng ghiền, không biết gì hết, lại hút thêm. Tại sao ? Vì do ngu si. Họ nghĩ rằng hút thuốc phiện thì nhất định sẽ phát hiện ra việc kỳ lạ, như Kha Luân Bố phát hiện ra Tân thế giới. Chư vị hãy nói xem, đó có ngu lắm không ? Ngu si khiến cho họ điên đảo.

Thứ tư là ngã mạn hay kiêu mạn, là một loại phiền não.

Thứ năm là nghi hoặc, tức sanh tâm không tin. Việc gì cũng hoài nghi hết. Nghi thần nghi quỷ, nghi đúng, nghi sai, nghi mình nghi người. Đối với chính mình cũng hoài nghi. Đối với người khác cũng hoài nghi. Đạo lý chân thật chính xác hay không chân thật chính, đều hoài nghi hết.

Thứ sáu là tà kiến tức tri kiến không chánh đáng, chỉ giữ tà tri tà kiến. Hôm nay tôi giảng về phiền não. Tôi hy vọng mọi người đều dứt tận, đừng nhận chúng làm thân thuộc hay bạn hữu. Phải nên dẹp trừ chúng, Chớ để chúng tạo thêm nghiệp tội. Chư vị giúp đỡ phiền não, phiền não giúp chư vị tạo nghiệp tội. Chư vị chuốc lấy nghiệp tội vào thân mà phiền não "ta bà ha" không quản chư vị. Chúng không quản là chư vị thọ nghiệp tội hay không thọ nghiệp tội, thọ quả báo hay không thọ quả báo. Khi thọ quả báo, phiền não chạy mất. Khi chư vị đọa xuống địa ngục, phiền não cũng không đi theo. "Tự tập chiêu cảm tự bất đồng, (tự hội chiêu cảm tự không đồng)".

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

All the six basic afflictions and the twenty subsidiary afflictions are included in the second of the Four Truths, accumulating. Because the truth of accumulating beckons so many afflictions, the turning by manifestation is, “This is accumulating; its nature is feelings which beckon.” What do the feelings beckon? They beckon the afflictions, and it is your afflictions that keep you from attaining genuine wisdom. Should you wish to attain genuine wisdom, you must first defeat the afflictions. In order to defeat them, you must first recognize that they are afflictions. If you don’t, what will you defeat? If you have no idea at all what afflictions are, how will you be victorious? It is like wanting to kill thieves. They too are people. As it says in the Shurangama Sutra[4], you must know where the thieves are and must recognize what they look like; otherwise, when you are face to face with them, you will take them to be good friends instead of the very people who were the ones who stole your things and who will rob you of all your treasures. Our afflictions are just the same way. If you recognize situations of affliction for what they are, then you will no longer be affected by them, and you can defeat them.

We are continuing the discussion of the dharma of the Four Truths: suffering, accumulating, extinction, and the Way. I have already spoken about the three kinds of suffering, the eight kinds of suffering, and all the infinite kinds of suffering. I have also spoken about the truth of accumulating, that is, about the six basic afflictions and the twenty subsidiary afflictions which form part of the truth of accumulating.

The third of the Four Truths, extinction, is explained as meaning both “unmoving” and “such, such.” When you have been certified as having attained the truth of extinction, you have attained genuine happiness. The four attainments of Nirvana are permanence, bliss, self, and purity.

Căn bản phiền não có sáu loại. Tùy phiền não có hai mươi loại. Chúng thuộc về Tập Đế của Tứ Đế. Tập đế tức là tập hợp, chiêu cảm phiền não. Phiền não khiến chư vị không thể đạt đến trí huệ chân chánh. Nếu muốn đắc được trí huệ chân chánh, trước tiên chư vị phải hàng phục được phiền não. Trước khi hàng phục phiền não, chư vị phải nhận rõ chúng là phiền não, nếu không thì chư vị hàng phục cái gì ? Ví như muốn giết kẻ cướp, thì phải biết hang ổ của chúng ở đâu. Phải nhận ra mặt mũi của chúng.

Nếu không thể nhận diện được thì khi đối diện với chúng, chư vị lại kết bạn với chúng. Tại sao ? Vì chư vị không nhận rõ là chúng ăn cắp tài vật, châu báu của mình. Phiền não cũng như thế. Chư vị phải nhận ra chúng thì sau này mới không bị chúng chuyển. Phải nên hàng phục chúng.

Diệt đế. Diệt đế nghĩa là như như bất động.

"Tánh diệt khả chứng cứu cánh lạc, (tánh diệt khả chứng tột an lạc)".

Nếu chúng được diệt đế tức là chúng đạt chân đế an lạc, gọi là bốn đức của niết bàn, nghĩa là thường lạc ngã tịnh. Đạt đến thường lạc ngã tịnh thì cũng là chúng được quả diệt đế. Nhưng chúng đến quả vị này chỉ là quả vị tiểu thừa của A La Hán, mới đoạn được phần đoạn sanh tử thô, chưa đoạn hết biến dịch sanh tử, và chỉ chúng được một phần chân lý, mà không phải là diệu quả rốt ráo đại thừa.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

This attainment is the receipt of certification of the fruition called “still extinction.” However, it is still the fruition of the small vehicle, not the ultimate and wonderful fruition of the great vehicle. It is a partial principle of truth to which Arhats are certified as having attained. They cut off the birth and death of the delimited segment – the body – but have not yet attained final liberation from the birth and death of the fluctuations. By ending the birth and death of the delimited segment, those of the two vehicles, Arhats and Pratyekabuddhas, attain the bliss of still extinction and destroy the delusions of views and thought.[5]

Deluded views refer to the arising of craving for what you see. The craving which arises in your mind as a result of confronting a certain situation is called a view-delusion; you are confused by the situation. Thought-delusion, on the other hand, refers to confusion about the principles of the Way. Because you don’t understand them, your mind gives rise to the making of distinctions. When distinctions are made, the more you make, the farther away you get. The farther away you get, the more distinctions you make. This “taking the wrong road” is called thought-delusion. When you are certified as having attained the bliss of still extinction, you cut off the delusions of both thought and views. Yet you are still able only to make ignorance surrender; you have not yet eradicated it. Not only in the state of an Arhat, but in all states of enlightenment up to and including the state of the Equal-Enlightenment Bodhisattva, there still exists a very last portion of ignorance characterized by production which has not been destroyed. Therefore, even when one is certified as having attained the fruition which is still extinction, ignorance still exists; however, it does not appear.

[1] The reference to the response to the ability of Shen-guang (Hui-guo), the Second Patriarch, in lecturing on the sutras before he encountered Bodhidharma.

[2] The allusion is to Chinese beliefs concerning the existence of other worlds which can be entered through certain caves in the sacred mountains and elsewhere. A well-known example of this theme is in Tao Yuan-ming’s celebrated work “The Peach-Blossom Spring” (Tao-hua Yuan Qi).

Phần đoạn sanh tử là gì ? Phần tức là tôi có một phần, chư vị có một phần, mỗi người đều có một phần. Đoạn tức là tôi và chư vị, mỗi người có riêng một đoạn thân, như thân cao một thước sáu, thước bảy, thước tám v.v...Thế nên, thân của mỗi người cao thấp khác nhau. Từ sanh đến chết gọi là đoạn lạc; từ hôm nay đến ngày mai cũng gọi là đoạn lạc (từng đoạn). Tất cả phàm phu đều có đầy đủ phần đoạn sanh tử này. Người tiểu thừa đã cắt đứt phần đoạn sanh tử nên chứng quả an lạc tịch diệt. Khi chứng đắc quả tịch diệt thì phá được kiến hoặc và tư hoặc.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

[3] The allusion is to the ironic Buddhist ditty:
Mahasattva – don't pay attention to others;
Amita Buddha – everyone for himself.

[4] "It is just like when a king dispatches troops against bandits who have invaded his country. The troops must know where the bandits are in order to chase them off."

[5] There are eighty-eight delusions of view, which are cut off suddenly, and eighty-one delusions of thought, which are gradually eliminated.

There are ten basic delusions of view which manifest themselves in relation to the Four Truths in each of the three worlds – desire, form, and formless. The ten are greed, hatred, stupidity, arrogance, doubt, the view of (bodily) self, onesided views, deviant views, the view of being attached to views, and the view of grasping (non-beneficial) prohibitive precepts. In the desire realm, all ten operate in relationship to the truth of suffering, while seven (all except the view of self, one-sided views, and the view of grasping prohibitive precepts) operate in relation to the truths of accumulating and extinction, and eight (all except the view of self and one-sided views) operate in relation to the truth of the Way. In the form and formless realms the relationships of the delusions to the Truths follows the same order with the exception of hatred in relation to all four Truths, since hatred must be eliminated before one can enter samadhi. Thirty-two delusions of view in the desire realm, twenty-eight in the form realm, and twenty-eight in the formless realm total eighty-eight.

There are nine degrees of delusions of thought, which manifest themselves on nine separate grounds. The nine degrees are simply the higher superior, the higher intermediate, and the higher inferior; the middle superior, the middle intermediate, and the middle inferior; the lower superior, the lower intermediate, and the lower inferior. The nine grounds are the five destinies (gati).

Sao gọi là kiến ? Do chư vị đối trước cảnh giới mà sanh tâm tham lam luyến ái, bị cảnh giới làm mê hoặc. Sao gọi là tư hoặc ? Không hiểu đạo lý nên khởi tâm phân biệt. Đối với đạo lý mà không minh bạch nên sanh tâm phân biệt. Càng phân biệt chừng nào thì càng đi xa chừng đó. Càng đi xa chừng nào thì phân biệt thêm nhiều chừng đó, nên gọi là đi lạc đường.

Chứng đắc quả an lạc tịch diệt thì cắt đoạn được kiến hoặc và tư hoặc, nhưng chưa đoạn hết vô minh, mà chỉ mới hàng phục được thôi. Không những chư A La Hán chưa đoạn được vô minh mà cho đến bồ tát Đẳng Giác vẫn còn một phần sanh tướng vô minh chưa phá hẳn. Thế nên chứng đạt quả vị vô thượng tịch diệt, mà vô minh vẫn còn. Tuy cắt đứt phần đoạn sanh tử mà biến dịch sanh tử vẫn còn tồn tại.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Upon cutting off the eighty-eight delusions of view one becomes a first-stage Arhat (srotaapanna, "Stream-winner"). Upon eliminating the first six degrees of the first ground, one becomes a second-stage Arhat (sakrdagamin, "Once-Returner"). Upon eliminating the final three degrees of the first ground, one becomes a third stage Arhat (anagamin, "Never-Returner"). When all the remaining 72 are eliminated, one becomes a fourth-stage Arhat (arhat). Sometimes only the fourth stage is referred to as Arhatship.

Emptying the Four Truths (continuation)

Although the birth and death of the delimited segment has already been ended, the birth and death of the fluctuations still exists. What is meant by the birth and death of the fluctuations which continue even after the attainment of still extinction? The fluctuations refer to the thoughts we give rise to: one thought after another, the first then the next then the one after, thought after thought, unceasingly. The unending transformation of the flow of thought is called the birth and death of the fluctuations. The production of one thought is a birth, and the extinction of one thought is a death.

Why is it called birth and death? It is because genuine samadhi has not been attained. When one enters samadhi, coarse thoughts and desires stop. When the first dhyana, called the ground of bliss born of separation, is attained, the pulse stops. When you reach the second dhyana, called the ground of bliss born of samadhi, your breath stops. At the third dhyana, called the ground of wonderful happiness apart from bliss, your thought stops. In the fourth dhyana, called the ground of clear purity which discards thought, there are no fine thoughts. However, attainment of the four dhyanas is not a verification of the fruition of enlightenment. They are nothing more than temporary realizations which come as a result of cultivating the Way. Moreover, the four dhyanas are not very high levels. Most ordinary people who cultivate the Way can probably attain the fourth dhyana.

Sao gọi là biến dịch sanh tử ? Biến dịch là tâm niệm sanh khởi của chúng ta. Niệm sau theo niệm trước. Niệm niệm không ngừng. Niệm niệm lưu chuyển. Một niệm sanh khởi tức một lần sanh. Một niệm diệt tức một lần chết. Đó gọi là biến dịch sanh tử. Biến dịch sanh tử này, niệm niệm không dừng, có phải gọi là sanh tử không ? Vì cảnh giới này chưa đạt đến thiền định chân chánh.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

“This is the Way; you should cultivate it.” In discussing the question of the Way, I will first explain the Chinese character dao , “Way.” The character contains an element indicating “going” or “walking” . This tells you to practice; only then is the Way of use. Because you need to cultivate according to the Way, it is said, “The Way is to be practiced; if you don’t practice it, of what use is the Way?” If you don’t cultivate, then the Way is the Way and you are you; the two cannot be united into one. If you cultivate according to Dharma, that is, if you practice the Way, then the Way is you and you are the Way. The Way and you are fundamentally inseparable. It is said of the virtuous nature, “Virtue is to be practiced; if it is not practiced, how can there be virtue?” That is not to say, “Day in and day out I say, ‘Act virtuously, act virtuously, act virtuously.’” You practice virtue with your mouth, but you don’t actually practice any virtue at all. Not only do you not practice virtue, but you create bad karma with your body. In that case there is no virtue at all. Thus the saying, “Hanging out a sheep’s head and selling dog-meat.” If you talk about acting virtuously, then you must do it.

Above the element which designates “going” in the character dao, the character shou is added. Shou is defined as that which is “ahead” or “foremost.” In other words, cultivation is the most important business in the whole world. If you wish to end birth and death, then you must cultivate the Way. If you don’t wish to end birth and death, you need not cultivate the Way. To end birth and death is certainly not to be afraid of birth and death. Someone who is afraid of birth and death really likes being alive, but he is extremely afraid when he is dying. That is to be afraid of birth and death. If you wish to end birth and death, cultivation of the Way must be foremost; therefore, the character shou, foremost, is part of the character dao, the Way. If you don’t cultivate the Way, then you cannot end birth and death.

We will now divide the character shou further. There are two dots on top, then a line , and below them the character zi , which means “self.” In cultivation, it is you yourself who must cultivate. It isn’t that you tell other people to cultivate: “You should cultivate; you should end birth and death; you should act virtuously.” That isn’t what is meant. You must cultivate the Way yourself. The one important matter is for you to do it yourself, so there is the character, zi, in the character meaning Way. Do it yourself!

Định chân chánh nghĩa là một niệm lự cũng không còn. Cảnh giới sơ thiền, tim không còn đập. Cảnh giới nhị thiền không còn hô hấp. Cảnh giới tam thiền, niệm lự đình chỉ. Cảnh giới tứ thiền, dứt niệm, không còn niệm lự, nhưng cảnh giới tứ thiền này cũng chưa phải là chứng quả, bất quá chỉ là quá trình tu đạo thôi, và không phải là tầng bậc cao siêu. Phổ thông, người tu đạo đa số có thể đạt đến cảnh giới này.

Đạo đế. Diệt tức là phải chứng đắc. Đạo là phải nên tu hành. Bàn về vấn đề đạo, đầu tiên chúng ta hãy giải thích chữ đạo trước. Chữ đạo dùng chữ tẩu (đi), tức là chư vị phải đi, phải hành. Nói đến đạo là phải tu hành. Nếu không tu hành thì có lợi ích chi. Phải bước đi mà tu hành. Thế nên, đạo là hành. Không hành thì không phải là đạo. Nếu không tu hành thì chư vị là chư vị, đạo là đạo, không thể hợp nhất. Chư vị phải y pháp mà tu hành, đạo chính là chư vị, chư vị cũng chính là đạo. đạo cùng chư vị vốn không thể tách rời. Chư vị muốn tu đạo không ? Phải nên thật hành, tức là y chiếu theo phương pháp mà thật hành. Cho đến đức hạnh, đức là phải làm, không làm thì sao có đức ? Không thể từ sáng đến chiều chỉ nói "tạo đức, tạo đức, tạo đức", trên môi mấp mà thật tế lại không làm. Miệng nói tạo đức mà thân lại tạo nghiệp, thì không có đức gì hết. Vì thế, bảo "Treo đầu heo, bán thịt chó".

Chư vị bảo tạo đức thì phải nên làm. Có muốn tu đạo không ? Nếu muốn thì phải y theo phương pháp mà tu hành.

Ở trên chữ "tẩu" lại có chữ "thủ", cộng thành chữ đạo. Thủ nghĩa là đầu. Tu hành là việc quan trọng nhất trên thế gian. Chư vị muốn chấm dứt sanh tử không ? Nếu muốn thì phải tu đạo. Lại nữa, tuy không muốn cắt đứt sanh tử, mà lại nói rằng không thêm tu hành. Cắt đứt sanh tử rồi thì không còn sợ sanh tử nữa. Người sống đều sợ chết. Cắt đứt sanh tử là không muốn có sanh tử, lại không sợ sanh tử. Nếu muốn chấm dứt sanh tử thì đầu tiên phải tu hành. Thế nên có chữ "thủ" ở bên trên chữ "tẩu". Nếu không tu hành thì không thể chấm dứt sanh tử được.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The horizontal line above the zi is the character yi , “one.” What should you do? Find the one. Of what use is it? From the one, everything in the world is generated. One is the beginning. Only after one are there two, then three, then four, then five, up to an infinite number. They are all generated from the number one. The infinite is generated from the one. The infinite is itself the one. If there is no one, then there is no infinite. If there is no infinite, then there is no one. I don’t believe that anyone at all has a way to oppose the principle which I am explaining. Anyone who understands mathematics knows that mathematics begins from one. The one is the infinite, and the infinite is the one.

We want neither one nor infinity. There is no one and there is no infinity. No infinity and no one. They change into nothing at all, which is zero. The 0 contains all existence. True emptiness is in the 0, and wonderful existence is in it too. Where does the 0 come from? It is a shape made by changing the one. You make a circle and that is a 0; you open it up and it turns into a one. Therefore, the 0 is the original substance of the one. Not only is the 0 the original substance of the one, it is also the original substance of everything between heaven and earth. And it is also the great bright storehouse, the nature of the Treasury of the Thus Come One, that is, the Buddha nature. The Buddha nature is the 0.

One evening when I was walking down the road with a disciple, there was a little boy who asked his mother, “What has no beginning and no end?” The mother said, “I don’t know,” and the little boy replied, “A circle.” I asked him, “Why do you have the thought of a circle?” The child didn’t answer. The 0 represents the nature of the Treasury of the Thus Come One and everything which is generated and changes in the world: true emptiness and wonderful existence, wonderful existence and true emptiness. The 0 has no beginning and no end. If you want to destroy the 0, cut it and it will turn into a one. What is the one? Ignorance. The change into the one is the change into ignorance. When there is no one, the circle which has not been destroyed is the nature of the Treasury of the Thus Come One. When the circle is destroyed, it turns into ignorance. One is the beginning of ignorance. Didn’t I just say that the infinite is made from the one and the one is made from the infinite?

Đối với chữ "thủ (đầu)", chúng ta hãy phân tích thêm. Trên chữ đầu có hai điểm, nhưng nay tạm để qua một bên, không giảng ngay, mà chỉ giảng về chữ "tự". Tự tức là tự kỷ, nghĩa là phải tự chính mình tu đạo, không thể bảo người khác tu giúp mình. Không thể chỉ nói tu hành mà cắt đứt được sanh tử. Chư vị phải thật sự tạo đức, tự tu, tự lo lắng những việc quan trọng của mình. Trên chữ "tự" có một đường ngang, để dùng chỉ ? Mọi người trên thế gian đều chỉ có một lần sanh ra. Bắt đầu từ đâu ? Bắt đầu từ một. Có một thì sau này mới có hai. Có hai rồi lại có ba, có bốn, có năm, cho đến vô số trăm ngàn, muôn vạn v.v..., đều từ một mà phát xuất ra. Vì vậy, một là vô số, vô số là một. Nếu không có một thì không có vô số. Nếu không có vô số thì không có một. Tôi giảng như vậy thì cho dầu ai đi nữa cũng không có thể phản đối được. Tại sao ? Vì tôi biết rằng con số trong toán học bắt đầu bằng số một.

Một là vô số, vô số là nhiều. Hiện tại, chúng ta không phải một cũng không phải nhiều, không phải nhiều cũng không phải một. Tại sao biến đổi như thế ? Thật ra cũng không có biến đổi thành số một. Số một này cũng tượng trưng cho một vòng tròn, tiếng Anh là số không. Số không bao hàm xum la vạn tượng. Chân không và diệu hữu đều nằm trong số không. Số không này phát xuất từ đâu ? Nó là biến tướng của số một hay chữ nhất. Chữ nhất này vẽ cong thành một vòng tròn, uốn thẳng lại thành chữ nhất. Số không hay vòng tròn là bốn thể của chữ nhất, lại là bốn thể của tất cả vạn vật trên thế gian, cũng là tạng đại quang minh, tánh Như Lai tạng, và Phật tánh. Phật tánh cũng là chữ nhất và chữ o. Chữ o cũng đại biểu cho tất cả sanh sanh hóa hóa ở trên thế gian, tức chân không diệu hữu, diệu hữu và chân không. Chữ o này không có điểm khởi đầu, cũng không có điểm cuối.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

One little bit of affliction produces infinite afflictions. Infinite afflictions are generated from a single small bit of affliction. Why do you do so many mixed-up things? It is because of the one small bit of ignorance. All your confused deeds, so much confused activity, so much karma, so much affliction are produced from the one. Therefore, if you want to cultivate the Way, you must return the one to its original source and turn it into a 0. Only when you turn it into a 0 can you return to the original source, to the nature which is the Treasury of the Thus Come One, to true emptiness and to wonderful existence. That is what the one is about.

The two dots on the top of the character dao are one yin and one yang. The I Ching, the Book of Changes, says, “One yin and one yang are the Way.” “One-sided yin and one-sided yang are sickness.”[1] Perhaps there is pure yin which changes into a ghost or pure yang which changes into a god. Therefore, it is said, “Onesided yin and one-sided yang are sickness.” They are divided. The character yi, “one,” is divided to produce the two dots. Ignorance generates view-delusion and thought-delusion, so the two dots can also be said to be view-delusion and thought-delusion. I have just talked about cutting them off. The two dots, representing viewdelusion and thought-delusion, get together to produce countless, numberless delusions. And all of them are generated from the one.

Nếu phá chữ không này thì nó liền biến thành chữ nhất (gạch ngang). Gạch ngang (chữ nhất) là gì ? Tức là vô minh. Có một gạch ngang tức là có một phần vô minh. Khi không có gạch ngang thì đó là một vòng tròn. Khi vòng tròn đó không phá được thì đó là tánh tạng Như Lai. Chữ nhất (gạch ngang) là bắt nguồn của sự vô minh, nên bảo rằng một là nhiều, nhiều là một. Một điểm phiền não xuất sanh vô số phiền não. Vô số phiền não xuất sanh từ một điểm phiền não. Tại sao chư vị lại tạo bao việc vụng dại ? Chỉ vì một điểm vô minh. Tạo bao việc vụng dại tức là tạo bao nghiệp tội, mà phiền não cũng từ đó phát sanh ra. Vì thế, chư vị nếu muốn tu đạo thì phải uốn nắn chữ nhất (gạch ngang) thành chữ o, tức vòng tròn, phản bổn hoàn nguyên (xoay về cội gốc). Lúc đó, chư vị có thể xoay về tạng tánh Như Lai, đạt đến chân không diệu hữu.

Một chữ nhất có hai điểm. Hai điểm này là một âm và một dương. Kinh Dịch giảng một âm một dương chính là đạo. Thiếu âm thiếu dương gọi là bệnh. Thuần âm là quỷ. Thuần dương là thần, nên gọi thiếu âm, thiếu dương là bệnh. Lại phân tích rõ hai điểm đó. Từ vô minh phát sanh ra kiến hoặc và tư hoặc, nên gọi hai điểm đó là kiến hoặc và tư hoặc. Có kiến hoặc và tư hoặc rồi thì phát sanh ra vô lượng vô số hoặc. Bao phiền não đều từ chữ nhất này khởi lên.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

If you wish to return to the original source, turn the one into a 0 again. How? It's not very difficult. You need only work hard every day in cultivating the Way, in sitting in meditation and looking into dhyana, and then you can return to the origin; you can change into a 0, into the great bright treasury which is your original nature. Because you say, "I don't believe it," you are still in darkness. If you do believe it, then you can return to your great bright treasury. Because you don't believe in this dharma-door, day in and day out ignorance and affliction never leave you, and you change into what in the Chan School is called a "barrel of black energy." If you believe in this dharma-door, then you can return to your originally existent wisdom, return to the source, and attain to the great bright treasury. You can return to your own great, perfect mirror wisdom, to the wisdom whose nature is equality, to the wonderful investigative wisdom, and to the wisdom of successful performance.

I have just explained only a very little bit about the character dao – not even one ten-millionth. Were I to talk about it in detail, I am afraid that it would take a very long time, and I would not be able to finish. Why? Because it is so wonderful. The Great Master Chih-i, the Wise One, spoke for ninety days about the word "wonderful" (miao). If you were to speak clearly about the character dao, I'm afraid you couldn't finish talking about it in ninety years, not just ninety days. I am afraid that my lifespan in this lifetime will not be that long, so I can only say a little bit. Nevertheless, I will still say a little bit more about the character dao. The two dots, the one yin and one yang, can be written to form the character (ren , "person"). The Way is not in the heavens, nor is it in the hells, nor is it among animals or hungry ghosts. It is among people. Every person can cultivate the Way; every person can realize the Way; every person possesses the Way from the beginning. It is not obtained from outside. Your successful cultivation of the Way is simply the realization of the Way of the Buddha. Since you haven't yet cultivated the Way to realization, has your Way been lost? No, every person is a fulfillment of the Way.

Nếu muốn xoay về cội gốc thì phải uốn nắn chữ nhất này thành chữ o. Làm thế nào ? Không khó, chư vị chỉ việc dụng công tu hành hằng ngày, tham thiền đả tọa, thì mới uốn nắn chữ nhất thành chữ o, cũng biến thành tánh tạng đại quang minh. Chư vị bảo rằng không thể tin tưởng được những cảnh giới đó, chỉ vì tâm còn ám muội. Chư vị phải nên tin tưởng, thì mới hoàn phục được tánh tạng đại quang minh đó. Vì không tin pháp này nên mỗi ngày từ sáng đến tối không thể xa rời phiền não được. Vô minh phiền não nếu không thể xa rời, thì chư vị sẽ biến thành lóng tre đen, (là thuật ngữ của thiền tông). Một cây tre có nhiều lóng tre đen. Chư vị phải tin tưởng pháp này thì mới khôi phục lại trí huệ vốn có sẵn, xoay về lại cội gốc, đạt đến tánh tạng đại quang minh, cũng là đại viên cảnh trí, bình đẳng tánh trí, diệu quán sắc trí, thành sở hữu trí.

Tôi chỉ giảng một ít điểm trong muôn phần của chữ đạo. Nếu giảng tường tận vi tế thì sợ mất rất nhiều thời gian, vì chữ "đạo" này rất vi diệu, nên giảng hoài giảng mãi vẫn không hết. Đại sư Trí Giả giảng chữ "Diệu" trong kinh Pháp Hoa cả chín tuần. Giảng về chữ đạo, nếu nói tường tận rõ ràng thì không phải chỉ là chín mươi ngày mà cho đến chín mươi năm sợ vẫn chưa hết. Đời tôi ngắn ngủi nên chỉ giảng một vài điểm thôi.

Lại giảng thêm về chữ "đạo" này chút ít. Chúng ta vừa bàn ở trên về một âm một dương. Một âm một dương là chữ "nhân (người)". Tức bảo rằng đạo không phải ở trên trời hay ở dưới địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, mà là nơi con người. Mỗi người đều có thể tu đạo, không phải từ bên ngoài vào. Ai ai cũng có thể thành đạo được hết. Tu thành đạo này tức là thành Phật. Hiện tại chư vị chưa tu thành đạo, vậy đạo này có mất không ? Không có mất. Trong mình ai ai cũng có đầy đủ đạo này hết.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

If you are talking about the heavens, you can say that the sun and the moon are in the two dots. One dot is the sun, and one is the moon. Speaking of people, you can say that the two dots are the two eyes. Ultimately, it is necessary to use your wisdom-eye to cultivate the Way, it is necessary to have wisdom to return the one to the origin and change it into a 0. 0 is the nature of the Treasury of the Thus Come One; it is a great, bright treasury. It is the Buddha-nature you and I fulfill together. If you are able to return to that Buddha-nature, then in this very body you will immediately realize Buddhahood and will not have to wait to cultivate blessings and wisdom for three asamkhyeya kalpas and to develop hallmarks and minor characteristics for a hundred kalpas. You won't have to wait for such a long time, but can realize Buddhahood immediately. Why haven't you realized it? Because you don't know the Way; you haven't cultivated the Way; there was no one who taught you the Way. Therefore, until now you have been born and died, died and been reborn, birth and death, death then birth. Your turning back and forth in the revolving wheel of the six paths can also be said to be jumping into the 0.

Into what 0 do you jump? Into the 0 of the revolving of the six paths, which turns you back and forth. Suddenly you are in the heavens; suddenly you are back on earth; suddenly you are a hungry ghost; suddenly you are an animal; suddenly you are a god; suddenly you are in the hells; suddenly you are an asura; suddenly you are a person again. You revolve back and forth inside it, unable to jump out in order to keep from spinning around. If you can jump out, destroy the one, and return to the 0-rigin, then you will have returned to the great Treasury of the Thus Come One, which is your original ground, your originally existent homeland.

Each of the sufferings exerts pressure, and all attack together. This line of verse and the following one have already been explained. "Each of the sufferings" refers to the three kinds of suffering, the eight kinds of suffering, and all the infinite kinds of suffering. Each comes to oppress people, and they all attack together.

Hai điểm chính là từ trên trời, có thể nói là mặt trời và mặt trăng. Một điểm là mặt trời; một điểm là mặt trăng.

"Thị đạo ưng tu ngộ pháp không, (là đạo nên tu ngộ pháp không)".
Chư vị phải dùng mắt trí huệ để tu đạo. Người ngu si không thể tu đạo này. Có trí huệ thì mới tu được đạo này. Xoay về cội gốc tức là uốn chữ nhất (gạch ngang), thành chữ o (vòng tròn). Chữ o này chính là tạng tánh Như Lai, là tạng đại quang minh, là Phật tánh của chúng ta. Nếu có thể khôi phục lại Phật tánh tức là hiện đời thành Phật, không cần đợi trải qua ba a tăng kỳ kiếp mà tu phước huệ, trăm kiếp tu tướng hảo. Không cần đợi thời gian lâu xa như thế, mà tức khắc liền thành Phật. Vì sao chư vị vẫn chưa thành Phật ? Vì chư vị chưa biết "đạo" này, chưa tu đạo này, và không có ai dạy cho mình đạo này. Do đó, cho đến hôm nay, chư vị vẫn sanh rồi chết, chết rồi sanh, trong sáu cõi luân hồi, bị lưu chuyển tới chuyển lui. Chư vị chạy mãi trong sáu đường luân hồi thì chữ o (vòng tròn) liền biến mất. Lưu chuyển tới, lưu chuyển lui trong sáu đường luân hồi, đột nhiên sanh lên trời, đột nhiên sanh xuống đất, đột nhiên vào địa ngục, đột nhiên làm thú vật, chột tại thiên đường, chột xuống địa ngục, chột vào A Tu La, chột làm người. Bị lưu chuyển như thế, không thể thoát ra khỏi vòng luân hồi. Nếu thoát khỏi vòng luân hồi thì phá được chữ nhất này, xoay về cội gốc, đạt đến tạng quang minh Như Lai, chính là quê hương nhà cửa, đất đai của mình. Ai ai cũng tu đạo được. Có tu đạo thì mới ngộ nhân không pháp không, nhân pháp đều không, không còn chấp trước, nên bảo rằng khổ tập diệt đạo đều không.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Accumulating is feelings which beckon, each unlike the other. Whatever affliction you have beckons more of that affliction. Thus they accumulate.

Only through extinction can the ultimate joy be attained. Only through extinction can the ultimate happiness of Nirvana be attained.

Therefore this is the Way that should be practiced to awaken to the emptiness of dharmas. Everyone should cultivate this Way and awaken to the emptiness of both people and dharmas. You should not be attached. Therefore, the sutra says, no suffering, no accumulating, no extinction, no way. All must be emptied.

Through three turnings of the Four Truths, the Dharma wheel revolves. The three turnings of the Dharma wheel of the Four Truths have already been explained.

Seven shares in enlightenment, the eightfold upright Path, intention, mindfulness, and diligence. The thirty-seven categories of the Way are comprised of seven divisions: the seven shares in enlightenment (sometimes called the seven shares in Bodhi), the eightfold upright Path, the five faculties, the five powers, the four bases of psychic power, the four dwellings in mindfulness, and the four types of upright diligence.

The seven shares in enlightenment are:

- 1) Choosing a dharma;
- 2) Vigor;
- 3) Joy;
- 4) Rejecting;
- 5) Giving up;
- 6) Mindfulness;
- 7) Samadhi.

Your cultivation should be in accord with these seven dharmas.

"Tam chuyển tứ đế pháp luân vận, (ba lần chuyển xe pháp tứ đế)".

Ba lần chuyển bánh xe pháp tứ đế, bên trên tôi đã giảng rõ rồi. Chuyển vận bánh luân tức là xoay qua chuyển lại pháp môn tứ đế.

"Thất giác bát chánh ý niệm cần, (bảy phần giác, tám chánh đạo, ý niệm cần tu)".

Bảy giác tức là bảy phần giác chi, cũng gọi là bảy phần bồ đề. Tám chánh tức là tám chánh đạo. Bao trùm hết bảy giác chi, tám chánh đạo, năm căn, năm lực, bốn như ý túc, bốn chánh cần, hợp lại thành ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Bảy phần bồ đề là trạch pháp, tinh tấn, hỷ, trừ, xả, niệm, định giác phần. Tu hành y chiếu theo bảy phương pháp. Sao gọi là trạch pháp giác phần ? Trạch tức là tuyển trạch. Pháp tức là phương pháp. Giác là minh bạch, hiểu rõ, cũng là giác ngộ.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Choosing a dharma, the first share in enlightenment, means the choosing of a method. The Chinese word *jiao* , “enlightenment,” also means “understanding.” You should choose a method for cultivation. You should have the selective dharma-eye which knows right dharma and wrong dharma, good dharma and evil dharma, black dharma and white dharma. When you have the power of selection, you are incapable of taking right as wrong, black as white, and good as bad. Without the share in enlightenment for choosing a dharma, you pick the wrong method.

Once you pick a method, you must cultivate according to it. If you cultivate according to a dharma, then you should have vigor, the second share in enlightenment. Your vigor should be upright and not deviant. Upright vigor may refer to your sitting in meditation, or to your holding mantras, or studying the teachings, or maintaining the precepts, or cultivating patience – all the kinds of vigor which are a help to you. If you don’t have vigor, then today you sit in meditation and tomorrow you don’t; one day you maintain the precepts and the next day you don’t; today you cultivate patience and tomorrow you don’t. That is to lack the vigor share in enlightenment. If you have the vigor share in enlightenment, in the six periods of time, that is, in the three periods of the day and in the three periods of the night, you are constantly vigorous and never at rest.

Once you have vigor, you can obtain the dhyana bliss that is the share of enlightenment called joy. For instance, when you sit in meditation and develop a little spiritual skill, a little gong fu, you feel happier than you would be doing anything else. The attainment of that kind of happiness is the share of enlightenment called joy, a kind of clear, tranquil, and especially happy state which is attained in dhyana meditation.

Some experiences in meditation are real, but sometimes it is easy to “let the fire go so the demons can enter” – to become possessed and go crazy. That can happen when you get into a frame of mind in which you chase after experiences and get attached to them. You think to yourself, “Oh, what was that experience like?”

Đối với pháp tu hành, chư vị phải nên chọn lựa, tuyển trạch, tức là phải có trạch pháp nhãn (con mắt chọn lựa pháp), thì chư vị mới biết gì là pháp, gì là không phải pháp, gì là pháp thiện, gì là pháp ác, biết pháp trắng pháp đen, phải có sức chọn lựa tuyển trạch như thế. Không nên lấy đúng làm sai, lấy đen làm trắng, lấy lành làm ác. Nếu làm như thế thì không phải là trạch pháp giác phần. Sau khi chọn lựa, tuyển trạch xong, thì phải y theo pháp mà tu hành. Y pháp tu hành tức phải tinh tấn, nên giác phần thứ hai là tinh tấn. Chư vị phải chánh tinh tấn, chớ nên tà tinh tấn. Chánh tinh tấn tức là hoặc ngồi thiền, trì chú, học giáo điển, trì giới luật, tu nhẫn nhục, tất cả pháp đó đều phải tinh tấn. Nếu không tinh tấn như hôm nay ngồi thiền, ngày mai không ngồi, hôm nay trì giới ngày mai không trì giới, hôm nay tu hạnh nhẫn nhục ngày mai lại không tu, đó không phải là tinh tấn giác phần. Có tinh tấn giác phần tức là ngày đêm sáng tối sáu thời đều hằng tinh tấn. Sáng ba thời, tối ba thời đều tinh tấn không nghỉ ngơi.

Sau khi tinh tấn được rồi thì có thiền duyệt (vui trong thiền định). Thiền duyệt tức là hỷ giác phần. Ví như, khi ngồi thiền, công phu ngồi đến một giờ thì tự cảm giác an lạc, tự tại, vừa ý vô cùng; hút thuốc á phiện chỉ vui thích trong chốc lát, còn khi ấy làm bất cứ việc gì chư vị đều cảm giác an lạc vui thích hết cả. Đạt đến an lạc này, gọi là hỷ giác phần. Lại nữa, khi ngồi thiền, đạt đến cảnh giới khinh an thì tâm rất là an lạc.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

To always be thinking about how good it was is simply to be attached to it. Since you are attached, it is easy to become possessed and go crazy. The demon king comes to disturb you. If you don't have any attachments, the demon king can't do anything. If you are attached, then the demon king is in a good position. He makes appear whatever situation you are attached to. In response you should make use of the share of enlightenment for vigor and also the share of enlightenment for rejecting.

Rejecting, the fourth share in enlightenment, means to look deeply into every evil, illuminating and contemplating what is not right, and rejecting it, while, of course, keeping and protecting what is right.

What is not right is whatever you are attached to. You should get rid of attachment, too. Letting attachment go is the share of enlightenment called giving up. Letting go teaches you to give up both your false thinking and your attachments. If you don't give them up, you won't be able to attain samadhi and will not obtain the share of enlightenment called giving up.

If you give up your attachment of false thinking, you will be able to guard a vigorous mindfulness in every thought. This is the vigor mentioned above. You should never forget it, and in thought after thought you should be mindful of the here and now. And if you cultivate vigorously that way, you will attain the samadhi share of enlightenment.

[1] The general idea is that sickness is the result when the yin and yang of the body are not in balance.

Nhưng cảnh giới này có lúc thì sanh khởi giống như trên, có lúc thì dễ dàng sanh tẩu hỏa nhập ma. Tại sao tẩu hỏa nhập ma ? Khi sanh tâm chấp trước, tức truy cầu nắm giữ cảnh giới vừa thấy, thì ma vương liền nhập vào tâm. Nếu chư vị không chấp trước, thì ma vương không có cách nào để nhập vào. Chư vị nếu chấp vào cảnh giới nào thì ma liền hiện ra cảnh giới đó. Làm thế nào để giải ? Lúc đó phải dùng trừ giác phần. Trừ tức là thẩm tra, dò xét các ác giác quán. Phải tẩy trừ các ác giác quán, còn chánh giác quán thì phải bảo tồn.

Khi chư vị trừ bỏ chấp trước thì là xả giác phần. Xả này tức là xả bỏ vọng tưởng chấp trước. Nếu không thể xả bỏ vọng tưởng chấp trước thì không đắc được tam muội và đạt đến bảy phần bồ đề. Sau khi xả được vọng tưởng chấp trước thì bảo tồn được niệm tinh tấn, mà đã bàn ở bên trên. Chớ để quên mất, niệm này đeo đuổi niệm kia (niệm huyền tại huyền), niệm niệm không quên, tu tinh tấn. Tu tinh tấn thì sau này đắc được định giác phần, tức thuộc bảy bồ đề phần hay bảy giác phần.

Tám chánh đạo. Thứ nhất là chánh kiến. Kiến tức là ý kiến. Nơi ý niệm có một kiến (thấy). Kiến này phải nên chân chánh, nghĩa là kiến giải phải chánh xác.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Emptying the Four Truths (continuation)

The Eightfold Upright Path consists of the following:

1) Upright views. “Views” refers to your opinions. They have not yet become external; upright views are held in the mind. The meaning is that you should have a proper viewpoint. If your views are not upright, then it is easy to take a deviant road. If they are upright, then you take the right road. Which views are upright and which are deviant? An upright view would be: “I should study the Buddhadharma, because the Buddhadharma is upright.” What is a deviant view? For instance, you gamble or do whatever is enjoyable and leisurely, you are lazy or you harm people – these are all activities born of your deviant views. Therefore, upright views are very important.

2) Upright consideration. No sooner do your proper opinions come into being then you think, “Is it right or wrong?” An upright consideration would be: “I think that studying the Buddhadharma is the most genuine business of humanity, and there is nothing wrong with it.”

Perhaps you have deviant considerations: “I am afraid that this business of studying the Buddhadharma isn’t of any use. Now it is the scientific age. The Buddhadharma talks this way and that about teaching people to do good deeds and to be good people. Nowadays, who is a good person? There aren’t any. What everybody does is evil. I see that people commit all sorts of evil deeds, but at the same time these people have money to spend and liquor to drink.” Since they have everything, they think that studying the Buddhadharma is not that good, so they run off down a deviant road. If your consideration is upright, you won’t.

3) Upright speech. If you have upright thought, you are capable of upright speech. What you say doesn’t induce people to take deviant paths; it isn’t drunken or mad, but always very precise and correct. You make everybody listen and like to listen and like acting in accordance with what you say.

4) Upright occupation. Upright speech leads you to an upright occupation, which is to say, one which most people think is wholesome and not one which

Nếu không có chánh kiến thì dễ dàng lạc vào đường tà. Nếu kiến giải chân chánh thì đi được trên đường thẳng. Tại sao gọi là chánh kiến, tà kiến ? Nếu bảo rằng phải nên học Phật pháp. Phật pháp là chân chánh, phải nên học. Đó là chánh kiến. Nếu như học đánh cờ bạc, chơi bời, làm biếng, hại người, đó gọi là tà kiến. Vì vậy chánh kiến rất quan trọng.

Nếu có chánh kiến rồi thì có chánh tư duy. Có kiến giải rồi thì phải có suy nghĩ; suy nghĩ việc này việc nọ là đúng hay không đúng. Học Phật pháp là một công việc tối thượng nhất trên thế gian. Không sai trái tức là chánh tư duy. Tà tư duy nghĩa là khi học Phật pháp cho rằng không có lợi ích chi. Họ nghĩ : "Trong thời đại khoa học, Phật pháp giảng đến giảng lui chỉ khuyên người làm việc thiện, làm người tốt thôi. Hiện nay ai là người tốt ? Không có ai là người tốt hết, chỉ toàn là người xấu không thôi. Tôi thấy ông A kia, chuyên tạo việc xấu, mà lại có tiền, có rượu để uống, cái gì cũng có."

Suy nghĩ rằng học Phật pháp không có ích chi như thế, tức là tà kiến, đi trên đường tà. Nếu có chánh tư duy thì không lạc vào đường tà.

Có chánh tư duy thì kế tiếp là có chánh ngữ. Chánh ngữ tức là lời nói nào cũng đều chính xác, không nói lời say sưa, cáu tiết, không dẫn người lạc vào đường tà. Nói lời chân chánh, chánh xác, khiến ai ai cũng đều vui thích lắng nghe, vui thích làm theo.

Có chánh ngữ rồi thì có chánh nghiệp, tức tự tìm, hành nghề chân chánh. Ai ai cũng biết rõ nghề nghiệp chân chánh là gì, chớ nên làm những nghề nghiệp phạm pháp.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

is against the law.

5) Upright living. If your occupation is upright, then your lifestyle will be upright also.

6) Upright vigor. You should be vigorous in doing what is upright, not in doing what is improper.

7) Upright mindfulness.

8) Upright samadhi.

The Four Bases of Psychic Power are:

- 1) The desire-basis. This desire is wholesome, a hoping for good things.
- 2) The vigor-basis.
- 3) The mind-basis.
- 4) The volitional basis.

The Four Dwellings in Mindfulness concern body, feeling, mind, and dharmas:

- 1) Contemplate the body as impure.
- 2) Contemplate feeling as suffering.
- 3) Contemplate the mind as impermanent.
- 4) Contemplate dharmas as having no self.

The Four Types of Upright Diligence are:

- 1) Good roots which have not yet been grown are caused to grow.
- 2) Good roots already growing are caused to grow further.
- 3) Evil which has not yet been done is kept from being done.
- 4) Evil thoughts which have already been generated are cut off.

Thứ năm là chánh mạng. Có chánh nghiệp thì sanh mạng chân chánh.

Thứ sáu là chánh tinh tấn. Tạo chánh nghiệp thì phải nên tinh tấn. Chớ nên tinh tấn tạo những nghiệp bất chánh.

Thứ bảy là chánh niệm. Thứ tám là chánh định. Đó là tám chánh đạo.

Bốn như ý túc tức là dục như ý túc, tinh tấn như ý túc, niệm như ý túc, tư duy như ý túc. Bốn niệm xứ tức là thân, thọ, tâm, pháp. Quán thân bất tịnh. Quán thọ là khổ. Quán tâm vô thường. Quán pháp vô ngã. Bốn chánh cần là điều lành chưa sanh khiến cho sanh khởi, điều lành đã sanh khiến cho tăng trưởng. Đó là giảng về phương diện điều lành. Những điều ác chưa khiến cho không sanh khởi. Những điều ác đã sanh khởi khiến cho chúng đoạn diệt. Đó là nói về phương diện điều ác.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The Five Faculties are:

- 1) The faculty of faith.
- 2) The faculty of vigor.
- 3) The faculty of mindfulness.
- 4) The faculty of samadhi.
- 5) The faculty of wisdom.

Năm căn là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn. Năm căn này phát sinh ra năm lực. Tín có tín lực. Tấn có tấn lực. Niệm có niệm lực. Định có định lực. Huệ có huệ lực. Cộng năm căn năm lực lại thành mười. Bốn niệm xứ, bốn như ý túc, bảy phần bồ đề, tám chánh đạo cộng chung là ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

"Nhất đản quán thông thành thánh quả, (một lần quán thông thành thánh quả)".

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The Five Powers are:

- 1) Faith has the power of faith.
- 2) Vigor has the power of vigor.
- 3) Mindfulness has the power of mindfulness.
- 4) Samadhi has the power of samadhi.
- 5) Wisdom has the power of wisdom.

Together the five faculties, the five powers, the four types of upright diligence, the four dwellings in mindfulness, the four bases of psychic power, the seven shares in enlightenment, and the eightfold upright paths make the thirty-seven categories of the Way.

One day connect right through and ripen the fruit of sagehood. If you cultivate the thirty-seven categories of the Way, then one day you will “suddenly connect right through” and be certified as having attained the fruition of sagehood.

Partial truth with residue is just a conjured city. You shouldn't dwell in the kind of nirvana which is a one-sided truth and has residue. That nirvana is a city which has been conjured up; it is not a genuine city. When your attainment of that kind of non-ultimate nirvana has been certified, you must still go forward and cultivate.

Chư vị tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, thì một ngày nào đó sẽ đột nhiên quán thông, minh bạch, hiểu rõ. Lúc ấy, chư vị chứng được quả thánh.

"Thiên chân hữu dư nãi hoá thành, (lệch chân hữu dư nãi hóa thành)".

Chư vị chớ nghiêng trụ tại niết bàn hữu dư, thiên chân hữu dư niết bàn chính là hóa thành, nghĩa là thành này do biến hóa mà có, không phải là thật. Đạt đến thiên chân hữu dư niết bàn, tức là không phải niết bàn cứu cánh, nên phải còn tu thêm nữa.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

No Understanding and No Attaining

Sutra:

And no understanding and no attaining.

Verse:

The Storehouse-Teaching Bodhisattva: six phenomenal paramitas.

The Perfect cultivates to the point of wonderful enlightenment, where noumenon is suddenly clarified.

Without any wisdom, he destroys attachment and empties every characteristic;

Without attainment, he has no verification and comprehends the fusion of dharmas.

He makes a jeweled realm appear on the tip of a single hair.

And he turns the Dharma wheel while sitting on a speck of dust.

These words are spoken, yet few have faith;

I do not know how many know my sound.

Commentary:

Understanding means wisdom. Attaining refers to certification to the attainment of a particular fruition of enlightenment. When you reach this state, you do not want wisdom, and you do not have a fruition which is verified. There isn't any hope at all. Most people who study the Buddhadharma suppose that they should first study wisdom, and that only after they have learned to be wise will they realize the fruition of Buddhahood. This sutra says that the wisdom of prajna does not exist. There isn't any attainment either. All is empty. It isn't that there isn't any wisdom or attainment; but there isn't any attachment to wisdom, and there isn't any attachment to the place one has attained.

The Bodhisattvas of the Storehouse or Tripitaka Teaching practice the dharma-doors of having wisdom and having attainment. These dharma-doors are called the phenomenal paramitas. Thus the verse says, The Storehouse-

By Tripitaka master Hsuan-Hua 114

"Vô trí diệt vô đắc, (không trí cũng không đắc)".

"Tạng giáo Bồ tát sự lục độ
Viên tu diệu giác lý đốn minh
Vô trí phá chấp không chư tướng
Bất đắc phi chứng liễu pháp dung
Ư nhất mao đoan hiện bảo sát
Tọa vi trần biểu chuyển pháp luân
Thử ngôn thuyết xuất tiên thành tín
Vị tất tri âm hữu cơ nhân

Dịch :

Tạng giáo Bồ Tát hành sáu độ
Tròn tu diệu giác lý rõ ràng
Vô trí phá chấp không các tướng
Không đắc không chứng rõ pháp dung
Nơi một đầu lông hiện bảo tòa
Ngồi trên hạt bụi chuyển pháp luân
Lời nói ra người liền tin ngay
Nào hay tri âm có mấy ai".

Không trí cũng không đắc. Trí là trí huệ. Đắc là chứng đắc quả vị. Đạt đến cảnh giới đó, trí huệ cũng không cần, quả vị chứng đắc cũng không có, hy vọng điều gì cũng không có. Chúng ta học Phật pháp, đều muốn đạt được trí huệ; có trí huệ rồi thì chứng đắc được quả vị Phật. Nay trí bát nhã cũng không có, muốn đắc được Phật quả cũng không thể đắc. Đây là lạc vào không à ? Không phải vậy. Chẳng đạt được trí huệ, chẳng chứng đắc được tức là trí huệ không chấp trước. Không có chấp trước rằng mình có chỗ chứng đắc.
"Tạng giáo Bồ Tát sự lục độ, (tạng giáo Bồ Tát hành sáu độ)".

Tạng giáo Bồ Tát tức là ba tạng kinh điển giáo huấn Bồ Tát. Pháp tu hành của Bồ Tát là pháp môn có trí huệ, có chứng đắc. Hành sáu pháp ba la mật tức có chấp trước. Chấp chúng sanh có thể độ được, tức là có trí huệ. Chấp trước Phật đạo có thể thành được, tức là có chứng đắc.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Teaching Bodhisattva: six phenomenal paramitas.

There are six phenomenal paramitas and six noumenal paramitas. The six noumenal paramitas have no phenomenal characteristics and are without attachment to anything. On the other hand, the six phenomenal paramitas entail attachments. To what? There is attachment to living beings who can be saved and to the Way of the Buddha, which can be realized. To be attached to living beings who can be saved is to have wisdom. To be attached to the Buddha-fruit which can be realized is to have attainment. Now the sutra says, and no understanding and no attaining, which indicates that there is no longer an attachment to the six phenomenal paramitas.

Sao gọi là làm sáu độ ? Sáu độ tức là hành bố thí thì cứu độ tham lam. Phải hành bố thí thì mới không còn tham lam. Một lần bố thí thì là một lần dẹp bỏ tham lam. Trì giới thì độ hủy phạm. Chư vị trì giới thì tâm được thanh tịnh, như ánh sáng tinh khiết trong sạch của hạt minh châu. Trì giới thì không có ô nhiễm. Ô nhiễm thì dơ bẩn, không tinh khiết, không trong sạch. Không trì giới giống như tờ giấy trắng bị lấm mực đen, càng lấm chừng nào thì càng đen chừng đó. Chư vị trì giới tức phải như tờ giấy, xưa nay vốn đã trắng sạch. Nhẫn nhục độ sân hận. Chư vị tu nhẫn nhục thì không có nóng giận. Nếu có nóng giận thì không có nhẫn nhục. Chư vị tu nhẫn nhục thì sân hận sẽ không còn.

Tinh tấn độ giải đãi, làm biếng. Phải nên tinh tấn hằng ngày, luôn luôn tinh tấn, dũng mãnh tinh tấn. tinh tấn thì không có giải đãi làm biếng. Thiền định độ tán loạn. Ngồi thiền hồi lâu thì có công phu tức là định trụ. Có định lực rồi thì không có tán loạn.

Bát nhã độ ngu si. Bát nhã khiến dẹp trừ ngu si.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The six phenomenal paramitas are:

1) Giving, which crosses you beyond miserliness and greed. If you cultivate the paramita of giving, you will not be miserly and greedy. If you are miserly and greedy, you will not give. As soon as you give, you cross beyond the mind of miserly greed.

2) Maintaining the precepts, which crosses you beyond defilement and damaging transgressions. When you cultivate and maintain the precepts, you become extremely pure and clear, like a bright pearl. To maintain the precepts is to be without defilement. No Understanding and No Attaining 121 If you do not maintain the precepts, you will become dark and dirty from your defilements. Maintaining precepts crosses you beyond defilements. If you do not maintain the precepts, you will become a white piece of paper smudged with black ink: the more stain, the blacker. If you maintain the precepts, the white piece of paper retains the original purity.

3) Patience under insult, which crosses you beyond anger. If you cultivate patience, you won't have any temper. If you have a temper, then you don't have patience.

4) Vigor, which crosses you beyond laziness. You should be vigorous and courageous every day. To the extent that you are vigorous, you won't be lazy.

5) Dhyana samadhi, which crosses you beyond distraction. If you wish to cultivate dhyana samadhi, you must first sit for a long time until you acquire the ability to enter samadhi. When you have entered samadhi, you will no longer be distracted; you will have samadhi-power.

6) Prajna, which crosses you beyond stupidity.

The Chinese character du , “to cross beyond” or “to take across,” that is, to save, is used to translate “paramita,” but the crossing beyond refers to the six phenomenal paramitas, not to the noumenal ones. The six phenomenal paramitas have perceptible characteristics which can be ascertained in one's behavior. For instance, though you are generous and not miserly, you are still

Đây là sáu độ, cũng là sáu sự tướng có thể thấy, có hình tướng nên biểu hiện được. Ví như bố thí thì không còn tham lam. A ! Vẫn còn chấp trước là nhờ bố thí mà không còn tham lam. Vì vậy, bảo rằng sáu độ tức là tạng giáo chư Bồ Tát phải nên tu.

"Viên tu diệu giác lý đồn minh, (tròn tu diệu giác lý rõ ràng)".

Viên giáo Bồ Tát tu hành sáu độ. Viên giáo Bồ Tát tức là Diệu Giác Bồ Tát. Biệt giáo Bồ Tát cũng tu hành sáu độ. Sáu độ chỉ có lý, không có sự tướng, không có chấp trước. Gọi lý đồn minh (lý lẽ chỉ rõ minh bạch), nghĩa là tức khắc minh bạch, hiểu rõ đạo lý bố thí mà chưa từng bố thí, hành sáu độ mà chưa từng hành, vốn không chấp trước vào sự của sáu độ. Không chấp trước vào chi hết, nên gọi là không trí cũng không đắc.

Lý sáu độ có nhiều loại. Tu theo viên giáo không tạo sáu độ, làm bất cứ việc gì cũng không chấp trước, tạo việc gì ra cũng như không tạo. Tuy nhiên, chưa tạo việc thì không thể nói đã tạo việc. Nói thí mà chưa thí. "Tôi chưa bố thí mà cũng như đã bố thí".

Không thể nói như thế được. Chỉ có bố thí rồi thì mới nói rằng chưa có bố thí, mà không thể bảo rằng chưa bố thí cũng là đã bố thí.

"Vô trí phá chấp không chư tướng, (vô trí phá chấp không các tướng)".

Vô trí phá chấp tức là phá chấp trước về những phần còn lại của bát nhã. Không chư tướng tức là tất cả tướng đều là không. Mọi tướng đều là không, nên bảo rằng vô trí cũng vô đắc.

"Bất đắc phi chứng liễu pháp dung, (không đắc không chứng rõ pháp dung)".

Bất đắc tức là không có chi để chứng đắc, cũng là không chấp trước vào chứng đắc quả vị Phật. Trên, không Phật đạo có thể thành. Dưới, không chúng sanh có thể độ. Chẳng phải nói rằng không chúng sanh có thể độ, nhưng là độ mà chưa từng thấy có độ. Tuy diệt độ hết tất cả chúng sanh mà thật không có chúng sanh nào được diệt độ hết.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

attached to the thought, “Oh, I can give and am not miserly.” If you practiced the six noumenal paramitas, your giving would be the same as your not having given. You shouldn’t be attached.

The six noumenal paramitas are characterized by there being no attachment anywhere. There are many different levels of the six paramitas; for instance, the non-doing of the six paramitas, which is cultivated by the perfectly enlightened. Basically there is no attachment whatever to what is done; it is equivalent to not having done anything. You say, “When I haven’t done something, then, can I say that I have done it? If you can say that my giving is like non-giving, then can we say that non-giving is like giving?” If you give, it is all right to think that it is like not having given, but you cannot say that your not having given is equivalent to your having given.

The Perfect cultivates to the point of wonderful enlightenment, where noumenon is suddenly clarified. The Bodhisattvas of the Perfect Teaching, who are just the same as the wonderful enlightenment Bodhisattvas, cultivate the six noumenal paramitas, along with the Bodhisattvas of the special teaching. They completely understand that giving is the same as not giving and that crossing beyond is the same as not crossing beyond. Therefore, the sutra says, and no understanding and no attaining.

Attachment to the six phenomenal paramitas fundamentally does not exist, so the verse says, Without any wisdom, he destroys attachment and empties every characteristic. There had been an attachment to prajna, but now all characteristics have been emptied. Therefore, the sutra says, and no understanding and no attaining.

Without attaining, he has no verification and comprehends the fusion of all dharmas. There is no attainment to be reached, and there is no attachment to the verification of the fruition of Buddhahood. In other words,

Above, there is no Buddha Way
which can be realized.

Below, there are no living beings
who can be taken across.

Chẳng phải là không chúng sanh đã được độ, mà là không có chấp trước. Không nên chấp trước vào trí huệ và chứng đắc. Không này cũng chính là đại viên cảnh trí, mà trong đó không có chấp trước nào hết, nên liễu đạt pháp dung.

"Ư' nhất mao đoan hiện bảo sát, (nơi một đầu lông hiện bảo tòa)".
Chứng đắc được cảnh giới này rồi thì chỉ vừa ngồi xuống liền xuất hiện một tòa bảo vương. Trong tiểu hiện đại.

"Tọa vi trần biểu chuyển pháp luân, (ngồi trên hạt bụi chuyển pháp luân)".
Ngồi trên hạt bụi mà chuyển đại pháp luân. Đó là đạo lý trong kinh Thủ Lăng Nghiêm.

"Thử ngôn thuyết xuất tiên thành tín, (lời nói ra người liền tin tưởng)".
Lời này vừa nói ra thì ít nhiều người đều tin tưởng.
"Vi tất tri âm hữu cơ nhân, (nào hay tri âm có mấy ai)".
Một vài người tin tưởng rồi thì không biết có bao nhiêu người tri âm (nhớ tưởng), lại cũng không có bao nhiêu người hiểu rõ đạo lý.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

That is not to say that there aren't any living beings to take across. But, although they are taken across, they are not taken across. "Although all living beings have been taken across to extinction, there is not a single living being who has been taken across to extinction." It isn't that there aren't living beings to be taken across, but that there is no attachment. There is no understanding or attaining. This enlightenment is the great, perfect mirror wisdom, in which there is no attachment at all. Thus the verse says, he "comprehends the fusion of dharmas."

He makes a jeweled realm appear on the tip of a single hair. When there has been certification to the attainment of such a state, the King's jeweled realm can appear on the tip of a single hair. That is the great manifesting within the small.

And he turns the Dharma wheel while sitting on a speck of dust. This is the doctrine of the Shurangama Sutra.

These words are spoken, yet few have faith; I do not know how many know my sound.[1] There are very few people who believe, so I don't know how many people there are who "know the sound," that is who understand these principles. The Venerable High Master Hsu Yun said, "I have gone everywhere within the boundaries of the heavens in search of someone who knows 'me', but I still don't know if anyone knows my sound." Someone who knows "me" is a friend who knows "himself." The one who knows my sound knows the meaning of what I say. If no one knows my sound, then no matter what I say, nobody understands it. People who understand the principle of what has been said are said to know my sound.

Hư Vân lão hòa thượng bảo :

"Tẩu biến thiên nhai tầm tri kỷ
Vị tri nhược cá thị tri âm".

Dịch :

"Lên tận cõi trời tìm tri kỷ
Vẫn chưa biết được kẻ tri âm".

Thiên nhai tức là cõi trời. Tri kỷ tức là bạn thân của mình. Lên tận cõi trời tìm tri kỷ, mà không biết ai là người tri âm. Sao gọi là tri âm ? Tức là hiểu được ý phát xuất từ lời nói của mình. Không có tri âm, tức là mình có nói ra lời gì nhưng không có ai hiểu hết. Có người hiểu lời mình tức là có người tri âm. Chư vị bảo : " Pháp sư ! Ngài giảng con đều hiểu cả. Ngài là người bạn tri âm của con. Ngài thuyết mà con không hiểu rõ, nên không phải là người tri âm. Ngài thuyết, con không hiểu và lại hiểu, con tri âm và lại không tri âm".

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

You say, “Dharma Master, I understand what you are saying.” Then you know my sound. If you say that you don’t understand, then you don’t know my sound. If you say, “I understand, yet do not understand,” then you know my sound, yet do not. Whether my sound is known or not, I shall still recite these verses and talk about their principles. Whoever cultivates according to them knows my sound. Whoever is not in accord with their principles, and does not cultivate, either, does not know my sound. Whether you know my sound or not is simply whether you believe or not. If you believe in the principles I have talked about, you are one who knows my sound. If you don’t, then you are not one who knows my sound. What principles am I talking about?

“He makes a jeweled realm appear on the tip of a single hair.” On the tip of a tiny hair is manifest a Buddha-country, a country where the Buddha proclaims Dharma to teach and transform living beings. “And he turns the Dharma wheel while sitting on a speck of dust.” Seated upon an extremely small speck of dust – how small is it? You turn the great Dharma wheel to teach and transform living beings. In this kind of state, the large appears within the small. If you understand that state, you are one who knows my sound. If you don’t understand, then you should study the Buddhadharma. Study until you too can sit on a speck of dust and turn the Dharma wheel. Then you will understand.

[1] The term zhi yin, “one who knows my sound,” is usually reserved for a very close friend who deeply understands one.

Tri âm và không tri âm xuất phát từ đâu ? Tôi thuyết một bài kệ, ai y chiếu theo đó mà tu hành thì người đó là tri âm. Ai không y chiếu theo đó mà tu hành thì không phải là tri âm. Tin lời tôi nói đạo lý tức là tri âm, còn ngược lại thì không phải là tri âm. Đạo lý gì ? Nơi một cọng lông, ngồi xuống liền hiện bảo sát. Ngồi trên hạt bụi, chuyển đại pháp luân. Ngồi trên một cọng lông, xuất hiện các cõi Phật. Bảo vương sát tức là cõi nước mà Phật thường giáo hóa chúng sanh. Ngồi trên hạt bụi mà chuyển đại pháp luân, giáo hóa chúng sanh. Cảnh giới này là trong tiểu mà hiển đại. Chư vị nếu hiểu rõ cảnh giới này thì là tri âm. Chư vị không hiểu rõ nhưng lại muốn tu hành. Đợi khi chư vị ngồi trên hạt bụi mà chuyển pháp luân thì liền hiểu rõ.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The Meaning of Bodhisattva

Sutra:

Because nothing is attained, the Bodhisattva, through reliance on prajna paramita, is unimpeded in his mind.

Verse:

There is no cultivation, verification, or attainment.
What has characteristics and is conditioned has a time of demise,
And Bodhisattvas, in becoming enlightened to this truth,
Trust to prajna, and became even with the other shore.
The mind without impediments leaves the retribution-obstacle behind;
A nature totally, truly empty puts an end to words and thoughts.
I send these words to those of future worth: seek it in yourself;
A head piled on top of a head is the height of stupidity.

Commentary:

When the sutra says, and no understanding and no attaining, “no understanding” means not having the wisdom-paramita of the six phenomenal paramitas of the Storehouse-Teaching Bodhisattva, while “no attaining” means no attainment of the nirvana with residue of the two vehicles.

Because nothing is attained: no-attainment is this sutra’s purpose and intent. The beneficial function of the Prajna Paramita Sutra is the eradication of your attachments, so that your mind has no attachment to attainment and no attachment to verification of the fruition. You should verify, yet not verify; not verify, yet verify. What is meant by verifying, yet not verifying? Although you are certified as having attained the fruition, you shouldn’t be attached to having attained it. That is genuine attainment of ultimate nirvana. This is why no-attainment is the sutra’s purpose and intent.

"Dĩ vô sở đắc cố, bồ đề tát đỏa y bát nhã ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, (lại không có chứng đắc. Bạc bồ đề tát đỏa, y theo bát nhã ba la mật đa nên tâm không quái ngại)".

"Vô tu vô chứng vô sở đắc
Hữu tướng hữu vi hữu tận thời
Bồ đề tát đỏa ngộ kỳ lý
Y cứ bát nhã bỉ ngạn tề
Tâm vô quái ngại nan báo chướng
Duy cụ chân không nê âm tư
Kỳ ngữ lai hiền cầu chư kỷ
Đầu thượng an đầu tối ngu si

Dịch :

Không tu không chứng không chỗ đắc
Có tướng có làm có thời hạn
Bồ đề tát đỏa ngộ lý này
Y cứ bát nhã đến bờ giác
Tâm không quái ngại, rời báo chướng
Chỉ có chân không tuyệt ngôn ngữ
Nhắc kẻ hiền sĩ cầu tri kỷ
Đầu đặt trên đầu thật ngu si".

Đoạn văn trên giảng về không trí huệ cũng không chứng đắc. Không trí tức là không có trí huệ của tạng giáo Bồ Tát hành lục độ. Không đắc tức là không chứng đắc niết bàn hữu dư của người nhị thừa.

Lại không có chỗ chứng đắc. Không chỗ chứng đắc là tông chỉ của bộ kinh này. Tông chỉ của tâm kinh bát nhã ba la mật đa là gì ? Tức là phá trừ chấp trước, khiến tâm chư vị không chấp trước vào chỗ chứng đắc. Tuy chứng mà không chứng, không chứng mà chứng. Sao gọi chứng mà không chứng ? Chư vị chứng đắc quả vị thánh mà không chấp trước mình chứng quả, vì thế mới có thể chứng đắc cứu cánh niết bàn chân chánh. Thế nên không chỗ chứng đắc là tông chỉ của kinh này.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The Bodhisattva, through reliance on prajna paramita, is unimpeded in his mind. In order to cultivate, he relies on the deep wisdom of the prajna paramita dharma. What is obtained through cultivation is an unimpeded mind. We cannot be at ease because we have impediments. If you have no impediments, you can be at ease.

Is unimpeded means that the retribution-obstacle has been eradicated through the use of no-attainment. That is the kind of power this sutra has. No-attainment is this sutra's purpose and intent, and eradicating the three obstacles is its beneficial function.

Because nothing is attained, the Bodhisattva, through reliance on prajna paramita, on the dharma-door of profound prajna, brings about the eradication of the retribution-obstacle, which is to say that he is unimpeded in his mind.

The three obstacles are the retribution-obstacle, the activityobstacle, and the affliction-obstacle, as I explained above. If you have impediments, you cannot destroy the retribution-obstacle. To be unimpeded is to attain the state where both people and dharmas are empty.

The verse says, There is no cultivation, verification, or attainment. At this level there is no cultivation, because you have finished cultivating; there is nothing to verify, because you have already obtained verification. "What there was to be done is already finished, so you undergo no further existence." Everything that you were supposed to do is done. Because the great matter is all completed, the verse says, "no verification or attainment." No cultivation and no verification means that although one is unable to have a place of attainment, there isn't anywhere to attain to. If you were to have a place of attainment, then you would have a place of attachment. Therefore, the verse continues, What has characteristics and is conditioned has a time of demise. If you are attached to the characteristics of conditioned dharmas, there will be a time of demise, since you cannot be without a time of demise forever. If you don't want there to be a demise, there must be "no cultivation, verification, or attainment." You will be unimpeded at the point when you have nothing whatever that is attained.

Bồ đề tát đỏa y chiếu theo bát nhã ba la mật đa nên tâm không quái ngại. Bồ đề tát đỏa tức là Bồ Tát. Ngài y chiếu theo bát nhã ba la mật đa, tức là pháp trí huệ thâm sâu mà tu hành. Tu hành đắc được gì ? Đắc được tâm không quái ngại. Tâm chúng ta không thể đạt đến chỗ tự tại, vì còn có chỗ quái ngại. Không còn quái ngại thì đạt được tự tại. Không quái ngại này trừ được báo chướng, cũng là dùng không chỗ chứng đắc mà phá trừ ba chướng. Vì vậy phá trừ ba chướng là lực dụng của bài kinh này. Ba chướng tức là báo chướng, nghiệp chướng, phiền não chướng. Nếu tâm còn có chỗ quái ngại thì không thể phá trừ báo chướng. Không quái ngại nghĩa là gì ? Tức là đạt đến nhân không, pháp không. Chứng đến cảnh giới người và pháp đều là không.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

And Bodhisattvas, in becoming enlightened to this truth, Trust to prajna, and become even with the other shore. What is the meaning of the word “Bodhisattva?” Bodhi means “enlightenment,” and sattva means “sentient being.” The Bodhisattva is one who causes all beings to become enlightened. The term “sentient beings” refers to everything with blood and breath – not only people, but all creatures with a span of life. Those without a span of life are called non-sentient beings. To enlighten sentient beings is to cause all sentient beings to attain an enlightenment the same as one has attained oneself. Not only can one recite the Shurangama Mantra oneself, but one wants others to be able to recite it also. It isn’t to say, “I’m the only one who can recite it. I don’t like other people to be able to recite it, because my being the only one shows that I am not the same as other people.” It isn’t that way. If you achieve some benefit, then you like other people to have it too. “I listen to sutras myself and gain the benefits of listening to sutras. Because I understand the principles of being a person and of studying the Buddhadharma, I also urge all my friends and relatives to come and listen to the Buddhadharma and to study it, so that all obtain equal benefit.” That is what is meant by enlightening sentient beings.

"Vô tu vô chứng vô sở đắc, (không tu không chứng không chỗ chứng đắc)".
Không tu là gì ? Nghĩa là đã tu hành xong rồi. Không có chỗ chứng đắc, tại sao ? Vì đã chứng đắc, đã từng hành rồi, sau này không còn phải thọ nhận nữa. Những việc nên làm đã làm xong. Việc lớn đã hoàn thành nên gọi là không chứng đắc. Không tu không chứng đắc có phải là có chỗ chứng đắc không ? Cũng là không chỗ chứng đắc. Nếu còn một chỗ chứng đắc nào thì vẫn còn chấp trước.

"Hữu tướng hữu vi hữu tận thời, (có tướng có làm có thời hạn)".
Nếu chư vị chấp trên hình tướng, hoặc chỉ nhìn trên pháp hữu vi, đều là thời gian có cùng tận, mãi không thể vô tận. Chư vị phải nghĩ về cái vô tận, nên không tu, không chứng không chỗ đắc. Chư vị làm việc gì cũng không có chỗ chứng đắc, khi ấy chính là không có chỗ quái ngại.

"Bồ Đề Tát Đỏa ngộ kỳ lý, (Bồ Đề Tát Đỏa ngộ lý này)".
Sao gọi là Bồ Đề Tát Đỏa ? Người Tàu gọi là Bồ Tát, nói cho đủ là Bồ Đề Tát Đỏa. Đó là phiên dịch từ chữ Phạ ra chữ Tàu. Bồ Đề tức là giác. Tát Đỏa tức là loài hữu tình. Sao gọi là giác hữu tình ? Tức là giác ngộ cho các loài hữu tình.

Sao gọi là hữu tình ? Những loài có khí huyết gọi là hữu tình. Loài hữu tình này không chỉ đơn giản nói về loài người thôi, mà bao quát chung cho tất cả loài vật có sanh mạng. Giác ngộ hữu tình tức là giác ngộ tất cả loài hữu tình, khiến cho mọi loài hữu tình đều được giác ngộ, tức chính họ tự giác ngộ. Ví như mình đang tụng chú Lăng Nghiêm, cũng muốn người khác biết tụng chú Lăng Nghiêm như mình. Không phải chỉ tự mình biết tụng là đủ rồi, vì đó biểu thị mình và người không đồng, không nên làm như thế. Mình có đạt được lợi ích gì thì cũng đều vui vẻ khiến cho người khác đạt được lợi ích đồng như mình. "Tôi nghe được vài điểm hay trong kinh. Tôi hiểu đạo lý làm người, lý lẽ học Phật pháp. Tôi cũng khuyên bạn bè, bà con quyến thuộc đến nghe kinh thuyết pháp. Mọi người đồng đạt lợi ích như nhau. "

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

There is another way to talk about it. That is, the Bodhisattva is an enlightened one among sentient beings. What is a Bodhisattva basically? He is just a living being with sentience; nonetheless, he is one among living beings who has attained enlightenment. And now he wants to enlighten all sentient beings. That is the meaning of Bodhisattva.

There are Bodhisattvas of the connecting teaching and Bodhisattvas of the special teaching. There is a kind of Bodhisattva for each of the four teachings[1] – the storehouse, the connecting, the special, and the perfect. If the measure of your mind is fairly large, you are a Bodhisattva of the connecting teaching. If the measure of your mind has grown so that you are like Samantabhadra Bodhisattva or Avalokiteshvara Bodhisattva or Earth Store Bodhisattva or Manjushri Bodhisattva, you are a Bodhisattva of the perfect teaching. If you are just a little short of perfect, then you are a Bodhisattva of the special teaching. There are also ten grounds of Bodhisattvahood: there is the Bodhisattva of the first ground, the Bodhisattva of the second ground, the Bodhisattva of the third ground, and so forth to the tenth ground[2]. There are myriad distinctions among the Bodhisattvas, just as there are various classes among people. In short, the Bodhisattva is enlightened to the truth of the Way of no-attachment and to the dharma of the unimpeded mind, and he therefore understands these principles.

Bodhisattva is an extremely spiritual and holy name. Chinese people say pu sa, which is a simplified form of address, a shortened form of the Chinese transliteration pu ti sa tuo. Some people claim they are Bodhisattvas, although they are not. Some people who are Bodhisattvas will not admit it. You see, it is very strange: those who are not Bodhisattvas say they are, while those who are don't say so. Ultimately, whether you say so or not, those who aren't, aren't, and those who are, are. So there is no need to say so. Bodhisattvas don't advertise themselves in the newspaper saying, "Do you recognize me? I am a Bodhisattva." It isn't like that.

How is it then? A Bodhisattva must have the Bodhisattva mind; he must cultivate the Bodhisattva practices and do what a Bodhisattva does. It isn't a matter of merely saying, "I am a Bodhisattva." If you talk that way, then you are nothing but a demon-obstructed ghost. You are just like those deviant

Giác ngộ hữu tình lại còn một nghĩa là trong loài hữu tình có bậc giác ngộ. Bồ Tát xuất phát là từ đâu ? Cội gốc của Bồ Tát là từ chúng sanh hữu tình, nhưng đã giác ngộ. Ngài là bậc giác ngộ từ trong loài hữu tình. Vì Ngài từ nơi chúng sanh mà đạt đến giác ngộ, nên nay Ngài phải giác ngộ lại tất cả chúng sanh. Đó là ý nghĩa của chữ Bồ Tát. Bồ Tát lại có tạng giáo Bồ Tát, thông giáo Bồ Tát, biệt giáo Bồ Tát, viên giáo Bồ Tát. Đây đủ bốn giáo tạng, thông, biệt, viên, chính là Bồ Tát. Tâm lượng chư vị nhỏ thì là tạng giáo Bồ Tát. Tâm lượng lớn chút ít là thông giáo Bồ Tát. Tâm lượng lớn thêm chút nữa là biệt Bồ Tát. Chư bồ tát Phổ Hiền, Văn Thù, Địa Tạng, Quán Thế Âm đều là viên giáo Bồ Tát. So với viên giáo Bồ Tát, chư vị nếu hơi khác chút ít thì là biệt giáo Bồ Tát. Lại có thập địa Bồ Tát. Bồ Tát địa thứ nhất, Bồ Tát địa thứ hai, Bồ Tát địa thứ ba, cho đến Bồ Tát địa thứ mười. Có rất nhiều loại Bồ Tát, thiên sai vạn biệt, giống như chúng ta, mỗi người đều có bằng cấp khác nhau. Tổng quát, Bồ Tát giác ngộ là luôn thuyết đạo lý không chỗ chứng đắc. Các Ngài hiểu rõ tâm không bị bao loại pháp làm quái ngại (chướng ngại).

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

gods outside the Way who through automatic writing impersonate others by saying, “I am Guan-di Gong[3].” What are they really? They are just small ghosts, or not even small ghosts; they are merely conjured up by animals with deviant knowledge and views, like the yellow-skinned weasel[4], which impersonates this or that god. Genuine Bodhisattvas don’t need to say, “Look at me. I am a Bodhisattva.” For example, when the President travels, he doesn’t need to introduce himself: “I am the President of the United States. Do you know me?” Everyone already knows him. “Here comes Mr. Soand- So, the President of the United States.” So it isn’t necessary to put advertisements in the paper saying, “I am a Bodhisattva.” If you are a Bodhisattva or if you aren’t, people will recognize you for what you are.

What proof do Bodhisattvas have? I’ll tell you. Bodhisattvas have ended the two kinds of birth and death. The birth and death of the delimited segment does not exist, and the birth and death of the fluctuations has also been ended. The birth and death of the fluctuations is simply thought: a thought is produced and a thought is destroyed. In samadhi, the thoughts are not produced and destroyed, and so it is said, “The Naga[5] is eternally in samadhi,” which means that the birth and death of the delimited segment and of the fluctuations have been ended. That is to be a real, actual, genuine Bodhisattva. But you don’t recognize him. The wonderful is right here. You cannot recognize a true Bodhisattva. If you recognize a true Bodhisattva, you are a Bodhisattva too.

"Y cứ bát nhã bỉ ngạn tề, (y cứ bát nhã đến bờ giác)".

Tâm không có quái ngại thì xa rời được báo chướng. Thân thể chúng ta chính là báo chướng. Tại sao chúng ta có thân thể ? Vì chúng ta có chỗ bị quái ngại. Không quái ngại thì khổ và vui đều như nhau, cũng không khổ không vui. Sống chết như nhau. Không sống, cũng không chết. Sống tức là chết. Chết tức là sống. Sống chết đều không động. Khổ vui như một. Thuận nghịch như nhau. Nơi cảnh thuận cũng như thế. Nơi cảnh nghịch cũng như thế. Chết sống như nhau, thuận nghịch như nhau, khổ vui như nhau, nói chung là không có một việc chi mà có thể làm cho tâm lay động được. Sao tâm không lay động ? Vì không có quái ngại. Không có việc gì quái thì cũng không có việc gì làm trở ngại. Có quái tức có ngại. Quái tức là mang đeo trên vai. Ngại là chướng ngại, có chỗ chướng ngại. Không quái ngại cũng là chấm dứt sống chết. Vì vậy bảo rằng sống chết tức niết bàn, phiền não tức bồ đề. Khi người nhị thừa chưa hiểu rõ đạo lý này, chư vị phải bảo họ rằng phiền não tức bồ đề, sống chết tức niết bàn, vì họ đã quên mất nên bỏ chạy xa, bảo rằng xưa nay tôi chưa từng nghe pháp : "Phiền não tức bồ đề, sanh tử tức niết bàn", tôi không tin đâu. Muốn giác ngộ sanh tử tức niết bàn, phiền não tức bồ đề thì chư vị phải nên xoay đầu trở lại.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

“Trust to prajna and become even with the other shore.” Relying upon profound prajna, they become even with the other shore, that is, equal to the other shore. Just that is paramita, to arrive at the other shore.

The mind without impediments leaves the retribution-obstacle behind. Since your mind has no impediments, you have left the retribution-obstacle behind. What is the retribution-obstacle? Our bodies. Why do we have bodies? Because of impediments. If there are none, “suffering and bliss are a single thusness.” There is no birth and no death. Birth is death, and death is birth. In the midst of birth and death, you do not move. In other words, “compliance and opposition are a single thusness.” It is that way whether one is going along with situations or going against them.

Complying and opposing are a single thusness;
Birth and death are a single thusness;
Suffering and bliss are a single thusness.

In short, there isn’t anything at all which can move or shake the “mind without impediments.” The mind is immovable precisely because there are no impediments. You have your hang-ups; someone else has his obstructions. To have no hang-ups is to have no obstructions. To have impediments is to be hung up right here where you are. In the midst of impediments, you are not hung up anywhere. Since there fundamentally are no hang-ups, how can there be any impediments? Therefore it is said, “No hang-ups and no obstructions.”

To have no impediments is to end birth and death. Therefore, it is said, “Birth and death are nirvana; affliction is Bodhi.” If you encounter adherents of the two vehicles who have not understood this principle, and you tell them that affliction is Bodhi and that birth and death are nirvana, they’ll be very frightened and become very nervous and they’ll run off, saying, “I never heard that dharma before. How can affliction be Bodhi and birth and death be nirvana? I don’t believe it.” And not believing, they will want to leave. The Bodhisattva, on the other hand, is enlightened to affliction being Bodhi and birth and death being nirvana. All you have to do is turn your head and body around, that’s it!



THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Why don't we understand Bodhi? Because we have turned our backs on enlightenment and are together with the defilements. If you can turn your back on the defilements, then you are together with enlightenment. That is to be without impediments. When your mind is unimpeded in the midst of every situation – birth and death, suffering and happiness, compliance and opposition – you remain unmoved. Just that is to be unimpeded. Then you are apart from the retribution-obstacle, that is, you are able to leave the impediment of your body.

Why are we unable to leave our bodies? Why do we see our bodies as so important? Everybody seeks fame and fortune. Day in and day out they “scurry about like restless waves.” Why? It is all for the sake of their bodies. They think of ways to be very fine slaves for their bodies, to be very fine horses or cows. They don't want to offend their bodies.

Yet your body is so impolite to you. In what way? The better you are to it, the worse it is to you. It is just as King Prasenajit said to the Buddha,

“World-Honored One, in the past when I was young,
my skin was moist and shining. When I reached the prime
of life, my blood and breath were full. But now in my
declining years, as I race into old age,
my form is withered and worn.
My spirits are dull, my hair is white, and my face is in wrinkles,
and I haven't much time remaining.”

His hair was white and his face had row after row of wrinkles, like waves on a great sea. He did not have much time left; he would be dead very soon. All that was because of impediments. If you don't have impediments, then you are not attached to the body which comes as karmic retribution, as a retribution-obstacle. Because you have a body, you have retribution-obstacles. If you don't have any impediments, then you don't have a self; and then there are no retribution-obstacles. Therefore, the verse says, “The mind without impediments leaves the retribution-obstacle behind.”

Tại sao chúng ta không hiểu bồ đề là gì ? Vì chúng ta bội giác hiệp trần (phản bội lại tánh giác và hiệp với trần lao). Phải nên bội trần mà hiệp giác.

Khi tâm không còn quái ngại thì sanh tử, khổ vui, thuận nghịch, tất cả cảnh giới đều không thể động được tâm. Lúc ấy rời xa báo chướng.

Tại sao chúng ta không thể xa rời thân thể được ? Chỉ vì cho thân này là quan trọng. Tại sao từ sáng đến tối, ai ai cũng chạy đuổi theo danh theo lợi ? Chỉ vì lo cho thân mình. Tìm cách làm nô lệ tài giỏi, làm thân trâu ngựa cho thân này, không dám đối trị thân mình. Nhưng thân này không làm khách đối với chư vị chút nào hết. Tại sao ? Như vua Ba Tư Nặc, khi còn trẻ thì khí huyết dồi dào, nhưng đến lúc già tóc bạc mặt nhăn, chẳng bao lâu rồi chết. Chỉ vì còn quái ngại. Nếu không còn quái ngại thì chư vị không còn chấp trước vào nghiệp báo của thân. Có thân thì có báo chướng, nếu chư vị không còn quái ngại thì không còn chấp ngã. Vô ngã tức không có báo chướng. Thế nên, bảo rằng tâm không quái ngại tức xa rời báo chướng.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

A nature totally, truly empty puts an end to words and thoughts. The Buddha nature, your own nature, is the realization of the principle of the true characteristic of emptiness. But since there is nothing to say about your own nature's original substance of true suchness, the verse says, it "puts an end to words and thoughts." There is nothing to say, and there are no thoughts to think.

I send these words to those of future worth: seek it in yourself. I now have some words for all the worthy ones who cultivate in the future: "Seek it in yourself." If you wish to have no-attainment and no impediments, you must seek within yourself, not outside. Don't look outside yourself for the principle of "no cultivation, verification, or attainment." It is to be sought in oneself. You yourself must reverse the light to illuminate inwardly. A head piled on top of a head is the height of stupidity. If you want to look outside for the Way, you are really stupid. That is like piling a head on top of your head. Isn't that truly stupid? Instead of looking outside, you should reverse the light to illuminate inwardly. Only if you turn your head and body around, will you have attainment.

"Duy cụ chân không nê ngôn lự, (chỉ có chân không tuyệt ngôn ngữ)".
Tự tánh hay Phật tánh của chư vị đầy đủ thật tướng chân không. Chư vị phải tự đạt đến bản thể chân như của tự tánh mà không thể diễn tả bằng lời được. Vì vậy bảo rằng không nê ngôn lự nghĩa là không có ý tưởng nào mà có thể nghĩ tưởng được.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

[1] The four teachings are a classification according to Hua-yan (Xian-shou) School of Buddhism in China.

[2] The ten grounds are:

1. joy (pramudita),
2. apart from defilement (vimala).
3. light-emitting (prabhakari),
4. brilliance (arcismati),
5. difficult to conquer (sudurjaya),
6. manifesting (abhimukhi),
7. far-reaching (duramgama),
8. unmoving (acala),
9. wholesome wisdom (sadhumi), and
10. Dharma-cloud (dharmamegha).

[3] A hero of the Period of the Three Kingdoms in China (222-265 A.D.), who was said to have become a god after his death. In his role as a Buddhist Dharma protector he is also known as Bodhisattva Qie-lan.

[4] you shu . The yellow fur from its large tail is especially prized for making calligraphy brushes for writing tiny characters. If these creatures are able to live for a thousand years, their fur turns black, after ten thousand years, white. After a hundred years they begin to develop a certain amount of psychic power, similar to that of the “fox essence”.

[5] long, “dragon,” but here used as an epithet for the Buddha.

"Ký ngữ lai hiền cầu chư kỷ, (nhắc kỷ hiền sĩ cầu tri kỷ)".

Tôi có một lời muốn nhắc nhở những vị hiền nhân, những vị tu hành trong tương lai là nếu chư vị muốn tâm không quá ngại, đạt đến nơi không chứng đắc, thì phải tự cầu tri kỷ, không nên hướng ngoại tìm cầu, hướng ngoại truy cầu. Đạo lý không tu không chứng, không chỗ chứng đắc tức là lý tìm cầu chư kỷ, nghĩa là phải hồi quang phản chiếu, xoay lại tìm cầu chính mình.

"Đầu thượng an đầu tối ngu si, (đầu đặt trên đầu thật ngu si)".

Nếu chư vị hướng ngoại truy cầu đạo lý thì thật là ngu si, cũng giống như lấy đầu đặt lên đầu. Có ngu si lắm không ? Thật rất ngu si. Đừng lấy đầu mà để lên đầu, phải nên hồi quang phản chiếu, xoay thân chuyển đầu trở lại. Nếu không chuyển được thân thì không thể đạt đến đâu cả.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The Meaning of Bodhisattva (continuation)

Sutra:

Because there is no impediment, he is not afraid, and he leaves distorted dream-thinking far behind.

Verse:

Having no impediments is the true letting go;
When fear is no more, the activity-obstacles depart.
Distortion left far behind, the characteristic of production perishes;
The coarse, fine, and dust-and-sand delusions of your dream-thoughts become Thus.
The three obstacles are dissolved, the three virtues perfected.
The six faculties are used interchangeably, certifying the attainment of the six psychic powers.
When you are capable of this wonderful truth, you yourself enjoy its use;
Those who know easily enlighten the dark and difficult path.

Commentary:

If you have no impediments, you will be unafraid. Fearless, you leave distorted dream-thinking far behind. Everything that is distorted and all dream-thinking no longer exist. Your lack of fear indicates that you have eradicated your affliction-obstacles.

Having no impediments is not at all easy. For instance, “I don’t think about anything at all, except my mother and father.” Not bad. That is the way of filial piety; nonetheless, it is also a kind of impediment. Perhaps you say, “I have a friend whom I haven’t seen in a long time. Although I think about him constantly, day in and day out, I don’t get to see him.” That is also an impediment. In short, whatever you don’t let go of is an impediment. If you can let go of it, then it isn’t one. Therefore the verse says, Having no impediments is the true letting go. One isn’t attached to anything at all.

I remember that when I was on Ling-yan Mountain in Soochow Province in

By Tripitaka master Hsuan-Hua 129

"Vô quái ngại cố. Vô hữu khủng bố. Viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh niết bàn, (tâm không quái ngại, không có khủng bố, xa rời điên đảo mộng tưởng, đạt đến cứu cánh niết bàn)".

"Vô quái ngại danh chân phóng hạ
Tái vô khủng bố nghiệp chướng trừ
Viễn ly điên đảo sanh tướng phá
Vọng tưởng thô tế sa hoặc như
Tam chướng tiêu dung viên tam đức
Lục căn hỗ dụng chứng lục thông
Hội thử diệu tướng thân thọ dụng
Trí giả dịch ngộ mê nan đồ

Dịch :

Không quái ngại chính là xả bỏ
Lại không sợ hãi nghiệp chướng trừ
Xa rời điên đảo phá sanh tướng
Vọng tưởng thô tế như cát bụi
Ba chướng tiêu dung tròn ba đức
Sáu căn hỗ dụng chứng sáu thông
Biết rõ diệu tướng thân thọ dụng
Người trí ngộ kẻ mê gặp hiểm".

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

China, I met a monk who had really let go of everything. He did nothing but cultivate dhyana meditation. He was called Da Xiu. What does it mean to let go of everything? I'll tell you. Da Xiu wrote a verse which said,

There is no great or small,
No inside or out.
I cultivate, come to my end,
And make the arrangements all by myself.

What arrangements did he have to make? In a stone wall he made a hole which was just big enough for one person to sit down in. Then with a slab of rock he made a stone door, which had iron hinges so that it could be opened and closed. Then, all by himself, he sat down inside, closed the door, and came to his end. "I cultivate, come to my end, and make the arrangements all by myself." He sat down inside, closed the door, and perfected the stillness – he entered nirvana. His was the true letting go. He hadn't accepted any disciples, so there weren't a lot of troublesome matters either. That is what is called being unimpeded. To have disciples is also to have impediments; having disciples is a lot of trouble. I don't know how much trouble there will be in the future, but I don't pay any attention, because trouble is also not trouble and impediments are also not impediments.

Some people may already have been familiar with the story of Da Xiu, but that does not stop me from talking about him. In explaining sutras, you should not be afraid of talking at length. When you first give sutra lectures, you should speak about what you understand, no matter whether others understand or not. If you don't understand, you should say that you don't understand. When you first practice lecturing on sutras, you should "put your foot down on the actual ground." When you say one sentence, it should be like a hundred pounds of rocks coming down and making a hole in the ground. Anyone who doesn't want to listen has to anyway. "I am going to put this one sentence in your mind, and your mind will have to accept it." So, whether or not people have already heard something, you can always talk about it one more time.

Nếu tâm không quái ngại thì không có khủng bố sợ hãi. Không sợ hãi thì xa rời điên đảo mộng tưởng. Hết mọi mộng tưởng thì điên đảo không còn. Nếu không sợ hãi thì phá trừ được nghiệp chướng. Không còn mộng tưởng điên đảo thì phá trừ được phiền não chướng. Nhưng không quái ngại thật rất khó đạt đến. Có người bảo rằng tôi không lo nghĩ gì cho mình cả mà chỉ lo nghĩ về cha mẹ thôi. Không sai ! Đó là đạo hiếu thảo. Tuy là đạo hiếu nhưng vẫn còn quái ngại. Hoặc giả bảo rằng tôi không nghĩ gì về mình cả mà chỉ lo nghĩ cho vợ con thôi. Đó là tâm từ bi. Tuy là tâm từ bi, nhưng vẫn còn quái ngại. Hoặc giả nói là tôi có người bạn thân thiết lâu năm mà chưa gặp lại; tôi luôn nhớ nghĩ, tìm kiếm, nhưng không thể gặp được, đó là quái ngại. Nói chung, nếu chưa vị xả bỏ không được tức là quái ngại. Xả bỏ được tức là không quái ngại. Vì vậy bảo rằng tên thật của không quái ngại là xả bỏ.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

You shouldn't "steal time from work and scrimp on materials" either. For instance, if a house you are building clearly calls for eight-inch beams, and you say, "Oh, it will be all right if I use four-inch beams, since they are a little cheaper," you are scrimping on materials. And perhaps you are supposed to work for eight hours and you only work for six. "I will just create some confusion about those two hours and say that I worked eight." That is to steal time from work. Don't be that way when you lecture on sutras. You must actually do your talking, and not pay attention to whether people understand. You should lecture that way when you are just beginning to lecture, and also in the future. Do you understand? Further, you shouldn't just explain the principles that I tell you to lecture about. Americans talk about the growth of freedom, and so you can let your own freedom develop and express yourself according to your own wisdom. Then there can be new and creative developments.

That is to be like Dharma Master Dao-sheng. Most other people, when they lectured on the Mahaparinirvana Sutra, said that icchantikas have no Buddha-nature and cannot become Buddhas. But Dharma Master Dao-sheng declared, "Icchantikas[1] have the Buddha-nature too, and they can become Buddhas, right?" Everyone was opposed, but the rocks nodded their heads in agreement. Thus is the meaning of the saying, "Noble Dao-sheng spoke Dharma, and the insensate rocks nodded their heads." [2] Why did they nod their heads? Because he had brought out something new.

You shouldn't just follow my road. If I weren't a genuinely democratic teacher, I wouldn't allow you to develop your own freedom. You certainly would have to follow after me. "If you don't follow me," I'd say, "then your road is confused, you are truly evil, and in the future you will fall into the hells." But I am not like that. I am for the development of freedom. Because I have now come to America, there is the development of freedom. Everyone has his own wisdom, and I can't cover your wisdom up, as if I were putting it in a teacup and not letting it out. Unless you have no wisdom and are incredibly stupid so that you have nothing new to develop, you should be attentive to allowing new developments to come forth. Any disciple may contribute to this, no matter who it is. When fear is no more, the activity-obstacles depart. Why is there fear? Because there are activity-obstacles – karmic obstacles. When you are

Giảng đến đây, tôi nhớ một hòa thượng ở Tô Châu, Trung Quốc, tên là Đại Tu. Hoà thượng này thường tham thiền từ sáng đến tối. Sau này, việc gì Ngài cũng xả bỏ hết. Ngài viết câu phú đối liền :

"Vô đại vô tiểu vô nội ngoại
Tự tu tự liễu tự an bài

Dịch :

Không lớn không nhỏ không trong ngoài
Tự tu tự rõ tự an bài".

Nghĩa là không có chi lớn nhỏ, trong ngoài. Ngài đã tự tu tự liễu ngộ và tự an bài tất cả sự tình. Ngài an bài sự việc gì ? Thật kỳ quái ! Nơi Ngài ở là một hang đá, chỉ đủ cho một người ngồi thiền, lại dùng tảng đá lớn làm cửa hang. Trên cửa đá đó làm một then chốt để đóng để mở. Sau đó, Ngài ngồi thiền trong hang động đó và đóng cửa đá lại để tu hành. Tu hành đạt đạo xong, Ngài nhập niết bàn. Chư vị thấy có đơn giản lắm không. Ngài chân thật xả bỏ mọi duyên. Đó là không quái ngại.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

no longer afraid, there are no longer any karmic obstacles.

Distortion left far behind, the characteristic of production perishes. We living beings are distorted (dian dao , literally, “upside down”). If we are able to separate ourselves from the distortion, then the ignorance characterized by production perishes.

The coarse, fine, and dust-and-sand delusions of your dream-thoughts become Thus. If you are without distortion, then you don’t have any dream-thoughts. If you are without dream-thoughts, then you don’t have any coarse delusions, any fine delusions, or any dust-and-sand delusions. Everything has merged with the wonderful truth of true thusness.

The three obstacles are dissolved, the three virtues perfected. At that time your three obstacles, the karmic obstacle, the retribution-obstacle, and the affliction-obstacle, have dissolved. The three virtues which are perfected are the virtue of liberation, the virtue of prajna, and the virtue of the Dharma-body. All three virtues have been fully perfected, perfectly fused.

The six faculties are used interchangeably, certifying the attainment of the six psychic powers. If you are able to use the six faculties interchangeably, then in a wonderful manner each of the faculties has the function of all six. That is to say, you have been able to obtain the six psychic powers. The six faculties are the eye, ear, nose, tongue, body, and mind. In a wonderful manner, each faculty functions in six ways. This is a certification that you have obtained the six psychic powers. At that time, you are able to make use of the power of the heavenly eye, the power of the heavenly ear, the power with regard to past lives, the power with regard to the minds of others, the spiritually based psychic powers, and the power of the extinction of outflows. You have been certified as having obtained them all.

When you are capable of this wonderful truth, you yourself enjoy its use. When you understand this kind of subtle and wonderful truth, you personally experience its benefit. Those who know easily enlighten the dark and difficult path. When you understand, it is easy to awaken to this truth (dao li , literally, “Way-principle”). If you don’t understand then you will be mistaken and take

Chúng sanh chúng ta thật rất điên đảo, sanh khởi tướng vô minh mà không thể phá trừ được. Nếu không có điên đảo thì chư vị không có thô hoặc, tế hoặc, trần sa hoặc, và làm việc gì cũng hợp với chân lý. Khi đó, ba chương tức nghiệp chương, báo chương, phiền não chương đều tiêu trừ, và ba đức như đức giải thoát, đức bát nhã, đức pháp thân đều tròn đầy, viên mãn. Chư vị có thể dùng sáu căn hỗ dụng với nhau. Mỗi căn có diệu dụng của sáu căn. Khi đó chư vị có thể đắc được sáu thần thông. Sáu căn tức là mắt tai mũi lưỡi thân ý. Mỗi căn đều có diệu dụng của tất cả căn. Chứng được sáu thần thông tức là thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, thần túc thông, túc mạng thông, tha tâm thông, lậu tận thông. Chư vị đã hiểu rõ đạo lý vi diệu này rồi thì phải nên thọ dụng chân chánh. Nếu hiểu rõ thì biết được đạo lý giác ngộ, còn ngược lại thì sẽ bị lạc vào đường tà hiểm nạn trùng trùng.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

the wrong turn; you will choose the wrong road.

[1] An icchantika is one who has cut off all good roots, and it was considered impossible for such a person to realize Buddhahood.

[2] The incomplete Fa-xian translation of the Mahaparinirvana Sutra (T. 396) states that icchantikas could not become Buddhas. Later Dao-sheng (ca. 360-434 A.D.) was vindicated by the arrival of the more complete Dharmakshema translation (T. 374), which contained a passage supporting his contention.



THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Ultimately Nirvana!

Sutra:

All Buddhas of the three periods of time attain annutarasamyaksambodhi through reliance on prajna paramita.

Verse:

Virtue is nowhere incomplete, and all the obstacles perish;
This final perfect stillness is called nirvana.
Those passed by, not yet come, and now existing,
All Buddhas of the three periods of time, rooted in a common source,
Through reliance on this prajna paramita,
Reach the genuine and equal enlightenment of the Supreme Immortal.
If those who practice are capable only of diligence and vigor,
What worry can there be about not attaining the field of the Dharma-nature?

Commentary:

Ultimately Nirvana! Because you have destroyed the retribution-obstacle, the karmic obstacle, and the affliction obstacle, distorted dream-thinking can be left far behind. If you examine that sentence of the Heart Sutra, you will see that all the living beings of the nine dharma-realms are dreaming. The Bodhisattva dreams of seeking the Way of the Buddha above, and of transforming living beings below. He wishes to realize the Way of the Buddha in order to take living beings across, yet it is all in a dream.

The Conditioned-Enlightened, the Pratyekabuddhas, are also dreaming. About what? They dream of looking out for themselves alone. Living deep in the desolate mountain valleys, they are Arhats who “comprehend for their own sakes.” That is the meaning of “Looking out for themselves alone, they are incapable of promoting the common good.” That is also dreaming.

"Tam thế chư Phật, y bát nhã ba la mật đa cố, đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề, (cứu cánh niết bàn, ba đời chư Phật y theo bát nhã ba la mật đa nên đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề)".

"Đức vô bất bị chư chương trước
Cứu cánh viên tịch hiệu niết bàn
Quá khứ vị lai cập hiện tại
Tam thế chư Phật bốn đồng nguyên
Y thừa bát nhã ba la mật
Chỉ chánh đẳng giác vô thượng tiên
Hành nhân đản năng cần tinh tấn
Hà sàu bất hoạch pháp tánh điền
Dịch :

Đức chẳng bị bao chương ô trước
Cứu cánh viên tịch gọi niết bàn
Quá khứ vị lai và hiện tại
Ba đời chư Phật vốn đồng nhau
Y theo bát nhã ba la mật
Đạt chánh đẳng giác vô thượng tiên
Người tu nên siêng cần tinh tấn
Lo gì không đến ruộng pháp tánh".

Vì chư vị phá trừ được báo chương, nghiệp chương, phiền não chương, nên xa rời được mộng tưởng điên đảo. Nhờ nghĩa lý cùng tốt của Tâm Kinh mà chúng ta mới biết rằng chúng sanh chúng ta sống trong chín cõi cũng như đang sống trong mộng. Trong mộng, chư Bồ Tát nguyện trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh; cầu Phật đạo, thành Phật đạo, độ chúng sanh đều là mộng cả. Chư Duyên giác mộng gì ? Tức là mộng tự thân mình làm việc thiện, ở trong thâm sơn cùng cốc tự tu tự liễu ngộ đạo. Tự mình làm việc thiện mà không thể làm hết mọi việc thiện ở thế gian, đó cũng là mộng. Chư Thanh Văn mộng chấp vào không, mộng nhập hữu dư niết bàn. Chư thiên mộng sống sung sướng, an lạc. Ở trên thiên cung họ cảm giác rất sung sướng, rất tự tại, cho là thọ diệu lạc thù thắng. Con người mộng trong danh lợi, cầu danh cầu lợi, thăng quan phát tài, suốt đời điên đảo, lấy khổ làm vui, ngày ngày chạy đuổi theo mộng danh lợi. A Tu La mộng chiến tranh, giống như trong hiện tại,

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Hearers, the Shravakas, dream of the one-sided emptiness which is the one-sided truth of nirvana with residue. The gods have a dream of happiness and peace; they are at ease and enjoy an especially peaceful, superior, and wonderful happiness.

People dream of seeking fame and fortune. They wish to make a lot of money or to become officials. In this life they are all upside down and take suffering to be happiness. Every day they are busy dreaming of fame and fortune.

What dream do the asuras have? They dream of fighting. For instance, it is an asura's situation when someone goes and fights someone else. To be an asura is to be someone who likes to fight, and to be in the dream of fighting.

Those in the hells dream of undergoing bitter suffering. Hungry ghosts dream of starving, and animals dream a dream of stupidity. Each of the nine dharma-realms has its own dream. The Buddha in ultimate nirvana is the only one who does not dream, and so his is called ultimate nirvana.

People who don't understand the Buddhadharma say, "Nirvana is nothing but dying." Yet that dying is not the same as death, because it is a voluntary dying; it is known and understood. What there was to be done is already done, and pure practice is already established, and so you undergo no further existence. Therefore, you wish to enter nirvana, the state in which there is no birth and death. You yourself know beforehand that you are going to enter nirvana: "At a certain time I will enter nirvana and perfect the stillness." Thus this is dying which is voluntary and understood.

It is said to be understood because when you are about to enter nirvana, you have great clarity. Your body is without sickness or suffering, and your mind has no cravings; it is undistorted. There is no greed in your mind for the objects of the five desires: wealth, sex, fame, food, and sleep. You are not greedy for anything, nor do you long for anything, nor is there any distortion in your mind. When you are about to die, your thoughts are not all distorted and unclear.

đăng này đăng nọ tranh giành quyền hành, đấu tranh lẫn nhau.

Loài địa ngục trong mộng thọ khổ. Loài ngựa quý trong mộng bị đói khát. Loài súc sanh trong mộng bị ngu si. Mỗi cõi trong chín pháp giới đều có mộng riêng. Duy chỉ có Phật là đạt đến niết bàn cứu cánh, không còn mộng nữa. Niết nghĩa là không sanh, bàn nghĩa là không diệt. Vì thế, người không hiểu Phật pháp nói niết bàn là chết mất. Cái chết này khác với sự chết của phàm phu. Cái chết này là do tự ý mình chết, mình biết rõ sẽ chết. Sao gọi là tự nguyện chết ? Nhân vì phàm hạnh đã lập, hạnh thanh tịnh đã có, việc nên làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa, tức theo ý nguyện mà nhập vào cảnh giới niết bàn không sanh không diệt, và dự biết thời lúc nhập niết bàn. "A ! Tôi tự dự biết thời lúc nhập niết bàn".

Tại sao hiểu rõ sự chết ? Khi sắp nhập niết bàn hiểu biết rõ ràng, thân không bệnh khổ, tâm không tham luyến, ý không điên đảo. Thân không bệnh khổ. Tâm không tham tiền tài, sắc đẹp, danh lợi, thức ăn, ngủ nghỉ. Ý không điên đảo tức là ý nghĩ trước lúc nhập niết bàn không điên đảo, thần trí thanh tịnh rõ ràng. Người tu hành trước lúc nhập niết bàn tự biết giờ khắc, ngày tháng mình sẽ nhập niết bàn, nói chuyện với mọi người rành mạch rõ ràng. Đó gọi là minh bạch, hiểu rõ. Lại nữa, không nên nói niết bàn là chết, vì niết bàn là không sanh không diệt. Tại sao có chết ? Vì có sanh. Nhưng khi nhập niết bàn thì không còn sanh còn chết nữa.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

When people who have cultivated want to enter nirvana, they themselves know it, and they say very clearly to everyone, “in a certain year, a certain month and day, at a certain time, I am going to enter nirvana.” Saying it very clearly to everyone is what is meant by “knowing.” It is not to say that nirvana is just death; nirvana is no birth and no death. You are only able to die because you were born. If you hadn’t been born, you wouldn’t die. Therefore, Ultimately Nirvana. What is meant by “ultimately nirvana?”

Virtue is nowhere incomplete, and all the obstacles perish. Since there are no obstacles at all, the virtuous nature is fully perfected. The complete lack of obstacles is called perfecting the stillness, and it is also called nirvana.

This final perfect stillness is called nirvana. Perfect stillness is a translation of nirvana. “Perfect” refers to merit which is perfect in every particular; “stillness” refers to virtue which is everywhere still. Virtue is everywhere still because, upon reaching the extreme limit, it merges with the four virtues of nirvana – permanence, bliss, self, and purity – and thus the ultimate happiness called nirvana is attained.

Those passed by, not yet come, and now existing. It is not only Bodhisattvas who cultivate according to this dharma door, but also all the Buddhas of the three periods of time, that is, all the Buddhas of the past, present, and future.

Therefore, the verse says, All Buddhas of the three periods of time, rooted in a common source. All the Buddhas of the three periods of time, through reliance upon the profound and wonderful prajna wisdom, are able to attain anuttarasamyaksambodhi, the supreme, the genuine and equal, and the genuine enlightenment. It is supreme in that there is none above it; it is the enlightenment of the Buddha. Genuine and equal enlightenment is the enlightenment of the Bodhisattva. Genuine enlightenment is the enlightenment of those of the two vehicles. The genuinely enlightened are not the same as common people who are unenlightened. Common people do things which are wrong and don’t even know that they are wrong. They don’t know that they should change. That is to be unenlightened. Genuine enlightenment is the attainment of those of the two vehicles, the Conditioned-Enlightened and the Hearers. Being enlightened, they are not the same as

"Đức vô bất bị chur chướng trước, (đức chẳng bị bao chướng ô trước)".

Đức hạnh viên mãn, tròn đầy, tất cả chướng ngại đều không còn.

"Cứu cánh viên tịch hiệu niết bàn, (cứu cánh viên tịch gọi niết bàn)".

Tất cả chướng ngại không còn nên gọi là viên tịch, cũng là niết bàn. Niết bàn là chữ Phạn, dịch qua tiếng Tàu là viên tịch. Viên tịch tức là đạo không gì mà không tròn đầy, đức không gì mà không tịch. Đạo đã viên mãn. Đức đã đạt đến nơi tịch tĩnh. Sao nói đức không gì mà không tịch ? Đức đã đạt đến tột điểm nghĩa là đạt đến điểm cùng tột của đức tánh thường lạc ngã tịnh, đức và tướng khế hợp nhau. Thế nên đắc được nơi an lạc tịch tĩnh.

"Quá khứ vị lai cập hiện tại, (quá khứ vị lai cùng hiện tại)

Tam thế chur Phật bốn đồng nguyên, (ba đời chur Phật vốn đồng nhau)".

Ba đời chur Phật cũng là chur Phật trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Không những chur Bồ Tát y chiếu theo pháp môn niết bàn cứu cánh tu hành mà chur Phật trong ba đời cũng đều y theo đó mà tu hành.

"Y thử bát nhã ba la mật, (y theo bát nhã ba la mật)

Chí chánh giác đẳng vô thượng tiên, (đạt chánh đẳng giác tiên vô thượng)".

Ba đời chur Phật đều y chiếu theo trí huệ vi diệu của bát nhã mà đắc được a nậu đa la tam miệu tam bồ đề, nghĩa là đắc đến quả vị vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vô thượng có nghĩa là không gì cao siêu sánh bằng được. Là ai ? Tức là Phật. Chánh đẳng là Bồ Tát. Chánh giác là nhị thừa. Chánh giác cùng phàm phu không đồng. Phàm phu không giác ngộ. Phàm phu luôn tạo việc sai lầm, mà không tự biết mình làm việc sai lầm, lại cũng không biết hối cải, nên gọi là bất giác. Chánh giác là người nhị thừa đã đạt đến. Thanh Văn Duyên Giác vì đã đạt được giác ngộ nên không đồng với phàm phu, nhưng không thể thành chánh đẳng được, không giống như Bồ Tát hành lục độ vạn hạnh, tự mình giác ngộ rồi lại dạy người giác ngộ theo: tự độ, độ người, tự lợi lợi người. Người nhị thừa chỉ tự liễu ngộ, không lo cho người khác, nên không phải là chánh đẳng.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

common people, but they have not been able to attain the genuine and equal enlightenment of the Bodhisattva Way, which consists of the six paramitas and ten thousand practices for taking oneself across and for taking others across, for benefitting oneself and for benefitting others. Those of the two vehicles are all Arhats who “comprehend for their own sake.” Because they pay attention only to themselves and not to others, they are incapable of genuine and equal enlightenment.

Although Bodhisattvas attain genuine and equal enlightenment, they have not yet attained the supreme enlightenment. The genuine and equal is equivalent to the enlightenment of the Buddha and refers to the Bodhisattvas of equal enlightenment. These Bodhisattvas are different from those of the two vehicles, because the latter comprehend for their own sake, while the Bodhisattva benefits himself in order to benefit others. But the Bodhisattvas of genuine and equal enlightenment are still incapable of the supreme enlightenment.

Only the Buddha is supreme. He is called the Unsurpassed One (anuttara) and the Human-Taming Charioteer (purusadamyasarathi). His is said to be the supreme, the genuine and equal, and the genuine enlightenment. The sutra says, through reliance on prajna paramita. All the Buddhas of the three periods of time reach the other shore through the use of profound and wonderful prajna wisdom; through reliance on this paramita. This verse says, Reach the genuine and equal enlightenment of the Supreme Immortal. The Supreme Immortal is the Buddha, who is also referred to as the Greatly Enlightened Golden Immortal.

If those who practice are capable only of diligence and vigor. You people who cultivate need be capable only of going forward and diligently cultivating without retreating. “Don’t expose it to the sun for one day and freeze it for ten.” Cultivation of the Way is the same: you must cultivate every day. Cultivate every year, cultivate every month, cultivate every day. Cultivate at all times; at all times be vigorous. Every day be vigorous, every month be vigorous, every year be vigorous, in all places and at all times. It is not that I am vigorous today and tomorrow I retreat. It is not to go one step forward and then backward four steps. You shouldn’t be like that. That is not vigor.

Bồ Tát đạt đến quả vị chánh đẳng, nhưng chưa đạt được quả vị vô thượng. Đạt được quả vị chánh đẳng tức là gần quả vị Phật, gọi là Bồ Tát đẳng giác. Bồ Tát tuy đạt được quả vị chánh đẳng nhưng chưa đạt đến quả vị vô thượng. Chỉ có Phật mới đạt đến thôi, nên gọi Phật là đáng vô thượng sĩ, điều ngự trượng phu, hay vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ba đời chư Phật đều y chiếu theo trí huệ bát nhã này mà đạt đến bờ giác. Do đó, bảo rằng đạt đến chánh đẳng giác vô thượng tiên, cũng tức là Phật. Phật cũng được xưng là vị tiên đại giác kim.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

What worry can there be about not attaining the field of Dharma-nature? If you can be vigorous, you can attain the Dharma-nature, which is represented by a field. Only after you plant things in the field can you have a harvest. You need only be vigorous in plowing and weeding, and then you can harvest. This is the field of the Dharma-nature: you cultivate the Dharma-body yourself, and your own nature will be perfected, and you will realize Buddhahood, which is like harvesting the field of the Dharma-nature. You obtain the fruit.

For instance, there is someone who is so vigorous that he does not even sleep at night but cultivates the Way instead. He cultivates for one night, and then what? He sleeps every day during the day. That too is the same as not cultivating and cannot be said to be vigor. Vigor is not to say, “All of you sleep; I won’t sleep. I’ll cultivate the Way.” Then you sleep in the daytime when everyone else is awake. That isn’t vigor. Not sleeping at night and sleeping during the day amounts to just the same thing.

"Hành nhân đản năng cần tinh tấn, (người tu nên siêng cần tinh tấn)". Người tu hành phải nên hướng về trước mà tinh tấn dững mãi, chớ thối lui quay lại. Chớ phơi nắng một ngày, rồi để lạnh mười ngày. Phải nên tu đạo năm này qua tháng nọ, ngày này qua ngày nọ, giờ này qua phút nọ. Thời thời khắc khắc tinh tấn tu hành. Ngày ngày, tháng tháng, năm năm năm, trong mọi thời gian đều tu hành tinh tấn. Không nên hôm nay tu, ngày mai thối, hay bước lên một bước nhưng lại lùi năm bước.

"Hà sàu bất hoạch pháp tánh điền, (lo gì không đến ruộng pháp tánh)". Chư vị phải nên tinh tấn thì mới đạt đến ruộng pháp tánh. Pháp tánh ví như thửa ruộng. Nơi thửa ruộng này, chư vị gieo giống thì sẽ thu hoạch được, chỉ yếu là chư vị phải cần mẫn chăm sóc lúa mạ thì sẽ thu hoạch được. Thửa ruộng pháp tánh tức là chính tự pháp thân mà chư vị đang tu hành đây. Khi tự tánh viên mãn thì sẽ thành Phật, cũng giống như từ trong ruộng pháp tánh sanh xuất ra lúa thóc.

Có một vị tu hành rất tinh tấn. Tu mãi cho đến khuya chẳng ngủ, nhưng đợi đến sáng thì đi ngủ. Đó không phải là tu đạo, không thể gọi là tinh tấn được. "A ! Chư vị ngủ mà tôi thì chưa ngủ". Nhưng đến sáng hôm sau người ta thức, còn chư vị thì đi ngủ. Đó không gọi là tinh tấn. Tối không ngủ mà sáng lại ngủ thì không đúng.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

The Mantra

Sutra:

Therefore, know that prajna paramita is a great spiritual mantra, a great bright mantra, a supreme mantra, an unequalled mantra. It can remove all suffering; it is genuine and not false.

Commentary:

Therefore, know that prajna paramita is a great spiritual mantra. Because of all the various principles discussed above, one knows that the prajna paramita, the wonderful wisdom, a dharma which arrives at the other shore, is a great spiritual mantra.

What is the meaning of great? This is the great with nothing beyond it; if there were something beyond this great, it would not count as great, but would be small. Since this great has nothing beyond it, there is nothing greater.

What is the meaning of spiritual? “Spiritual” is inconceivable. The meaning is just about the same as “wonderful;” nonetheless, “wonderful” (miao) has the meaning of “unmoving,” while “spiritual” (shen) has the meaning of “moving;” there is a kind of movement. The wonderful is unmoving, yet moves everything totally and comprehends everything totally. It doesn’t function through movement. However, if the spiritual doesn’t move, then it is not the spiritual. The spiritual must move. The same word appears in the compound shen tong , which means psychic power; the Chinese literally is “spiritual penetration.” The “penetration” means a going through; there is movement. But in the wonderful there is knowledge without movement.

The Buddha teaches and transforms living beings in other Buddha-countries to realize the Way and to enter nirvana. He knows everything. The wonderful is right here; without using movement, he knows. But with the spiritual you must go to the place to know about it. The spiritual gets to wherever it is going like a rocket going to the moon. When you arrive on the moon, you know what the moon is made of and you know what the creation of the moon was about.

By Tripitaka master Hsuan-Hua 139

"Cổ tri bát nhã ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư, (vì thế nên biết bát nhã ba la mật đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, luôn trừ tất cả khổ, chân thật không hư)".

"Thị đại thần chú năng cùng trắc
Thị đại minh chú chiếu tam thiên
Thị vô thượng chú trần giác quả
Vô đẳng đẳng chú chí cực đỉnh
Trừ nhất thiết khổ luân hồi hư
Chân thật bất hư các hướng tiền
Dĩ thượng hiển thuyết thâm bát nhã
Lược giải đông tây tổ sư thiên

Dịch :

Là đại thần chú khó đo lường
Đại minh chú chiếu ba ngàn cõi
Là chú vô thượng đạt quả giác
Chú không gì sánh tốt cùng cực
Trừ tất cả khổ, ngưng luân hồi
Chân thật không hư đồng hướng trước
Trên nói rõ bát nhã thâm thâm
Lược giải đông tây tổ sư thiên".

"Thị đại thần chú nan cùng trắc, (là đại thần chú khó đo lường)".

Trên đã bàn về lý bát nhã ba la mật đa là trí huệ vi diệu đạt đến bờ giác, là pháp đại thần chú. Sao gọi là đại (lớn) ?

Lớn tức là so với nhỏ mà nói. Lớn này là cái lớn mà không ngoài cái lớn, lại không thể lớn hơn nữa. Nếu ngoài cái lớn này còn có cái lớn hơn nữa thì chính nó là nhỏ. Vì lớn mà không ngoài cái lớn, nên không có gì so sánh lớn bằng được. Sao gọi là thần chú ? Thần tức là không thể nghĩ bàn. Chữ thần này gần giống với chữ tư và chữ diệu; diệu nghĩa là bất động; thần là động; diệu là ngay nơi bất động mà quan sát thấy rõ hết tất cả sự việc, nên không cần dùng động. Thần không động là không phải thần, nên phải động. Thần tức

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

That is to have a little bit of the spiritual. With the wonderful, without having to go there, you still know what the moon is like and what it is all about. It is not necessary to use the powers of science to come to a conclusion about it. You just know. Without moving the Bodhimanda, the Way-Place, you are enlightened about everything and understand everything. With the spiritual, it is necessary to move the Bodhimanda.

Someone with the psychic power of the heavenly eye should go to the space center and tell them beforehand what the moon is like. He should discuss the matter with them and tell them, “I have proof, and if you don’t believe me, I will bring back a clump of moon for you to see.” Hard to fathom fully: that is what the spiritual is like. In the last analysis, it has no perceptible characteristics.

It is a great spiritual mantra. What is a mantra? Does it tell you to recite it slowly, slowly (man-man in Chinese)? No. A mantra is also something inconceivable. It has four meanings:

1) All mantras are the names of god-kings and ghost-kings, like the pisaca and kumbhanda. You recite the names of god-kings and ghost-kings, and the small gods and ghosts all act reliably. Why? They wonder, “How do you know our ghost-king? How do you know our god-king?” When you recite the mantra, the little gods and ghosts don’t dare break the rules.

2) A mantra is like a soldier’s password. In the army, there is a different password every day, and only your own people know it. Others don’t know it. For example, today it might be “victory”. If, for instance, you meet a soldier whom you don’t know, you ask him what the password is, he says, “Victory,” and you say, “Right.” Everyone then knows that he is one of us. If you ask him the password and he says, “Lucky,” that’s not it, and you know that you will have to start fighting. Why? Because he isn’t one of us. Mantras are just like passwords. As soon as the gods and ghosts hear you recite the mantra, they say, “Oh, that’s our password,” so they all can be depended upon to follow the rules. Otherwise, they would all want to fight.

là thần thông. Thông tức là thông quá khứ. Thông này cũng nghĩa là động. Không dùng động mà có thể biết, đó là diệu. Chư Phật tại những cõi nước khác giáo hóa chúng sanh, thành đạo, nhập niết bàn, mình đều biết hết, giống như khi phóng phi thuyền lên mặt trăng, liền biết mặt trăng ra thế nào, đất như thế nào, cấu tạo ra sao ? Đó là bàn về một điểm nhỏ của thần. "Diệu", không cần đến nơi đó mà vẫn biết mặt trăng ra sao, lại không dùng toán số mà tính, không dùng lý khoa học mà luận bàn nhưng vẫn biết, lại không động đạo tràng mà biết tất cả. Thần phải cần động đạo tràng, phải đến nơi kia mới biết rõ.

Sao gọi là chú ? Chú là lời bí mật không thể nghĩ lường. Chú có bốn ý nghĩa. Thứ nhất là tất cả chú đều có tên của quỷ thần vương như Tỳ Xá Giá, Cưu Bàn Trà. Chư vị tụng niệm tên của các vua quỷ thần thì các quỷ nhỏ thần nhỏ cũng hiểu rõ. Tại sao ? "A ! Làm sao chư vị biết quỷ vương, thần vương của chúng tôi ?"

Các quỷ nhỏ thần nhỏ không dám không thủ quy củ.

Thứ hai là chú như mật lệnh trong quân đội. mật lệnh trong quân đội là khẩu lệnh. Trong quân đội, mỗi ngày khẩu lệnh khác biệt, không đồng, chỉ những người có chức vụ mới biết khẩu lệnh thôi, người ngoài không thể biết được. Ví như khẩu lệnh hôm nay là "thắng lợi". Trong quân đội đều biết khẩu lệnh đó là "thắng lợi". Nếu tôi không biết chư vị, nhưng khi gặp nhau thì hỏi khẩu lệnh. Chư vị bảo "thắng lợi". Như thế là đúng, chính là người trong quân đội của mình. Nếu tôi hỏi chư vị khẩu lệnh mà chư vị đáp "kiết tường", thì là sai rồi, nên phải nổ súng. Tại sao vậy ? Vì chư vị không phải là người thuộc quân tôi. Chú cũng như khẩu lệnh. Chúng ta tụng chú thì quỷ thần đều đến nghe. Khẩu lệnh của chúng ta cũng như thế, tất cả quỷ thần đều hiểu rõ và đều thủ quy củ, nếu không thì chúng cùng chư vị chiến đấu lẫn nhau.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

3) A mantra is a sort of secret language which others don't know. Only a certain person knows. What does he know? For instance, there was once someone who was originally very poor and lowly, so he went abroad where people didn't know him. Since they didn't know who he was, he told them, "I am the king of a certain country, but the generals rebelled and there was a change in government, so I secretly made my escape and came to your country." The king of the country he came to didn't know whether what he said was true or not. Basically he was a phony, but the king supposed that he too was a real king, so he gave him one of the princesses for a wife. Since one of the king's women was given in marriage to the poor and lowly person, he considered himself part of the king's household. Basically he wasn't a king, but he acted like it. Day in and day out he was always losing his temper. Since he couldn't "eat bitter melons," he got angry, and his temper was large. Then someone came who knew him and knew that he was a poor and lowly person. This newcomer said to the woman of the palace who was married to the imposter, "When he gets angry, you need only say these few sentences: 'You were originally a poor and lowly person who drifted in from another country far away. Why must you have such a big temper?' As soon as you say that, he will know, 'Oh, she knows my origins,' and will not get angry any more." The third meaning of "mantra" is just the same. As soon as you recite the mantra, the gods and ghosts will assume that you understand their origins and that you know what they are all about, and so they don't dare to break the rules where you are concerned.

4) There is another meaning. Mantras are the mind-seals of all Buddhas. They are the secret language of all Buddhas, which can be known only from Buddha to Buddha. Because all other living beings don't know it, mantras are left untranslated. Therefore, it is said, "With one sound the mantra is proclaimed, and living beings perceive it according to their kind." Living beings of every kind understand as soon as they hear the mantra. Although we people don't understand, ghosts understand, gods understand, and animals and asuras all understand it. Therefore, when you recite the mantra, they are all dependable.

Thứ ba là lời mật ngữ, người ngoài không thể biết được, chỉ có mình biết thôi. Ví như có người nghèo hèn, vì tham tiền của nên chạy ra nước ngoài. Người ngoại quốc không biết ông ta có sao mà bỏ nước đi. Khi được hỏi, ông ta đáp : " Tôi là vua của nước kia. Vì quân nhân đảo chánh. Quốc gia rối loạn, nên tôi chạy đến nước này tị nạn".

Vua nước đó tuy không biết là thật hay giả, nhưng cũng cho là thật, nên gả công chúa cho hắn. Sau khi gã nghèo hèn kia kết hôn cùng với cô công chúa, liền làm dạng như mình chính là một ông vua. Từ sáng đến tối khởi tâm nóng giận, càng ngày càng hung dữ thêm. Sau này, có người nhận ra hắn là kẻ nghèo hèn, nên đến nói với công chúa : " Khi hắn phát cáu, nóng giận, công chúa hãy nói như vậy ' Ông vốn là kẻ nghèo hèn, nhưng khi đi qua xứ khác, sao nổi sân quá vậy ?'".

Sau khi biết là có người nhận ra lai lịch của mình, nên không dám khởi tâm nóng giận nữa. Chú này cũng như thế. Chư vị tụng niệm chú, quỷ thần biết chư vị nhận ra lai lịch, việc làm của chúng là gì, nên khi đối mặt với chư vị, không dám không thủ quy củ.

Thứ tư, chú là tâm ấn, mật ngữ của chư Phật, chỉ Phật và chư Phật biết thôi, còn chúng sanh thì không thể hiểu. Vì vậy không thể phiên dịch chú được. Lại nữa, dùng một âm thanh diễn thuyết chú, chúng sanh tùy loại mà tôn thủ. Loại chúng sanh nào thì nghe hiểu loại chú đó. Ví như hiện nay, tuy chúng ta không hiểu lời chú nhưng quỷ thần vương, A Tu La, súc sanh, yêu ma quỷ quái đều hiểu rõ. Do đó, một khi đọc chú, chúng đều hiểu cả. Xưa kia có ông vua cần tiên đà bà. Tiên đà bà là tiếng Phạn. Nó có bốn tên khác nhau, tức là muối, nước, ngựa, đại tiểu tiện. Thế nên, khi vua bảo rằng ta cần tiên đà bà thì những quan đại thần không biết là muối, nước, ngựa, hay đại tiểu tiện. Nhưng có một vị thông minh trí huệ, khi nghe vua nói tiên đà bà liền biết nhà vua cần gì. Khi ăn cơm, cần tiên đà bà, đương nhiên là không phải đại tiểu tiện mà là cần muối. Khi nhà vua chuẩn bị ra đường thì gọi "tiên đà bà". Người kia hiểu rõ là nhà vua cần ngựa. Khi vua khát mà gọi tiên đà bà thì chắc chắn là nhà vua cần nước. Khi thấy nhà vua không khát nước, không ăn cơm, không ra đường, thì biết là nhà vua muốn đi đại tiểu tiện. Thế nên, khi đọc chú ra, quỷ thần có trí huệ liền biết ngay, còn quỷ thần khác thì không biết đến. "Nan cùng trắc. (Khó đo lường)".

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

It is like the king who wanted something called saindhava. Saindhava is a Sanskrit word which has four different meanings: salt, water, chamber-pot, and horse. Saindhava can mean all four. When the king said, “I want saindhava,” the officials didn’t know whether he wanted salt, water, a chamber-pot, or a horse. When people who were wise heard him, they knew what he wanted according to the situation. For instance, if he wanted saindhava while he was eating, of course he wouldn’t have wanted a chamberpot; he certainly wanted salt. When he was going travelling and wanted saindhava, he certainly wanted a horse. If he was thirsty and wanted saindhava, then he certainly wanted water. And if you saw that he wasn’t thirsty, wasn’t eating, and wasn’t going travelling, then of course, he wanted a chamber-pot. As soon as people with wisdom looked, they knew. A mantra, too, has a lot of meanings; in short, therefore, when you recite it and people with wisdom and gods and ghosts hear it, they understand it and act accordingly.

Verse:

It is “a great spiritual mantra,” hard to fathom fully;
“A great bright mantra,” illuminating a thousand times a thousand times a thousand world systems.
“A supreme mantra,” the utmost fruition of enlightenment;
“An unequalled mantra,” reaching the ultimate peak.
All suffering is removed, and the turning wheel comes to rest.
“Genuine and not false”: everyone progresses.
What has been spoken discloses the profound prajna,
And briefly explains the dhyana of the Patriarchs of the East and West.

Commentary:

It is “a great spiritual mantra,” hard to fathom fully. The meaning of “a great spiritual mantra” has already been discussed. “Hard to fathom fully,” means that the mantra is not at all easy to investigate. In other words, you aren’t able to imagine what this great spiritual mantra is like. There is no way its inconceivable realm can be known. Both the spiritual, which belongs to movement, and the wonderful, which belongs to stillness, are inconceivable; both movement and stillness are inconceivable. The inconceivability in

Nan tức là khó khăn, không dễ dàng. Cùng nghĩa là cùng tận. Trắc nghĩa là thôi trắc (đo lường). Biểu thị cho đại thần chú này không thể suy tưởng, biết đến được, vì là cảnh giới không thể nghĩ lường. Lên một bậc, tôi sẽ giảng cho chư vị nghe về chữ thần và chữ diệu. Thần là chung quy vào cái động không thể nghĩ bàn. Diệu là chung quy nơi tĩnh không thể nghĩ bàn. Động tĩnh đều không thể nghĩ bàn. Trong động không thể nghĩ bàn là thần. Trong tĩnh không thể nghĩ bàn là diệu. Thế nên, thần cũng là diệu, mà diệu cũng chính là thần. Không phải thần tức không phải diệu. Không phải diệu tức không phải thần. Thần diệu khó đo lường. Vì vậy, hiện tại, tôi không có cách nào để giảng tường tận rõ ràng, vì cái đó quá thần quá diệu.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

movement is the spiritual and the inconceivability in stillness is the wonderful. Therefore, the spiritual is the wonderful, and the wonderful is the spiritual. Were it not the spiritual, then it would not be the wonderful, and were it not the wonderful, then it would not be the spiritual. Therefore, the spiritual and the wonderful are “hard to fathom fully.” They cannot be known. Because they are too spiritual and wonderful, there is no way to explain them so they will be understood. If they were not the spiritual and the wonderful, then you could talk about them, but you can’t talk about the spiritual and wonderful.

“A great bright mantra,” illuminating a thousand times a thousand times a thousand world-systems. The Heart of Prajna Paramita Sutra is also a great bright mantra. It is great brightness, the treasury of light of the Thus Come One; thus the great bright mantra illuminates and destroys all darkness. If you recite the Heart Sutra, you illuminate and destroy your darkness, ignorance, and affliction of life after life in limitless previous kalpas. The illumination and destruction of your own affliction and ignorance is done inwardly. When you recite this great mantra, you are also able to emit light outward which illuminates the great trichiliocosm – “a thousand times a thousand times a thousand,” or one billion, world-systems. Therefore, the verse says, “‘A great bright mantra,’ illuminating a thousand times a thousand times a thousand world-systems.” The trichiliocosm is the world outside. The afflictions within our very own nature, which can be illuminated and destroyed, constitute the world inside. Inside and out, outside and inside, all is light. Everywhere, inside and out, the bright light which is the original substance of your wisdom manifesting is itself the Heart of Prajna Paramita Sutra; it is your very own original wisdom illuminating a billion world-systems.

“A supreme mantra,” the utmost fruition of enlightenment. The mantra is said to be supreme because there is none higher, and because it reaches the fruition of Buddhahood. When you recite the Heart of Prajna Paramita Sutra, you go step by step by step from the ground of the common person to the ground of Buddhahood, the fruition of enlightenment.

"Thị đại minh chú chiếu tam thiên, (là đại minh chú chiếu ba ngàn cõi)".

Tâm kinh bát nhã ba la mật này cũng chính là đại minh chú. Đại minh tức là tạng tánh Như Lai sáng suốt chói ngời. Tạng đại quang minh, đại minh chú chiếu soi phá trừ tất cả vô minh hắc ám. Nói về hướng nội, chư vị phải tụng tâm kinh, để phá trừ tất cả vô minh hắc ám, phiền não từ đời vô thủy cho đến ngày nay. Tự chiếu soi phá trừ vô minh phiền não của mình. Nói về hướng ngoại, tức là chiếu soi khắp cả ba ngàn đại thiên thể giới. Khi chư vị niệm đại minh chú này thì sẽ phóng ánh sáng. Ánh sáng chiếu khắp ba ngàn đại thiên thể giới, nên bảo rằng đại minh chú chiếu khắp ba ngàn đại thiên thể giới. Ba ngàn đại thiên thể giới tức là thể giới bên ngoài. Tự chúng ta phá trừ tự tánh phiền não, thì chính là phá trừ thể giới phiền não bên trong. Trong là ngoài, ngoài mà là trong. Trong ngoài đều chiếu sáng. Ánh sáng trí huệ trong ngoài của chư vị đều hiện tiền. Ánh sáng này chính là bản thể trí huệ của chư vị. Trí huệ sẵn có của chư vị chiếu khắp ba ngàn đại thiên thể giới.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

“An unequalled mantra,” reaching the ultimate peak. Originally the enlightenment of those of the two vehicles is known as equal enlightenment. “Unequalled” means that nothing can be its equal. In other words, the mantra reaches the very final and ultimate enlightenment, the highest peak of the mountain, “the ultimate peak.”

All suffering is removed, and the turning wheel comes to rest. What is most important is the removal of all suffering. Were the mantra unable to remove all suffering, it would not be of any great use. However, it can remove any suffering whatsoever – the three kinds of suffering, which are the suffering of suffering itself, the suffering of decay, and the suffering of the activity of the skandhas, and the eight kinds of suffering, which are the suffering of birth, the suffering of old age, the suffering of sickness, the suffering of death, the suffering of being apart from those you love, the suffering of being together with those you despise, the suffering of not obtaining what you seek, and the suffering of the flourishing of the five skandhas, which is the most difficult to remove, yet here it can also be removed. The mantra can remove all suffering. When “all suffering is removed, the turning wheel comes to rest.” If you can be liberated from the revolving wheel, then the wheel can stop. If you are not liberated from the turning wheel, then it cannot come to rest. You must end birth and death to leave the revolving wheel. “The turning wheel comes to rest,” means the ending of birth and death.

How do you remove the three kinds of suffering and the eight kinds of suffering? How do you put an end to birth and death and get out of the revolving wheel? These five dwellings must be ended:

- 1) The suffering caused by love of views (also known as the affliction of the love of views);
- 2) The suffering caused by love of desire (also known as the affliction of the love of desire);
- 3) The suffering caused by love of form (also known as the affliction of the love of form);

"Thị vô thượng chú trần giác quả, (là chú vô thượng đạt quả giác)".

Vô thượng tức là không có gì cao bằng. Quả vị Phật cao thượng nên gọi là vô thượng. Chư vị tụng tâm kinh bát nhã ba la mật đa chính là bước từng bước từ địa vị phàm phu mà tiến lên quả vị Phật, đạt đến quả vị giác ngộ vô thượng, nên gọi là trần giác quả. Trần tức là đã đạt đến. Đạt đến nơi giác quả.

"Vô đẳng đẳng chú chí cực đỉnh, (chú không gì sánh tột cùng cực)".

Vô đẳng tức là không còn gì so sánh bằng được. Đó chính là quả vị Phật tối thượng, quả vị giác ngộ cao tột. Thế nên đạt đến tột đỉnh, tức là đỉnh núi cao nhất.

"Trừ nhất thiết khổ luân hồi hựu, (trừ tất cả khổ, ngưng luân hồi)".

Việc quan trọng nhất là phải trừ được tất cả khổ. Nếu không thể trừ được tất cả khổ thì tụng kinh có ích chi. Tất cả khổ ách đều có thể trừ hết cả. Khổ có ba khổ : khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Tám khổ : sanh già bệnh chết khổ, khổ vì thương nhau mà xa lìa, khổ vì gần gũi người mình oán ghét, khổ vì cầu mà không được toại nguyện, khổ vì năm ấm thường thay đổi hừng thịnh (khổ này rất khó dẹp trừ). Nếu dẹp trừ hết tất cả khổ thì dòng luân hồi liền chấm dứt. Nếu không thoát ra khỏi dòng luân hồi thì không thể nghỉ ngơi, nghĩa là cắt đứt được sanh tử thì xuất ra khỏi dòng luân hồi. Muốn dẹp trừ khổ thì phải làm gì ? Phải chặt đứt khổ vì kiến ái, ái dục, sắc ái, vô sắc ái, vô minh sắc ái, cùng năm trụ và hai tử phải vĩnh viễn mất. Năm trụ gồm có : ái trụ tức là phiền não kiến ái trụ; dục ái trụ tức là phiền não dục ái; sắc ái trụ tức là phiền não sắc ái; vô sắc ái trụ là phiền não vô sắc ái; vô minh ái trụ là phiền não vô minh ái. Sao gọi là trụ ? Trụ nghĩa là kiên lao, cứng chắc, kiên cố bất động.

Hai tử vĩnh vong. Có vài người chưa từng nghe giảng kinh thuyết pháp, bảo hai tử tức là hai lần chết. Không phải thế ! Con người có hai loại sanh tử : phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử. Sao gọi là phần đoạn sanh tử ? Tức là chư vị có một phần, tôi có một phần, nên gọi là phần. Chư vị có một đoạn thân phần. Tôi có một đoạn thân phần. Từ ngày sanh đến ngày chết có một đoạn thời gian. Từ dưới chân lên đến đầu có một phần đoạn. Đó gọi là phần đoạn sanh tử. Tứ quả A La Hán chặt đứt được phần đoạn sanh tử; còn biến dịch sanh tử thì chưa xong.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

4) The suffering caused by love of the formless (also known as the affliction of the love of the formless);

5) The suffering caused by love of ignorance (also known as the affliction of the love of ignorance).

There must be an end to the five dwellings, and the two deaths must disappear forever.

The five dwellings were described earlier. The word “dwelling” indicates solidity and durability, a place that does not move. Because of the solidity, a kind of craving arises in your mind for situations that you come face to face with. Before you have encountered the situation, the craving doesn’t exist. As soon as you encounter it, the craving is generated. That is what is called dwelling in the affliction of the love of views. Dwelling in the love of desire refers to the heavens of the desire-realm. Dwelling in the love of form refers to the heavens of the form-realm, and dwelling in the love of the formless refers to the heavens of the formless realm. Although lifespans are long in the heavens of the formless realm, affliction and ignorance have not yet been cut off. These are called the five dwellings in affliction, because most people are very firmly attached to dwelling in them. If they were explained in detail, it would take a very long time to talk about them, so I am now just mentioning their names.

“The two deaths disappear forever.” Some people who have not listened to sutras before hear “two deaths” and think, “Oh, do you have to die twice?” The reference is to the two kinds of dying, not to dying twice. As I explained earlier, there is the birth and death of the delimited segment and the birth and death of the fluctuations.

What is the birth and death of the delimited segment (in Chinese literally “share-section”)? You have your share and I have my share; that is called “share.” You have your body section and I have my body section; that is called “section.” I am five feet eight inches tall, and there is a person here who is more than six feet tall. That is what is meant by you having your section and me having mine. This is what is called the birth and death of the delimited

Bồ Tát có thể cắt đứt biến dịch sanh tử. Danh xưng của Bồ Tát rất thần thánh. Bồ Tát là danh xưng ngắn gọn, nói cho đủ tức là Bồ Đề Tát Đỏa. Có người tuy không phải là Bồ Đề Tát Đỏa mà lại cho mình chính là Bồ Đề Tát Đỏa. Có người chính mình là Bồ Đề Tát Đỏa mà lại không thừa nhận mình là Bồ Đề Tát Đỏa. Chư vị xem, kỳ lạ lắm không ? Vậy là thế nào ? Không phải mà bảo là phải. Phải mà bảo là không phải. Không phải tức là không phải. Phải cũng không thể nói được. Là Bồ Đề Tát Đỏa mà chư vị không cần nói mình là Bồ Đề Tát Đỏa mới chính thực là Bồ Đề Tát Đỏa. Bồ Đề Tát Đỏa không phải do chính mình tự quảng cáo trên báo chí : " Chư vị có biết tôi chính là Bồ Đề Tát Đỏa không ? "

Không phải như thế. Vậy, làm sao mới phải ? Là Bồ Đề Tát Đỏa phải tồn giữ tâm Bồ Tát, hành hạnh Bồ Tát, làm việc Bồ Tát, không thể nói mình là Bồ Tát trên đầu môi chót lưỡi. Trên đầu môi chót lưỡi nói mình là Bồ Tát tức là quỷ của ma chướng, quỷ của nghiệp chướng. Tại sao ? Giống như vài Quan Đế Công của tà thần ngoại đạo. "A ! Ta là Quan Đế Công. Quan Đế Công đã đến !".

Kỳ thật nó chính là tiểu quỷ. Thậm chí cũng không phải là tiểu quỷ nữa, mà chính là súc sanh tà tri tà kiến biến hóa thành. Trong kinh Pháp Hoa có nói về một loại mèo tinh. Mèo tinh này giả biến thành thần. Chân chánh là Bồ Đề Tát Đỏa thì không tự bảo mình là Bồ Đề Tát Đỏa. Ví như Tổng thống đến nơi nào thì không cần tự mình giải thích mình chính là tổng thống. " Chư vị có nhận ra hay không ? "

Không cần giảng giải cho mọi người biết. Thế nên, chư vị là Bồ Đề Tát Đỏa người khác cũng biết. Chư vị không phải là Bồ Đề Tát Đỏa, người khác cũng biết. Nếu chư vị là Bồ Đề Tát Đỏa, vậy có bằng chứng gì ? Tôi nói cho chư vị biết nếu là Bồ Đề Tát Đỏa thì cắt đứt được hai loại chết, tức phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử. Sao gọi là biến dịch sanh tử ? Niệm này sanh rồi niệm kia diệt, không dừng nghỉ. Nếu thường tại định thì không lúc nào lại không trụ trong định, đã chấm dứt được sanh tử. Cắt đứt được phần đoạn sanh tử, biến dịch sanh tử thì mới chân thật là Bồ Đề Tát Đỏa. Nếu chư vị không nhận rõ được thì ngay nơi đó chính là sự vi diệu. Chân chánh Bồ Đề Tát Đỏa chư vị phải nên nhận ra. Khi ấy chính chư vị cũng là Bồ Đề Tát Đỏa.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

segment (i.e., of the share-section). From the day of birth to the day of death is a section, and from the bottom of your feet to the top of your head is also a section. Both are delimited segments. At the fourth stage of Arhatship, the birth and death of the delimited segment is cut off, but the birth and death of the fluctuations has not yet come to an end. Only the Bodhisattva is able to end the birth and death of the fluctuations.

“Genuine and not false”: everyone progresses. The birth and death of the delimited segment and the birth and death of the fluctuations have come to an end. “The five dwellings are ended, and the two deaths disappear forever.” That is genuine enlightenment. “All suffering is removed, and the turning wheel comes to rest:” that is the genuine Bodhisattva. “Genuine and not false:” it’s for certain that he isn’t phony. “Everyone progresses” – immediately go forward in your cultivation. Do you want to be a Bodhisattva? Then go forward and cultivate. Go forward with diligence and vigor.

What has been spoken discloses the profound prajna. The section of the Heart of Prajna Paramita Sutra which has already been discussed was spoken exoterically, while the part that follows was spoken esoterically.

And briefly explains the dhyana of the Patriarchs of the East and West. The verses I wrote which have already been discussed briefly explain the meditational method of the Eastern and Western patriarchs. What method of meditation is it? The first verse on the text of the sutra said:

Reversing the light to shine within, Avalokiteshvara Enlightens all the sentient beings; thus he is a Bodhisattva.

You should turn the light around to illuminate within. Everyone has the virtuous characteristic of the wisdom of the Thus Come One. But it is simply because of false thinking and attachment that ordinary people are unable to be certified as having attained it. If you wish to attain “the virtuous characteristic of the wisdom of the Thus Come One,” you must not be attached. If you are capable of non-attachment, turn the light within. Study these verses so that you are reasonably familiar with them, and then sit and look into dhyana – meditate. The doctrine of the patriarchs of the East and of the West is simply that.

"Chân thật bất hư các hướng tiền, (chân thật không hư hướng trước)".

Phần đoạn sanh tử đã hết, biến dịch sanh tử đã hết, năm trụ đã đạt đến cùng tột, đây mới thực là chân chánh trừ tất cả khổ trong dòng sanh tử, được rảnh rồi, nghỉ ngơi. Đó thực là Bồ Đề Tát Đỏa, không phải giả. Chư vị muốn làm Bồ Đề Tát Đỏa không ? Nếu muốn thì phải tiến bước tu hành, dũng mãnh tinh tấn hướng về phía trước, đừng học theo các tỳ kheo, sa di, cư sĩ làm biếng, cả ngày từ sáng đến tối đều ngủ gà ngủ gật, đôi mắt mở không nổi.

"Dĩ thượng hiển thuyết thâm bát nhã, (trên nói rõ bát nhã thậm tha)".

Phần trên nói rõ về lý lẽ cao thâm của tâm kinh bát nhã ba la mật đa này. Phần văn kinh bên dưới thì thuộc về mật thuyết (lời nói bí mật).

"Lược giải đông tây tổ sư thiền".

Những câu kệ bên trên tôi đã nói là để giải thích về phương pháp tọa thiền của chư tổ sư ở đông phương lẫn tây phương. Phương pháp tọa thiền là gì ? Câu kệ đầu tiên ở bên trên có nói : "Hồi quang phản chiếu quán tự tại".

Giác ngộ cho loài hữu tình tức là Bồ Đề Tát Đỏa. Chư vị phải nên hồi quang phản chiếu (đem ánh sáng trí huệ phản chiếu lại tự tâm mình). Ai ai cũng có đầy đủ đức tướng Như Lai, nhưng vì vọng tưởng chấp mà không thể chứng đắc được quả vị Phật. Nếu muốn đắc được đức tướng trí huệ của Như Lai, chư vị phải nên xoay lại ánh sáng tự tâm mình và đừng nên chấp trước. Phải tụng đọc câu kệ này cho thành thực, cùng tham thiền đả tọa. Lời dạy của chư tổ sư ở tây phương hay đông phương đều như thế. Tây phương tức là Ấn Độ. Đông phương tức là Tàu. Hiện tại tây phương không phải là Ấn Độ cũng không phải là Tàu. Vậy là nước nào ? Đông tức là đông phương. Tây tức là tây phương. Phương hướng vẫn không biến đổi, nhưng hoàn cảnh lại đổi thay. Tại tây phương phải cần xuất hiện tổ sư. Hiện tại, chư tổ sư bên đông phương có rất nhiều vị đi qua tây phương hoằng pháp ví như nước chảy. Ai muốn làm tổ sư thì chớ nên ngủ nhiều thì mới có thể làm được.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

India is said to be the West, and China the East. But the East and West of the present are neither India nor China. East remains east and West west, of course; the directions have not moved or changed, but the situation has. East refers to the people of the East and West refers to the people of the West. The West will now give birth to a patriarch, and the Eastern patriarchs are quite numerous. There are so many of them that they are like water which flows to the West. Whoever wants to be a patriarch shouldn't sleep all the time; then it can be done. When one is awakened, East is not East and West is not West. North and South have also disappeared. Why? Now we have developed relations with the moon. So from this side, we don't know which side we are going to. There is no north, south, east, or west. Now we have all become the original one, the center. Yet the center has no center. This is to change into the great with nothing beyond and into the small with nothing within. It is what I spoke about earlier:

There is no great or small,
No inside or out;
I cultivate, come to my end,
And make the arrangements all by myself.

That's where you should get to. You should be able to do it and to see how wonderful it is. That is to truly have no troubles at all. Ultimately, what is it like when there is no great or small, no inside or out? If you already understand, you understand without my needing to say. If you don't understand and I tell you, you still won't understand.

Ngày nay, đông cũng không phải là đông, tây cũng chẳng phải là tây, nên không thể gọi là đông hay tây. Nam bắc cũng như thế. Tại sao ? Chúng ta có mối quan hệ khăng khít với mặt trăng. Thế nên chúng ta không biết phải đi theo bên nào. Đông tây nam bắc đều không thể lập. Ngày nay, chúng ta là một nguyên hợp, trung tâm. Tuy là trung tâm mà không phải là trung tâm, lại biến thành lớn mà không ngoài cái lớn, nhỏ mà không nằm trong cái nhỏ. Tuy có lớn nhỏ nhưng không có trong ngoài. Bên trên tôi có nói : "Không lớn không nhỏ, không trong ngoài. Tự tu tự liễu tự an bài".

Đạt đến cảnh giới này, chư vị thấy có vi diệu lắm không ! Khi ấy một điểm phiền não hay buồn bực gì cũng không còn. Nhưng cùng tột của cảnh giới đó không lớn không nhỏ, không trong không ngoài là gì ? Chư vị phải tự hiểu rõ. Tôi không cần nói nhưng chắc chư vị sẽ hiểu rõ. Nếu chư vị không muốn biết, dẫu tôi có nói ra đi nữa thì chư vị cũng không thể biết được.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

Sutra:

**That is why the mantra of prajna paramita was spoken. Recite it like this:
Gate gate paragate parasamgate bodhi svaha!**

Commentary:

Mantras are neither translated nor translatable. Since they fall under one of the five categories of terms which are not translated[1]43, it is unnecessary to talk about them. Their meanings are inconceivable. Now I will talk about the mantra.

Verse:

As part of the esoteric, the mantra can't be thought about;
It is followed by everyone together, like the edict of a monarch
And like a secret password among the troops.
If one's reply to the question is not fitting, one is quickly put in line.
The wonderful truth of the Great Vehicle is apart from distinctions,
Yet ordinary people see false conditioned cause as true.
Guided by the finger, gaze at the moon; the finger is not the moon;
Borrowing the mantra, light the mind.
The mantra is the mind.

Commentary:

As part of the esoteric, the mantra can't be thought about. The mantra belongs to the esoteric teaching, which is inconceivable. You cannot use any kind of thought to think about what it is. "The path of words is cut off, and the place of the mind and the nature is already destroyed"; there isn't a way to think about it even if you try.

It is followed by everyone together, like the edict of a monarch. This analogy is one of the four explained above. When a monarch sends down an edict, it is respectfully received by all the officials.

"Cổ thuyết bát nhã ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết : yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha, (nên thuyết ra chú bát nhã ba la mật đa. Tức thuyết chú rằng : yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha)".

"Chú nãi mật phân phỉ tư lượng
Như vương chiếu chỉ kiểm đồng đạo
Diệc dĩ quân trung bí mật lĩnh
Vấn đáp bất phù tiện chấp hành
Đại thừa diệu lý ly phân biệt
Phàm phu tri kiến vọng duyên chân
Nhân chỉ vọng nguyệt chỉ phi nguyệt
Tạ chú minh tâm chú tức tâm

Dịch :

Chú là mật, không thể suy luận
Như chiếu chỉ vua cùng tôn kính
Là lĩnh bí mật trong quân đội
Vấn đáp hợp liền phải chấp hành
Diệu lý đại thừa rời phân biệt
Tri kiến phàm phu vọng thay chân
Ngón tay chỉ trăng chẳng phải trăng
Nhờ chú sáng tâm, chú tức tâm".

Ấn Độ, câu chú không thể dịch ra thành nghĩa nhưng phiên dịch chữ chứ không phiên dịch âm. Vì vậy không thể giảng hay suy tưởng nghĩ bàn được.
"Chú nãi mật phân phỉ tư lượng, (chú là mật không thể suy luận)".
Chú thuộc về mật giáo. Trong mật giáo không thể giảng giải chú được. Không thể dùng tư tưởng mà suy luận được, vì nơi đó, đường ngôn ngữ dứt bặt, tâm hành nơi tịch diệt.

"Như vương chiếu chỉ kiểm đồng tôn, (như chiếu chỉ vua cùng tôn kính)".
Chú cũng giống như chiếu chỉ của nhà vua, mà ở trên đã giảng qua về bốn loại ý nghĩa của tiên đà bà. Kiểm đồng tôn tức là một khi chiếu chỉ nhà vua ban ra thì quan dân đều phải tuân phục.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

And like a secret password among the troops. It's as I said earlier: if the password for the day is "victory," and when challenged you say, "lucky," then the fighting begins, and they shoot you. Because there are so many people in the army, they use such secret passwords, one each day. In that way they don't mistake outsiders for their own people. Mantras have the same meaning. If one's reply to the question is not fitting, one is quickly put in line. If you don't answer the password correctly, then they fulfill the responsibility of carrying out their orders.

The wonderful truth of the Great Vehicle is apart from distinctions. The Great Vehicle belongs to the great vehicle Dharma. Its wonderfully inconceivable principle contains no distinctions at all. It destroys all dharmas and is apart from all characteristics. Whatever is said disappears: that is prajna dharma. Whatever you say no longer exists after you say it. Yet ordinary people see the false conditioned cause as true. Ordinary people suppose that their kinds of knowledge and views, that their viewpoints, which are generated by false thinking and self-seeking [2], are real. That is to mistake a thief for your own son. It is to be attached to everything which has a perceptible characteristic; it is to be attached to shadows.

Guided by the finger, gaze at the moon; the finger is not the moon. The sutra points out a road for you on which to cultivate the Way. It is like pointing out the moon with a finger. For instance, someone points at the moon with his finger and says, "There's the moon." Supposing that the finger is the moon, you people look at the finger and not at the moon. But "The finger is not the moon"; you shouldn't think that it is. Although the sutra teaches you to cultivate the Way, you should not think that the sutra is the Way. Before you can have an attainment, it is necessary to cultivate the Way. You're wrong if you don't cultivate and if you suppose that the sutra is the Way.

Borrowing the mantra, light the mind. The mantra is the mind. Because the mantra is inconceivable, you can light up your mind by borrowing its power. You need only depart from the mind which makes distinctions, the self-seeking mind, the false-thinking mind, and recite the mantra and hold to it. To hold to the mantra is not to understand it, yet in that not understanding there can be true understanding. Therefore, borrowing the mantra enables you to

"Diệc thị quân trung bí mật lệnh, (lại là mật lệnh trong quân đội)".

Chú giống như lệnh bí mật trong quân đội. Như trên đã bàn qua, trong quân đội, mỗi ngày đều có khẩu lệnh như "thắng lợi". Nếu khi gặp người lính mình không quen biết, mà hấn hỏi khẩu lệnh là gì. Chư vị bảo : "thắng lợi", đó là thuộc quân đội của mình, không cần giải thích. Nếu khi hấn hỏi khẩu lệnh mà chư vị nói : "Kiết tường", vậy là sai rồi, nên hấn sẽ nổ súng bắn chư vị. Trong quân đội, vì quân lính rất nhiều nên mỗi ngày phải có mật lệnh để cho người ngoài không thể lọt vào quân đội được. Nghĩa của chú cũng như thế.

"Vấn đáp bất phù tiện chấp hành, (vấn đáp không hợp phải chấp hành)".

Nếu chư vị vấn đáp mà không hợp với khẩu lệnh thì họ phải thi hành nhiệm vụ.

"Đại thừa diệu lý ly phân biệt, (diệu lý đại thừa rời phân biệt)".

Bát nhã thuộc pháp đại thừa. Đây là pháp đại thừa diệu lý không thể nghĩ bàn, không thể phân biệt, quét sạch tất cả pháp, xa rời tất cả tướng. Bát nhã tùy thuyết tùy liễu ngộ.

"Phàm phu tri kiến vọng duyên chân, (phàm phu tri kiến vọng thay chân)".

Phàm phu chứa bao vọng tưởng, tri kiến, kiến giải phan duyên, làm nhận tất cả pháp chân thật, nhận kẻ trộm làm con, chấp trước mọi vật có hình có tướng có bóng ảnh.

"Nhân chỉ vọng nguyệt chỉ phi nguyệt, (ngón tay chỉ trăng chẳng phải trăng)".

Kinh điển chỉ dẫn con đường tu hành cho mình, như dùng ngón tay chỉ mặt trăng, bảo rằng mặt trăng ở nơi kia, nhưng có người không y theo ngón tay để nhìn mặt trăng mà chỉ nhìn vào ngón tay, cố chấp cho ngón tay là mặt trăng. Chư vị chớ nhận lầm ngón tay là mặt trăng. Kinh điển chỉ dẫn cách tu hành, chứ kinh điển không phải là đạo. Đạo là chính tự chư vị phải tu trì, không nên cho kinh điển là đạo.

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA

light up your mind and see your nature. And “the mantra is the mind”: if you light up your mind and see your nature, then you will also understand the mantra’s meaning.

[1] Tang Dynasty Master of the Tripitaka Hsüan-tsang, whose translation of the Heart Sutra into Chinese is the basis of the present text, established five categories of words which should be left untranslated: the esoteric; words having multiple meanings; words for things not existing in China; words not translated in accord with already established precedent; and words left untranslated in order to give rise to whole-someness.

[2] pan yuan, “climbing on conditions,” i.e., scheming for one’s own benefit.

"Tạ chú minh tâm chú tức tâm, (nương chú sáng tâm, chú tức tâm)".
Nương nhờ oai lực của chú để làm sáng tâm vì lời chú không thể nghĩ bàn.
Chư vị lại phải nên xa rời tâm phân biệt, tâm phan duyên, tất cả tâm vọng tưởng. Tuy không hiểu nghĩa khi trì chú, nhưng ngay nơi không hiểu đó mới thật là hiểu. Thế nên, nhờ oai lực của chú để làm sáng tâm và thấy tánh. Chú cũng là tâm. Khi đã minh tâm kiến tánh, chư vị sẽ hiểu rõ ý nghĩa của chú.



May the Merit and virtue,
accrued from this work,
adorn the Buddha's pureland,
repay the four great kindnesses above,
and relieve the suffering of those on the three
paths below,
may those who see or hear of these efforts
generates Bodhi Mind,
spend their lives devoted to the Buddha
Dharma, the Land of Ultimate Bliss

Nguyện đem công đức này,
trang nghiêm Phật Tịnh Độ,
trên đền bốn ơn nặng,
dưới giúp ba đường khổ,
mỗi người thấy nghe được,
đều phát lòng Bồ Đề,
hết một báo thân này,
sinh qua cõi Cực Lạc.

Minh-Không

**Free distribution only
Not for sale**

**Sách ấn tống
Không được bán**

